

Code: Kinh Văn số 1648

GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN

- *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển thứ 32 thuộc Luận Tập Bộ Toàn. Thứ tự Kinh văn số 1648. Hán văn từ trang 399 đến trang 461 gồm có 12 quyển.*
- *Ngài A La Hán Ưu Ba Đề Sa (Uptissa) còn gọi là Đại Quang tạo luận này và vào đời nhà Lương được Ngài Tam Tạng Tăng Già Bà La (Samghaphala) nước Phù Nam dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác, Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợi nhân lần nhập thất thứ ba tại đây. Bắt đầu dịch luận này vào ngày 10 tháng 12 năm 2005.*

GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN Quyển Thứ Nhất

Phẩm Nhơn Duyên thứ nhất

Kính lễ Đức Thế Tôn
Ứng Cúng Chánh Biến Tri
Giới Định Trí Tuệ
Vô thượng giải thoát
Tùy rõ pháp này
Nên gọi Cù Đàm

Nếu có người nào thoát khỏi những sự khổ rồi, được lìa các dính mắc, thành tựu tâm tối thắng; sợ sanh, già, bệnh. Vui việc lành, vui giải thoát, làm cho đến được vui Niết Bàn. Nếu chưa đến được nơi kia, lại làm cho được tròn đủ. Rộng hỏi kinh, luật, luận. Con đường giải thoát này nay ta sẽ nói; hãy lắng nghe:

Hỏi rằng: Giới có nghĩa là gì ?

Đáp rằng: Giới nghĩa là oai nghi; định nghĩa là chẳng loạn; huệ nghĩa là trí giác; giải thoát nghĩa là lìa các sự trói buộc; vô thượng nghĩa là vô lậu; tùy giác nghĩa là được trí. Pháp này nghĩa là 4 Thánh Pháp; Cù Đàm nghĩa là tánh; gọi nghĩa là Thế Tôn; lấy giới, định, huệ, giải thoát thù thắng làm công đức, hay đến được chỗ tối thắng; nên gọi là vô lượng.

Giải Thoát Đạo nghĩa là gì ?

Giải Thoát ở đây có 5 nghĩa giải thoát. Đó là Phục giải thoát, Bỉ phần giải thoát, Đoạn giải thoát, Y giải thoát và Ly giải thoát.

Thế nào gọi là Phục Giải Thoát ? Nghĩa là những người đang tu thiền, hàng phục các việc che đậy. Đây có nghĩa là Phục giải thoát.

Bỉ phần giải thoát nghĩa là hiện tu đạt đến phần định, các kiến giải thoát. Đây có nghĩa là Bỉ phần giải thoát.

Đoạn phần giải thoát là kẻ tu xuất thế gian đạo và hay diệt trừ những sự ràng buộc. Đây gọi là Đoạn giải thoát.

Y giải thoát nghĩa là như lúc đắc quả, tâm thường an vui. Đây gọi là Y giải thoát.

Ly giải thoát nghĩa là Vô Dur Y Niết Bàn. Đây gọi là Ly giải thoát. Con đường giải thoát này là làm cho được giải thoát. Ở đây là con đường đầy đủ, lấy giới, định, huệ làm con đường giải thoát. Con đường giải thoát ấy ta nay sẽ nói.

Hỏi rằng: Phải nói như thế nào về con đường giải thoát đó ?

Đáp rằng: Có người vui được giải thoát mà chẳng nghe nói giải thoát vậy; lại chẳng phục giải thoát vậy; lại chẳng chánh phục giải thoát vậy. Như người mù chẳng thấy đường mà đi chơi trong vườn của một nước. Tuy anh chúng khô, chẳng được giải thoát, muốn được giải thoát mà không có chỗ nương vào, Vì sao vậy? Như Phật đã nói. Nếu có chúng sanh, trần lao vi tế, chẳng nghe được pháp, rồi cuối cùng lại thoái chuyển. Lại như Phật cũng đã nói. Nay các Tỳ Kheo! Có 2 nhơn và 2 duyên có thể sanh chánh kiến. Thế nào là hai? Một là nghe từ kẻ kia; hai là tự mình chánh niệm; cho nên nói là giải thoát.

Bất phục giải thoát là làm cho chúng sanh xa lìa nên nói là giải thoát. Bất chánh phục giải thoát là trừ đi con đường không chân chánh sẽ được thiên giải thoát đạo; nên nói là giải thoát. Như người đi xa có người tốt chỉ đường. Đó là con đường phục giải thoát. Ba âm đầy đủ. Thế nào là ba ? Đó là giới âm, định âm và huệ âm.

Thế nào gọi là giới âm ?

Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh và các loại được nhiếp; hoặc giới âm là các loại công đức của giới hợp lại.

Thế nào gọi là định âm?

Chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định và những loại định âm được nhiếp. Hoặc nhiều loại định công đức hợp lại.

Thế nào gọi là huệ âm ?

Chánh kiến, chánh tư duy và các loại được nhiếp. Hoặc nhiều loại huệ công đức hợp lại. Đây gọi là ba âm đầy đủ. Là Phục giải thoát đạo nên học ba học. Nghĩa là: Tăng thượng giới học; tăng thượng tâm học; tăng thượng huệ học. Hữu giới hữu tăng thượng giới học; hữu định hữu tăng thượng định học; hữu huệ hữu tăng thượng huệ học. Lại còn hữu giới giới học; hữu giới tăng thượng giới học; hữu định tâm học; hữu định tăng thượng tâm học; hữu huệ huệ học; hữu huệ tăng thượng huệ học.

Hỏi rằng: Vì sao gọi là giới học ?

Đáp rằng: Nghĩa là có giới tướng; gọi tên là giới học. Nghĩa là đến phần giới là tăng thượng giới học. Lại nữa phạm phu giới; gọi là giới học. Thánh giới gọi là tăng thượng giới học.

Hỏi rằng: Vì sao gọi là tâm học ?

Đáp rằng: Đó là dục định.

Hỏi rằng: Vì sao gọi là tăng thượng tâm học ?

Đáp rằng: Sắc định và vô sắc định. Đây nghĩa là tăng thượng tâm học. Lại nữa có tướng định tâm học, đạt phần định và đạo định; ở đây gọi là tăng thượng tâm học.

Thế nào gọi là huệ học ?

Nghĩa là thế gian trí, gọi tên là huệ học. Trí tương tợ tứ đế và trí đạo; đây gọi là tăng thượng huệ học. Như Đức Thế Tôn vì những người căn tánh thuần thực gọi là tăng thượng giới học. Vì kẻ trung căn, nói là tăng thượng tâm học. Vì người lợi căn; nói là tăng thượng huệ học.

Hỏi rằng: Học có nghĩa là gì ?

Đáp rằng: Học là có thể học về học tăng thượng học; học vô học, gọi là học. Như vậy học ở đây có ba. Nghĩa là phục giải thoát đạo lấy 3 loại học thành tựu thanh tịnh. Cho nên giới thanh tịnh, tâm thanh tịnh, thấy thanh tịnh. Đối với giới này là giới thanh tịnh. Định đây là tâm thanh tịnh; huệ đây là thấy thanh tịnh. Giới nghĩa là tẩy dơ việc phạm giới. Định là tẩy đi sự cột chặt dơ dáy. Đây có nghĩa là tâm thanh tịnh. Huệ nghĩa là trừ cái dơ vô trí. Đây gọi là thấy thanh tịnh. Lại nữa giới trừ ác nghiệp cấu; định trừ triền cấu; huệ trừ sử cấu. Như thế lấy 3 thanh tịnh làm phục giải thoát đạo. Lại lấy 3 loại thiện phục đạo. Nghĩa là đầu, giữa, sau. Lành lấy giới làm đầu; lấy định làm giữa và lấy huệ làm sau.

Thế nào gọi giới là sơ thiện ?

Có kẻ tinh tấn thành tựu chẳng thoái; lấy chẳng thoái làm ý, lấy hỉ làm dũng được; lấy dũng được làm cho thân đẹp; lấy vui nên tâm định. Đây gọi là sơ thiện.

Định làm trung thiện nghĩa là lấy định như thật tri kiến. Đây nghĩa là lành giữa.

Huệ làm hậu thiện là như thật tri kiến yếm xung rồi, lấy yếm xung cho nên ly dục. Vì ly dục cho nên giải thoát. Vì giải thoát nên thành tựu tri. Như thế thành tựu 3 con đường lành. Phục giải thoát đạo lại được 3 niềm vui. Nghĩa là vô quá lạc, tịnh diệt lạc và chánh giác lạc. Kia lấy giới được vô quá lạc; lấy định được tịnh diệt lạc và lấy huệ được chánh giác lạc. Như thế thành tựu được ba loại lạc. Đây là phục giải thoát đạo, xa rời hai bên, được trung đạo đầy đủ. Lấy giới này hay trừ các dục trước. Đối với vô quá lạc tinh, sanh hân lạc; lấy định trừ thân trôi buộc, đối với tịnh diệt lạc làm tăng thượng lạc. Lấy huệ phân biệt tứ đế trung đạo đầy đủ. Đối với chánh giác lạc, sâu mong ái lạc; như thế xa lìa hai bên được trung đạo đầy đủ. Đây là phục giải thoát đạo. Lấy giới trừ ác thú; lấy định trừ dục giới; lấy huệ trừ tất cả hữu. Đối với giới tu nhiều; đối với định huệ tu ít, thành Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hàm. Đối với giới Định tu nhiều; đối với huệ tu ít, thành A Na Hàm. Tu 3 loại đầy đủ thành A La Hán vô thượng giải thoát.

Phẩm Phân Biệt Giới Thứ Hai

Hỏi rằng: Thế nào là giới? Tướng gì? Vị gì? Khởi lên như thế nào? Ở chỗ nào? Công đức ra sao? Giới gì gọi là giới hạnh? Khác nhau cái gì? Có bao nhiêu giới? Chỗ sanh khởi ra sao? Giới nào là đầu, giữa và cuối? Có bao nhiêu pháp chương ngại giới đạo? Có bao nhiêu nguyên nhân của giới? Có bao nhiêu loại giới? Làm thế nào để cho giới được thanh tịnh? Có bao nhiêu nguyên nhân để làm giới trụ?

Đáp rằng: Về giới là thế nào? - Nghĩa là suy nghĩ về giáo, uy nghi giới, không qua khỏi giới.

Thế nào gọi là suy nghĩ về giới?

Ta chẳng làm ác, kẻ làm tự thọ.

Thế nào là uy nghi giới?
Là nơi phạm xứ.

Thế nào là không qua khỏi giới?

Nếu có giới không qua khỏi thân miệng của người. Lại nữa có nghĩa đoạn lìa oai nghi, tất cả pháp lành là giới. Như A Tỳ Đàm nói: Lấy pháp xuất ly mà đoạn nơi ham muốn. Đây là giới hay lìa việc ác. Tư giới, hộ giới, uy nghi giới, lấy chẳng sân hận đoạn diệt sân hận; lấy tướng quang minh đoạn nơi ngủ nghỉ. Lấy bất tán loạn đoạn nơi trác hí; lấy kiến pháp khởi đoạn nơi nghi hối; lấy trí đoạn vô minh; lấy hi đoạn vô khả lạc; lấy sơ thiền đoạn ngũ cái; lấy nhị thiền đoạn giác quán; lấy tam thiền đoạn hỷ; lấy tứ thiền đoạn lạc; lấy không nhập định đoạn nơi sắc tướng cho đến sân khuê và các loại tướng; lấy thức nhập định đoạn hư không; lấy vô sở hữu định đoạn thức nhập tướng; lấy phi tướng phi phi tướng định đoạn sở hữu; lấy vô thường kiến, đoạn nơi thường kiến; lấy khổ kiến, đoạn lạc tướng; lấy vô ngã kiến, đoạn ngã tướng; lấy bất tịnh kiến, đoạn tịnh tướng; lấy quá xung kiến, đoạn nơi thọ tướng; lấy vô nhiễm kiến, đoạn nơi dục tướng; lấy diệt kiến, đoạn tập; lấy tiên kiến, đoạn hậu; lấy phần kiến, đoạn tụ; lấy sanh diệt kiến, đoạn thường; lấy vô tướng kiến, đoạn tướng; lấy vô tác kiến, đoạn tác; lấy không kiến, đoạn nhập; lấy tăng thượng huệ kiến, đoạn chấp trước; lấy như thật tri kiến, đoạn vô minh chấp; lấy quá xung kiến nhi, đoạn cư chấp; lấy bỉ quán kiến, đoạn bất bỉ quán; lấy chuyển tán kiến, đoạn hòa hợp chấp; lấy Tu Đà Hàm đạo đoạn kiến nhứt xứ phiền não; lấy Tu Đà Hàm đạo, đoạn thô phiền não; lấy A Na Hàm đạo, đoạn tế phiền não; lấy A La Hán đạo, đoạn nhứt thiết phiền não. Đây gọi là bất việt giới, tư giới, hộ giới, uy nghi giới. Đây có nghĩa là giới

Thế nào là giới tướng ?
Là uy nghi, trừ phi uy nghi.

Hỏi rằng: Cái gì gọi là phi uy nghi ?

Đáp rằng: Nghĩa là phá pháp. Phá pháp có 3 loại. Một là phá pháp Ba La Đề Mộc Xa; hai là phá pháp duyên và ba là phá pháp căn.

Thế nào gọi là phá pháp Ba La Đề Mộc Xoa?
Nghĩa là vô tâm (không xấu), vô quý (không hổ). Ở nơi Như Lai lìa lòng tin.

Thế nào gọi là phá pháp duyên ?
Đáp rằng thân mệnh và hình thức tương ưng lìa khỏi tri túc.

Thế nào gọi là phá pháp căn ?
Là chẳng đóng cửa 6 căn, lìa nơi niệm huệ, lấy 3 điều che đậy chẳng uy nghi này gọi tên là giới tướng.

Thế nào là vị? Là khởi ? Là túc xứ ?
Vô quá lạc tức là vị. Vô ưu tức là khởi. Ba thiện hạnh là túc xứ. Lại nữa duyệt thắng là vị; bất hối là khởi; che các căn gọi là túc xứ.

Thế nào gọi là giới công đức ?

Bất hối là giới công đức, như Đức Thế Tôn dạy A Nan rằng: Chẳng hối giới lành; nghĩa là công đức. Lại nữa tên giới là vô quá lạc, là chúng sanh thượng, là tài vi phú quý, là xứ vi Phật địa, là tắm không nước, là mùi hương xông thơm, là ảnh theo hình, là tàn che có thể che, là thánh chủng, là học vô thượng, là con đường lành. Nếu người có giới, lấy có giới vậy, thành tựu vô úy, vinh hiển thân hữu, chỗ Thánh lân mẫn. Đây là nương vào bạn bè, là lãnh trang nghiêm, là lãnh vực các hạnh, là nơi công đức, là chỗ cúng dường, là khả quý đồng học

xứ. Đối với các pháp lành chẳng sợ, chẳng thoái, thành tất cả ý nguyện thanh tịnh. Tuy chết chẳng quên, thành phục giải thoát lạc phương tiện. Như thế vô biên giới công đức.

Giới là nghĩa gì ?

Đáp rằng nghĩa là lạnh, nghĩa tăng thượng, nghĩa hành, nghĩa tự tánh, nghĩa là khổ lạc tánh tương ứng. Lại cũng có nghĩa là đầu, nghĩa là lạnh, nghĩa là an.

Thế nào lại lấy cái đầu làm nghĩa của giới ?

Đáp rằng như người không có đầu thì tất cả các căn chẳng có thể giữ lại; lúc ấy gọi là chết. Như thế các Tỷ Kheo lấy giới làm đầu. Nếu đầu cắt rồi thì mất tất cả các pháp lành. Đối với điều này Phật pháp gọi là chết. Nên giới có nghĩa là đầu.

Thế nào nghĩa của giới là lạnh ?

Như Ma Thắng làm lạnh Chiên Đàn; tức trừ thân nóng, thành tựu hoan hỷ. Như thế, giới làm lạnh hơn Chiên Đàn, hay làm diệt phạm giới, tâm sợ hãi nóng nảy, thành tựu hoan hỷ. Đây nghĩa là giới làm cho lạnh

Thế nào nghĩa giới là an ?

Đáp rằng nếu người có giới thì phong nghi chính tề, chẳng sanh sợ hãi. Đây nghĩa là giới làm cho an ổn.

Hạnh nào sai biệt vậy ?

Tu hành tinh tấn, thọ trì đầu đà. Đây là hạnh phi giới giới lại có tên là hạnh; giới gọi là uy nghi thọ, lại có tên là hạnh.

Có bao nhiêu giới ?

Nghĩa là có 3 loại giới. Đó là thiện giới, bất thiện giới và vô ký giới.

Thế nào gọi là thiện giới ?

Nghĩa là thiện thân khẩu nghiệp và chánh mệnh. Vô quá hoạn; nên quả báo dễ thương.

Thế nào gọi là bất thiện giới ?

Nghĩa là ác thân khẩu nghiệp và tà mệnh. Có quá hoạn; nên quả báo chẳng dễ thương.

Thế nào là vô ký giới ?

Vô lậu thân khẩu nghiệp và đời sống thanh tịnh. Chẳng có vô hoạn lại chẳng có quả báo.

Thế nào gọi là khởi giới ?

Thiện tâm sở khởi thiện giới. Bất thiện tâm sở, khởi bất thiện giới. Vô ký tâm sở, khởi vô ký giới.

Thế nào là giới đầu, giữa và sau ?

Thọ giới là đầu tiên; chẳng vượt qua gọi là giữa; hoan hỷ là hậu giới.

Có bao nhiêu pháp chướng ngại? Và bao nhiêu nhơn của giới ?

Đáp rằng có 34 pháp gọi là con đường chướng ngại và 34 pháp, đó là nhơn của giới.

Đó là phần, não, phú, nhiệt, khan, tật, huyễn, siểm, hận, cạnh, mạn, tăng thượng mạn, kiêu mạn, phóng dật, lại nọa, tham dục, bất tri túc, bất tòng tri, bất chánh niệm, ác khẩu, ác hữu, ác trí, ác kiến, bất nhẫn, bất tín, vô tâm, vô quý, doanh thân, khẩu vị, hiệp tục, thân cận nữ nhơn, bất kính sư, học bất nhiếp chư căn u thực, bất tiết sơ dạ hậu dạ, nọa bất thiên tụng. Đây là 34 pháp làm chướng ngại. Nếu 11 giới chướng ngại chẳng đầy đủ. Nếu chẳng đầy đủ, tất trở lại thối thất. Nếu ngược lại 34 pháp này tức có tên là nguyên nhân của giới.

Giới có bao nhiêu loại ?

Nghĩa là có 2 loại, 3 loại, 4 loại.

Thế nào là 2 loại ?

Đó là tánh giới và chế giới. Lấy thân khẩu là chỗ làm Phật, đoạn trừ việc chẳng làm. Đây có tên là tánh giới. Thân khẩu có thể làm Phật, đoạn trừ việc chẳng làm, đây có tên là chế giới. Tánh giới lấy tín, tinh tấn có thể làm cho đầy đủ. Chế giới lấy tín niệm tri có thể làm cho đầy đủ. Lại nữa giới có 2 loại. Đó là thoái giới và đắc giới.

Thế nào gọi là thoái ?

Là có thể mất, không phải giới.

Thế nào gọi là được ?

Được các pháp thiện. Trừ các phi giới như đoạn trừ quang ảnh (ánh sáng nơi hình); lấy đoạn phi giới, lìa nơi ác thú; lấy đắc chánh giới có thể vui nơi đường lành; lấy đoạn phi giới, thành tựu trụ phần. Lại nữa giới có 2 loại. Đó là thế giới và xuất thế giới.

Thế nào là xuất thế giới ?

Như giới có được nơi quả Thánh. Đây gọi là xuất thế giới. Ngoài ra thế giới là lấy thế giới thành tựu; nên có đầy đủ; lấy xuất thế giới thành tựu, cho nên có giải thoát. Lại nữa có hai loại hữu lượng và vô lượng. Bất cụt giới gọi là hữu lượng. Nếu cụt giới lấy Phật làm chỗ đoạn. Đây có tên là vô lượng. Lại nữa giới có hai loại. Đó là hữu biên và vô biên-

Thế nào là hữu biên ?

Nếu người lấy thế lợi làm thắng; lấy thân hữu làm thân, làm mệnh, làm chỗ qua khỏi, chỗ nương tựa mà làm việc thọ giới. Giới kia vì lợi dưỡng nên gọi là biên. Gọi dự (khen) là biên; thân có là biên, mệnh có là biên.

Thế nào gọi là vô biên ?

Tỳ Kheo này! Vì xuất lợi, vì thắng, vì thân, vì mệnh. Như pháp thọ giới, chẳng khởi tâm phạm. Hà huống là cố phạm. Đây gọi là vô biên giới. Lại nữa giới có 2 loại. Có y và vô y.

Thế nào là có y (chỗ nương vào) ?

Có tương ưng giới thích nương vào. Giới trộm cắp tương ưng với giới nương vào chỗ thấy. Tự khen mình chê người tương ưng với giới kiêu mạn. Đây là việc y cứ nương vào giới. Nếu dùng để thành tựu giải thoát thì không cần nương vào giới. Nếu nương vào giới, người chẳng trí huệ làm chỗ vui. Nếu không nương vào giới, người trí huệ làm chỗ vui. Lại nữa giới có 2 loại, mà người phạm hạnh sơ học, gồm những giới nhỏ.

Thế nào gọi là điểm đầu của Phạm hạnh ?

Dùng chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh mệnh để nhiếp lấy giới. Đây nghĩa là việc đầu tiên của Phạm hạnh. Đối với hữu dư học giới, đây có nghĩa là giới nhẹ. Lại nữa giới cũng có 2 loại. Gồm hữu tâm tương ưng và vô tâm tương ưng.

Cái gì là hữu tâm ?

Nghĩa là sơ học phạm hạnh

Thế nào là vô tâm ?

Nghĩa là ngoài những giới nhẹ. Thỉnh Văn ở nơi giới đầu cứng rắn của Phạm hạnh và giới trên. Đối với giới nhẹ này được phạm, được khởi. Vì sao vậy? Vì Phật nói rằng điều này

không bị chướng ngại đối với việc giải thoát. Lại cũng có 2 loại giới. Nghĩa là vô phạm giới và thanh tịnh giới.

Thế nào là vô phạm ?

Nghĩa là giới Thanh Văn.

Thế nào gọi là thanh tịnh giới ?

Đó là Phật và Duyên Giác giới.

Lại nữa giới cũng có 2 loại. Nghĩa là thời phần giới và tận hình giới. Thọ từ lúc nhỏ và tuổi chưa đủ lớn. Nghĩa là thời phần giới là đầu tiên từ Thầy thế nguyện cho đến khi xả thọ. Nghĩa là tận hình giới. Thời phần giới là quả báo có lúc; tận hình giới là quả báo chẳng có lúc.

Làm sao lại chia ba ?

Đó là dùng ác không phạm, thọ chẳng phạm và đoạn chẳng phạm

Thế nào là dùng ác không phạm ?

Tuy chưa thọ mà thọ đến; chẳng phải chỗ làm; tâm chẳng sanh phạm. Đây gọi là dùng ác chẳng phạm.

Thế nào là thọ chẳng phạm ?

Từ thọ, thọ rồi, kết cuộc chẳng phạm lại. Đây gọi là thọ chẳng phạm.

Thế nào là đoạn chẳng phạm ?

Thánh non lấy thánh đạo đoạn các nguyên non của việc ác. Đây gọi là đoạn chẳng phạm. Lại nữa giới có 3 loại. Nghĩa là xúc giới, bất xúc giới và phạm giới.

Thế nào gọi là xúc ?

Đầu tiên thấy tướng hữu vi liên thích nên chạm đến. Đây là phạm phu thiện giới. Dùng nơi đây để nhập đạo nghĩa là vô xúc giới.

Thế nào gọi là phạm giới ?

Nghĩa là giới A La Hán. Lại nữa có 3 loại. Nghĩa là y thế giới, y thân giới và y pháp giới.

Y thế giới là gì ?

Nếu có người lo sợ, muốn cần ý thế gian trừ các pháp ác. Đây gọi tên là y thế.

Y Thân giới là thế nào ?

Nếu có người lo ngại, muốn gìn giữ thân mệnh này để trừ các pháp ác. Đây có tên là y thân.

Y Pháp giới là thế nào ?

Nếu có người sợ hãi, muốn giữ chánh pháp để trừ các việc chẳng lành thì đây gọi là y giới. Lại nữa giới có 3 loại. Đó là sở nguyện bất đẳng; sở nguyện đẳng, vô sở nguyện.

Thế nào là sở nguyện bất đẳng ?

Làm nã người khác thọ giới. Đây có nghĩa là sở nguyện bất đẳng.

Thế nào là sở nguyện đẳng ?

Việc thọ giới là hiện tại có niềm vui và vị lai vui giải thoát. Đây có nghĩa là sở nguyện đẳng.

Thế nào gọi là vô sở nguyện ?

Giới thọ giới chẳng hồi và làm nhiều ích kẻ kia. Đây gọi là vô sở nguyện. Lại nữa giới cũng có 3 loại. Đó là thanh tịnh giới, bất thanh tịnh giới và hữu nghi giới.

Thế nào gọi là thanh tịnh giới ?

Lấy hai nhơn duyên giới, thành thanh tịnh. Một là chẳng phạm và hai là phạm rồi sau đó hối quá. Đây gọi là giới thanh tịnh.

Lấy 2 nhơn duyên thành bất tịnh giới. Một là tự cố phạm; hai là phạm mà chẳng hối quá. Đây gọi là bất tịnh giới.

Thế nào gọi là hữu nghị giới ?

Lấy ba nhơn mà thành tựu hữu nghị. Một là lấy bất phân biệt xứ; hai là bất phân biệt phạm và ba là bất phân biệt bất chánh hạnh. Đây gọi là hữu nghị giới. Nếu có kẻ tọa thiền mà giới không thanh tịnh rồi sau đó xấu hổ thành niềm vui thanh tịnh. Lại có giới nghị, làm cho hiện tại biết tội, được thành an lạc. Lại nữa giới có 3 loại. Nghĩa là học, vô học, phi học phi vô học.

Thế nào gọi là học ?

Người học 7 loại giới.

Thế nào là vô học ?

Tức là giới A La Hán.

Thế nào là phi học phi vô học ?

Đó là giới của người phạm phu.

Giới có 3 loại. Đó là úy giới, ưu giới và tật giới.

Thế nào là úy ?

Có người sợ tội chẳng dám làm ác. Đây nghĩa là úy giới.

Thế nào gọi là ưu ?

Nếu có người tính lìa bà con, dẫn sanh sâu khổ; lấy sự sâu khổ mà khởi lên các việc ác. Điều này gọi là ưu giới.

Thế nào gọi là tật giới ?

Có người thọ giới bò, giới chó. Đây gọi là tật giới. Tật giới nếu thành, tức làm bỏ làm chó. Nếu chẳng thành tức đọa địa ngục. Lại nữa giới có 3 loại. Nghĩa là thượng, trung, hạ.

Thế nào là hạ ?

Nghĩa là quá phiền não, quá quá phiền não, đại phiền não sở thuộc. Nhấn vào chỗ bất tri túc. Đây gọi là hạ giới.

Thế nào là trung ?

Phiền não vừa va chạm, tri túc chỗ nhiễm. Đây gọi là trung giới.

Thế nào là thượng ?

Chẳng xúc chạm, biết đủ chỗ nhiễm. Đây gọi là thượng giới.

Hạ giới thành tựu làm cho con người đầy đủ. Trung giới thành tựu làm cho trời đầy đủ. Thượng giới thành tựu làm cho được giải thoát.

Lại nữa giới có 4 loại. Đó là thoái phần, trụ phần, thắng phần và đạt phần.

Thế nào gọi là thoái phần ?

Chẳng trừ con đường chướng ngại, xa rời người siêng năng. Biết mà cố phạm; phạm rồi che giấu. Đây gọi là thoái phần.

Thế nào gọi là trụ phần ?

Đối với giới thành tựu chẳng khởi phóng dật, chẳng sanh tịch kiến, thành tựu trụ phần. Đối với giới định thành tựu đầy đủ, chẳng khởi phóng dật, chẳng sanh thực kiến, thành tựu thắng phần. Đối với giới định, thành tựu đầy đủ chẳng khởi phóng dật, lấy sanh tịch kiến, thành tựu đạt phần. Lại nữa giới có 4 loại. Đó là Tỳ Kheo giới, Tỳ Kheo Ni giới, Bất Cụ Túc giới, Bạch Y giới.

Thế nào là giới Tỳ Kheo ?

Đó là uy nghi của Ba La Đề Mộc Xoa. Đây gọi là Tỳ Kheo giới.

Tỳ Kheo Ni giới, Ba La Đề Mộc Xoa oai nghi. Đây là Tỳ Kheo Ni giới.

Sa Di, Sa Di Ni 10 giới; Thúc Xoa Ma Ni giới. Đây gọi là Bất Cụ Túc giới.

Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di ngũ giới và bát giới. Đây là Bạch Y giới.

Lại nữa giới có 4 loại. Đó là tánh giới, hạnh giới, pháp chí giới và sơ nhọn giới.

Thế nào gọi là tánh giới ?

Uất Đan Việt giới. Đây là tánh giới.

Thế nào là hạnh giới ?

Như tánh tộc của vua và quốc thổ ngoại đạo cùng các pháp, đầy đủ gọi là hạnh giới.

Thế nào là pháp chí giới ?

Bồ Tát nhập thai giới. Đây gọi là pháp chí giới.

Thế nào gọi là sơ nhọn giới ?

Bồ Tát và Ma Ha Ca Diếp giới. Đây gọi là sơ nhọn giới.

Giới lại có 4 loại. Đó là giới, giới tập, giới diệt và giới diệt đạo cụ túc.

Thế nào gọi là giới ?

Giới có 2 loại. Đó là thiện giới và bất thiện giới. Đây có nghĩa là giới.

Thế nào gọi là giới tập ?

Đó là thiện tâm tập thiện giới và bất thiện tâm tập bất thiện giới.

Thế nào gọi là diệt giới ?

Được thiện giới, diệt bất thiện giới. Được A La Hán, diệt thiện giới.

Thế nào gọi là diệt đạo cụ túc giới ?

Nghĩa là Tứ Chánh Cần. Đây gọi là diệt đạo cụ túc giới. Như thế phân biệt rõ 4 pháp. Đây là tinh tấn phi chơn trì giới. Đây gọi là Chánh Cần. Lại nữa giới có 4 loại. Đó là Ba La Đề Mộc Xoa uy nghi giới, mệnh thanh tịnh giới, căn uy nghi giới, duyên tu giới.

Thế nào gọi là Ba La Đề Mộc Xoa uy nghi giới ?

Đối với Tỳ Kheo Ba La Đề Mộc Xoa uy nghi, ở chỗ che giấu, chỗ ấy đầy đủ, sợ nơi các tội nhỏ, chánh thọ học khả học giới. Đây là đối với vị Sư này là pháp Tỳ Kheo. Có phạm phụ thiện. Lại nữa có học, vô học; bất động pháp Ba La Đề Mộc Xoa. Giới này là khởi. Việc đầu tiên là hành việc giữ gìn này là uy nghi. Sự thoát ra khỏi này là không bị trói buộc. Đây là các pháp bề mặt, làm chánh thọ thiện pháp. Gọi nghĩa là Ba La Đề Mộc Xoa; chẳng vượt khỏi

thân, khẩu, nghiệp. Oai nghi này bị che giấu, lấy oai nghi Ba La Đề Mộc Xoa này thành tựu ở lại. Giữ gìn 4 oai nghi. Tất cả các hạnh đều đầy đủ. Lại có hạnh và phi hạnh.

Thế nào gọi là phi hạnh ?

Nếu có Tỳ Kheo đối với một người khác hoặc cho cây gậy tre; hoặc cho hoa lá quả; hoặc cho que tắm, nước rửa mặt; hoặc bán đồ tốt xấu; hoặc làm trò cười; hoặc gièm pha để tiền thân; hoặc tự giơng ruồi đi xa rồi mới gặp. Như đây là các hạnh mà Phật đã chế. Nghĩa là tà mệnh tự hoạt; đây là phi hạnh. Lại nữa có 2 loại phi hạnh; thân khẩu phi hạnh.

Thế nào là thân phi hạnh ?

Nếu có Tỳ Kheo lấy tâm khinh mạn để đến trong Tăng bài xích Đại Đức, tham lam trước mặt. Hoặc tự tiện, hoặc lấy chỗ ngồi ở trên lớn hơn, xuống phía dưới thấp. Hoặc ngồi rồi tự nói về mình và bài bác kẻ khác. Hoặc bá vai cười nói; chạy đến trước chỗ ngồi; tự mang giày dép, bước đi trên đường, rồi đi lớn tiếng, làm nhơn duyên động chúng với tướng khinh não ấy. Hoặc lấy hơn cho thua, so yếu cùng mạnh. Hoặc ở nơi nhà tắm thiếu đốt gỗ củi. Đóng mở cửa ngõ đều chẳng hỏi han; hoặc lấy nước rồi tự mình vào trước lo cho thân, hiện tra tướng xấu. Nếu vào phòng khác, thao túng trước sau, đi đứng chẳng để ý; hoặc tại chỗ khuất cười giỡn với người nữ và các gái trẻ, rờ mó ở đâu. Đây là tất cả những điều sai trái gọi là thân phi hạnh.

Thế nào gọi là khẩu phi hạnh ?

Nếu có Tỳ Kheo tâm không cung kính, chẳng biết đủ mà vọng cầu và tự thuyết pháp; hoặc thuyết về Ba La Đề Mộc Xoa; hoặc bá vai mà nói; hoặc vào nhà kia cố vấn cho người nữ, hỏi tên họ gì, có gì để ăn không? Có ai đang cùng ta muốn ăn uống không? Như thế những lời nói ấy là khẩu phi hạnh. Tất cả sự phạm giới ấy đây gọi là phi hạnh.

Thế nào là hạnh ?

Nghĩa là ngược lại với phi hạnh.

Lại nữa Tỳ Kheo, có cung kính tâm quý, thành tựu uy nghi chẳng có chỗ khiếm khuyết, nhiếp hộ các căn hay tiết chế sự ăn uống. Đầu đêm cuối đêm không hề ngủ nghỉ, thành tựu trí huệ, thiếu dục tri túc. Chẳng nhờn việc đời, khởi tâm đồng mãnh. Đối với kẻ đồng học chỗ sáo xa, sinh ra kính trọng. Đây gọi là hạnh.

Hành xứ có nghĩa là có hành xứ và có phi hành xứ.

Thế nào là phi hành xứ ?

Nếu có Tỳ Kheo vào nơi phòng dâm, nhà phụ nữ ở, không có đàn ông ở; nơi ở của Tỳ Kheo Ni và các nơi bán rượu; gần gũi quốc vương, đại thân, ngoại đạo, Sa môn chẳng phải là bạn lữ. Như thế những nơi không có lòng tin để làm cho tâm vui. Thường ở nơi tứ chúng chẳng sanh lợi lạc. Thật hay muốn lo. Đây có nghĩa là phi hành xứ. Như Phật đã dạy: Các Tỳ Kheo này làm việc phi phạm hạnh.

Thế nào là làm việc phi phạm hạnh ?

Nghĩa là buôn bán nữ sắc, do chỗ ấy biết.

Lại nữa có 3 loại hành xứ. Đó là y hành xứ; thủ hộ hành xứ và trói buộc hành xứ.

Thế nào gọi là y hành xứ ?

Nghĩa là 10 xứ công đức, thành tựu thiện hữu. Nương vào công đức này chưa nghe được nghe. Nếu đã nghe rồi thì việc nghe này làm cho tăng trưởng rộng lớn thêm ra. Dứt hết nghi hối, chánh kiến thanh bạch. Hay theo pháp học, sâu tin dững mãnh. Lấy giới nghe được thí huệ và niệm niệm tăng trưởng. Đây gọi là y hành xứ.

Thế nào gọi là thủ hộ hành xứ ?

Nếu có Tỳ Kheo muốn vào nhà kia nơi thôn ấp phải xem nơi ấy trước chẳng có nạn dữ, uy dung chỉnh đốn để người cung kính, chẳng xem xe, voi, ngựa hoặc nam nữ tụ họp. Chẳng xem nhà cửa phố xá hoặc trông ngóng 4 phía. Đây gọi là thủ hộ hành xứ.

Thế nào gọi là hành xứ trói buộc ?

Như Phật đã dạy: Nếu có Tỳ Kheo xem xét gia cảnh người này. Đây gọi là trói buộc hành xứ. Đây có tên là hành. Lấy hành xứ này để thành tựu nên cũng còn nói là cụ túc hành xứ. Sợ nơi tội nhỏ mà ta đối với chỗ học thông rồi, dám tạo, nghĩa là sợ tội nhẹ. Lại nữa có nói. Nếu khởi tâm chẳng lành thì đây gọi là sai nhỏ. Đối với điều sai nhỏ này tâm sanh xa rời. Thấy sự sai trái đó sợ mà xa rời. Đây nghĩa là đối với sự sai nhỏ thấy sợ. Chánh thọ học, có thể học.

Khả học là thế nào ?

Nghĩa là 7 tụ uy nghi chánh thọ tất cả tùy toái. Đây nghĩa là chánh thọ học khả học. Đây gọi là Ba La Đề Mộc Xoa uy nghi giới.

Hỏi rằng: Thế nào là giới thanh tịnh ?

Đáp rằng: Nghĩa là chẳng phạm tà mạng

Thế nào là tà mạng ?

Giải đãi, xiêm khúc biểu thị nơi tướng. Lấy sân si biểu thị nơi tướng; lấy thí vọng thí.

Thế nào là giải đãi ?

Giải đãi có 3 nơi. Tính kế muốn được, mong kia 4 việc, giả dạng uy nghi tự nói tốt về mình. Nếu có Tỳ Kheo tâm mong muốn ác, tham vui tài lợi, hay thích ăn mặc, vui cầu tiền bạc. Như muốn chẳng được. Nếu có thì yêu kẻ kia. Như vậy là 4 việc. Đây gọi là duyên kế giải đãi. Nếu có Tỳ Kheo, muốn ác tham lợi, bày biện oai nghi như ta vào thiền định, chỉ muốn cúng thí mà đọc tụng kinh điển. Đây gọi là uy nghi giải đãi. Nếu có Tỳ Kheo, tham dục xiêm cuồng hướng người mà nói: Ta được Thánh pháp, đừng chỗ tịch tịnh. Có thiền tập, chỗ nói sâu xa, biểu thị sai trái, tướng tham lợi, hướng về mình và tự tuyên dương. Đây nghĩa là giải đãi, siêm khúc (lời nói dối trá). Như tâm niệm này chỉ bày cái tướng không thực và lấy lời lành để xưng tụng, khoa trương tốt xấu chỉ vì muốn lợi. Bối báo nói ngoa để lợi về mình. Đây gọi là siêm khúc.

Thế nào gọi là thị tướng ?

Là kẻ nương nơi có lợi mà thuyết pháp. Điều lợi chính yếu cho mình và chẳng cho ai. Đây gọi là thị tướng.

Sân mạ thị tướng nghĩa là hoặc mạ ly kẻ kia, làm cho sợ hãi; hoặc tướng trống rỗng mà hủy báng; hoặc thêm vào đánh chàm khiến người sợ và chủ yếu là việc lợi. Đây gọi là sân mạ thị tướng.

Vi sao mà lấy thí vọng thí ?

Thích cho ít mà muốn đền đáp nhiều. Đây gọi là lấy thí vọng thí, mà những điều ác này nghĩa là thuộc về tà mệnh. Lại có tà mạng hoặc cho gây trúc hoặc cho hoa lá quả; hoặc cho cành tắm, nước tắm; hoặc bói tướng đoán mộng, xem xét sao trời, hay giải thích về tiếng gáy của loài cầm thú về các nghiệp, đoán biết tốt xấu, lời ác ly tán, lấy lửa đốt hoa, buôn bán kiếm lời, lãnh đạo quân binh, cầm súng gây đao. Như thế những loại này thuộc về tà mệnh. Nếu người không phạm thì gọi là thanh tịnh giới.

Hỏi rằng thế nào là giới giữ gìn các căn uy nghi ?

Đáp rằng đối với việc thấy nghe đều rõ biết sắc thanh hương vị xúc pháp, là do đấm trước tướng phiền não và lãnh giữ chẳng phạm. Đây gọi là giới giữ gìn các căn uy. Đây là thủ hộ căn giới lấy 9 việc làm được thành tựu đầy đủ. Lấy ác làm tướng, đoạn các căn vậy. Đối trị kia không tác ý nên như cứu đầu cháy, chung cuộc chẳng dần xả bỏ. Như thấy Nan Đà, lấy uy nghi mà phục tâm ác vậy. Đối với tâm tướng định, được tự tại chẳng ?

Người giữ gìn các căn thì xa lìa vậy. Đối với người giữ gìn các căn hòa hợp vậy.

Hỏi rằng tu hành bốn giới là gì ?

Đáp rằng lấy 8 việc làm này để quán và tu hành khát thực. Một là chẳng làm việc hung hiểm, chẳng làm việc tự cao. Hai là chẳng làm bộ dạng, chẳng làm trang nghiêm. Ba là làm cho thân này trụ lại vì tự điều hộ. Bốn là vì trừ đói khát. Năm là vì giữ gìn phạm hạnh. Sáu là thường hay suy nghĩ về việc ăn uống là để trừ bệnh trước tiên, chứ không khởi sanh tật mới. Bảy là sẽ lấy ít làm đủ. Tám là không quá tham ở.

Hỏi rằng chẳng làm việc hung hiểm và chẳng làm việc tự cao là thế nào ?

Đáp rằng ta lấy sự tham ăn để được mạnh khỏe, hung hiểm vui bạo cạnh tranh lui tới. Đây là việc làm hung hiểm, cao mạng tự xung chẳng biết xa lìa. Như kẻ sân đánh lộn, chẳng có oai nghi, làm cho thân thể, diện mạo khó coi, làm cho người vui theo tình đời không biết xa lìa. Đây là người ham muốn vì thân này gìn giữ mà tự điều hộ như thế. Thân này ở yên như gạo trong lu. Để trừ đói khát, thường nên ăn ít, như thế kẻ tu hành giống như dùng thuốc chữa bệnh, là kẻ nhiếp thọ phạm hạnh vậy. Nhưng vào chỗ ăn ít và vui được nơi Thánh quả. Như thế kẻ tu hành dụ việc ăn uống này là vì trước tiên để trừ bệnh, chứ chẳng khởi lên tật mới. Chẳng ít chẳng nhiều, như thế tu tập, như uống thang thuốc bổ. Lấy ít mà an vậy. Lấy ít công đức tự an thân này, thường hay tập làm, như người trông bệnh chẳng sai quấy, lấy ít để an. Như thế tu hành chẳng làm cho thân không ích lợi. Đây là chỗ khó về trí tuệ. Cho nên chẳng quá ở yên. Nếu có ăn cũng chỉ để giữ gìn, không hề giải đãi. Đầu đêm cuối đêm chẳng hề ngủ nghỉ, thành tựu an ổn. Như thế lấy 8 việc làm này quán sát tu hành, xin ăn và tu hành như thế.

Lại nữa 8 việc làm này lược nói làm 4 quán. Đó là khả đoạn quán, sự quán, lấy ít quán tự an, lấy ít quán công đức.

Hỏi rằng sao gọi là khả đoạn quán ?

Đáp rằng chẳng làm việc hung hiểm, chẳng tự cao, chẳng vì thân mình trước, chẳng làm việc nghiêm thủ. Đây nghĩa là khả đoạn quán. Vì thân này trụ, vì chánh điều hộ, vì trừ đói khát, vì nhiếp thọ phạm hạnh.

Sự quán nghĩa là ta sẽ trừ bệnh là điều đầu tiên mà chẳng khởi lên tật mới.

Đây gọi là lấy ít quán tự an, nghĩa là ta lấy ít tự an, chẳng quá, thành ở chỗ an lạc.

Đây là lấy ít quán công đức.

Sau khi quán 4 quán này rồi sẽ lược bớt còn 3. Nghĩa là đoạn nhị biên được trung cụ túc. Lấy đoạn quán, đoạn dục lạc trước. Nghĩa là trừ đói khát, đoạn nơi bốn tật, không khởi lên tật mới. Lại lấy quán này đoạn trừ thân bệnh. Ngoài ra cụ túc quán như thế mà tu hành. Lại quán về y phục, vì trừ gió lạnh, nóng, gập trùng, kiến, muỗi mà sanh xấu hổ dùng để che, khởi rách rưới. Lấy quán cụ túc mà tu hành như thế. Lại quán thuốc men cho đến tật bệnh. Nếu như thuyết này thì sẽ quán lúc nào?

Đối với khát thực phục dục, quán một miếng ăn. Đối với y phục ngọa cụ và quán lúc mới được. Lại đối với ngày ngày giờ giờ thì quán rằng mệnh ta là do kia nên quán. Như thế tất cả đều thành quán hạnh.

Như trước đã nói về 4 loại thọ dụng. Đó là đạo thọ dụng (thọ dụng sự ăn cấp), phụ trách thọ dụng, gia tài thọ dụng và chủ thọ dụng.

Thế nào là đạo thọ dụng ?

Nghĩa là người không xấu không hổ, tà mạng thọ dụng.

Thế nào là gia tài thọ dụng ?

Nghĩa là người siêng năng thọ dụng.

Thế nào là chủ thọ dụng ?

Nghĩa là Thánh nhơn thọ dụng.

Lại có 2 loại thọ dụng. Nghĩa là uế ó thọ dụng và thanh bạch thọ dụng.

Thế nào là ô uế ?

Người có tâm quý mà chẳng nên quán. Đây có tên là ô uế.

Thế nào là thanh bạch ?

Người có tâm quý, quán biết tự điều tiết, có ý muốn xa lìa việc ác. Đây gọi là thanh bạch. Lấy sự trong sạch thường hay tụ tập 4 việc có thể biết. Đây gọi là giới tu hành 4 việc. Đối với đây là luật nghi giới, lấy chỗ tin sâu, nên làm cho đầy đủ. Mệnh thanh tịnh giới là lấy chỗ siêng năng sâu để làm cho đầy đủ. Căn uy nghi giới là lấy chỗ tin sâu nên làm cho đầy đủ để tu hành 4 việc; lấy huệ sâu nên làm cho đầy đủ. Đối với mệnh này giới thanh tịnh. Điều này đều theo luật nghi. Vì sao vậy? Chẳng vì thọ mạng mà đoạn đi những việc an ổn, mà làm cho được uy nghi nơi thân khẩu nghiệp. Đây là 2 loại giới, là theo căn uy nghi. Vì sao vậy? Nghĩa là đối với việc thiện, lấy tâm thủ hộ, lành giữ gìn thân khẩu nghiệp, tu hành 4 việc, là căn uy nghi. Vì sao vậy? Đã biết tập tướng y xứ, sai quấy chánh niệm, chánh định như thế. Đức Thế Tôn cũng nói: Nếu có Tỳ Kheo hay biết nhịn ăn và biết ngũ dục, biết đủ nơi luật nghi này và mạng thanh tịnh thì giới này che chở và nhiếp lấy. Căn luật nghi giới là định che chở để nhiếp. Tu hành 4 giới này là chỗ che chở huệ nhiếp.

Làm thế nào để việc thọ giới thanh tịnh ?

Nếu có Tỳ Kheo mới thọ pháp thiên, ở nơi 7 tụ trung quán đối với tự thân, nếu đều phạm Ba La Di, mất hết phép Tỳ Kheo, chẳng ở trong giới Cụ Túc. Nếu ở trong giới Cụ Túc phải được pháp lành và đến trước Thầy để thưa. Nếu thấy phạm Tăng Già Bà Thi Sa, lấy những việc ấy ra sám hối. Nếu thấy phạm tội hữu dư thì đối trước một người để sám hối chỗ phạm. Nếu thấy phạm tà mạng thì đối với chỗ phạm này làm việc sám hối với nhau. Như thế hối rồi, ta không được làm lại.

Thấy việc thọ trì như thế, phạm căn uy nghi, lại tu hành 4 việc, ta lại chẳng phạm. Nếu kẻ thọ trì sẽ được vị lai oai nghi tốt đẹp. Người kia như thế từ giới thanh tịnh. Cho nên thân khẩu nghiệp có thể tác hiện tác. Hãy quán về kia là kia đang làm thiện trừ ác. Sẽ quán sáng tối ở nơi giới thanh tịnh. Nếu như kẻ này làm cho giới thanh tịnh.

Tướng giới thanh tịnh như thế nào ?

Thành tương ưng và các phiền não chẳng khởi thoái hồi, được định đầy đủ. Nghĩa là tướng giới thanh tịnh.

Có bao nhiêu hành trụ ?

Lấy 2 giới trụ. Một là xung lượng phạm giới quá xung và 2 là xung lượng giới công đức.

Những gì là xung lượng quá xung ?

Nếu người phạm giới thành chẳng công đức, thành các ác xứ, sợ nơi 4 chúng; nghi nan người biết, có giới bỏ chạy. Chẳng thể dạy thiên, trời người chê trách, người người khinh ghét, do chỗ phạm giới. Thấy người tán thán trì giới công đức, tâm hối chẳng tin, đối với

trong 4 chúng, mỗi mỗi sanh phần hận tranh tụng. Đối với người thân, đa phần khởi lên ghét bỏ. Đối kẻ giữ giới thành người bạn ác; chẳng thể nào được phép định thù thắng. Tuy giả nghiêm sức chỉ để dối lừa, giống như phần tiêu của người là chỗ hôi thối, như kẻ mô phạm có chỗ kham chịu. Như chỗ bùn lầy đối với hiện tại vị lai chẳng được lợi lạc. Thường sanh lo rầu. Nếu đã tạo tội rồi, lại sanh tâm xấu hổ hối hận, chẳng an ổn. Như tâm ở địa ngục chẳng vui việc Thánh. Như Chiên Đà La không ham ngôi vua. Người này có nghe huệ lạc và nói công đức, người chẳng quý kính. Giống như lửa phân, sanh chẳng như xứ; lúc chết quên mất, thân thức đi vào đường ác. Như những việc này quá lắm gọi đây là khả xưng lượng. Nếu biến hóa điều ác này thành giới công đức, lại gọi là khả xưng lượng. Như thế xưng lượng, người phạm giới này tâm ý che khuất, tình chí thoái tán. Kẻ có giới này tuy sâu siêng năng, sanh tin kính gấp đôi, thành người siêng năng, thành người tin kính, một lòng hộ giới như kiến giữ trứng, như trâu yêu đuôi, như giữ một con, như gìn một mắt, như người đồng cốt giữ thân, như người nghèo giữ của quý, như người cầm lái giữ thuyền. Ở trong những sự giữ gìn này ta sẽ tu giới, tối ưng kính hộ. Như thế tâm thọ trì được bảo vệ, an trụ nơi thiên định và giới được bảo hộ.

Giải Thoát Đại Luận Hết Quyển Một

GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN Quyển Thứ Hai

- *A La Hán Ưu Bà Đề Sa tạo luận.*
- *Đời nhà Lương, người nước Phù Nam Ngài Tam Tạng Tăng Già Bà La dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.*

Phẩm Đầu Đà Thứ Ba

Hỏi rằng: Lúc bấy giờ người tọa thiền giữ giới thanh tịnh, tâm muốn thành tựu công đức tối thắng, lại muốn vì được công đức đầu đà, sẽ được thành tựu chăng? Và vì sao mà được hạnh đầu đà công đức này ?

Đáp rằng: Vì lẽ người tọa thiền tánh không chỉ một loại. Vì muốn thiếu dục, vì ở nơi tri túc, vì đối với vô nghi, vì đối với sự diệt ái, vì muốn tăng trưởng đồng mãnh tinh tấn, vì muốn tự sống ít ỏi, không cầu nhận của bố thí bên ngoài, vì ở nơi an trụ, vì đoạn trừ chỗ dính mắc và giữ gìn thiện giới. Đây là đầy đủ chỗ định; đây là sơ thánh chủng; đây là thắng công đức quán.

Người nào là người đầu đà? Người có 13 pháp và tương ứng với 2 pháp về áo quần. Nghĩa là áo phần tảo và 3 y cùng tương ứng với 5 pháp khát thực. Nghĩa là gồm có: Khát thực thứ đệ khát thực, ngồi một chỗ để ăn, ăn có chừng mực và sau giờ ngọ không ăn. Năm pháp tương ứng với việc ngồi nằm. Một là ngồi nơi không có chuyện gì; hai là ngồi dưới gốc cây; ba là ngồi nơi đất trống; bốn là ngồi nơi nghĩa địa và năm là ngồi chỗ thích hợp. Ngồi phải tương ứng với một cách ngay thẳng, nghĩa là thường ngồi mà chẳng nằm.

Thế nào gọi là phần tảo y ?

Đáp rằng tánh hay thọ trì, đây nghĩa là tánh. Ngoài ra lại cũng như thế này. Vì sao thọ y phần tảo? Vì dứt tuyệt y cúng thí của Cư sĩ.

Vì sao thọ 3 ba ?

Nghĩa là từ bỏ việc dư thừa.

Vì sao khát thực ?

Nghĩa là dứt đi sự mời thỉnh của người khác.

Vì sao lại thứ đệ khát thực ?

Nghĩa là dứt đi việc đi xin riêng lẻ.

Vì sao ngồi ăn một chỗ ?

Nghĩa là chẳng ngồi lại lần thứ hai.

Thế nào gọi là tiết lượng thực ?

Nghĩa là dứt trừ y tham lam.

Vì sao sau giờ ngọ không ăn ?

Nghĩa là dứt trừ nơi ước vọng về chiều.

Thế nào gọi là ngồi chỗ không có gì ?

Nghĩa là đoạn trừ chỗ làng xóm.

Thế nào gọi là ngồi dưới gốc cây ?

Nghĩa là đoạn trừ chỗ ở nơi phòng ốc.

Thế nào là ngồi chỗ trống ?

Nghĩa là dứt trừ chỗ che khuất.

Thế nào là ngồi trên gò mả cao ?

Nghĩa là đoạn trừ chỗ tốt đẹp.

Thế nào là ngồi chỗ thích hợp ?

Nghĩa là đoạn trừ chỗ ham vui.

Thế nào là thường hay ngồi mà chẳng nằm ?

Nghĩa là lia giường chiếu.

Vì sao thọ y phần tảo ?

Bởi vì thấy y nơi Cư sĩ, mong cầu chuyện ăn uống sai trái, lại thấy thọ trì và nhận y công đức. Ta thấy như thế nên dứt trừ việc thí y của Cư sĩ; nên thọ nạp y.

Thế nào là thọ nạp y công đức? mà giống như y của Cư sĩ thọ trì; nhưng không quan hệ; được chẳng phải do nơi kia mà không được cũng chẳng buồn. Tâm chẳng tham nhiễm, đồ ăn cấp chẳng nhận. Thường hay dùng đủ, chẳng để bán buôn. Chỗ huân tập của người lành, đây là hành vô xử. Sự tốt đẹp đó tương ứng với hiện pháp lạc trú, làm cho người hâm mộ, liền được sự thọ nhận chân chánh. Đây nghĩa là nạp y công đức, mà Phật thường hay xưng tán.

Hỏi rằng: Nạp y có bao nhiêu thứ ? Người nào thọ trì ? Nguyên nhân nào mất đi ?

Đáp rằng: Nạp y có 2 loại; một là giữ gìn vật không có chủ và hai là người đòi mang cho. Hoặc ở nơi gò mả cao; hoặc ở nơi phần tảo; hoặc ở nơi thị tứ; hoặc ở nơi đường sá, nhật được rồi góp lại nhuộm đi rồi chấp vá thành hình mới thọ nhận. Đây nghĩa là vô chủ. Phần nhật như phân bò; hoặc chỗ hỏa thiêu; hoặc người bỏ đi, cho y che nhà và áo ngoại đạo. Đây gọi là đồ bỏ của người đòi.

Thế nào gọi là việc thọ nhận phần tảo y ?

Nghĩa là vị Tỳ Kheo muốn dứt trừ sự thọ nhận của Cư sĩ. Đây nghĩa là thọ phần tảo y.

Thế nào gọi là không được ?

Nếu Tỳ Kheo thọ nhận của Cư sĩ. Đây gọi là thất nạp y.

Thế nào gọi là tam y ?

Vì có y lớn muốn cúng cho người khác giữ dùm để khỏi bị dính mắc, biết đây là việc sai. Thấy 3 y công đức; ta từ bây giờ thí xả y lớn; nên thọ 3 y.

Vì sao thọ 3 y công đức ?

Người lành hay lìa việc tích chứa y lớn và biết rằng thân mình cần đủ, như chim bay vào hư không, không ngoái đầu lại. Người lành huân tập pháp này chẳng có nghi ngờ.

Hỏi rằng: Tại sao gọi là 3 y ? Vì sao nhận y ? Vì sao mất y ?

Đáp rằng: Đó là Tăng Già Lê, Uất Đa La Tăng và An Đà Hội. Đây có nghĩa là 3 y.

Thế nào gọi là 3 y ?

Nếu Tỳ Kheo chẳng tích chứa y lớn thì được thọ 3 y. Nếu thọ 4 y, đây gọi là mất tư cách nhận y.

Thế nào là thọ khát thực ?

Nếu thọ nhận nơi người kia thỉnh tức tự làm hại bởi chính mình. Chẳng phải là người hiểu biết; chẳng cùng với phi pháp Tỳ Kheo cùng chỗ ngồi nằm. Biết điều này không đúng. Lại thấy khát thực công đức nên ta từ nay dứt khỏi sự mời thỉnh của người kia, thọ pháp khát thực.

Thế nào gọi là khát thực công đức ?

Nghĩa là nương vào tâm sở nguyện, đến dừng tự do, chẳng mong muốn của cúng, tiêu trừ giải đãi, đoạn diệt kiêu mạn, chẳng tham mùi vị ngon, làm lợi lạc chúng sanh, thường ở nơi 4 phương, tâm chẳng ngăn ngại. Người lành chỗ làm, là nghiệp chẳng nghi.

Hỏi rằng: *Thỉnh có bao nhiêu loại ? Thế nào gọi là nhận ? Thế nào gọi là không được ?*

Đáp rằng: Thỉnh có 3 loại. Một là giống như mời ăn: hai là cùng mời ăn và ba là gặp mời ăn. Trừ 3 loại thỉnh này, gọi là khát thực. Nếu thọ nhận 3 loại thỉnh này gọi là mất tư cách khát thực.

Thế nào gọi là thọ thứ đệ khát thực ?

Nếu ở nơi trước sau được nhiều đồ ngon, liền chẳng trở lại. Nếu trở lại tức là thường thọ thực. Nếu nơi nghi ngờ phải hay xa rời, biết điều này không đúng. Lại thấy công đức trước sau, ta từ bây giờ, bỏ chẳng theo thứ lớp mà xin, thọ thứ đệ khát thực.

Thế nào gọi là công đức của thứ đệ khát thực ?

Lấy tâm bình đẳng làm lợi lạc cho tất cả, trừ tăng tật ác, dứt trừ sự đù giỡn, chẳng vui qua lại, chẳng vui nhiều lời, xa nhà cửa người, lìa nơi bịnh tật. Như trăng ít hiện, làm chỗ chiêm ngưỡng cho người. Người lành chỗ làm, là nghiệp chẳng nghi.

Hỏi rằng: Thế nào gọi tên là thứ đệ khát thực? Thế nào gọi là thọ ? Thế nào gọi là mất ?

Đáp rằng: Nếu có Tỳ Kheo đầu tiên đi khát thực vào nơi làng xóm, từ nhà đầu đến nhà cuối, lấy đó làm thứ đệ. Đây gọi là thứ đệ mà đi.

Thế nào gọi là mất?

Nghĩa là đi băng qua bên này; nên đây gọi là mất.

Thế nào gọi là thọ một chỗ ăn?

Nghĩa là đối với 2 chỗ ngồi rồi ngồi nhiều lần và thọ thực nhiều lần và rửa bát nhiều lần. Cùng với việc sai khác này, gọi là thọ nhận một chỗ ăn. Người lành chỗ làm, là nghiệp chẳng nghi, biết điều ấy sai, thấy một chỗ ngồi ăn là công đức; cho nên đáng thọ. Ta từ ngày này bỏ thọ 2 chỗ ăn mà chỉ thọ một chỗ ăn.

Thế nào gọi là một chỗ ăn công đức?

Chẳng nhiều chẳng ít, chẳng tham của thí chẳng thanh tịnh. Chẳng có bịnh não, chỗ ở chẳng hại, tự sự an lạc. Người lành chỗ làm, là nghiệp chẳng nghi.

Hỏi rằng: Thế nào là thọ một chỗ ăn? Thế nào là một bên? Thế nào là mất?

Đáp rằng: Một bên có 3 loại. Nghĩa là tọa biên, thủy biên và thực biên.

Thế nào gọi là tọa biên?

Ăn ngồi lại ngồi, thọ nước rửa bát, lại chẳng ăn nữa. Đây gọi là thủy biên.

Thế nào gọi là thực biên?

Nếu ở nơi đoàn thực, sinh tối hậu tướng; hoặc nuốt chẳng ăn lại. Đây gọi là thực biên. Nếu trải qua 2 chỗ ngồi, liền mất một lần ăn, trừ ra nước thuốc. Chư Phật than rằng: Đây là thực biên.

Thế nào gọi là thọ tiết lượng thực?

Nếu ăn uống vô độ, làm cho thân thể lờ đờ, thường hay ưa vui, làm cho bụng chẳng đủ; biết việc này rồi, liền thấy ra và tiết chế liều lượng công đức. Ta từ hôm nay dứt lìa chẳng có ý tham và thọ nhận sự điều tiết.

Thế nào gọi là tiết thực công đức?

Nghĩa là lượng đồ ăn chẳng theo ý nơi bụng, ăn nhiều nặng bụng, biết thế chẳng vui, trừ tham diệt bịnh, đoạn lìa sự giải đãi. Người lành chỗ làm, là nghiệp vô nghi.

Hỏi rằng: Thế nào là thọ tiết lượng thực? Thế nào gọi là mất?

Đáp rằng: Nếu thọ việc uống ăn nên tự suy nghĩ, chỗ tu ít nhiều, lấy làm thường chuẩn; chẳng nhận ăn lâu kẻ trí thọ thực theo lượng, đoạn trừ việc chẳng điều độ. Đây gọi là tiết lượng thực. Nếu chẳng như thế, đây gọi là mất.

Sao gọi là ăn rồi không được ăn nữa?

Đoạn nơi vọng tưởng, lìa việc ăn nhiều, biết điều này sai trái và thấy công đức của việc chẳng ăn thêm nên ta từ ngày hôm nay dứt trừ việc ăn thêm. Sau khi ăn rồi, không ăn thêm lần nữa.

Thế nào gọi là công đức của việc chẳng ăn thêm?

Đoạn trừ chỗ tham vui, tiết chế giữ gìn thân này, lìa nơi để dành, chẳng phải chỗ mưu cầu; chẳng bảo người kia, chẳng tùy theo tâm muốn. Người lành chỗ làm, là nghiệp vô nghi.

Hỏi rằng: Ăn thêm lần nữa có bao nhiêu loại? Thế nào gọi là thọ? Thế nào gọi là mất?

Đáp rằng: Ăn thêm lần nữa có 2 loại. Đó là chẳng tiết biên và thọ trì biên.

Thế nào gọi là chẳng điều tiết số lần?

Nếu thọ việc ăn lâu, tội được thỉnh riêng, chẳng được ăn lại.

Thế nào gọi là thọ trì số lần?

Ăn rồi cho đến 21 lần khác, chẳng sẽ thọ lại, sau đó chẳng ăn, tức đoạn trừ việc ăn lâu. Nếu thọ việc ăn lâu thì mất tư cách là chẳng ăn thêm một lần nữa sau đó.

Thế nào gọi là thọ vô sự xứ?

Ở trong nước, tâm thức thường hay tiếp xúc với ngũ trần sanh nhiễm ưa vui. Nếu ở chỗ ồn ào, tới lui phân tâm; biết điều này sai trái, lại thấy vô sự xứ công đức; nên ta từ hôm nay dứt trừ việc ở trong nước thọ vô sự xứ.

Thế nào gọi là vô sự xứ công đức?

Nghĩa là lìa nơi quốc gia, chỗ hay tiếp xúc với ngũ trần, tâm sanh nhiễm vui. Nếu ở nơi ồn ào, tới lui chẳng yên. Thấy 10 loại lời nói, công đức tối thắng dễ mến, người trời hoan hỷ, chẳng vui quen nhờn với niềm vui thế tục và được tịch tịnh. Tịnh lạc ít có tiếng động và từ tâm này thiên toạ; người lành chỗ làm, là nghiệp chẳng nghi.

Hỏi rằng: Vì sao gọi là tối hậu vô sự xứ? Vì sao gọi là thọ? Vì sao gọi là mất?

Đáp rằng: Lìa nơi quốc thành, dừng nơi làng mạc, ghé nơi xe vắng, trong vòng 500 cung và giữa 4 khuỷu tay của con người. Đây gọi là tối hậu vô sự xứ. Trừ ở giữa nước; đây gọi là vô sự xứ. Nếu ở giữa nước liền mất vô sự xứ.

Vì sao lại ngồi dưới gốc cây?

Xả bỏ nơi che khuất, chẳng tích chứa của cải, tu giữ sự tham lam, yêu mến mong muốn đầy đủ. Biết được điều này là sai, thấy dưới gốc cây có công đức, ta từ ngày hôm nay, đoạn trừ chỗ ở tốt, ngồi và sống dưới gốc cây.

Thế nào là ở dưới gốc cây có công đức?

Nương vào chỗ vui mà thọ, chẳng giao du với thế tục, vui lìa công việc và dừng lại mọi việc, dứt trừ chỗ ở ganh tị, và lìa ái trước; người lành chỗ làm, là nghiệp chẳng nghi.

Hỏi rằng: Cây nào có thể ở? Cây nào phải xa? Thọ như thế nào? Thế nào gọi là mất?

Đáp rằng: Đối với giữa ngày, cây có tàng che và chẳng có gió, khiến lá không rụng. Đây là nơi có thể ở được. Trừ cây độc, cây khô, cây không tàng che, cây có quỷ thần. Lìa những

nơi như vậy, đây gọi là thọ nhận gốc cây. Nếu lui tới chỗ che khuất ấy, tức mất ý nghĩa ở dưới gốc cây.

Vì sao gọi là thọ lộ địa trụ?

Chẳng vui nơi che khuất và ở dưới gốc cây có chứa các súc vật. Biết điều ấy sai, thấy được công đức ở chỗ trống, ta từ hôm nay dứt khỏi niềm vui và thọ chỗ đất trống.

Thế nào gọi là lộ trụ công đức?

Chưa đến chỗ vui, đoạn trừ giải đãi ngủ nghỉ, giống như hươu rừng, tùy ý mà đi, không chỗ truy tìm. Người tốt chỗ làm, là nghiệp chẳng nghỉ.

Thế nào gọi là thọ? Thế nào gọi là mất?

Dứt trừ chỗ che khuất và dưới gốc cây, đây là thọ nhận việc ở chỗ trống. Nếu ở chỗ che khuất và ở dưới gốc cây, tức mất ý nghĩa ở chỗ trống.

Thế nào gọi là ở trên gò mả cao?

Đối với nơi ấy chẳng làm chuyện buông lung, chẳng khởi lên việc ác. Biết điều ấy là sai trái, thấy chỗ gò mả kia là công đức; nên ta từ ngày hôm nay, đoạn trừ ngừng chỗ khác, ở nơi gò mả cao.

Thế nào gọi là thọ nơi gò mả cao công đức?

Khi chết thì nghĩ, được tướng bất tịnh, được phi nhơn kính trọng, chẳng khởi phóng dật, hàng phục những dục nhiễm, nhiều chỗ chán ngấy, chẳng chỗ đáng sợ, quán thân không tịnh, đoạn lìa chỗ tính toán, người lành chỗ làm, là nghiệp không nghỉ.

Hỏi rằng: Thọ công đức ở gò mả cao như thế nào? Đối với nơi nào có thể ở? Đối với nơi nào có thể đi? Thế nào là thọ? Thế nào là mất?

Đáp rằng: Nếu thường hay có người khóc than, hay có lửa cháy, đầu tiên muốn vào ở chỗ ấy, đây là nơi gò mả, hay sanh quan sát, như chỗ yên tịnh, liền có thể lui tới để ở. Nếu có Tỳ Kheo dùng nơi gò mả, chẳng tạo nhà ở và ngồi trên giường nằm; chẳng theo gió mà ngồi; chẳng nghịch gió mà ngồi. Nằm thời chẳng nóng, chẳng ăn mùi cá, chẳng uống sữa tươi, chẳng ăn bột gạo, chẳng chạm thịt thà, chẳng ở trong phòng, chẳng an ổn nơi bình bát. Nếu có người đến mang theo tọa cụ và đồ mặc, lui tới chỗ gò mả, đến nơi chôn này như quãng đồ đi, khi trời sáng liền lấy y áo rồi trở về Tăng Già Lam, ngoài trụ xứ ấy ra, đây nghĩa là gò mả. Nếu lui tới chỗ khác tức mất tên này.

Thế nào gọi là thọ ngộ đắc xứ trụ?

Chẳng vui nơi người tham, chẳng buồn giận người khác làm cho xa lìa. Biết được điều sai trái này, thấy chỗ thích hợp có công đức, nên ta từ ngày hôm nay, đoạn lìa chỗ tham ở, thọ chỗ thích hợp.

Thế nào gọi là ngộ đắc xứ công đức?

Tâm biết chỗ đủ, tham nơi vắng lặng, đoạn diệt nhiều ái lạc, ở người kính trọng, ở nơi từ bi, một lòng hướng đến sự nhiếp hóa, người lành chỗ làm, là nghiệp chẳng nghỉ.

Vì sao gọi là thọ? Vì sao gọi là mất?

Đoạn tham khổ dùng, gọi đây là nương gặp. Nếu đến chỗ vui vẻ tức mất đi tên này.

Thế nào gọi là thọ việc thường ngồi chẳng nằm?

Đối với chỗ trụ xứ, ngủ nghỉ giải đãi, biết điều ấy sai, thấy công đức thường ngồi, nên ta từ ngày hôm nay đoạn trừ việc hôn trầm nằm nghỉ, thọ thường ngồi chẳng nằm.

Thế nào là công đức thường ngồi?

Là chỗ đoạn trừ chỗ giải đãi. Trừ chỗ ganh ghét của thân, lia chỗ nhiễm xúc làm vui, ít bị trói buộc chỗ nghi, thường nhiều vắng lặng, chỉ thích tu thiền, người lành chỗ làm, là nghiệp không nghi.

Sao gọi là thọ? Sao gọi là mất?

Nghĩa là đoạn trừ sự nằm ngủ. Nếu nằm tức mất đi tên này.

Thế nào gọi là lia phân tảo y?

Đối với y của Cư sĩ cúng bằng vải, hoặc bằng lông thú mà Phật đã cho phương tiện thọ thì chẳng mất về việc lãnh y.

Thế nào gọi là ba y?

Nếu chứa y lớn quá 10 ngày, có nguyệt vọng y, có công đức y lại có y lớn vì giữ làm đồ nằm hoặc y che người, hoặc y tắm mưa mà chẳng thọ trì của thí bất tịnh. Nếu vì phương tiện thì chẳng mất 3 y.

Thế nào gọi là phương tiện khát thực?

Nếu tăng thứ thực, hoặc thường trụ thực, hành trú thực vào ngày 15, Bồ Tát thực, chúng thực và các loại thực khác v.v... lấy phương tiện để thọ thì chẳng mất việc khát thực. Nếu thấy điều này sai, thường hay xa lia.

Thế nào gọi là thứ đệ khát thực phương tiện?

Nếu thấy voi ngựa và ở trước cửa mà có chỗ tranh chấp đồ ăn ngon với chỗ khác, những loại như thế nếu thấy nghi thì nên tránh. Lại thấy Chiên Đà La che bình bát, học gia theo Hòa Thượng A Xà Lê khách làm Tỳ Kheo. Những loại như thế phương tiện mà vượt qua, chẳng mất đi thứ đệ.

Thế nào gọi là nhất tọa thực phương tiện?

Nếu lúc đang ăn mà thấy voi, ngựa, bò, rắn của Hòa Thượng A Xà Lê khách Tỳ Kheo đến, phương tiện mà qua khỏi, qua khỏi rồi mới ăn, chẳng mất một chỗ ngồi. Nếu biết lương thực và thời hậu thực không phải là phương tiện.

Thế nào gọi là vô sự xứ phương tiện?

Hoặc là thọ giới sám tội, vấn pháp, Bồ Tát, tỳ tứ, tỳ bình, khán bình.

Hỏi rằng qua chỗ nghi là thế nào?

Như thế các duyên, phương tiện ở trong làng xóm chẳng mất vô sự xứ.

Thế nào gọi là dưới gốc cây phương tiện?

Nếu gặp lúc mưa, liền vào núp bóng, khi dứt mưa liền trở lại như cũ mà chẳng mất. Dưới gốc cây, ở chỗ trống trải nơi gò mả, gặp chỗ thích nghi v.v... là phương tiện. Lại cũng như thế. Ngoài trụ xứ có thể ở, thường ngồi chẳng nằm là chẳng phải phương tiện. Lại có một thuyết, nếu quán nơi lỗ mũi, được dùng phương tiện, chẳng mất thường ngồi, mà đây là 13 hạnh đầu đà, liền thành 8 pháp. Như trong Tỳ Đàm nói là 8 loại Đầu Đà. Lúc ấy sau đó chẳng nhiếp về việc ăn, tiết lượng một chỗ ngồi. Việc này thọ trì thành một thể loại. Đây gọi là vô sự xứ nhiếp, nơi dưới gốc cây, chỗ ngồi trống và gò mả.

Vì sao gọi là nơi vô sự?

Nếu xây dựng phòng ốc vui với công vụ, nhiều chỗ tích chứa ham thích chỗ ở, tâm chẳng vui đúng, liền nghĩ thế này ở dưới gốc cây, ở nơi gò mả, ở nơi đất trống là chỗ ở yên tịnh. Cho nên thành 8. Đối với 8 việc đầu đà này lại thành 3 pháp. Một là vô trụ xứ, hai là

phần tảo y, ba là đi khát thực. Nếu 3 pháp thanh tịnh đầu đà đầy đủ, như Phật đã vì Nan Đà mà nói: Lúc nào ta thấy người thành vô sự xứ, thọ y phần tảo và không đúng thời không ăn, để dưỡng thân thân mệnh, không thấy chỗ ham muốn.

Hỏi rằng ai là Đầu Đà phần? Đầu Đà có bao nhiêu pháp? Vì sao gọi là 3 hành nhơn tu hạnh đầu đà? Có bao nhiêu Đầu Đà có thời tiết và có Đầu Đà nói Đầu Đà?

Đáp rằng có 13 loại đầu đà do Phật đã nói. Phật đã chế giới. Đây gọi là đầu đà phần. Đây chẳng nên nói là thiện, bất thiện hay vô lý. Vì sao vậy? Vì cùng với người bất thiện và ác dục vậy. Chẳng trừ ác dục, cùng khởi phi pháp, tham vui lợi dưỡng, cho nên chẳng phải là đầu đà lành.

Có bao nhiêu pháp?

Đây có 2 pháp đầu đà. Bất tham và bất si. Như Phật đã nói: Nếu Tỳ Kheo mặc y phần tảo nương vào thiếu dục tri túc, vui chỗ an tịnh không nghi, nương vào nơi giải thoát. Đây gọi là thọ phần tảo y. Ngoài ra các hạnh đầu đà khác cũng lại như thế. Chẳng tham, chẳng si, mà đây là chẳng tham nơi 13 xứ hay trừ tham dục. Lấy việc chẳng si này đối với 13 nơi hay trừ vô minh. Lại nữa lấy điều chẳng tham dục này mà Phật đã hứa để hay sanh chỗ xa rời, giống như vô si, trừ dục nhiễm vui riêng, mà đây là chẳng si. Giống như việc trừ ra việc đối lừa nơi thân. Đây là 2 pháp đầu đà. Đây là chẳng tham chẳng si.

Thế nào là 3 hành nhơn tu hạnh đầu đà?

Nghĩa là tham si hành nhơn tu hạnh đầu đà; sân nhuế hành nhơn chẳng hay tu hành.

Vì sao tham si hành nhơn mà có thể tu hành đầu đà?

Như người tham cho đến ái, thành những phóng dật. Nếu chẳng phóng dật tức có thể lại tham. Như si chẳng nghi, nương vào đầu đà thọ, thành bất phóng dật. Nếu bất phóng dật, tức có thể lại si.

Vì sao mà người tham si tu hạnh đầu đà?

Người sân thọ khổ, liền thành kẻ ác; như kẻ bị bệnh đờm; nếu không cho uống thuốc nóng, lại chuyển tăng thêm bệnh. Cho nên người sân chẳng nên tu hành. Lại nói người sân nên ở nơi vô sự và ở tại gốc cây.

Vì sao ở nơi vô sự?

Vì nơi ấy không có khổ của thế gian vậy.

Có bao nhiêu đầu đà có thời tiết?

Có 3 đầu đà có 8 tháng. Nghĩa là ở dưới gốc cây, nơi đất trống và ở nơi gò mả. Lúc an cư thì Phật dạy ở chỗ có che phủ bên trên.

Hỏi rằng sao gọi là đầu đà thuyết đầu đà?

Đáp rằng lại có đầu đà thuyết đầu đà, có đầu đà chẳng nói đầu đà. Có chẳng phải đầu đà nói đầu đà. Có chẳng phải đầu đà chẳng nói đầu đà.

Vì sao gọi là có đầu đà nói đầu đà?

Nghĩa là A La Hán thành tựu việc thọ pháp đầu đà.

Vì sao nói có đầu đà chẳng nói đầu đà?

Nghĩa là A La Hán chẳng thành tựu việc thọ đầu đà.

Vì sao có phi đầu đà nói đầu đà?

Nghĩa là học nhơn và phạm phu thành tựu việc thọ đầu đà.

Vì sao phi đầu đà chẳng nói đầu đà?

Nghĩa là học nhơn, phàm phu chẳng thành tựu việc thọ đầu đà.

Hỏi rằng tướng của đầu đà như thế nào? Vị như thế nào và khởi ra sao?

Đáp rằng lấy thiếu dục làm tướng. Tri túc làm vị và vô nghi làm khởi. Lại nữa lấy vô sở trước làm tướng, lấy vô quá làm vị, lấy chẳng thoái làm khởi.

Thế nào gọi là sơ, trung, hậu?

Nghĩa là thọ lấy làm đầu; tu hành làm giữa và hoan hỷ làm phần sau cùng.-

Phẩm Phân Biệt Định Thứ Tư

Hỏi rằng: Lúc ấy người ngồi thiền tịnh giới rồi hành đầu đà, thọ thành tựu chỗ thắng thiện thì phải làm như thế nào?

Đáp rằng: Làm cho định khởi lên.

Hỏi rằng: Định gì? Tướng gì? Vị gì? Khởi gì? Xứ gì? Người nào thọ thiên giải thoát định? Dùng thọ sai biệt thế nào? Có bao nhiêu định là nhơn có thể thấy? Lấy đó mà khởi định? Chứng định có bao nhiêu pháp? Định có bao nhiêu công đức? Định có bao nhiêu chúng cụ? Vì sao khởi định?

Đáp rằng: Định là có tên thanh tịnh. Một lòng hướng đến sự tinh tấn và công đức tịch tĩnh, chánh nhơn trụ, chẳng loạn. Đây có nghĩa là định. Lại nữa gió phiền não mạnh cũng không làm cho đảo tâm yên lặng được, như ánh sáng đèn nơi điện đường chẳng lay động. Như A Tỳ Đàm nói: Nếu tâm ở yên, chẳng có phan duyên, lại chẳng động loạn, yên lặng chẳng đắm, chánh định, định căn, định lực. Đây có nghĩa là định.

Tướng gì? Vị gì? Khởi gì? Xứ gì?

Tâm trụ tức là tướng, phục oán là vị, tịch tĩnh là khởi, ở nơi ô nhiễm mà tâm chẳng đắm trước được giải thoát, đây tên là xứ.

Người nào thọ định?

Nghĩa là thọ tâm số và phương tiện định v.v... Như thủ chấp xung, làm cho tâm, tâm số v.v... Như trong bát có dầu. Niệm và tinh tấn và hành vi định; giống như xe tứ mã dùng lực để kéo xe. Tư duy lấy làm định. Như bị bắn tên, người ấy chú tâm điều phục, để trừ oán vậy. Như thuốc tiêu độc. Như Tỳ Đàm nói: Kiểm nhiếp là nghĩa định. Từ đây nghĩa định đầy đủ là nghĩa định. Thiên có 4 loại thiên. Đó là sơ thiên và giải thoát. Nghĩa là 8 giải thoát. Bên trong tướng về sắc, bên ngoài quán về sắc. Định lại có 3 định nghĩa là hữu giác hữu quán, chánh thọ. Nghĩa là có 9 loại lần lượt chánh thọ.

Thế nào là thiên?

Là tư duy vậy. Tư duy về việc oán thì tâm thường hỷ lạc, lia các chướng ngại để được giải thoát vậy, làm cho bình đẳng. Phương tiện phát sanh định, được tự tại. Chẳng lấy 2 nghĩa ở nơi chánh thọ vậy. Lạc khởi định, giải thoát chánh thọ. Có bao nhiêu công đức làm cho định được? Khởi thấy 4 công đức làm định được khởi lên.

Thế nào gọi là bốn?

Hiện thấy pháp lạc, vui ở; lấy việc quán về niềm vui, thân thông hiện chứng có đầy đủ.

Làm sao mà hiện thấy pháp lạc, vui ở?

Nghĩa là người được định, hay sanh vô lậu. Tâm khởi vị ưa thích, thọ xuất thế lạc, thành hiện thấy pháp lạc, vui ở. Cho nên Đức Thế Tôn dạy rằng: Kẻ kia với thân này từ chỗ thanh tịnh sanh vui, liền được thanh lương. Làm cho từ từ viên mãn đầy đủ, thành tựu vậy. Như Phật dạy các Tỳ Kheo rằng: Ta trước đây làm Ni Kiền, bảy ngày bảy đêm thân chẳng giao động; miệng chẳng mở để nói lời nào, mặc nhiên ngồi như thế; một lòng thọ lạc. Đây đối với Thánh pháp nghĩa là hiện thấy pháp lạc, vui ở vậy. Lấy việc quán về niềm vui; nghĩa là người ngồi thiên được tâm định, chẳng còn bị che khuất trói buộc, điều nhu và hay thọ trì. Quán thấy về ám, nhập, giới v.v... Tự tánh an lạc cho nên Đức Thế Tôn đã dạy các Tỳ Kheo rằng nên phải tu hành, như thế tất cả lấy tâm nương vào như thật trí, biện chứng thân thông. Người đã được định rồi, nương chứng ngũ thông. Nghĩa là được như ý về thiên nhĩ, tha tâm, túc mệnh, thiên nhãn. Cho nên Thế Tôn nói rằng: Tâm được định rồi, tùy nghi chuyển biến. Như thế tất cả làm cho được như ý. Có đầy đủ rồi, người đã được định chưa đến được chỗ vô học. Nhưng cuối cùng làm cho chẳng thôi. Do định được báo, được sắc, vô sắc đầy đủ, như Phật đã dạy: Ít tu sơ thiên thì được làm quyến thuộc của Phạm Thiên. Như thế tất cả chúng loại đều sanh kia. Như thế tất cả đây là 4 công đức, hay sanh định kia. Mỗi mỗi sẽ khởi.

Chúng định có bao nhiêu loại?

Nghĩa là có 8 pháp. Dục, dục sân nhuế, giải đãi thù miên; điều hí nghi hoặc; vô minh vô hi lạc. Tất cả các pháp ác là chướng pháp.

Nguyên nhơn của định có bao nhiêu loại?

Nghĩa là có 8 pháp. Đây là cái nhơn xuất ly chẳng sân; tướng sáng chẳng loạn. Tất cả thiện pháp làm cho tâm hoan hỷ, hay sanh pháp trí. Đây là những nhơn của định.

Định tư có bao nhiêu loại?

Nghĩa là có 7 loại giới, đầy đủ tri túc; che lấp cửa ngõ, giảm chế ăn uống. Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm lại chẳng ngủ nghỉ, thường niệm đến trí tuệ. Trụ xứ tịch tĩnh.

Định có bao nhiêu loại?

Định có 2 loại. Một là thế gian định; hai là xuất thế gian định, được đắc Thánh quả. Nghĩa là xuất thế định. Còn tên thế định là định của thế gian; đây có lậu, có kết và có trói buộc. Đây còn trôi nổi, còn bị che đậy, còn giới trộm cắp, thấy trộm cắp. Đây còn chấp giữ phiền não. Đây nghĩa là thế gian định. Cùng khác với điều này gọi là xuất thế gian định. Lại nữa định có 2 loại. Đó là tà định và chánh định.

Thế nào là tà định?

Chẳng lành nhứt tâm. Đây nghĩa là tà định. Nếu lành một tâm. Đây nghĩa là chánh định, tà định dứt mất, chánh định nên tu. Lại nữa Định có 2 loại. Đó là ngoại định và an định. Định kia ở phần đầu gọi là ngoại định. Tánh trừ vô gián; đây có nghĩa là an định.

Lại nữa Định có 3 loại. Đó là có giác hữu quán định, vô giác hữu quán định và vô giác vô quán định.

Thế nào gọi là hữu giác hữu quán?

Nghĩa là sơ thiên có giác có quán; nhị thiên vô giác ít quán; dư thiên vô giác vô quán.

Lại nữa Định có 3 loại. Đó là cộng hỷ sanh định, cộng lạc sanh định và cộng xả sanh định. Sơ thiên nhị thiên nghĩa là nghĩa là cộng hỷ sanh. Tam thiên nghĩa là cộng lạc sanh. Tứ thiên nghĩa là cộng xả sanh.

Lại nữa Định có 3 loại. Đó là thiện định, báo định và sự định.

Thế nào gọi là thiện định?

Đó là người học con đường thánh và phàm phu. Tu sắc vô sắc định. Đây nghĩa là thiện định. Thánh quả là nơi học nhơn phàm phu sanh, sắc vô sắc giới. Đây gọi là báo định. Vô học nhơn thọ sắc vô sắc định. Đây gọi là sự định.

Lại nữa Định có 4 loại. Đó là dục định, sắc định, vô sắc định và vô sở thọ định. Nghĩa là nơi ấy gồm bỉ hành và chánh thọ hành. Đây thuộc về dục định. Tứ thiên thuộc về sắc định. Tứ vô sắc định và thiện nghiệp báo. Đây là vô sắc định. Bốn đạo quả nghĩa là vô sở thọ định.

Lại nữa Định cũng có 4 loại tu hành. Nghĩa là khổ tu hành thuần trí. Khổ tu hành lợi trí. Lạc tu hành thuần trí và Lạc tu hành lợi trí. Đây là 4 loại: Một là mật phiền não; hai là sơ phiền não; ba là lợi căn và bốn là thuần căn.

Đối với người mật phiền não, thuần căn nào tu hành, thuần trí được định. Mật phiền não lợi căn khổ tu hành, lợi trí được định. Người sơ phiền não thuần căn lạc tu hành, thuần trí được định. Sơ phiền não lợi căn lạc tu hành, lợi trí được định. Đối với đây là người mật phiền não; mật phiền não rồi bề gãy cái khổ lại phiền não. Cho nên khổ tu hành thuần căn nhơn, mà thuần căn vậy. Thiện hành tích chứa dài lâu, giác thuần trí. Cho nên gọi tên là thuần trí. Lấy đây làm phương tiện. Tất cả nên phân biệt.

Lại nữa Định có 4 loại. Đó là Tiểu Định Tiểu Sự; Tiểu Định vô lượng sự; Vô lượng định tiểu sự và Vô lượng định vô lượng sự.

Thế nào gọi là Tiểu Định Tiểu Sự?

Định ấy chẳng tùy theo tâm sở mà được. Định tiểu tinh tấn. Đây gọi là Tiểu Định Tiểu Sự.

Thế nào gọi là Tiểu Định vô lượng sự?

Định ấy chẳng tùy theo tâm mà được. Việc kia siêng năng lớn. Đây gọi là Tiểu Định vô lượng sự

Thế nào gọi là Vô lượng định Tiểu Sự?

Định ấy tùy theo tâm sở mà được. Sự kia tinh tấn ít. Đây có nghĩa là Vô lượng định tiểu sự.

Thế nào gọi là Vô lượng định vô lượng sự?

Định rồi tùy theo tâm sở mà được. Định kia là đại tinh tấn. Đây gọi là Vô lượng định vô lượng sự.

Lại nữa Định có 4 loại. Đó là dục định, tinh tấn định, tâm định và huệ định.

Dục định là nương vào dục tu hành. Đây là dục định. Nương vào tinh tấn để được, gọi là tinh tấn định. Nương vào tâm mà được; nên gọi là tâm định. Nương vào huệ mà được; nên được gọi là huệ định.

Lại nữa Định lại có 4 loại. Có định là chỗ Phật chứng đắc, chẳng phải chỗ Thanh Văn được. Có định Thanh Văn chứng đắc, chẳng phải Phật chứng đắc. Có định là chỗ Phật chứng đắc và Thanh Văn chứng đắc. Có định chẳng phải chỗ Phật chứng đắc và chẳng phải chỗ Thanh Văn chứng đắc. Đại bi định song biên định là chỗ Phật chứng đắc, chẳng phải Thanh Văn chứng đắc. Học quả định là chỗ Thanh Văn chứng được mà chẳng phải Phật chứng được. Cữu thứ đệ định vô học quả định là chỗ Phật và Thanh Văn chứng đắc. Vô tướng định là chẳng phải chỗ đắc của Phật và cũng chẳng phải chỗ đắc của Thanh Văn.

Lại nữa Định là có 4 loại. Đó là có định hay khởi chẳng hay diệt. Có định hay diệt chẳng hay khởi. Có định hay khởi hay diệt. Có định chẳng khởi lại chẳng diệt.

Hỏi rằng sao gọi là có khởi mà chẳng diệt?

Đáp rằng Dục giới thiện bất thiện định. Đây có nghĩa là khởi mà chẳng khởi. Học và phàm phu, sắc vô sắc thiện định; đây là khởi mà chẳng diệt. Tất cả quả định và sự định, chẳng phải khởi mà chẳng phải diệt.

Lại nữa Định có 4 loại. Đó là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền. Là nơi ngũ cái, thành tựu giác quan. Hỷ lạc nhứt tâm. Đây là sơ thiền. Là nơi giác quán thành tựu 3 chi, là hỷ thành tựu 2 chi. Là lạc xả nhứt tâm thành tựu đệ tứ thiền.

Lại nữa Định có 5 loại. Đó là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền và ngũ thiền. Ngũ thiền là 5 chi, giác quán hỷ lạc nhứt tâm ly ngũ cái, thành tựu ngũ chi. Đây là sơ thiền, ly giác thành tựu tứ chi. Đây là nhị thiền, ly hỷ thành tựu nhị chi. Đây là tam thiền, ly lạc thành tựu 2 phần. Đây là tứ thiền, cho nên xả nhất tâm.

Hỏi rằng vì sao gọi là tứ thiền và ngũ thiền?

Đáp rằng: Do 2 người chấp vậy. Đệ nhị thiền có 2 loại. Nghĩa là vô giác vô quán và vô giác thiếu quán.

Hỏi rằng: Ai là người tọa thiền? Làm cho sơ thiền tự tại khởi đệ nhị thiền?

Đáp rằng: Đối với thô giác quán, nhiếp niệm tư duy. Lại biết quán sai trái, làm cho khởi lên vô giác vô quán đệ nhị thiên. Đây là lần lượt tu tứ thiên. Lại nữa có một người đã làm cho sơ thiên tự tại hiện khởi đệ nhị thiên. Đối với thô giác nhiếp niệm tư duy. Tuy biết sai trái, thấy vô giác thiếu quán khởi lên đệ nhị thiên. Đây là thọ ngũ thiên thứ đệ. Cho nên nói đây là ngũ thiên.

Lại có 5 loại định. Nghĩa là 5 phần chánh thọ. Đó là hỷ mãn, lạc mãn, tâm mãn, quang mãn và quán tưởng. Đây là đối với sơ thiên nhị thiên hỷ mãn. Đối với tam thiên lạc mãn. Đối với tha tâm trí gọi là tâm mãn. Đối với thiên nhãn thông đây gọi là quang mãn. Từ kia, định kia khởi quán trí, gọi tên là quán tưởng.

Lại nữa Định có 5 loại. Đó là ngũ trí chánh định. Đây là hiện tại lạc và vị lai lạc báo. Y thân trí khởi; đây là định. Đây là chỗ thánh hành, chẳng phiền não. Đây là định huệ hơn tu tập; đây là định. Tịch tịnh yên vui, vui nơi thành tựu không hai; chẳng trở lại sanh tử. Đây là định tịch tịnh tối lạc. Vui thành một tánh chỗ được. Chẳng lại sanh tử ngã. Đây là định niệm, nhập niệm khởi, nương vào thân trí khởi. Lại nữa phân biệt rồi, hành xứ rồi; phân biệt tu hành sự và hạ, trung, thượng mà định như thế có nhiều loại. Nên biết rằng tất cả các định đều nhập vào tứ định.

Phẩm Mịch Thiện Tri Thức Thứ Năm

Hỏi rằng: Lúc ấy tại sao khởi định?

Đáp rằng: Nếu người tọa thiền muốn sanh thiên định sẽ tìm thấy thiện tri thức. Vì sao vậy?

Vì mới tọa thiền muốn sanh thiên định được tối thắng định. Nếu lia thiện tri thức, thành bất trụ phần. Như trong kinh dạy: Có Đam Tỳ Kheo thành nơi thoái phần, biết người một mình đi xa nước, chẳng có bạn chỉ bày, tùy ý một mình đi. Như voi chẳng có nài. Nếu người tọa thiền, chỗ tu hành gặp được thiện tri thức, chỉ bảo khuyên lớn rồi nhiếp thọ, chỉ chỗ sai trái liền được thiện pháp. Từ chỗ chỉ dạy mà tu hành tinh cần khổ hạnh, liền được tối thắng định. Như người buồn giàu có được mọi người kính quý. Như người bạn lành, như cha mẹ mình. Kẻ thiện tri thức như voi có dây làm cho dễ khiến. Như người lái xe khiến được việc đi hay dừng vậy. Như người cầm lái, dẫn đi con đường tốt. Như thuốc trị bệnh làm tiêu trừ sự khổ. Giống như trời mưa làm nhuần thấm mọi loài. Như mẹ nuôi con, như cha dạy trẻ. Như gần chẳng khó, như bạn lành, như Thầy dạy dỗ. Tất cả pháp lành đều nương vào đây để thành tựu. Cho nên Đức Thế Tôn dạy cho Nan Đà rằng: Tất cả phạm hạnh phải cần có thiện tri thức. Do vậy sẽ tìm người cho tốt hơn để làm bạn lành.

Vì sao gọi là thắng thiện tri thức?

Nghĩa là người ấy thành tựu rõ ràng về kinh, luật và luận. Đây có nghĩa là chỗ thành tựu. Rõ biết những loại nghiệp, được thiện thân thông, rõ biết Tứ Đế. Đây là 2 loại người công đức thành tựu. Đây là chỗ nên tìm. Nếu không được 2 loại công đức thành tựu ấy mà chỉ có 7 phần thành tựu thiện tri thức, thì đây lại cũng nên tìm.

Thế nào là 7 phần?

Khả kính ái, khả trọng, khả quý; hay nói nhẩn nhục; nói lời sâu xa; nói chẳng nơi chẳng an.

Thế nào gọi là khả kính ái?

Nương vào 2 loại hành giả, lành nói cộng trụ, tâm vui không gặp việc khó. Đây gọi là khả kính ái.

Khả trọng là gì?

Giới hạnh tịch tĩnh, giữ niệm thành tựu; chẳng tham dục nói nhiều. Đây gọi là khả trọng.

Khả quý là sao?

Nghe huệ công đức thành tựu, biết ngòi thiên, khả trọng. Đây gọi là khả quý.

Hay nói là sao?

Lời nói của ta dễ thương, dễ mến, dễ quý. Có kết quả và như thế tư duy, làm lợi cho kia vậy. Tôn trọng pháp. Đối với việc chẳng thể làm thì chế phục nhiếp thọ và cuối cùng nghĩ rồi bỏ. Đây nghĩa là hay nói.

Nhẫn nhục nghĩa là sao?

Nghĩa là hay làm cho chẳng ngưng lời nói ý nghĩ và tướng của tất cả lời nói, như hiền thánh vậy. Đây gọi là nhẫn nhục.

Thâm ngữ là sao?

Thông đạt nơi nghiệp. Nếu phân biệt, tương niệm tác ý, an trước, đều do chấp tướng lành mà nói như pháp. Chẳng phải chấp tướng như pháp phiền não, hay làm cho diệt tận. Đây gọi là thâm ngữ.

Bất an phi xứ là gì?

Nếu đối với tánh tộc trụ xứ, nghiệp tụ, tụng trước chẳng trụ có thể xa lánh. Hoặc đối với việc kham nhẫn hành xứ làm cho được an ổn. Đây gọi là trụ khả trụ. Đây nghĩa là bất an phi xứ. Lấy đây làm 7 phần thành tựu, là thiện tri thức có thể tìm.

Hỏi rằng: Vì sao nên tìm?

Đáp rằng: Nếu biết nơi ở của người A, B thì công đức thành tựu có thể quý mến. Nếu có Thiên sư nên lui tới kia. Nếu tự chẳng biết chỗ nào của kẻ đồng học; nên tìm đến gần gũi. Rồi biết lúc nào như pháp chưa nói ý này. Cung kính khơi hỏi khơi cư. Muốn hỏi chỗ hành thì nơi nào nước nào và dừng ở nơi đâu, có chúng an trụ, có tăng tịnh tọa, có cả Thiên sư. Việc làm này nếu làm, lấy gì là công đức tất cả chỗ quý; nên làm như thế và hỏi đồng học nên đáp rằng:

Nước đó, ở chỗ ấy, chúng thiên tọa ấy, Thiên sư ấy v.v... được chúng ái trọng, được nghe điều này rồi nghĩ sâu, tùy hỷ, rồi đến chỗ kia thân cận học hỏi thọ lãnh. Nên sửa y phục rồi đến nơi chỗ Hòa Thượng rồi tự nói ý vui. Hòa Thượng nghe ta, ta sẽ đến kia thân cận Thiên sư. Hòa Thượng nên nghe và đáp là lành thay. Ta lại tùy hỷ. Đây là người lành chỗ làm. Đây nghĩa là người lành cộng trụ, người lành chỗ làm. Đây là theo pháp tu hành; hoặc thấy nghe mà được lợi ích lớn. Hà hưởng ở chung. Người nên đến đó. Người đến rồi, kia sân, chẳng nên buông lung. Nếu là người lành, có thể khuyên tu học. Hoặc đối với một lúc hay tất cả lúc v.v... cần phải gia thêm niềm tin.

Kính thành nói lời lành, giữ gìn thân miệng, rõ lý tu hành, sẽ được thành tựu. Tất cả nương vào Thầy, chưa sanh dễ dãi. Như con dâu mới về nhà chồng, qua lại với mẹ và cô; nên sanh xấu hổ, nghe lãnh lời dạy. Nếu thấy đệ tử không có y phục, thuốc men, hoặc đến kia mà như pháp lo liệu, thuyết pháp giáo huấn. Cho đến đi đứng ngồi nằm đều chỉ dạy chỗ nên làm. Người tọa thiền kia nên y phục tề chỉnh, cung kính vây quanh. Lễ Thầy dưới chân. Đối với việc ra đi nơi đường sá bên ngoài gặp chỗ nước sâu, qua lại nơi ấy, y bát, giày dép, đồ ngồi thiền, để cao lên một nơi, chẳng làm cho gần nước. Khi tắm chẳng nghe tiếng. Lúc tắm rồi y phục phải ngay ngắn, mặc Uất Đa La Tăng, y bát, thiên cụ đặt lên vai phải. Văn Tăng Già Lê

để trên vai. Nếu vào chùa am bỏ giày nón nhiều tháp. Nếu thấy Tỳ Kheo đến, phải thưa hỏi. Nơi đây có người ngồi thiền, chẳng có người mặc phân tảo y, chẳng thấy người đi khát thực, chẳng có luật sư, chẳng có người ở nơi đây, từ đâu đến, có kẻ qua lại; hoặc chẳng phải người này, có luật sư, ta đều lui tới. Lại nếu không luật sư, ai làm Thượng Tọa, ta cũng lui tới. Nếu Thượng Tọa Đại Tăng vì giữ y bát chớ cùng. Ngoài ra kẻ nhỏ cũng chớ cùng. Nếu không có người, lấy để một nơi. Nếu thấy Thượng Tọa nên lễ dưới chân rồi đứng đối mặt. Tỳ Kheo cũ có ngồi, lấy nước và chỗ rửa tắm như pháp mà cung cấp; gần gũi để lo chỗ ăn, chỗ nghỉ cùng y bát, chỉ bày chỗ cần thiết; hỏi thăm về chế độ của Tăng. Ngày mới vào chùa phải đi quanh. Nếu thấy luật sư nên hỏi thăm chỗ nghỉ, tội lỗi và cố làm cho đừng phạm. Nếu thấy Thầy giảng pháp và muốn tu huệ, nên hỏi về âm, nhập, giới nghiệp. Nếu thấy người tu đầu đà, vì tương ưng huệ mà hỏi về công đức đầu đà. Nếu ở nơi ấy mỗi ngày nên qua lại hỏi han. Nếu muốn đi nên chuẩn bị đồ mặc, lễ đại tăng nơi chân và bạch rằng sẽ đi. Đây là vì khách Tỳ Kheo dụng pháp. Đối với người tọa thiền kia nên đến gần gũi. Thiền sư nếu đến, tuy nhỏ nhưng mang thay y bát. Phép của Thiền sư có thể đi, chẳng thể đi; chẳng nên liền đi, liền vắng. Đây chính là việc làm trước, nên để tu hành. Nếu muốn dạy người, trước nên hiểu biết. Người học tọa thiền trước xong rồi mới hành pháp. Xem xét chỗ ở rồi để y bát. Ít nghỉ ngơi, hiểu biết thời tiết, gần gũi Thiền sư, cung kính lễ bái. Đôi khi ngồi yên. Nếu Thiền sư hỏi chỗ muốn, nên tùy đó mà nói chỗ vui. Nếu chẳng hỏi thì chẳng nên nói. Từ đây về sau, tắm xia răng, nước tắm gội v.v... nên cầu thỉnh việc y chỉ để tu hành. Nếu đến lúc ăn, phải hỏi vị A Xà Lê như pháp mà làm. Khi đến giờ ăn, vì A Xà Lê mà rửa chân, sửa soạn chỗ ngồi và mang bình bát. Đối với bát riêng của mình, nên hỏi A Xà Lê chỗ lấy nhiều ít, để bát của mình ít hơn đệ tử. Như thế giữ gìn, như thế chẳng khó.

Lúc ăn xong rồi, lấy bát của vị A Xà Lê đem rửa, để một nơi và biết lúc gần gũi cung kính lễ bái. Có lúc ngồi yên, nếu A Xà Lê hỏi, tùy theo chỗ mà nói điều vui. Nếu chẳng hỏi thì lễ bái A Xà Lê và cầu thỉnh để nghe. Ta nói bỏn lai chỗ mong muốn. Nếu hứa cho thì tùy ý hỏi. Khi A Xà Lê nghe xong rồi nói. Nếu chẳng hỏi thì lễ A Xà Lê. Thấy đúng lúc nên nói nhưn duyên ta đến, nguyện A Xà Lê dạy bảo. Nếu A Xà Lê nghe, tất cả chỗ vui nên nói. A Xà Lê bảo: Lành thay! Rồi như pháp dạy bảo, nên như thế này mà vâng lời. Cho nên Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Đúng lúc mà gần gũi
Làm tâm chẳng kiêu mạn
Phạm hạnh hay hộ pháp
Giống như cây không gió
Nhớ pháp mà tu hành
Cùng pháp tự niềm vui
Pháp trụ pháp phân biệt
Nên nói pháp như thật
Hủy pháp chẳng nên làm
Vui nói, lo, mừng, cười
Sân nhuế, chớ giải đãi
Phần hận, tham, mạn, si
Ái chấp thật xấu vậy
Tu hành tất loại trừ
Giữ ý chẳng tự cao
Biết lành, lời thành thật
Vì định thật, biết nghe
Nếu người hay buông lung
Nghe huệ chẳng tăng trưởng
Nếu người biết chánh pháp
Trời người chỗ cung kính
Cung kính thành tính tâm

Nghe nhiều hay hộ pháp
Làm được chỗ nghe vui
Như thế các công đức
Tùy pháp hay tu hành
Hay sanh điều tốt đẹp
Thành tựu người trí huệ
Nếu được Thầy như thế
Nên tu, chẳng buông lung

Giải Thoát Đạo Luận
Hết Quyển Hai

GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN Quyển Thứ Ba

- *A La Hán Ưu Bà Đề Sa soạn vào đời nhà Lương bằng chữ Hán.*
- *Đời nhà Lương, người nước Phù Nam, Ngài Tam Tạng Tăng Già Bà La dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.*

Phẩm Phân Biệt Hạnh (việc làm) Thứ 6

Lúc bấy giờ y chỉ với vị A Xà Lê, lấy số ngày xem xét việc làm. Việc làm này tương ứng với hành xử và từ đó có thể chi dạy thêm. Đối với việc làm này có tất cả là 14 loại. Đó là dục hành, sân nhuế hành, si hành, tín hành, ý hành, giác hành, dục sân nhuế hành, dục si hành, sân si hành, đẳng phần hành, tín ý hành, tín giác hành, đẳng phần hành, ý giác hành.

Lại nữa ái, kiến, mạn v.v... các loại hành cũng nên biết. Đối với điều tham dục này, ý bảo làm, tánh vui đắm trước. Chẳng khác với nghĩa này. Do hành mà thành 14 loại người. Dục hành nhơn, sân hành nhơn, si hành nhơn, tín hành nhơn, ý hành nhơn, giác hành nhơn, dục sân hành nhơn, dục si hành nhơn, sân si hành nhơn, đẳng phần hành nhơn, tín ý hành nhơn, tín giác hành nhơn, ý giác hành nhơn, đẳng phần hành nhơn. Đối với dục này, dục dục sai sử dục tánh, dục lạc. Đây có nghĩa là dục hành nhơn. Dục này thường làm tăng thượng dục. Đây gọi là dục hành. Như thế tất cả sẽ phân biệt.

Lúc ấy 14 loại người này lược lại thành 7 người. Như thế dục hành nhơn - tín hành nhơn thành một. Sân hành nhơn - ý hành nhơn thành một. Si hành nhơn - giác hành nhơn thành một. Dục sân hành nhơn - tín ý hành nhơn thành một. Dục si hành nhơn - tín giác hành nhơn thành một. Sân si hành nhơn - ý giác hành nhơn thành một. Hai đẳng phần hành nhơn thành một.

Hỏi rằng: Vì sao dục hành nhơn, tín hành nhơn thành một?

Đáp rằng: Dục hành nhơn đối với bạn lành tăng trưởng tín hành dục, thân cận công đức vậy. Lại nữa lấy 3 hạnh, dục và tín. Câu này thành một tướng, có nghĩa là ái niệm nghĩa tìm về công đức. Nghĩa chẳng xả. Đối với dục này là niệm dục. Tín là niệm thiện; dục là tìm dục công đức. Tín là tìm công đức lành. Dục là chẳng xả, chẳng dễ thương làm tướng. Tín là chẳng xả lấy dễ thương làm tướng. Cho nên dục hành và tín hành thành một tướng.

Hỏi rằng: Vì sao mà sân nhuế hành và ý hành thành một?

Đáp rằng: Người làm chuyện sân đối với bạn lành tăng thêm trí làm việc sân, gần gũi công đức vậy. Lại nữa lấy 3 hạnh sân nhuế và trí thành một tướng. Chẳng phải ái niệm; nên tìm sân vậy, rồi xả. Đối với người sân này chẳng an vui ái niệm; kẻ trí chẳng an hành niệm.

Người sân nhuế tìm đến sân. Kẻ trí biết việc làm sai trái. Người sân an xả, kẻ trí an xả hành cho nên người sân hành và ý hành thành một tướng.

Hỏi rằng: Vì sao si hành nhơn và giác hành nhơn thành một?

Đáp rằng: Si hành nhơn làm được việc lành, tăng trưởng giác hành si, gần gũi công đức vậy. Tín huệ động lia được. Lại nữa lấy 2 hành si giác thành một tướng. Chẳng tự định; nên động vậy. Đối với đây si an; nên loạn vậy. Chẳng an. Biết nhiều và nhớ nhiều loại, nên thành ra chẳng an. Si chẳng chỗ khởi và hướng thành động. Biết nhẹ nhàng nên thành động. Cho nên si hành và giác hành thành một tướng vậy. Lấy đây làm phương tiện, ngoài hành nên phân biệt. Như thế đây thành bảy người.

Đối với 7 người này vì sao xa sự tu hành? Vì sao tu hành trì trệ?

Dục hành nhơn xa rời sự tu hành, lấy an có thể giáo hóa, tín lực vậy. Si giác mỏng vậy. Sân hành nhơn xa rời sự tu hành, sự an có thể giáo hóa, có ý lực vậy. Si giác mỏng. Si hành nhơn làm trễ nải việc tu hành, khó thể giáo hóa, có si giác lực vậy. Tín ý mỏng. Dục sân hành nhơn xa rời sự tu hành, sự an có thể giáo hóa, có tín ý lực vậy. Si giác mỏng. Dục si hành nhơn làm trì trệ việc tu hành, khó có thể giáo hóa được, khó yên để tin, si giác lực vậy. Sân si hành nhơn làm trì trệ việc tu hành, khó có thể giáo hóa, chẳng an ý vậy, si giác lực. Đẳng phân hành nhơn làm trì trệ việc tu hành, khó thể giáo hóa, chẳng yên trụ ý vậy. Có si giác lực.

Lúc bấy giờ 7 loại người này do căn bản phiền não nên chia làm ba. Đó là dục hành nhơn, sân nhuế hành nhơn và si hành nhơn.

Hỏi rằng: Đây là 3 loại hành do nguyên nhơn gì vậy? Vì sao có thể biết đây là dục hành nhơn; đây là sân hành nhơn và đây là si hành nhơn? Vì sao hành việc thọ y, khát thực, tọa cụ hành xứ uy nghi?

Đáp rằng: Đó là chỗ tạo nhơn duyên lúc đầu. Các hành giới lấy làm nhơn duyên, sai trái lấy làm nhơn duyên.

Vì sao các hành đầu tiên tạo ra nhơn duyên?

Đối với điều đầu tiên có phương tiện dễ thương vậy. Có nhiều nghiệp lành, thành dục hành nhơn. Lại từ cõi chư thiên, bị sanh lạc vào nơi này, thường hay khởi tâm sát hại tạo nên nghiệp oan trái, thành sân hành nhơn. Chẳng thích nghiệp nơi che khuất. Từ địa ngục, từ rỗng đọa lạc sanh vào đây. Đầu tiên là do uống rượu nhiều và làm chuyện ly gián, thành si hành nhơn. Từ súc sanh đọa lạc sanh vào đây; như thế các việc làm đầu tiên tạo nên các nhơn duyên.

Thế nào là giới làm nhơn duyên?

Hai giới gần gũi vậy, thành si hành nhơn. Đó là địa giới và thủy giới; hai giới gần gũi, thành sân hành nhơn. Đó là hỏa giới, phong giới. Tất cả là 4 giới vậy, thành dục hành nhơn. Như thế tất cả các hành giới là nguyên nhơn.

Vì sao lấy sai trái làm nguyên nhơn?

Lấy nhiều đờm dãi thành dục hành nhơn. Lấy nhiều sự ưa nói thành sân hành nhơn. Lấy nhiều gió làm thành si hành nhơn. Lại cũng có nói nhiều đờm dãi thành si hành nhơn. Tội đa gió thành dục hành nhơn. Như thế đó là làm nhơn duyên cho việc sai trái.

Vì sao có thể biết người này là dục hành, người này là sân hành và người này là si hành?

Đáp rằng qua bảy hành có thể biết được. Như thế do công việc, do phiền não, do hành, do thọ giữ, do ăn, do nghiệp, do nằm mà ra.

Vì sao do công việc mà biết?

Dục hành nhìn thấy chỗ có công việc. Việc chưa thấy sẽ thấy, liền thấy. Hằng quán nơi chơn thật sai trái chẳng tác ý. Đối với công đức nhỏ, thành chẳng khó. Chẳng từ dục này giải thoát, liền quán chẳng thể xả hành. Biết nơi việc khác. Các hành như thế, dục hành có thể biết sân hành nhìn. Thấy sở hữu việc như thế. Như mỗi một chẳng thể nhìn lâu. Tùy chỗ chấp sai để hủy hoại nhiều người. Đối với công đức nhiều, chẳng thể không khó. Từ đây chẳng xả. Tuy lấy sự sai trái được rồi liền biết hành những việc khác cũng như thế. Hành sân, hành có thể biết. Si hành nhìn thấy chỗ có những việc như thế. Đối với công đức quá hoạn thành việc tin nơi kia. Nghe người kia chỗ yếu lại yếu. Nghe nơi kia chỗ tán thán lại tán thán. Tự chẳng biết vậy. Lấy những hành như thế đối với việc ngoài, si hành có thể biết, như thế các việc.

Hỏi rằng: Vì sao lấy phiền não để biết?

Đáp rằng: Dục hành nhìn có 5 phiền não. Đó là đa hành, keo kiệt, huyễn, siểm, dục. Đây nghĩa là 5 sân nhuế hành nhìn có 5 phiền não, đa hành phần, hận, phú, khan, sân. Đây là 5. Si hành nhìn có 5 phiền não, đa hành, lười, giải đãi, nghi, hối, vô minh là 5. Như thế phiền não có thể biết.

Hỏi rằng: Cái gì là hành?

Đáp rằng: Dục hành nhìn thấy hành làm tánh. Cát bước chân có tạt đi ngang. Cát bước ngang thì bước chẳng rộng. Cát bước đi dễ thương. Như thế lấy hành dục, hành có thể biết. Sân nhuế hành nhìn thấy hành làm tánh, mau khởi bước, mau hạ chân. Tiếp theo là nửa bước giáp đất. Như thế mà đi, người sân nhuế có thể biết. Si hành nhìn thấy hành làm tánh. Dỡ chân, đạp đất rồi lại sát xuống, lấy chân chạm chân rồi đi, mà đi như thế, si hành nhìn có thể biết, như thế để đi.

Sao gọi là lấy việc mặc áo làm dục hành nhìn?

Đáp rằng: Dục hành nhìn lấy việc đắp y làm tánh. Chẳng thấy nhiều, chẳng khoan thai mặc y quá rộng. Ngay ngắn vừa vặn nhiều loại ngắm nhìn dễ mến. Sân hành nhìn lấy mặc y làm tánh. Quá gấp, quá thừa, chẳng ngay, chẳng gọn, chẳng thấy được chỗ dễ mến, chẳng thể thấy. Si hành nhìn lấy việc đắp y mặc áo làm tánh. Nhiều chậm rãi, chẳng gọn, chẳng cân; chẳng có loại nào dễ mến, dễ xem. Như thế lấy việc đắp y mặc áo có thể biết được.

Hỏi rằng: Vì sao lấy chỗ ăn mà có thể biết?

Đáp rằng: Dục hành nhìn vui với béo, ngọt. Sân nhuế hành nhìn vui với thù tạc. Si hành nhìn chẳng tập trung vui. Lại nữa dục hành nhìn lúc ăn tự lượng đồ ăn tương ưng với điều mình muốn. Lại biết khí vị chẳng xa ăn. Nếu được ít mùi vị, thành niềm vui lớn. Sân hành nhìn thấy việc ăn, muốn lấy nhiều, ăn bớt, ăn đầy miệng. Nếu được ít đồ ăn thì lại phiền não. Si hành nhìn thấy việc ăn chẳng đầy đủ, chẳng đoạn thực, chẳng gặp lúc. Lấy ít mà ăn để dính nơi miệng; một nửa cho vào miệng; một nửa rơi rớt nơi bàn, loạn tâm; chẳng nghĩ đến lúc ăn, như thế lấy dục có thể biết.

Hỏi rằng: Vì sao lấy công việc để biết?

Đáp rằng: Dục hành nhìn quét dọn, đứng ngay quét tước chẳng sạch, chẳng biết đất cát, lấy làm sạch sẽ. Sân hành nhìn nếu quét tước, gấp rút quét dọn 2 bên, rồi quét đi đất cát. Vội nghe tuy sạch sẽ mà chẳng bình đẳng. Ngu si hành nhìn nếu quét rác, thì khoan thai quét dọn đó đây mà thấy nơi chẳng sạch, lại chẳng công bình. Như thế lỗ chỗ đây đó v.v... Tất cả công việc bình đẳng làm ấy chẳng cùng với tâm. Đây là dục nhìn sân hành ở nơi tất cả việc chẳng bình đẳng làm, chẳng dụng tâm. Si hành nhìn loạn tâm làm nhiều chẳng thành. Như thế các việc có thể biết.

Hỏi: Vì sao lấy nằm ngồi?

Đáp rằng: Dục hành nhơn ngủ chẳng tiết chế. Ngủ trước, chiếm chỗ ngủ làm cho trước sau giống nhau. An ổn đặt thân chỗ khuất lên tay rồi ngủ. Nửa đêm có thay đổi liền dậy. Như có chỗ nghỉ liền đáp. Sân hành nhơn lại nằm ngủ. Tùy theo đó mà nằm yên. Thân, mặt, mắt tằn ngằn. Ban đêm nếu có người hoán đổi liền khởi sân mà đáp lại. Người si nếu nằm ngủ nghỉ, nơi ấy chẳng trọn đủ. Nên tay chân che thân mà nằm. Trong đêm nếu có người thay chỗ liền nghe tiếng ừ ừ thật lâu đáp lại. Như thế lầy việc nằm ấy mà có thể biết.

Hỏi rằng: Làm gì và pháp gì? Dùng việc thọ y áo, ăn uống, ngồi nằm, hành xứ?

Đáp rằng: Dục hành nhơn áo quần thô kết chẳng ra hôn và lấy đồ này mặc. Sân hành nhơn mặc đồ sạch sẽ, y áo thanh tịnh, màu còn tốt để xem. Đây nên mặc. Si hành nhơn mặc tùy theo chỗ được mặc. Dục hành nhơn khát thực thô, chẳng tinh khiết. Chẳng đẹp để ý nghĩa về tiểu khát thực. Sân hành nhơn khát thực mặc đồ đẹp tinh khiết, mùi thơm như ý là chỗ được si. Hành nhơn khát thực tùy theo chỗ được có tiết chế.

Dục hành nhơn ngồi nằm ở dưới bóng gốc cây nơi có nước. Ở nơi ít xa làng xóm. Lại nơi chẳng có chùa. Đối với nơi không có đồ nằm thì ở đây nên ngồi ngủ. Sân hành nhơn ngồi nằm dưới gốc cây gần nước, thành tựu ngay ngắn. Đối với chùa viện có chỗ ngủ nghỉ đầy đủ thành nơi ngủ nghỉ. Si hành nhơn nương vào đó. Gần gũi vị Thầy để ở. Dục hành nhơn hành xứ, nơi ăn uống thô sơ. Nếu vào làng xóm nên hướng theo mặt trời mà đi. Đối với nơi người ác, ở đây nên đi. Sân nhuế hành nhơn xứ, đối với việc cơm nước, ăn uống đầy đủ. Theo ngày dài ra, nhiều người tin hướng đến nơi. Chỗ này nên vào. Si hành nhơn tùy nơi được chỗ. Dục hành nhơn uy nghi, hay đi bộ nhiều. Sân hành nhơn nương vào chỗ nằm ngồi. Si hành nhơn nương vào nơi hành xứ. Đối với việc này tan ra. Kẻ muốn nương vào cảnh giới dễ mến dễ tin. Sân nhuế là chẳng sự dễ mến cảnh giới làm tin. Si là cơ thể thấy nguyên nhơn. Dục lại như nô bộc. Sân nhuế như là ông chủ. Si dụ như chất độc. Tham nghĩa là ít quá hoạn, đoạn vô nhiễm. Sân nhuế quá hoạn lớn, làm cho vô nhiễm. Si là đại quá hoạn, đoạn trừ vô nhiễm. Dục hành nhơn vui với sắc. Sân hành nhơn vui với việc an định. Si hành nhơn vui với sự giải đãi.-

Phẩm Phân Biệt Hành Xứ Thứ 7

Lúc đó y chỉ sư quán sát điều này nơi chỗ làm. Dạy cho 38 việc làm và sẽ lại dạy cho 2 việc làm tương ưng.

Hỏi rằng: Thế nào là 38 hành xứ?

Đáp rằng: Đó là 10 tất cả nhập địa, thủy, hỏa, phong, xanh, vàng, đỏ, trắng, không xứ, thức xứ tất cả nhập. Lại thêm 10 tướng bất tịnh như tướng sinh trưởng, tướng xanh phồng lên, tướng đến sự thối nát, tướng về đồ liệng bỏ, tướng đến đồ ăn của chim thú, tướng đến thịt từng phần của thân trưởng lên, tướng đến việc cưa chặt ra từng khúc, lại tướng về máu huyết chảy đỏ, tướng đến trùng hôi, tướng đến xương cốt. Lại có 10 niệm. Đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên, niệm tử, niệm thân, niệm số tức, niệm tịch tĩnh. Lại có 4 vô lượng tâm. Đó là từ, bi, hỷ, xả và quán tưởng về 4 đại, ăn bất tịnh, vô sở hữu xứ, phi phi tướng xứ. Đây là tất cả 38 hành xứ. 38 hành xứ này lấy 9 hành làm chỗ biết cao

cả. Một là lấy thiên, hai là lấy chánh việt, ba là lấy tăng trưởng, bốn là lấy duyên, năm là lấy công việc, sáu là lấy thắng, bảy là lấy địa, tám là lấy thủ, chín là lấy người.

Hỏi rằng: Thế nào là lấy thiên?

Đáp rằng: Đó là 10 hành xứ, thành thiên ngoại hành. Lại 11 hành xứ thành tựu sơ thiên. Lại 3 hành xứ thành tựu tam thiên. Lại một hành xứ thành tựu tứ thiên. Lại 9 hành xứ thành tựu tứ thiên ngũ thiên. Lại 4 hành xứ thành tựu vô sắc tứ thiên.

Hỏi rằng: Vì sao mà 10 hành xứ thành thiên ngoại hành?

Đáp rằng: Từ sở tức và quán thân, ngoài 8 niệm và quán 4 đại thực bất tịnh tướng. Đây gọi là 10 ngoại hành.

Hỏi rằng: Vì sao 11 hành xứ sơ thiên sở nhiếp?

Đáp rằng: 10 bất tịnh tướng và quán thân. Đây gọi là sơ thiên sở nhiếp.

Hỏi rằng: Thế nào là 3 hành xứ? 3 sở nhiếp?

Đáp rằng: Đó là từ, bi, xả.

Hỏi rằng: Thế nào là một hành xứ, tứ thiên sở nhiếp?

Đáp rằng: Đó là xả.

Hỏi rằng: Sao gọi là 9 hành xứ, tứ thiên ngũ thiên sở nhiếp?

Đáp rằng: Trừ không nhưt thiết, nhập thức nhưt thiết nhập. Ngoài ra còn 8 nhưt thiết nhập và sở tức niệm.

Hỏi rằng: Sao là 4 hành xứ, 4 vô sắc sở nhiếp?

Đáp rằng: Hư không nhưt thiết nhập, thức nhưt thiết nhập, vô sở hữu xứ, phi phi tướng xứ. Đây gọi là 4 hành. Như thế lấy thiên có thể biết.

Hỏi rằng: Vì sao lấy chánh việt?

Đáp rằng: Nhập hành xứ thành ra vượt quá sắc, trừ vô sắc nhưt thiết nhập. Ngoài ra còn 8 nhưt thiết nhập. Ngoài ra có 30 hành xứ chẳng thành việc vượt khỏi sắc. Lại có 3 hành xứ thành việc vượt khỏi. Ba vô sắc nhưt thiết nhập và vô sở hữu nhập. Ngoài ra 35 hành xứ, chẳng thành việc vượt qua. Lại có một hành xứ thành ra việt tướng thọ. Đó là phi phi tướng xứ. Ngoài ra 37 hành chẳng thành vi việt tướng thọ. Như thế lấy vượt qua có thể biết.

Hỏi rằng: Vì sao gọi là tăng trưởng?

Đáp rằng: Đó là 14 hành xứ có thể làm cho tăng trưởng. Đó là 10 nhưt thiết nhập và tứ vô lượng tâm. Ngoài ra 24 hành xứ, chẳng nên làm cho tăng trưởng. Như thế lấy tăng trưởng có thể biết.

Hỏi rằng: Vì sao làm duyên?

Đáp rằng: 9 hành xứ làm thân thông duyên. Trừ vô sắc nhưt thiết nhập, bát nhưt thiết nhập và phân biệt hư không nhưt thiết nhập. Ngoài ra 30 hành chẳng thành thân thông duyên. 37 hành xứ thành Tỳ Bà Xá Na duyên (quán, kiến, chủng chủng quan sát). Trừ phi phi tướng xứ. Lại có một hành xứ chẳng thành Tỳ Bà Xá Na duyên. Cho nên phi phi tướng xứ như thế lấy duyên có thể biết.

Hỏi rằng: Vì sao lấy công việc?

Đáp rằng: Đó là 21 hành xứ để phân biệt công việc. 12 hành xứ là thật sự; 5 hành xứ chẳng nên nói phân biệt sự thật sự.

Hỏi rằng: Thế nào là 21 hành xứ là phân biệt sự?

Đáp rằng: Trừ thức nhứt thiết nhập. Ngoài ra 9 nhứt thiết nhập; 10 bất tịnh tướng và niệm sở tức niệm thân.

Hỏi rằng: Vì sao 12 thật sự?

Đáp rằng: Thức nhứt thiết nhập, phi phi tướng xứ và 10 thiền ngoại hành.

Hỏi rằng: Vì sao 5 việc chẳng nên nói phân biệt sự và thật sự?

Đáp rằng: Đó là tứ vô lượng tâm và vô sở hữu xứ. Lại nữa nhị hành xứ; nội doanh sự, nội sự. Lại 2 hành xứ; nội doanh sự, ngoại sự. Lại một hành xứ, ngoại doanh sự nội sự. Lại 21 hành xứ; ngoại doanh sự ngoại sự. Lại có 4 hành xứ, nội doanh sự, nội sự thiết ngoại sự. Lại có 4 hành xứ, thiết nội doanh sự thiết ngoại doanh sự ngoại sự. Lại hai hành xứ, thiết nội doanh sự, thiết ngoại doanh sự, thiết nội sự, thiết ngoại sự. Lại có một hành xứ nội doanh sự chẳng nên nói và nội sự ngoại sự. Đối với đây 2 hành xứ nội doanh sự, nội sự; nghĩa là thức nhứt thiết nhập và phi phi tướng xứ. Lại có 2 hành xứ là nội doanh sự ngoại doanh sự. Cho nên niệm sở tức, niệm thân. Lại một hành xứ ngoại doanh sự, nội doanh sự. Cho nên niệm tử. Lại 21 hành xứ ngoại doanh sự, ngoại sự. Nghĩa là 10 bất tịnh tướng. Tứ vô lượng tâm, tứ sắc nhứt thiết nhập, hư không nhứt thiết nhập và niệm Phật, niệm Tăng. Lại 4 hành xứ nội doanh sự, nội sự thiết ngoại sự. Nghĩa là niệm giới, niệm thí và quán nơi tứ đại. Và tướng bất tịnh thực. Lại 4 hành xứ thiết nội doanh sự, thiết ngoại doanh sự. Nghĩa là tứ sắc nhứt thiết nhập. Lại 2 hành xứ thiết nội doanh sự, thiết ngoại doanh sự, thiết nội sự, thiết ngoại sự. Nghĩa là niệm Pháp, niệm tịch tĩnh. Lại một hành xứ nội ngoại doanh sự, nội sự. Nghĩa là niệm thiên. Lại một hành xứ nội doanh sự, nội sự, ngoại sự chẳng nên nói. Nghĩa là vô sở hữu xứ. Lại có 0 hành xứ thuộc về việc quá khứ. Nghĩa là thức nhứt thiết nhập và phi phi tướng xứ. Lại một hành xứ, đối với việc vị lai. Cho nên gọi là niệm tử. Lại một hành xứ đối với việc hiện tại. Đó là niệm thiên. Lại 6 hành xứ thiết (xây dựng) việc trong quá khứ, xây dựng việc vị lai, xây dựng việc hiện tại. Nghĩa là niệm Phật, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí. Và quán tứ đại bất tịnh thực tướng. Lại hai hành xứ, thiết lập việc quá khứ, thiết lập việc hiện tại, thiết lập việc chẳng nên nói về quá khứ vị lai. Cho nên niệm Pháp, niệm tịch tĩnh. Lại 26 hành xứ, chẳng nên nói việc 3 đời. Nghĩa là 9 nhứt thiết nhập. 10 bất tịnh tướng, tứ vô lượng tâm. Và niệm sở tức, niệm thân. Vô sở hữu xứ lại có 4 hành xứ là việc động. Nghĩa là lửa nhứt thiết nhập, gió nhứt thiết nhập, trùng thối tướng, niệm sở tức. Nơi này tức động. Tướng này chẳng động. Ngoài ra 34 việc bất động, như thế lấy công việc mà biết.

Hỏi rằng: Vì sao lấy thắng?

Đáp rằng: 8 nhứt thiết nhập, tứ vô sắc định. Đây gọi là thắng chơn thật sự vậy. Lấy 8 nhứt thiết nhập gọi là định thắng vậy. Đệ tứ thiền kia được thắng địa vậy. Tứ vô sắc định thành thắng. 10 bất tịnh tướng và 10 bất tịnh tướng. Đây gọi là tướng thắng. Lấy sắc, lấy hình, lấy không, lấy phương, lấy phân biệt, lấy hòa hợp, lấy chấp trước, lấy bất tịnh tướng sự, lấy thập niệm xứ. Đây gọi là thắng niệm vi tế vậy. Tùy niệm vậy. Tứ vô lượng tâm lấy vô quá làm thắng. Thọ nhiều ích mà quán về tứ đại. Gọi là huệ thắng. Lập chấp trước không; nên như thế lấy thắng có thể biết.

Hỏi rằng: Thế nào là lấy địa?

Đáp rằng: 12 hành xứ, chẳng sanh nơi cõi trời. Nghĩa là 10 bất tịnh và niệm thân, thực bất tịnh tướng. Lại có 13 hành xứ, chẳng sanh nơi sắc hữu. Đầu tiên là 12 và sở tức, niệm bất sanh hữu sắc. Trừ tứ vô sắc xứ. Ngoài ra hành xứ chẳng sanh nơi vô sắc hữu. Như thế lấy địa có thể biết.

Hỏi rằng: Vì sao lấy thủ?

Đáp rằng: Đó là 17 hành xứ. Lấy kiến nên thủ tướng. Trừ gió, nhứt thiết nhập và vô sắc nhứt thiết nhập. Ngoài ra 7 nhứt thiết nhập, 10 bất tịnh tướng. Lại một hành xứ, lấy xúc nên

thủ tướng. Nghĩa là niệm sở tức, lại một hành xứ. Hoặc lấy kiên, hoặc lấy xúc nên thủ. Nghĩa là gió, nhưt thiết nhập. Ngoài ra 19 hành xứ, lấy nghe phân biệt nên thủ. Lại 5 hành xứ; người mới tọa thiền chẳng nên tu hành tứ vô sắc và xả, dư 32. Người mới học thiền nên thủ. Như thế lấy thủ mà biết.

Hỏi rằng: Vì sao lấy người?

Đáp rằng: Dục hành nhơn, tứ vô lượng, chẳng nên tu hành, lấy tịnh tướng vậy. Vì sao thế? - Dục hành nhơn tác ý, tịnh tướng chẳng phải chỗ làm. Như người bệnh đờm, ăn nhiều mập phì, chẳng phải nghỉ chỗ này. Sân hành nhơn 10 bất tịnh tướng, chẳng nên tu hành. Sân si tướng vậy. Sân nhuế tác ý, chẳng phải chỗ làm. Như người bệnh đờm uống ăn hao nhiệt, chẳng phải chỗ nghỉ. Si hành nhơn chưa tăng trưởng trí, chẳng nên làm cho khởi lên nơi tu hành, lìa phương tiện vậy. Nếu lìa phương tiện thì tinh tấn không có kết quả. Như người cỡi voi chẳng có dây cương. Dục hành nhơn nên tu bất tịnh tướng và quán thân. Đây là dục đối trị vậy. Sân hành nhơn nên tu tứ vô lượng tâm. Đây là sân đối trị vậy. Hoặc sẽ tu sắc nhưt thiết nhập, tâm tùy theo đó vậy. Tín hành nhơn nên tu lục niệm xứ. Niệm Phật lấy làm đầu, rồi tín định vậy. Ý hành nhơn nên tu quán tứ đại. Đối với thực bất tịnh tướng. Niệm tử, niệm tịch tĩnh nhiệm xứ vậy.

Lại nữa ý hành nhơn đối với nhưt thiết hành xứ chẳng thể phương hại. Giác hành nhơn nên tu niệm sở tức lấy đoạn giác vậy. Si hành nhơn lấy lời hỏi pháp. Lấy thì gian nghe pháp, lấy pháp cung kính. Cùng với Thầy ở chung, làm cho trí tuệ tăng trưởng. Đối với 38 hành, tùy theo đó mà vui; nên sẽ tu niệm tử. Và quán tứ đại tối thắng. Lại nói đối với phân biệt hành xứ, ta thấy kia hơn. 6 người đối với chỗ phân biệt lược bớt mà chia thành 3.

Hỏi rằng: Nếu tự nhiên đối với việc ban đầu có hại?

Đáp rằng: Hai dục hành nhơn. Nghĩa là thuận căn lợi căn. Vì thuận căn dục nhơn, tu bất tịnh quán. Vì dục này đối trị. Đây là chỗ nên dạy làm, tu được trừ dục. Lợi căn dục nhơn, lòng tin đầu tăng trưởng, sẽ tu niệm xứ. Đây là chỗ nên dạy làm, tu được trừ dục.

Nhị sân hành nhơn. Nghĩa là thuận căn lợi căn. Vì thuận căn sân nhuế hành nhơn, tu tứ vô lượng. Đây là sân nhuế đối trị. Đây là chỗ nên dạy làm, tu được trừ sân. Lợi căn sân nhuế hành nhơn lấy trí tăng trưởng tu hành thắng xứ. Đây là chỗ dạy tu được trừ sân.

Nhị si hành nhơn; nghĩa là vô căn thuận căn si hành nhơn; chẳng nên dạy tu hành xứ. Vì thuận căn si hành nhơn. Vì trừ giác, nên dạy tu niệm sở tức. Như thế đây được bớt, chỉ thành 3 người. Đây lại chẳng hại. Đối với pháp này tất cả nhập và sở tức, lấy không tăng trưởng, vô hại thành tất cả việc làm. Nếu được thắng công đức này rồi, hơn tất cả việc làm, chỗ làm và nơi ấy thành chẳng hại.

Giải Thoát Đạo Luận **Hết Quyển 3**

Giải Thoát Đạo Luận Quyển Thứ Tư

- *Ngài A La Hán Ưu Bà Đề Sa tạo luận bằng chữ Phạn*
- *Đời nhà Lương, người nước Phù Nam, Ngài Tam Tạng Tăng Già Bà La (Samgha-Pala) dịch từ chữ Phạn ra tiếng Hán.*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt ngày 21 tháng 12 năm 2005, nhân lần nhập thất thứ tại Tu Viện Đa Bảo Sydney, Úc Đại Lợi.*

Phẩm Hành Môn Thứ 8 - Phần một

Hỏi rằng: Vì sao gọi là địa nhứt thiết nhập? Tu môn gì? Tướng gì? Vị gì? Xứ gì? Công đức gì? Nhứt thiết nhập là nghĩa gì? Có bao nhiêu loại địa và địa nào chấp tướng? Vì sao làm pháp Mạn Đà La? Tu theo pháp địa gì?

Đáp rằng: Tâm này nương vào tướng của địa mà sanh. Đây gọi là địa nhứt thiết nhập. Trụ tâm chẳng loạn gọi tên là tu. Lành vui tướng đến địa, lấy làm tướng. Bất xả là vị. Ý chẳng khác niệm lấy làm xứ. Công đức ở đây có nghĩa là 12 công đức từ địa nhứt thiết nhập, đây là tướng dễ được. Đối với bất cả lúc, đối với tất cả hành, tâm hành chẳng nghi, như ý thân thông. Đi trên nước hay ở hư không cũng giống như ở trên đất, thọ nhận nhiều loại biện tài. Đầu tiên là nhớ nghĩ đến túc mệnh và thiên nhĩ giới biện tài. Tùy theo việc làm lành và cam bồ làm biên giới.

Hỏi rằng: Nhứt thiết nhập nghĩa gì?

Đáp rằng: Đó là phổ cập nhứt thiết nhập. Như Phật đã nói kệ rằng:

Nếu người niệm Phật đức
Sanh vui khắp cùng thân
Quán địa nhứt thiết nhập
Khắp cùng Diêm Phù Đề
Chỉ quán nương địa sanh

Tâm vui cũng như vậy.

Tu như thế này, thấy Mạn Đà La biến nhưt thiết nhập.

Hỏi rằng: Địa có bao nhiêu loại? Địa nào chấp tướng mà có thể tu?

Đáp rằng: Địa có 2 loại. Một là tự tướng địa; hai là tạo tác địa. Cứng là tự tướng của đất. Đây nghĩa là tự tướng địa. Nếu lấy tay tự mình đào rồi bảo người khác đào, tạo tác được thành; gọi đây là tác địa. Thành 4 loại màu. Đó là trắng, đen, đỏ và màu sáng suốt. Đối với người ngộ thiên, đối với tự tướng địa. Từ đây chẳng khởi tướng từng phần kia. Nếu chấp vào màu trắng, đen, đỏ thành ra tu sắc nhưt thiết nhập. Vì sao vậy?

Quán tự tướng của đất, lia trắng đen đỏ. Hoặc làm hoặc chẳng làm, sẽ giữ cái tướng này. Như minh tướng hiện sẽ chấp tướng này.

Hỏi rằng: Vì sao gọi là bất tác địa?

Đáp rằng: Nơi nơi đều bằng phẳng, không có cỏ đá và không có các loại gốc cây. Đối với cảnh của mắt này sẽ làm cho tâm khởi. Đây có tên gọi là địa tướng. Đây nghĩa là bất tác địa.

Nếu xưa tọa thiền tùy đó mà vui hay chẳng vui, tức là thấy được phần địa tướng kia, trụ ở nơi bất thối. Kẻ mới học thiền chấp vào tướng của tác địa và tạo ra Mạn Đà La. Chẳng quán, chẳng tác địa.

Hỏi rằng: Vì sao lại tạo Mạn Đà La?

Đáp rằng: Nếu người tọa thiền muốn ở nơi địa tạo Mạn Đà La thì đầu tiên từ chỗ quán tịch tĩnh; hoặc ở nơi chùa, phòng hoặc ở trong động đá; hoặc ở dưới gốc cây. Chẳng ở nơi tối không có ánh sáng, không người qua lại. Đối với những nơi như thế đều xa một khoảng cách. Rửa quét cho sạch rồi làm cho đất bằng và nơi đó lúc minh tướng hiện, lấy đất màu xử dụng cùng đất để tạo nên thành tướng. Lần lượt thích nghi, oai nghi cung kính rồi lấy đồ trộn nước vào đất. Lấy cỏ cây, đất cát và phân trộn lộn, rồi lấy vải đưng bùn ấy, đoạn lấy đất sạch, ngồi nơi chỗ khuất, đừng cho ánh sáng vào và an trí nơi đó để tọa thiền. Chẳng gân chẳng xa rồi viên tròn lại. Viên thật khéo cho đều, sau đó lấy bột đất có nhiều màu và phân ra từng màu một, chẳng tạp rồi cho vào đất. Cho đến đầy đủ che khắp, giữ gìn. Đến khi khô ráo lấy màu khác cho vào bên ngoài. Hoặc lớn như hột lúa; hoặc lớn như cái thanh la; hoặc tròn hoặc cạnh; hoặc tam giác tứ giác; nên rõ phân biệt. Đức Bồ Sư đã dạy rằng:

Làm Mạn Đà La là công việc tối thắng. Hoặc nơi vải, hoặc nơi gỗ, hoặc nơi tường, đều có thể làm Mạn Đà La. Đối với địa tối thắng. Như thế người xưa đã nói.

Hỏi rằng: Vì sao tu địa pháp?

Đáp rằng: Nếu người tọa thiền muốn tu địa nhưt thiết nhập; đầu tiên nên quán về dục quá hoạn. Lại nên quán ra khỏi công đức.

Hỏi rằng: Vì sao nên quán dục quá hoạn?

Đáp rằng: Dục là khí vị ít mà nhiều ưa khổ. Đối với việc này nhiều quá hoạn. Dục cũng giống như xương, dù cho khí vị ít. Dục cũng giống như thịt tan nát ra, lấy sự lệ thuộc vậy. Dục giống như lửa nghịch gió, thiêu cháy vậy. Dục giống như củi than lớn nhỏ. Dục giống như giác mộng, chẳng có thật vậy. Dục cũng như chứa đồ vật dụ cho sức bền chắc chẳng dài lâu. Dục cũng giống như trái cây vì người bẻ đi vậy. Dục cũng giống như con dao dùng để chặt đốn cây. Dục cũng giống như một lưỡi giáo, dùng để cắt vậy. Dục cũng giống như đầu rắn độc. Có thể tạo sự sợ hãi vậy. Dục cũng giống như gió thổi bông, chẳng thể giữ lại được. Dục cũng giống như điều huyền mộng mà người si ngờ vực. Dục chính là chỗ tối tăm, chẳng thể thấy được. Dục chính là sự chướng ngại làm ngăn trở những pháp lành vậy. Dục chính là si mê làm mất chánh niệm. Dục chính là ngọn lửa nung cháy vậy. Dục chính là việc cột vào giới tướng. Dục chính là ăn cắp công đức vậy. Dục chính là oan gia khởi lên việc đấu tranh

vậy. Dục chính là khổ, tạo ra những quá hoạn vậy. Như thế đã rõ dục là quá hoạn rồi; nên quán lia xa công đức. Gọi sự xuất ly này là sơ thiền đối với người mới xuất gia tu những việc lành. Đây gọi tâm là xuất ly.

Hỏi rằng: Vì sao gọi là xuất ly công đức?

Đáp rằng: Đó là cái tâm vô tận ở nơi tự tại và thường vui tịch tĩnh. Kham nhẫn việc khổ vui, ở nơi chẳng quên mất. Rộng độ các việc, được chỗ đất lớn, kham thọ cúng dường. Làm lợi lạc cho 2 nơi. Đây là đại trí huệ; đây là tất cả thiện xứ; đây gọi tên là siêu tam giới. Lại nữa gọi đây là xuất ly. Sự rời khỏi sự ham muốn về dân, là sự tịch tĩnh các sự che đậy, là niềm vui chẳng dơ. Đây là nơi tối thắng địa. Đây là con đường được tối thắng. Đây là chỗ thanh tịnh của tâm dơ. Đây là công đức tu hành đã tạo. Đây là niềm vui bên trong của việc tu hành. Dục là thô; ra khỏi là thắng diệu. Dục chính là phiền não; ra khỏi chính là chẳng phiền não. Dục là thấp hèn; ra khỏi đó chính là cao thượng. Dục chính là sân nhuế; ra khỏi đó chính là vô sân nhuế. Dục chính là quả chẳng dễ thương; ra khỏi đó chính là quả dễ thương. Dục chính là sự sợ hãi; ra khỏi đó chính là sự không sợ hãi. Như thế đã quán về sự dâm dục quá hoạn rồi, lại quán xuất ly công đức. Nương vào xuất ly sanh ra dục lạc. Tâm sanh lòng tin, sanh sự cung kính. Quán việc có thể làm và không thể làm. Nương vào sự tiết chế ăn uống, chỗ để y bát; thân chẳng mỏi mệt, tâm chẳng giải đãi; nên đi đạo và đạo xong rồi, nên rửa tay chân; nên niệm Phật; niệm Bồ Đề, niệm Pháp Tăng. Tu hạnh lành, niệm rồi, sẽ tạo ra hoan hỷ. Ta có thể như thế mà được đầy đủ. Nếu ta chẳng được xuất ly, lại chẳng an ổn tinh tấn lâu dài; do vậy nên siêng năng hơn. Với Mạn Đà La chẳng gần chẳng xa. Như các ách chẳng rời xa; nên ở yên nơi chỗ ngồi và ngồi kiết già đối diện với Mạn Đà La, làm cho thân ngay ngắn lại. Trong tâm khởi niệm, mở mắt nhỏ nhỏ để trừ thân tâm loạn, nhiếp tất cả tâm thành một. Tâm được mở rồi, phảng phất làm cho quán Mạn Đà La và người ngồi thiền kia hiện quán hình Mạn Đà La, lấy 3 hình chấp tướng, lấy đấng quán làm phương tiện để lia sự loạn động.

Hỏi rằng: Vì sao lấy đấng quán?

Đáp rằng: Người tọa thiền hiện đang quán về Mạn Đà La chẳng mở mắt lớn chẳng đóng mắt lại. Như thế mà quán.

Vì sao vậy?

Nếu mở mắt lớn thì mắt này sẽ mỏi. Mạn Đà La tự tánh hiện thấy tự tánh, tướng về phần khác chẳng khởi lên. Nếu đóng chặt mắt hết lại, thấy Mạn Đà La trong bóng tối. Lại chẳng thấy được tướng kia, liền sanh giải đãi. Cho nên phải lia việc mở hết hoặc nhắm mắt hoàn toàn. Chỉ chuyên tâm trụ vào nơi Mạn Đà La. Vì tâm trụ rồi sẽ quán như người xem ảnh mình nơi kiếng thấy hình. Nương vào kiếng ấy thấy mặt mình và mặt ấy từ kiếng mà sanh ra. Người tọa thiền kia quán Mạn Đà La thấy được tướng định này rồi nương vào Mạn Đà La mà khởi. Cho nên sẽ quán đấng quán giữ làm tướng, làm cho tâm ở yên vậy. Như thế lấy đấng quán giữ lại làm tướng.

Hỏi rằng: Vì sao lấy phương tiện?

Đáp rằng: Lấy 4 tác ý làm phương tiện. Một là bên trong ngăn cách; hai là mãn phương (đầy đủ), ba là thay đổi và bốn là biến khắp. Đây là thấy tướng tan khắp không ngăn cách. Lúc ấy nên tạo tác ý cho sự ngăn cách bên trong. Khi đó sẽ thấy tướng nhỏ; hoặc thấy nửa Mạn Đà La. Bấy giờ làm cho xong Mạn Đà La rồi, tác ý làm cho sung mãn. Lúc ấy tâm tán loạn và tâm lười biếng. Lúc ấy nên khóa lại như khóa cửa nhà. Lúc ấy nếu tâm được ở yên, thì nên làm cho thấy Mạn Đà La đầy khắp, chẳng vui rồi quán xả. Như thế lấy phương tiện có thể biết được.

Hỏi rằng: Vì sao lấy ly loạn?

Đáp rằng: Ly loạn có 4 loại. Một là quá mau, tạo ra siêng năng; hai là quá trì trệ, tạo ra siêng năng; ba là quá cao; bốn là quá thấp.

Hỏi rằng: Sao lọa nói quá mau, tạo ra siêng năng?

Đáp rằng: Tật mau tác ý, chẳng chờ thời tiết; sáng ngồi tối ngồi cho đến khi thân mệt. Đây gọi là tốc tác.

Hỏi rằng: Sao gọi là trì trệ, tạo ra siêng năng?

Đáp rằng: Lìa tác ý làm phương tiện. Tuy thấy Mạn Đà La, chẳng cung kính tác ý; lúc tỉnh lúc buồn ngủ. Nếu mau siêng năng, tức thành thân mệt, tâm thoái. Tâm ra ngoại duyên, khởi lên các việc hí luận. Nếu trì trệ tạo ra siêng năng, thân tâm thành ý lại giải đãi, khởi lên sự buồn ngủ. Chỗ quá cao thì tâm này thoái, khởi lên một việc loạn. Đối với chỗ hành xứ, thành ra chẳng vui. Hoặc đối với việc đầu tiên hay nói cười hí luận. Chỉ vì tâm dục cao ngạo.

Lại nữa nếu được các tướng hành là do hí lạc, tâm dục thành cao. Tối thấp nghĩa là thoái đi các duyên. Đối với nghiệp xứ thành chẳng vui. Nếu chẳng vui nơi sơ hành xứ lại tạo ra chỗ sân xứ. Do tâm sân nhuế, trở thành thấp.

Lại nữa nếu mệt mà lại quán thì từ tốt sẽ làm cho tâm rơi vào chỗ xấu. Do ưu ái mà tâm thành ra thấp. Người tọa thiền này, nếu tâm mau làm thoái đọa thì niệm căn, định căn nhiếp phục, làm cho xả bỏ. Nếu tâm tiến đến làm thoái đọa chuyện giải đãi thì lấy niệm tinh tấn câu nhiếp phục và làm cho mất đi sự giải đãi. Nếu cao tâm thoái đọa dục xứ, thành hiện biết, làm cho xả dục. Nếu hạ tâm thoái đọa nơi sân nhuế, thành hiện trí, làm cho xả sân nhuế.

Đây là 4 xứ thành tâm thanh tịnh, thành chuyên một tâm. Đây là cái nhọn sáng của 3 việc định tâm mà tùy theo ý để được thấy hình Mạn Đà La. Nếu chuyên nhứt tâm chuyển thành gọi là tướng khởi và có 2 loại. Nghĩa là thủ tướng.

Phần tướng kia vì sao gọi là thủ tướng? Nếu người tọa thiền kia chẳng tán tâm và hiện quán Mạn Đà La thì từ Mạn Đà La ấy khởi tướng, như đối với hư không mà thấy; hoặc lúc xa, hoặc lúc gần; hoặc lúc trái, hoặc lúc phải; hoặc lúc lớn, hoặc lúc nhỏ; hoặc lúc xấu, hoặc lúc tốt; hoặc lúc nhiều, hoặc lúc ít, chẳng lấy mắt để quán Mạn Đà La. Lấy tác ý phương tiện, giữ tướng khởi. Đây gọi là thủ tướng. Từ việc làm nhiều kia, phần tướng kia khởi, gọi là bị phần tướng. Nếu lúc tác ý, tùy theo tâm liền hiện. Chẳng thấy Mạn Đà La, sau đó sanh tâm niệm; liền làm cho tâm đóng mắt lại như chỗ quán đầu tiên. Hoặc xa tác ý lại liền thấy xa; hoặc gần trái phải trước sau, trong ngoài trên dưới, lại cũng như thế. Tùy tâm liền hiện. Đây gọi là bị phần tướng.

Tướng ấy nghĩa là gì?

Đó là nghĩa nhọn và nghĩa tướng. Như Phật dạy các vị Tỳ Kheo rằng: Những điều ác kia chẳng phải là những pháp lành. Có tướng khởi là nghĩa của nhọn duyên. Lại nói nghĩa của trí, nghĩa của tướng. Như Phật đã dạy lấy tác tướng mà xả. Đây là nghĩa của trí.

Lại nói về nghĩa hình ảnh và nghĩa của tướng. Như thấy chính mắt của mình và nghĩ về hình ảnh ấy. Phần kia không khác nghĩa. Lúc ấy được tướng; người tọa thiền đối với Thầy này khởi tâm cung kính, giữ nơi tướng tốt và sanh ra việc bảo hộ. Hoặc chẳng bảo hộ thì liền mất đi.

Hỏi rằng: Vì sao lại nên thủ hộ?

Đáp rằng: Lấy 3 chủng hạnh, nên tướng thủ hộ. Như vậy lấy lìa việc ác, lấy sự tu hành lành, lấy chỗ thường làm vậy.

Vì sao lìa chẳng thiện?

Vui ở nơi công việc. Vui nói nhiều lời hí luận; vui ngủ nghỉ, vui tụ hội, vui nhòn tục tĩu. Chẳng giữ gìn các căn; chẳng giảm bớt việc ăn uống. Đầu đêm cuối đêm chẳng dậy ngồi thiền. Chẳng kính chỗ học; nhiều bạn xấu, chẳng tu hành gì. Nên xa lìa việc chẳng tốt, giảm ăn, nằm ngồi chẳng? Đổ đối trị với kia thì những việc lành phải hay thường làm.

Hỏi rằng: Thế nào là thường tác?

Đáp rằng: Người tọa thiền kia lành giữ tướng này, thường hay quán công đức này, như nhớ đến trần châu, thường hoan hỷ làm, thường tu hay tu; hoặc ngày đêm tu hành nhiều; hoặc vui với ngồi nằm và tâm vui phan (?) duyên. Nơi nơi đều phóng tâm; chấp tướng giữ lấy; giữ rồi làm cho khởi lên; khởi lên rồi quá theo; quán rồi tu, tu có lúc quán Mạn Đà La. Như thế thường tác thấy tướng. Kia như thế hiện tướng thủ hộ, thành được tự tại. Nếu tướng theo tâm được thiền ngoại hành; hoặc ngoại hành từ tâm. Do đây được an.

Hỏi rằng: Thế nào là thiền ngoại hành?

Đáp rằng: Đây là việc từ tâm, tác ý chẳng loạn; lấy phục làm chỗ che, thường cầu tu hành giác quán, hi lạc một tâm và tin vào nơi ngũ căn. Tuy được định lực, niệm niệm dụ khởi. Đây gọi là thiền ngoại hành. Kể yên ổn, từ ngoại hành này, đây là pháp do tâm, được lực tu hành, là giác tín các pháp, đối với việc chẳng động. Đây gọi là an.

Hỏi rằng: Ngoại hành và an là gì? Có gì khác nhau?

Đáp rằng: Nếu có ngũ cái tức là ngoại hành, lấy che lên 5 loại này liền yên; lấy thiền ngoại hành làm chỗ thắng định. Nếu được thắng định, gọi tên là an; hoặc lấy thân tâm chưa được tịch tịnh; đối với ngoại định, tâm động; như thuyền trên sóng. Hoặc nơi thân tâm đã được tịch tịnh rồi, xử yên chẳng động như thuyền chỉ có gió nằm trên nước. Các căn chẳng có lực. Đối với chỗ làm ngoại thiền hành này chẳng lâu dài, như đồng tử nhỏ, các căn mạnh khỏe, mọi việc an tịnh dài lâu, như có lực người, tu bất tự tại cho nên thiền ngoại hành thành chẳng hòa hợp. Như người tụng kinh lâu dài thêm mỏi, quên đi việc tu tự tại nên thành yên ổn hòa hợp. Như người tụng kinh hằng luyện chẳng quên. Nếu chẳng được lành che thì giống như người mù; đối với thiền ngoại hành thành mù mờ. Như thế chẳng thanh tịnh. Nếu lành che chẳng thành mù thì việc thành an tịnh như thế thanh tịnh. Từ tướng tự tại đầu tiên, cho đến tánh trừ tên là ngoại hành. Tánh trừ vô gián tên là an.

Hỏi rằng: Ngoại hành là nghĩa gì?

Đáp rằng: Thiền gần nên gọi là ngoại hành. Như đường đi gần xóm. đây gọi là thôn lộ. Nghĩa một, tên khác

An là nghĩa gì?

An là nghĩa hòa hợp, như đến Mạn Đà La. Xa lìa thiền an, chẳng khác nghĩa. Đối với người tọa thiền này tự ở ngoại hành. Nên làm cho tăng trưởng nhưt thiết nhập. Hoặc đối với sự an định; hoặc đối với việc mới thiền sẽ làm cho tăng trưởng.

Hỏi rằng: Nên làm cho tăng trưởng như thế nào?

Đáp rằng: Từ tướng ban đầu như tay 4 ngón, làm cho dần tăng, như thế tác ý, như thế được tự tại. Như thế lần lượt như bánh xe, như đồ che, như bóng cây, như phước điền, như gần nhà, gần làng; như là như thành; như thế lần lượt dần làm cho tăng trưởng khắp đại địa này. Hoặc sông núi cao thấp, cây cỏ hoa trái. Những điều không bình thường chơn chánh, như thế tất cả chẳng tác ý. Cho đến đại hải tác ý địa tướng. Cho đến lúc tăng trưởng, tâm sở hành, thành tối thắng định. Nếu người tọa thiền được thiền ngoại hành, chẳng thể được an định; người tọa thiền này lấy 2 hành nên làm cho khởi an định phương tiện. Một là lấy nhơn duyên; hai là lấy thọ trì. Lấy 10 việc làm từ nhơn duyên khởi an định phương tiện.

Một là làm cho quán xứ sáng, đẹp; hai là biến khởi quán các căn; ba là sớm rõ nơi tướng; bốn là chế ngự tâm làm cho điều hòa; năm là hàng phục giải đãi; sáu là tâm chẳng vị trước; bảy là tâm hoan hỷ; tám là tâm định, thành, xả; chín là lìa người không học định, gần gũi với người học định; mười là vui trước làm cho tâm an định.

Hỏi rằng: Làm sao làm cho được minh tịnh xứ quán?

Đáp rằng: Có 3 loại việc làm, được tạo ra chỗ phân minh. Nghĩa là có thể tu điều khiển việc ăn uống, an vui. Tu thời tiết vui; tu oai nghi vui. Biến khởi các căn. Kể quán nghĩa là tín

cùng 5 căn, chẳng làm cho tiêu diệt, không làm cho giải đãi; như ngựa nhanh chạy xe, sáng rõ nơi tướng. Các ý tướng lành chẳng mau chẳng chậm. Như người thợ nhuộm màu bình đẳng chẳng thiên vị. Lành giải tác ý nhanh lìa, chẳng lìa. Chế ngự tâm làm cho điều phục. Có hai loại việc làm, lấy 2 công việc này thành điều phục tâm. Một là hay khởi lên tinh tấn; hai là tâm quá độ xứ, thành tâm điều phục. Hoặc đến ở chỗ dâm và nhiều loại tướng khác, tăng trưởng loạn ý, thành nơi tâm điều phục. Đối với người tọa thiền nếu khởi nhiều sự siêng năng, quá độ xứ, thành tâm điều phục; lấy 2 việc làm nên chế phục tâm. Lấy tinh tấn khởi, mỗi mỗi thích nghi; nếu qua chỗ dâm và các tướng khác, tăng trưởng việc điều tâm; lấy 2 việc làm chiết phục, lấy quán các việc khổ và quả báo ác, chế phục tâm giải đãi; lấy 2 việc làm thành tâm giải đãi, lấy chẳng được thắng định làm cho tâm vô vi nên thành giải đãi. Hoặc nhiều giải đãi tức muốn ngủ nghỉ. Đây là người tọa thiền; nếu chẳng được thắng định. Tâm vô vi trước nên thành giải đãi; lấy 2 việc làm sẽ chiết phục. Nghĩa là quán công đức mà khởi tinh tấn. Hoặc giải đãi ngủ nghỉ lười biếng tâm, lấy 4 loại việc làm có thể hàng phục. Hoặc kẻ ăn nhiều giữ về tướng giải đãi. Chuyển các việc làm 4 oai nghi. Lấy tự tác ý, đối với tướng quang minh, trụ ở nơi rõ ràng, làm cho tâm hoan hỷ chẳng chỗ chấp trước. Lấy 3 việc làm thành vô vi, ít phương tiện, mà thuận huệ vậy. Lấy chẳng được tịch tĩnh mà vui vậy. Lấy người ngồi thiền này tâm hoặc vô vi; lấy 2 loại việc làm, làm cho được hoan hỷ; một là lấy sự khùng bố; hai là lấy sự hoan hỷ. Nếu quán sanh, già, chết và 4 ác thú thấy các việc đáng lo, tâm sanh sầu não. Nếu niệm Phật, Pháp, Tăng, giới, thí, thiên thấy 6 việc làm công đức, tâm sanh hoan hỷ. Tâm định thành xả lấy 2 việc làm thành nơi thiền ngoại địa định. Lấy đoạn những sự che khuất, tâm thanh tịnh. Hoặc ở nơi được địa mà khởi thiền chi. Cho nên thành tâm định. Người tọa thiền này tâm định có 2 hạng. Sẽ xả, chẳng thành trụ; ở giữa phương tiện điều hòa; lìa người không học định; hoặc an định; hoặc ngoại hành định; hoặc uy nghi định. Người kia chẳng có đây thì không tu, không học được; chẳng nên cúng dường tu. Học non là sẽ có an định, có ngoại hành định và uy nghi định. Nên từ tu học, lại nên cúng dường. Vui trước sự an ổn là người tọa thiền này như kia sâu rõ; như kia suối chảy, như dưới gốc cây, thường vui cung kính, nhiều chỗ tu hành. Việc làm này có 10 non duyên sanh làm cho an định.

Hỏi rằng: Thế nào là thọ trì, có thể sanh an định phương tiện?

Đáp rằng: Người tọa thiền kia lành giải duyên khởi, vào nơi tịch tĩnh. Với chỗ tướng giải này, đối với chỗ tu định, tùy tâm tự tại. Sanh dục lạc này, làm cho tâm được khởi. Từ thân ý này đảm đương thành thật làm cho được thọ trì. Từ sự sanh tâm hoan hỷ, được thọ trì. Từ chỗ sanh tâm thích nghi, vui với thân tâm, được thọ trì. Từ sanh tâm sáng suốt, được thọ trì. Từ sanh tâm bi thương, được thọ trì. Lấy tâm bi thương này làm cho tâm được thanh tịnh. Lành giữ tâm tịnh, tâm được thọ trì. Như thế lành giữ làm cho tâm xả được thọ trì. Từ vô biên phiền não tâm được giải thoát thành tựu thọ trì, mà giải thoát vậy. Kia thành một pháp vị. Lấy tâm một vị được thọ trì tu hành. Cho nên từ thắng giải này diệu tâm được tăng trưởng, như thế ở chỗ thọ trì, khởi an định phương tiện. Như thế lành giải duyên khởi và tâm thọ trì chẳng lâu, khởi định. Người tọa thiền kia lìa dục và những pháp chẳng lành. Có giác có quán; đối với chỗ tịch tĩnh, tâm sở thành tựu. Có hỷ có lạc được nơi sơ thiền. Địa này là tất cả công đức nhập vào. Đối với người lìa dục này, lìa có 3 loại. Nghĩa là thân lìa, tâm lìa, phiền não lìa.

Hỏi rằng: Thân lìa là thế nào?

Đáp rằng: Lìa xa các phiền não nơi núi đồi.

Tại sao tâm phải lìa?

- Lấy tâm thanh tịnh để đến chỗ tốt đẹp.

Vì sao lìa phiền não?

- Vì chẳng muốn kết lụy với người và chẳng làm việc sanh tử. Lại nữa việc dứt trừ có 5 loại. Đó là phục ly, bỉ phân ly, đoạn ly, y ly và xuất ly.

Thế nào gọi là phục ly?

- Nghĩa là người tu sơ thiền, phục nơi ngũ cái.

Thế nào gọi là phân ly?

- Nghĩa là tu đạt phân định, phục nơi những việc thấy.

Thế nào gọi là đoạn ly?

- Nghĩa là tu xuất thế gian đạo, đoạn trừ những phiền não.

Thế nào gọi là y ly?

- Nghĩa là cái vui lúc được quả.

Thế nào gọi là xuất ly?

- Nghĩa là Niết Bàn vậy.

Kẻ dục có 2 loại. Một là xứ dục; hai là dục phiền não. Ở cõi thiên và cõi người yêu mến sắc, hương, vị, xúc. Đây là những xứ ham muốn. Đối với những xứ dục này khởi dục nhiễm tư duy. Đó chính là dục phiền não. Từ dục này mà tâm phân ly, lại phục biệt ly. Sự xa lìa này là xuất ly. Sự giải thoát này là chẳng tương ưng. Đây là ly dục.

Hỏi rằng: Thế nào là lìa những pháp chẳng thiện?

Đáp rằng: Bất thiện căn có 3 loại. Một là tham, hai là sân và ba là si. Cùng với sự tương ưng kia nơi thọ, tưởng, hành, thức và thân, khẩu, ý nghiệp. Đây nghĩa là bất thiện pháp. Nói là bất thiện có 3 loại. Một là tự tánh; hai là tương ưng và ba là sanh duyên tánh. Đây là 3 bất thiện căn. Nghĩa là tham, sân, si. Đây gọi là tự tánh. Cùng với tương ưng kia là thọ, tưởng, hành, thức. Đây gọi tên là tương ưng; chỗ khởi lên thân, ý, nghiệp. Đây gọi là duyên tánh, mà 3 điều này là những pháp bất thiện. Đây nghĩa là viễn ly. Sự ra khỏi này là thoát, là bất tương ưng. Đây là lìa, là bất thiện pháp. Lại nữa kẻ lìa dục, lìa sự che khuất của tham dục. Kẻ lìa bất thiện pháp nghĩa là lìa những sự che khuất.

Hỏi rằng: Lấy việc nói lìa những bất thiện pháp, mà dục là bất thiện ở bên trong, vì sao lại nói riêng là lìa dâm dục?

Đáp rằng: Dâm dục là ra khỏi sự đối trị. Phật đã nói: Dục có thể trừ phiền não. Kẻ lìa dục, Phật nói là kẻ xuất ly; như được sơ thiên, dục tương tương ưng với tác ý thành tựu và khởi lên. Đây là thoái phân pháp. Cho nên dục lấy hòa hợp với phiền não. Dục nếu xa rời tất cả phiền não thì tất cả đều được lìa khỏi. Cho nên riêng nói là ly dục.

Lại nữa kẻ ly dục, được ra khỏi rồi, thành ly dục. Kẻ lìa những pháp bất thiện hoặc được chẳng sân, thành ra lìa sân. Nếu được minh tướng, thành lìa sự giải đãi ngủ nghỉ. Nếu được bất loạn, thành lìa hí luận. Nếu được chẳng hối, thành lìa nơi hối. Nếu được an định, thành lìa nơi nghỉ. Nếu được trí huệ, thành lìa vô minh. Nếu được chánh tư duy, thành lìa tà niệm. Nếu được hoan hỷ, thành lìa chẳng vui. Nếu tâm được vui, thành lìa các khổ. Nếu được tất cả các pháp lành, lìa tất cả những việc bất thiện. Như trong Tam Tạng có dạy rằng: Lấy việc chẳng tham, thành tựu việc ly dục; lấy việc bất sân, chẳng si thành tựu việc lìa các pháp chẳng lành.

Lại nữa kẻ lìa dục, ở đây nói về thân lìa. Kẻ bất thiện pháp, ở đây nói tâm lìa. Lại nữa kẻ lìa dục là nói đoạn dục giác. Kẻ lìa những bất thiện pháp là nói đoạn sân nhuế hại giác. Lại nữa kẻ lìa dục là nói rời khỏi dục lạc. Kẻ lìa bất thiện pháp là nói lìa khỏi sự đắm trước giải đãi nơi thân. Lại nữa kẻ lìa dục là nói đoạn nơi 6 hí luận và hoan hỷ lạc. Kẻ lìa bất thiện pháp là nói đoạn hí giác và ưu khổ v.v... Lại nói đoạn nơi hí lạc và xả. Lại nữa kẻ ly dục là hiện tại được vui, ra khỏi nơi dục lạc. Kẻ lìa bất thiện pháp là hiện tại tâm được vui, chẳng quá lo.

Lại nữa kẻ ly dục nghĩa là ra khỏi dục lưu, lìa chỗ pháp bất thiện, chỗ nhiều phiền não nên có sanh dục, mà sanh sắc giới. Đây gọi là siêu việt. Kẻ có giác quán.

Vì sao gọi là giác?

Nghĩa là nhiều loại giác, tư duy, an định tư tưởng. Tâm chẳng hiểu biết, nhập vào chánh tư duy. Đây gọi là giác. Giác này thành tựu nên sơ thiên có giác. Lại nữa vào địa nhứt thiết nhập, nương vào tướng đất vô gián, thành giác tư duy. Đây gọi là giác. Như tâm tụng kinh.

Hỏi rằng: Giác là tướng gì? Vị gì? Khởi gì? Xứ gì?

Đáp rằng: Giác là tu, vui tướng làm vị. Tâm dưới tạo niệm làm khởi; tướng làm hành xứ.

Thế nào là quán?

Đối với lúc tu quán tùy theo đó mà quán chỗ chọn, tâm ở theo đó xả. Đây gọi là quán. Lấy sự tương ưng này thành sơ thiền hữu quán. Lại nữa người nhập địa nhưt thiết nhập định từ tu tướng địa, quán nơi tâm như quán nghĩa của quán.

Hỏi rằng: Quán ấy có tướng gì? Vị gì? Khởi gì? và Xứ gì?

Đáp rằng: Quán ấy là tùy theo tướng đã chọn; làm cho tâm vui gọi là vị; tùy theo sự thấy biết gọi là xứ.

Hỏi rằng: Giác quán sai biệt những gì?

Đáp rằng: Giống như đánh chuông; đầu tiên nghe biết và sau khi nghe lại quán. Lại nữa như tâm sở duyên, đầu tiên là giác, sau đó là quán. Lại nữa cầu thiền làm giác giữ gìn làm quán. Lại nữa nhớ nghĩ là giác, chẳng xả là quán. Lại nữa tâm thô thọ tri là giác, tâm tế thọ tri là quán. Hoặc xứ có giác là xứ có quán. Hoặc xứ có quán. Đối với xứ hoặc có quán; hoặc không quán. Như trong Tam Tạng có dạy rằng: Đầu tiên an tâm đối việc; công việc gọi là giác; được giá mà chưa định, đó gọi là quán. Như thấy người xa lạ, chẳng biết nam hay nữ và biết nam nữ. Như thể màu sắc hình tướng là quán. Từ đây thường quán có giới, chẳng giới, giàu nghèo, sang hèn làm quán. Giác là hướng đến tương lai. Quán là giữ gìn, tùy thuộc. Như chim sải cánh vào hư không là giác, bay, đi, ở là quán. Buông ra lúc đầu là giác, dạy bảo lâu dài là quán. Lấy giác giữ gìn, lấy quán chọn lựa; lấy giác tư duy, lấy quán tùy thuận theo tư duy. Giác hành chẳng nhớ pháp ác; quán hành thọ tri nơi thiền. Như người có sức, yên lặng tụng kinh tùy theo sự nhớ nghĩa này là quán. Như giác chỗ giác, giác rồi hay biết. Quán nơi biện tài và vui nói biện tài gọi là giác. Nghĩa là pháp biện tài đó chính là quán. Tâm giải nơi thắng là giác; tâm giải phân biệt là quán. Đây là giác quán sai biệt. Tịch tịnh mà thành. Gọi là người tịch tĩnh. Nghĩa là lia ngũ cái; có tên là tịch tĩnh. Lại nữa sắc giới thiện căn, lại nói về sơ thiền ngoại hành, lại nói tâm thiền từ tâm này sanh. Đây gọi là tịch tịnh sở thành. Như đất, nước sanh hoa; gọi là địa thủy hoa. Kẻ hỉ lạc, tâm đối với lúc ấy đại hoan hỷ vui cười. Tâm đầy thanh lương. Đây gọi tên là hỷ.

Hỏi rằng: Hỷ có tướng gì? Vị gì? Khởi gì? Xứ gì? và có bao nhiêu loại hỷ?

Đáp rằng: Hỷ nghĩa là hân hoan biến khắp làm tướng. Hoan thích làm vị; điều phục loạn tâm làm khởi; dừng dượt là xứ. Có bao nhiêu loại hỷ? Có 6 loại hỷ. Đó là: Từ dục sanh, từ tín sanh, từ chẳng hối sanh, từ tịch tĩnh sanh, từ định sanh và từ Bồ Đề phân sanh ra hỷ.

Thế nào gọi là từ dục sanh?

- Do tham dục nhiệm trước, nên tâm vui. Đây gọi là dục sanh hỷ.

Thế nào gọi là từ tín sanh?

- Người tin nhiều, tâm vui và thấy thầy giỏi nên sanh hỷ.

Thế nào là từ chẳng hối sanh ra hỷ?

- Người thanh tịnh trì giới, sanh ra nhiều hoan hỷ.

Thế nào gọi là từ tịch tịnh sanh?

- Người nhập sơ thiền sanh hỷ.

Thế nào là từ định sanh

- Nhập nhị thiền sanh hỷ.

Thế nào là Bồ Đề phân sanh hỷ?

- Đối với đệ nhị thiền tu xuất thế gian đạo; nên hỷ.

Lại nữa nói hỷ có 5 loại: Nghĩa là: Tiểu hỷ, niệm niệm hỷ, lưu hỷ, việt hỷ và mãn hỷ.

Tiểu hỷ giống như mưa nhỏ trên thân, làm cho lông đều dựng đứng lên.

Niệm niệm hỷ lại sanh diệt không trụ, như mưa đêm.

Lưu hỷ như dầu đổ xuống, chảy dài nơi thân, cuối cùng chẳng biến khắp.

Việt hỷ nghĩa là cùng khắp tất cả tâm đều sanh hoan hỷ, chẳng lâu liền mất; như người tham thấy chỗ cất chứa.

Mãn hỷ là thân ở đầy khắp, như chớp như mưa. Đối với đây là tiểu hỷ và niệm niệm hỷ. Lấy tín khởi nơi ngoại hành. Lưu hỷ là có lực khởi nơi ngoại hành. Việt hỷ là đối với Mạn Đà La ngay hay chẳng ngay đều khởi lên xứ xứ phương tiện. Mãn hỷ là sanh nơi chỗ yên ổn.

Hỏi rằng: Vì sao lại lạc?

Đáp rằng: Đây có thể giữ tâm vui, tâm xúc mà thành. Đây gọi là lạc.

Hỏi rằng: Lạc có tướng gì? Vị gì? Khởi gì? Xứ gì? Có bao nhiêu loại lạc? Hỷ lạc sai biệt như thế nào?

Đáp rằng: Vị chính là tướng; duyên ái cảnh chính là ái vị; nhiếp thọ chính là khởi; niềm vui này chính là xứ. Có bao nhiêu loại lạc? Có 5 loại. Đó là nhơn lạc, tư cụ lạc, tịch tĩnh lạc, vô phiến não lạc và thọ lạc.

Thế nào gọi là nhơn lạc?

Như Phật đã dạy: Giới lạc chờ già; đây có nghĩa là nguyên nhơn của lạc; đây là lạc công đức.

Tư cụ lạc như Phật đã dạy là Phật sanh thì đời vui.

Tịch tĩnh lạc nghĩa là sanh định xả và diệt thiên định.

Vô phiến não lạc như Phật đã dạy là đệ nhất Niết Bàn thọ lạc. Cho nên đó là thọ lạc vậy. Đối với trong luận này thọ lạc là khả lạc.

Hỷ lạc có sai biệt gì?

Tâm dũng lược là hỷ; tâm nhu nhuyễn là lạc; tâm vui thích là lạc; tâm định là hỷ; thô hỷ tế lạc. Hỷ hành ân sở nhiếp; lạc thọ âm sở nhiếp. Nơi này có hỷ có lạc. Xứ này có lạc hoặc có hỷ hoặc vô hỷ. Đầu tiên về hình thức có 2 tên gọi. Ngoại hành thành tựu, nhập vào chi sơ thiên. Nghĩa là giác quán hỷ lạc như tâm vậy.

Thiền có nghĩa là gì?

Nghĩa là đối với công việc bình đẳng tư duy vậy. Phán tán ngũ cái vậy. Tư duy đối trị vậy. Nhập sơ thiên được chánh thọ, rồi được, rồi xúc, rồi tác chứng ở.

Lại nữa kể ly dục những pháp bất thiện từ dục giới địa, nói sơ thiên là thắng tướng. Từ hữu giác quán nói đệ nhị thiên là thắng tướng. Lấy tịch tĩnh sở thành có hỷ có lạc. Từ tịch tĩnh sở thành hỷ lạc, nói là thắng tướng.

Lại nữa lia dục bất thiện pháp nghĩa là hay đoạn trừ đối trị. Có giác có quán nghĩa là nói thiền tướng tịch tĩnh sở thành. Hỷ lạc nghĩa là nói tương tự thiền chánh thọ. Nhập trụ nghĩa là được sơ thiên, lia nơi ngũ phần, thành tựu 5 phần 3 thiện 10 tướng. Đầy đủ 25 công đức tương ưng, lấy phước này lành sanh lên trên và ở chỗ thắng diệu. Lia ngũ phần nghĩa là lia 5 cái (che đậy).

Thế nào gọi là năm?

Đó là tham dục, sân nhuế, giải đãi, thù miên, điều hối nghi.

Tham dục nghĩa là đối với ngũ trần, tâm sanh ái nhiễm.

Sân nhuế nghĩa là làm 10 não xứ.

Giải đãi có nghĩa là tâm sa đọa.

Thù miên có nghĩa là thân buồn bực nhiều, muốn được ngủ nghỉ. Ngủ lại có 3 lại. Một là từ việc ăn mà sanh; hai là từ thời tiết mà sanh và ba là từ tâm sanh. Nếu từ tâm sanh thì lấy tư duy để đoạn. Nếu từ ăn uống và thời tiết thì sự ngủ của La Hán chẳng từ tâm sanh nên không có che đậy; nếu cái ngủ ấy từ việc ăn uống và thời tiết sanh thì lấy sự tỉnh tấn để đoạn.

Như A Nậu Lô Đà đã nói: Ta được nơi sơ tận lậu, chẳng từ tâm ngủ, cho đến nay đã 55 năm và đối với thời gian này, ăn có giới hạn cũng như thời tiết năm đã 25 năm.

Hỏi rằng: Nếu ngủ, thành sắc pháp thì vì sao làm tâm số phiền não?

Đáp rằng: Sắc là một hương, thành tâm số phiền não. Như ta thấy người uống rượu và ăn; đây tức có thể rõ.

Hỏi rằng: Ngủ thân pháp, tâm giải đãi số pháp. Vì sao mà 2 pháp này hợp thành một sự che đây?

Đáp rằng: Đây là 2 loại pháp. Một là sự; hai là tướng. Cho nên một, giải đãi cộng làm một. Kẻ điều tâm không tịch tĩnh; kẻ hối, tâm hận chẳng định. Tướng này tức trở thành một sự che khuất. Kẻ có tâm nghi, chấp chẳng phải một. Có 4 loại nghi. Một là Xa Ma Tha khó; hai là Tỳ Bà Xá Na khó; ba là cả 2 đều khó; bốn là đối với tất cả không khó. Đối với đây đầy đủ là được Xa Ma Tha; hoặc đối với điều nghi này; hoặc đối với thân nghi, ta hằng được tịch tĩnh, là chẳng được tịch tĩnh. Nếu đối với kia thành nghi. Đây là Xa Ma Tha khó. Hoặc đối với Tứ Thánh Đệ; hoặc đối với nghi ba đời. Đây gọi là Tỳ Bà Xá Na khó. Hoặc nghi đối với Phật, Pháp, Tăng. Đây là cả 2 việc đều khó. Hoặc đối với quốc thành, đường xá hoặc đối với nam nữ tánh danh; đây nghĩa là chẳng có pháp nào khó. Đối với trong kinh này nghi tịch tĩnh là khó. Đây là điều có thể thủ.

Cái có nghĩa là gì?

Đây có nghĩa là chẳng ngại, nghĩa là dư; nghĩa là che khuất; nghĩa là phiền não; nghĩa là trói buộc. Đây không có nghĩa khác.

Hỏi rằng: Có các sự kết vi tế không? Nghĩa là che phiền não và vì sao mà hay nói ngũ cái vậy?

Đáp rằng: Lấy tập chấp thủ thành 5. Lại nữa lấy dâm dục chấp trước, hay nhiếp tất cả tham dục, lấy sân nhuế chấp trước, có thể nhiếp tất cả pháp bất thiện; lấy giải đãi thù miên, điều hối nghi chấp trước, có thể nhiếp tất cả si, những pháp bất thiện. Như thế lấy 5 cái chấp trước, có thể nhiếp tất cả phiền não; lấy tướng này nên thành ngũ cái.

Ngũ phần thành tựu nghĩa là giác quán hỷ lạc nhưt tâm.

Hỏi rằng: Nếu nói sơ thiền thành tựu 5 chi là Thiền, mà chẳng nên nói phân biệt chi này là thiền. Nếu nói chi riêng thì vì sao sơ thiền nói là ngũ chi tương ưng?

Đáp rằng: Nương vào chi thiền thành Thiền. Chẳng lia thiền chi, có Thiền. Chẳng biệt dị Thiền. Như nương vào mỗi mỗi phần của xe nói là xe; chẳng lia từng phần của xe lại có xe. Như thế nương vào thiền chi, gọi là Thiền. Chẳng lia chi, có thiền, lấy 1 loại, gọi là Thiền. Lấy khả phân gọi là chi; nói việc này là Thiền. Nói công đức gọi là chi; lấy việc nói nương vào đề chế, gọi là thiền. Lấy việc nói đề nương vào tánh đề chế, gọi là chi.

Hỏi rằng: Đối với pháp niệm tinh tấn tại sao thường nói ngũ chi vậy?

Đáp rằng: Lấy chấp trước thành năm.

Hỏi rằng: Vì sao lại chấp tướng?

Đáp rằng: Kẻ giác tùy nơi sự việc của tâm mà được tự an lạc. Kẻ quán tùy nơi giữ tâm. Giác quán không tạp khởi, là phương tiện. Nếu phương tiện đầy đủ, hỷ lạc sanh; hoặc khởi phương tiện đầy đủ được sanh, tâm hỷ tăng trưởng; tâm lạc thành tựu. Lấy 4 công đức tâm thành tựu này, chẳng loạn. Nếu tâm không loạn, tức được định. Đây gọi là chấp tướng. Như thế sự chấp trước có 5.

Lại nữa đối trị với cái nên thành năm. Sơ cái đối trị với sơ thiền; cho đ lên ngũ cái đối trị với ngũ thiền. Kẻ giác sơ thiền là thắng chi; lấy giác trừ dục. Nếu giác nhập chánh định thì các chi lại khởi. Quán về 5 chi thì đệ nhị thiền là sơ khởi. Hỷ ở nơi đệ tam thiền là sơ khởi.

Lạc ở nơi đệ tứ thiên là sơ khởi. Nhứt tâm ở đệ ngũ thiên là sơ khởi. Như thế lấy thặng chi làm 5.

Lại nữa lấy 5 cái đối trị thành 5. Như trong Tam Tạng có nói: Nhứt tâm là dâm dục đối trị. Hoan hỷ là sân nhuế đối trị; giác là giải đãi, ngủ nghỉ đối trị. Lạc là điều hối đối trị. Quán là nghi đối trị. Lấy cái từ đối trị này mà thành 5.

Hỏi rằng: Người tọa thiền này tác ý ở tất cả tướng địa nào? Cho đến khởi hỷ lạc vậy?

Đáp rằng: Địa như thiết nhập tướng chẳng khởi hỷ lạc. Nguyên nhơn lia ngũ cái nhiệt, tùy theo tánh mà tu vậy. Đây là pháp tử, nên khởi hỷ lạc.

Lại hỏi rằng pháp tử là gì? Chẳng ở nơi tứ thiên khởi hỷ lạc?

Đáp rằng: Đó là xứ vậy. Lại trước tứ thiên rồi, đoạn hỷ lạc vậy. Lại nữa đầu tiên khởi hỷ lạc và lấy phương tiện phục đoạn. Thấy quá lo rồi, tham trước tịch tĩnh hơn, nên xả lạc. Cho nên chẳng khởi hỷ lạc.

Ba loại thiện nghĩa là đầu, giữa và sau cùng lành tốt. Lấy thanh tịnh tu hành làm sơ thiên. Lấy xả tăng trưởng làm trung thiện. Lấy hoan hỷ làm hậu thiện

Vì sao gọi là thanh tịnh tu hành?

- Nghĩa là các thiện đầy đủ.

Vì sao xả sự tăng trưởng?

- Đây nghĩa là an tịnh.

Vì sao lại hoan hỷ?

- Đây nghĩa là quán.

Như thế ở Sơ Thiên thành 3 loại thiện. Mười tướng đầy đủ, lấy thanh tịnh tu hành 3 tướng; lấy xả tăng trưởng 3 tướng và lấy hoan hỷ làm 4 tướng.

Hỏi rằng: Vì sao lấy thanh tịnh tu hành làm 3 tướng?

Đáp rằng: Đây là Thiên chướng ngại từ tâm thanh tịnh kia. Lấy thanh tịnh nên tâm được tướng của Xa Ma Tha (Chi). Lấy được rồi đối với tâm kia bỏ đi. Đây nghĩa là lấy thanh tịnh 3 tướng.

Hỏi rằng: Vì sao lấy xả tăng trưởng làm 3 tướng?

Đáp rằng: Nếu tâm thanh tịnh thành xả. Nếu được tịch tĩnh thành xả. Nhứt hương trụ, thành xả mà xả tăng trưởng. Đây nghĩa là 3 tướng.

Hỏi rằng: Vì sao làm cho hoan hỷ 4 tướng?

Đáp rằng: Đối với 10 tướng này sanh ra pháp. Tùy ý tu hành làm thành hoan hỷ. Đối với việc này các căn lấy nhứt vị thành, làm cho hoan hỷ. Tùy theo việc làm siêng năng tồi trở thành, làm cho hoan hỷ, mà hay tu hành làm cho hoan hỷ. Đây gọi là 4 tướng. Như thế ở sơ thiên đầy đủ 10 tướng, tương ứng với 25 công đức. Nghĩa là: Sơ thiên giác quán hỷ lạc nhứt tâm cụ túc; tín tấn niệm định huệ cụ túc; sơ trung hậu cụ túc; kiểm nhiếp cụ túc; tu hành cụ túc; tịch tĩnh cụ túc; y cụ túc; nhiếp thọ cụ túc; tông cụ túc; quán cụ túc; tu cụ túc; lực cụ túc; giải thoát cụ túc; thanh tịnh cụ túc. Tồi thắng thanh tịnh tu thành ở nơi 25 công đức tương ứng: đây là ở chỗ cõi trời tốt đẹp từ tịch tĩnh sanh. Nghĩa là ở nơi hỷ lạc qua khỏi cõi người và ở nơi cõi trời đẹp đẽ. Như Đức Phật Thế Tôn đã dạy các Tỷ Kheo rằng giống như Thầy siêng năng dạy đệ tử làm bánh lấy thau bằng đồng tốt rồi bỏ bột gạo và đậu vào đó rồi lấy nước trộn đều, vo tròn, thấm đều trong ngoài, đừng cho rời ra. Như thế các Tỷ Kheo! Tâm tịch tĩnh hay sanh hoan hỷ làm cho thấm ẩm ướt, chẳng có chỗ nào dính mắc. Ở chỗ tịch tĩnh kia mà sanh hỷ lạc. Đối với thân tâm này chẳng có chỗ dính mắc. Đối với người dạy làm bánh và học trò cũng như người tọa thiền đều giống như vậy. Giống như cái thau đồng, tất cả tướng đều cho vào, như thế mà khá biết.

Hỏi rằng: Tất cả đều nhập, vậy có tướng gì?

Đáp rằng: Như cái thau bằng đồng là nơi để bột cứng mềm trong sáng, lành lặn tất cả tướng; tướng cứng sanh vui, tướng nhỏ thanh tịnh tạo ra sự sáng sủa. Tâm tâm số pháp tạo thành việc này vậy. Đây được gọi là cái thau đồng và tất cả tướng nhập. Tâm tâm số pháp cũng giống như bột nhồi vậy. Như thế mà khá biết.

Hỏi rằng: Vì sao gọi là bột nhồi và tâm tâm số pháp tánh?

Đáp rằng: Như bột thô tức chẳng hòa hợp, tùy theo gió mà bay đi. Như tâm này, tâm số pháp tánh lia hỷ lạc thành thô; lia định chẳng hòa hợp. Cùng với ngũ cái, gió làm cho bay đi. Đây gọi là bột nhồi và tâm tâm số pháp tánh.

Nước là gì?

- Đó là việc hỷ lạc định tĩnh như nước, làm cho bột kia thấm ướt nhu nhuyễn tròn đủ. Như thế sự hỷ lạc làm cho tâm, tâm số pháp thấm nhuần đứng yên lại. Như thế, nước sánh với hỷ lạc định vậy. Như nước khuấy lên làm ra tướng chấp trước vậy. Như vậy nhờ giác quán có thể biết.

Hỏi rằng: Viên tròn là gì?

Đáp rằng: Giác quán như đục sai sử. Lấy bột để hòa nước, để trong thau đồng, lấy nước khuấy cùng và lấy tay viên tròn lại. Nếu đã viên tròn rồi, hợp với chất âm, cùng nhau tạo ra tròn trịa, chẳng làm cho rời mắt và để trong thau đồng. Như vậy kẻ ngồi thiền tâm, tâm số pháp, tích chứa các việc và hay sanh tịch tĩnh. Sơ thiền lấy hỷ lạc làm nước; lấy giác quán làm tay; lấy sự quây bột tạo cho tròn; hay sanh tịch tĩnh. Rồi thành tâm, âm số pháp. Hỷ lạc tướng theo đó mà thành một viên tròn. Tâm thiền chẳng tán loạn, để nơi công việc Thiền, như là viên tròn và giác quán như bột được thấm ướt. Trong ngoài đều có tướng thấm ướt, không bị bay đi. Như thế người ngồi thiền. Sơ thiền lấy thân trên, dưới từ đầu đến chân. Từ chân đến đầu lâu, da, tóc trong ngoài hỷ lạc đầy khắp. Trụ nơi chẳng thoái; như thế thành trụ Phạm Thiên.

Hỏi rằng: Tên hỷ lạc phi sắc pháp, chẳng có đối tượng, vì sao mà biến trụ ở thân?

Đáp rằng: Gọi là đối với sắc, sắc nương vào nên gọi sắc. Cho nên nếu gọi rời, thành hỷ sắc lại thành hỷ. Nếu gọi thành rời, lạc sắc lại thành lạc. Lại nữa sắc từ lạc sanh, làm cho thân khởi lên việc vui sướng. Tất cả thân thành sắc kia vui sướng. Cho nên chẳng ngại làm cho sanh công đức của Phạm Thiên. Sơ thiền thành ra có 3 loại. Đó là hạ, trung, thượng.

Nếu quán thắng duyên chẳng thiện, trừ ngũ cái, chẳng đến như ý tự tại. Đây là hạ thiền.

Nếu quán thắng duyên thiện, trừ ngũ cái, đến như ý tự tại. Đây là trung thiền.

Nếu quán thắng duyên thiện, trừ ngũ cái, đến như ý tự tại. Đây là thượng thiền.

Đối với người ngồi thiền này nêu tu hạ sơ thiền, mệnh chung sẽ sanh vào các cõi Phạm Thiên. Thọ mệnh kia một kiếp 3 phần. Nếu tu trung sơ thiền thì khi mệnh chung sanh nơi Phạm Thiên, thọ nửa kiếp. Nếu tu thượng sơ thiền, mệnh chung sanh Đại Phạm Thiên, thọ mệnh một kiếp. Rồi sanh Phạm Thiên công đức, thành 4 loại, có người thành thoái phần. Có người thành trụ phần. Có người thành thắng phần. có người thành đạt phần. Đây là thuần căn đục. Trụ ở bụng lưng, tác ý tương tùy. Thành khởi thiền này nên thành thoái phần. Lại nữa lấy 2 thiền hành thành nơi thoái phần. Cột chặt nhau vào, làm chẳng tinh tấn được. Nếu có người từ sơ, rời khỏi ác quán chần thê tiêu trừ. Mà do sự cột chặt; nên thành mau thoái lui. Đây là lạc thiền sự nghiệp; lạc thoái ngũ lạc. Ngũ nghi chẳng ở tinh tấn; cho nên thành thoái lui.

Hỏi rằng: Ai thoái và cái gì thoái?

Đáp rằng: Có nơi nói nếu mau tạt phiền não, thành khởi ra thoái thất. Lại nói phiền não như thế mà thoái. Lại nói nếu mát Xa Ma Tha, thành thoái. Lại nói nơi có tướng dài lâu chẳng tu hành, đối với kia, xứ kia chẳng thể làm cho khởi được. Lấy chẳng được định làm

thoái phần. Nếu người căn thuần, trụ chỗ không buông lung được pháp kia, niệm thành thiên trụ phần. Người lợi căn, ở nơi chẳng buông lung, tùy ý được đệ nhị thiên, vô giác tác ý tướng theo đó, khởi thành Thiên thắng phần kia. Kẻ lợi căn trụ nơi chẳng buông lung, tùy ý được Tỳ Bà Xá Na (Quán), tùy theo tướng lo lắng tác ý thành khởi. Tùy ý vô nhiễm thành thiên đạt phần.

Giải Thoát Đạo Luận
Hết Quyển 4

Giải Thoát Đạo Luận
Quyển thứ 5

- *A La Hán Ưu Bà Đề Sa tạo luận bằng chữ Phạn.*

- ***Đời nhà Lương, người nước Phù Nam, Ngài Tam Tạng Tăng Già Ba La dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.***

Phẩm Hành Môn

Thứ 2

Ở đây tìm cầu chỗ nhị thiền. Tư duy sơ thiền quá hoạn về 2 loại công đức.

Lúc ấy người tọa thiền muốn vui khởi đệ nhị thiền rồi. Đối với sơ thiền, thân được tự tại. Vì sao vậy?

Nếu ở chỗ sơ thiền mà không được tự tại, tuy lại tư duy muốn trừ giác quán, muốn được nhị thiền; nhưng cuối cùng lại thoái thất. Kết cuộc chẳng kham nổi việc khởi lên thiền định thứ 2. Lại cũng chẳng thể nhập vào nơi sơ thiền. Như Đức Thế Tôn đã dạy. Vì các Tỳ Kheo ấy mà dụ như con trâu núi con. Con trâu con ấy ngu si chẳng biết nơi ăn. Vì chưa rõ lối đi, mà muốn đi xa, lại tự nghĩ rằng: Ta nay sẽ đến chỗ chưa đến, ăn thử cỏ chưa ăn; uống thử nước chưa uống. Chân trước chưa đứng vững mà 2 chân sau đã lo chạy. Vấp ngã chẳng vững, chưa thể đến trước được. Cuối cùng rồi chẳng thể đến thử nơi chưa đến. Lại cũng chẳng thể được ăn thử cỏ chưa ăn. Đồng thời cũng chẳng thể uống được nước chưa uống. Liên lại suy nghĩ, tức chẳng thể đến. Cũng đúng như điều này xưa nay các Tỳ Kheo việc ăn uống cũng như thế ngu si chưa đạt được; chẳng biết chỗ đi; chẳng hiểu rõ chỗ ly dục mà nhập vào sơ thiền. Chẳng tu pháp này, chẳng học tập nhiều. Thường tự chấp việc suy nghĩ mà muốn nhập vào nhị thiền, lìa nơi giác quán; chẳng thể tự an. Lại liền nghĩ rằng: Ta chẳng thể được vào nhị thiền, lìa nơi giác quán. Lại muốn lui và nhập vào sơ thiền ly dục. Ngu si Tỳ Kheo như con trâu con kia chẳng hiểu rõ bước đi. Cho nên, nên tu sơ thiền, làm cho tâm được tự tại. Đối với lúc chưa ăn cũng như lúc ăn rồi, đầu đêm cuối đêm tùy theo tâm mà vui. Tùy theo chỗ muốn lâu mau mà theo ý, chẳng nghi ngại. Vì khởi nhập quán. Hoặc từ một lúc cho đến nhiều lúc; nhiều vào nhiều ra. Nếu từ một lúc cho đến nhiều lúc, đối với sơ thiền kia thành được tự tại, được tự tại vui; khởi đệ nhị thiền vượt khỏi sơ thiền. Lại liền suy nghĩ: Sơ thiền này thô, đệ nhị thiền tế. Đối với sơ thiền thấy có chỗ lo; đối với đệ nhị thiền thấy có công đức.

Hỏi rằng: Thế nào là sơ thiền quá lo?

Đáp rằng: Gắn ngũ cái oán, tham giác quán động. Thân thành giải đãi, tâm thành tán loạn. Tất cả các pháp này là chỗ định thô. Chẳng trụ chứng nơi thân thông. Tức vui sơ thiền chẳng hơn thắng phần. Đây gọi là sơ thiền quá lo. Đệ nhị thiền công đức là đối trị với đây. Khi quán sơ thiền quá lo rồi, lại thấy công đức nơi đệ nhị thiền. Đây là tất cả việc nhập tướng, tác ý, tu hành đệ nhị thiền. Chẳng tác ý hòa hợp sơ thiền. Chẳng tác ý là giác; chẳng tác ý là quán, mà từ định sanh, hỷ lạc tự tại. Làm cho tâm thọ trì. Kẻ tọa thiền kia như thế tác ý, chẳng lâu giác quán thành diệt, lấy định mà khởi, hỷ lạc tự tại, làm cho tâm an trụ. Đây gọi là nghĩa là nhị thiền tứ chi. Kẻ tọa thiền kia giác quán diệt rồi, thành tin bên trong, tâm thành một tánh, không giác không quán. Từ định sanh hỷ lạc, nhập vào nhị thiền. Đây lần lượt nhập vào tất cả công đức. Giác quán diệt nghĩa là lấy thiện phân biệt. Giác quán diệt lại có tên là đoạn.

Hỏi rằng: Vì sao mà giác quán diệt?

Đáp rằng: Lại ở đây là chỗ lo của sơ thiền giác quán và tất cả căn của giác quán và lo về giác quán. Cùng căn giác quán và giác quán đều trừ vậy, thành giác quán diệt. Lại nữa lấy việc đoạn trừ thiền thô bên dưới, được thiền tốt bên trên. Lại làm cho lần lượt diệt. Bên trong hiện chứng gọi là nội. Nội có 3 loại. Một là nội nội; hai là nội định; ba là nội hành xứ.

Thế nào gọi là nội nội?

Nghĩa là 6 nội nhập. Nội định ở nơi tứ quán thân; đây gọi là nội định, Nội hành xứ ở nơi nội tự tư ý; nghĩa là tánh này chẳng ra ngoài để nhiếp. Đây gọi là nội hành xứ. Đối với trong kinh này, nội nội có thể vui. Tín là lòng tin chân chánh, suy nghĩ chân chánh, tăng trưởng lòng tin. Đây gọi là tín. Đối với bên trong tâm. Đây gọi là nội tín.

Nội tín có tướng gì? khởi gì? xứ gì?

- Bất loạn là nội tín tướng. Tịch tĩnh là vị. Chẳng trọc là khởi; giác quán là xứ. Tâm thành một tánh nghĩa là tâm trụ nơi chánh định. Đây nghĩa là tâm thành một tánh.

Tâm thành một tánh là nghĩa gì?

- Tâm đây là ý. Một gọi là niệm; gọi tên là như nghe luận thuyết mà sanh tánh. Tánh này nói nghĩa là tự nhiên. Đây là đệ nhị thiền, một lòng có thể diệt giác quán; lấy một tánh được khởi. Đây gọi là tâm thành như tánh.

Tâm thành như tánh là tướng gì? vị gì? khởi gì? xứ gì?

- Lấy chuyên chánh làm tướng; lấy tịch tĩnh làm vị; lấy vô lăng (chẳng khuấy động) làm khởi; lấy giác quán diệt làm xứ.

Hỏi rằng: Tín và tâm, thành một tánh thì vì sao không phải chỗ sở nhiếp ở sơ thiền?

Đáp rằng: Sơ thiền lấy giác quán làm lăng động vậy. Thành dư; nội tín, tâm thành một tánh là thành chẳng thanh tịnh. Như nước có sóng gió; thấy hình ảnh của mặt mình chẳng nguyên vẹn. Như vậy, sơ thiền giác quán là sóng. Sóng động nên chẳng thành vậy. Nội tín và tâm như tín, thành chẳng thanh tịnh. Cho nên lấy thiền chi, chẳng phải sơ thiền mà nhiếp.

Vô giác vô quán nghĩa là đoạn giác vô quán, lìa quán vô quán.

Hỏi rằng: Giác quán diệt vô giác vô quán. Đây là 2 loại đoạn giác quán. Vì sao lại nói hai?

Đáp rằng: Giác quán diệt nghĩa là làm hiện nội tín. Tâm một tánh làm như; vô giác vô quán. Lấy hiện tịch tĩnh để thành hỷ lạc diệu tướng. Lại nữa giác quán diệt là lấy giác quán này thấy giác quán quá lo; đoạn trừ pháp lo kia, vô giác vô quán vậy. Đoạn sắc giới giác quán. Lại nữa vô giác vô quán có 2 loại. Một là chẳng lấy giác quán, diệt vô giác vô quán; lấy giác quán diệt vô giác vô quán. Đối với 5 thức này và đệ tam thiền v.v... Chẳng lấy giác quán diệt thành vô giác vô quán. Đệ nhị thiền là lấy phương tiện tịch tĩnh vậy. Lấy giác quán diệt thành vô giác vô quán. Đây nói 2 nghĩa. Từ định sanh gọi là định. Sơ thiền từ trí kia sanh. Đệ nhị thiền thành từ sơ thiền định mà sanh. Lại nữa định nghĩa là nơi đệ nhị thiền và một tâm cùng sanh vậy. Định sanh hỷ lạc; hỷ lạc là phân biệt đầu tiên. Đệ nhị thiền là nương vào sơ được tên. Đây là đệ nhị thiền nhập chánh thọ vậy. Nghĩa là nhập đệ nhị thiền. Thiền là nội tín hỷ lạc như tâm; gọi tên là thiền. Nhập chánh thọ trụ nghĩa là thành được đệ nhị thiền, lìa nơi 2 chi. Thành tựu 2 chi, 3 loại thiện và 10 tướng cụ túc; tương ứng với 23 công đức. Đây là trụ nơi công đức ở cõi Trời. Sanh vào Quang Diệu Thiên, như ở đầu đã nói rộng. Ở cõi trời là từ định sanh hỷ lạc; qua khỏi cõi của người ở nên gọi tên là chỗ ở của Trời. Cho nên Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ Kheo rằng: Như ao sanh nước, chẳng phải 4 phương đến. Chẳng phải mưa thành, không do thời tiết. Đây là từ suối mà ra, trong mát, đượm nhuần chảy đi. Như thế các Tỳ Kheo! Thân này từ định sanh hỷ lạc, làm cho được thanh lương, chẳng phải không thấm nhuần, từ định sanh hỷ, tràn khắp thân này; giống như nước suối. Kẻ tọa thiền kia nhập vào nhị thiền thì thân này có thể biết; như chẳng từ 4 phương, chẳng có nước chảy đến, chẳng từ trời mưa. Như vậy giác quán diệt có thể biết. Như đây từ dòng suối mà ra vậy; làm cho thân đầy đủ, chẳng khởi giao động. Như đây từ định sanh hỷ lạc. Đây gọi là sắc thân tròn đầy, chẳng khởi tâm loạn. Như lấy nước lạnh làm cho thân mát đều khắp nơi. Như thế từ định sanh hỷ lạc. Tất cả gọi là sắc thân tròn đầy, tu định quả báo. Như thế sanh vào cõi Trời Quang Diệu công đức. Đây là đệ nhị thiền có 3 loại. Hạ, Trung, Thượng. Đây là người tọa thiền, tu hạ thiền. Khi mạng chung, sanh vào Thiểu Quang Thiên, thọ mệnh 2 kiếp. Kẻ tu trung thiền,

sanh vào Vô Lượng Quang Thiên, thọ mệnh 4 kiếp. Tu thượng thiên, sanh vào Quang Diệu Thiên, thọ mệnh 8 kiếp.

Niệm nhị thiên quá hoạn. Lúc bấy giờ người tọa thiền tu đệ nhị thiên rồi, thân được tự tại; đệ nhị thiên thô, tam thiên tịch tĩnh; biết nhị thiên quá hoạn; thấy công đức nơi tam thiên, khởi đệ tam thiên.

Vì sao mà nhị thiên quá hoạn?

Nghĩa là gần giác quán là cái đức của định. Cùng tương ưng với hỷ đầy khắp nên thiên thành thô. Lấy hỷ thành mãn tâm đầy dưng dượt; chẳng thể khởi trừ thiên chi. Nếu đắm trước nơi hỷ; tức liền mất đi. Nếu biết là mất, tức thành chẳng mất. Nếu chẳng hay làm việc chứng thân thông; nếu vui nhị thiên, chẳng thành thắng phần; nên biết đệ tam thiên quá hoạn. Thấy đệ tam thiên công đức là đối trị với điều này. Quán rồi nhị thiên quá hoạn. Lại thấy tam thiên công đức. Đây nương vào tất cả nhập tướng tác ý, làm cho tâm hỷ diệt, lấy mà do hỷ lạc thọ trítâm, như thế tác ý. Chẳng chờ lấy vô hỷ lạc làm cho tâm được an ổn giải rõ nơi tam thiên chi. Kẻ tọa thiền kia chẳng nhiệm hỷ vậy, được trí xả niệm, lấy thân thọ lạc mà các bậc Thánh hay nói: Đắc xả niệm trí, vui ở nơi đệ tam thiên chánh thọ. Đây là chỗ tất cả nhập công đức chẳng nhiệm hỷ vậy. Hỷ như trước đã phân biệt rồi. Chẳng nhiệm là đoạn hỷ, được xả trụ.

Thế nào là xả?

Đây xả, đây hộ; chẳng thối chẳng tiến, là tâm bình đẳng. Đây nghĩa là xả. Đối với xả này có 8 loại. Nghĩa là thọ xả, tinh tấn xả, kiến xả, bồ đề giác xả, vô lượng xả, lục phần xả, thinnè chi xả, thanh tịnh xả, ngũ căn vi thọ xả. Có lúc chẳng tác ý xả tướng. Vì tinh tấn mà xả. Khổ, tập nay ta đang đoạn, thành được xả. Vì kiến xả, tu bồ đề giác. Đây gọi là Bồ Đề xả. Từ bi hỷ xả; đó là vô lượng xả. Lấy mắt để xem màu sắc chẳng khổ chẳng vui, thành xả. Đây là lục phần xả. Chẳng nhiệm cho nên thành xả trụ vậy. Đây là Thiên chi xả, xả niệm thanh tịnh. Đây là thanh tịnh xả. Đây là 8 xả trừ thọ xả. Ngoài ra 7 pháp xả kia là bình đẳng xả. Lại nữa cũng có 3 loại xả. Một là tương ưng thừa; hai là kinh doanh nhỏ; ba là chẳng kinh doanh. Đối với tất cả việc hành thiền, là thiên bình đẳng phương tiện. Chẳng gấp rút, chẳng tri trệ. Đây gọi là tương ưng thừa xả. Đây là hạ xả, gần với đệ nhị thiên; hay đoạn tâm dưng dượt. Nếu tâm không kinh doanh; gọi đây là xả kinh doanh ít. Xả này gần đệ tam thiên. Điều này có thể đoạn tất cả tâm dưng dượt, mà bất động thân tâm, không có tâm lo việc kinh doanh. Đây gọi là vô sự xả. Xả này gần với đệ tứ thiên.

Xả ấy tướng gì? vị gì? khởi gì? xứ gì?

- Bình đẳng là tướng; vô sở trước là vị; vô kinh doanh là khởi; vô nhiễm là xứ.

Hỏi rằng: Vì sao nói xả này đối với thiên này, chẳng phải đệ nhị thiên và sơ thiên?

Đáp rằng: Đây là xứ hỷ mãn, chưa diệt tâm chấp trước; lấy duyên hỷ lạc; cho nên chưa diệt, mà đại dưng dượt đầy khắp thân tâm. Cho nên đối với 2 loại thiên chẳng nói xả, mà chẳng đầy đủ vậy. Đối với đệ tam thiên này, vô hỷ nhiễm vậy, mà diệt đi tướng chấp trước nên thành khởi Thiên chi. Do đây mà Thiên chi tự tại vậy. Nói là xả niệm chánh trí.

Vì sao mà niệm?

Niệm tùy theo niệm kia, niệm giác nhớ nghĩ chẳng quên. Niệm có nghĩa là niệm căn, niệm lực, chánh niệm. Đây gọi là niệm.

Hỏi rằng: Niệm có tướng gì? vị gì?, khởi gì? xứ gì?

Đáp rằng: Lấy tùy niệm làm tướng; chẳng vọng làm vị; thủ hộ (giữ gìn) làm khởi. Tứ niệm làm xứ.

Vì sao gọi là trí?

Trí giải làm huệ. Chánh trí này đây gọi là trí. Đối với chánh trí này có 4 loại. Đó là hữu nghĩa trí; tự tướng trí; bất ngu si trí; hành xử trí. Đối với đây, trí có nghĩa là 4 oai nghi. Tự tướng trí là nhập vào không xứ. Bất ngu si trí là biết 8 pháp của thế gian. Hành xử trí nghĩa là đối với sự xử thì kinh này, hành xử trí là khả thủ.

Hỏi rằng: Trí có tướng gì? vị gì?, khởi gì? xứ gì?

Đáp rằng: Chẳng ngu si làm tướng; duyên trước là vị; chọn lựa các pháp là khởi, chánh tác ý là xứ.

Hỏi rằng: Vì sao niệm này chánh trí tất cả xứ chẳng ít?

Đáp rằng: Nếu người thất niệm chẳng khởi chánh trí, chẳng tham khởi thiền ngoại hành.

Hỏi rằng: Vì sao nói đệ tam thiền? chẳng nói đệ nhị thiền và sơ thiền?

Đáp rằng: Đối với đây hỷ là đầu; thô thiên chi diệt rồi; chánh định tế vậy. Định này nhập vào tế xứ, mà chánh trí này hay chịu khởi đệ tam thiền. Cho nên lấy thiên chi tự tại. Lại nữa thiên này dễ khởi, đến lạc xứ kia. Nơi chỗ khí vị cao, lại làm cho tâm ngu. Đây gọi là trước xứ. Cho nên đối với thiên này biết được tự tại, kham nhẫn đoạn hỷ. Lại nói hỷ lạc là cùng với thân hữu. Cho nên niệm này trí phân biệt. Vô hỷ hữu lạc nơi việc thành tựu. Như trâu con kia tùy theo với mẹ, chẳng ép hai tai chạm vào thân mẹ, như thế vô hỷ hữu lạc. Lấy niệm trí phân biệt lạc, được trụ hành xứ. Nếu chẳng phân biệt từ từ, lại nhập vào nơi hỷ thành thiên thoái phần; lấy thiên chi này tự tại nên nói niệm trí, mà xả niệm trí này thành tựu, cho nên nói có xả niệm trí lấy thân thọ lạc.

Hỏi rằng: Tâm vui cái gì?

Đáp rằng: Tâm nhiếp thọ là tâm lạc. Từ tâm xúc, snah nhiếp thọ, là tâm lạc thọ. Đây nghĩa là vui.

Hỏi rằng: Những gì là thân?

Đáp rằng: Tưởng âm, hành âm. Đây gọi là thân. Niềm vui này mà thân thọ, tức thân thọ lạc.

Hỏi rằng: Vì sao lạc này không hỷ? Chẳng lấy thân làm thọ?

Đáp rằng: Đối với đệ tam thiền, lạc căn diệt. Vì sao mà Đức Thế Tôn nói nơi đệ tam thiên lạc căn diệt, tức là lạc mà Thánh Nhơn hay nói. Thánh đây là Phật và các vị đệ tử. Khai mở cho hợp căn cơ rồi chế dạy, phân biệt chỉ bày. Đây gọi là lời Thánh nói.

Hỏi rằng: Vì sao bậc Thánh nói đối với thân này chẳng phải dư xứ?

Đáp rằng: Đây là đệ tam thiên dễ khởi đến lạc xứ kia. Nơi kia vô thọ lạc. Thánh giả hướng đến nơi lạc trụ. Đây là việc Thánh Nhơn thành tựu. Đây là Thánh Nhơn nói thiên này thắng thành xả. Có niệm lạc trụ thành xả niệm lạc. Đây là phân biệt thành tựu. Nhập vào đệ tam thiên. Đệ tam này nương vào tên thứ 2 nên là thứ 3. Đệ tam thiên tức là xả niệm chánh trí, lạc nhứt tâm. Đây nghĩa là Thiên thành tựu. Nhập trụ là kia được đệ nhị thiên. Lia nhứt phần ngũ phần. Thành tựu 3 giống lành; 10 tướng đầy đủ; tương ứng với 22 công đức. Sinh vào cõi trời Biến Tịnh Thiên. Như sơ thiên nói rõ. Sống ở cõi Trời vô hỷ lạc trụ; vượt lên trên cõi người; nên nói là ở cõi Trời.

Cho nên Đức Thế Tôn dạy các Tỳ Kheo rằng:

Như thế các Tỳ Kheo! Đối với hoa Uất Ba La trong ao; hoa Phần Đà Lợi trong ao. Nếu là hoa Uất Ba La, hoa Ba Đầu Ma, hoa Phần Đà Lợi, sanh trong nước thì nước làm cho lớn lên. Từ nước và ở trong nước. Từ gốc cho tới ngọn đầy đủ cả nước. Như thế các Tỳ Kheo! Thân này lấy vô hỷ lạc làm cho nhuần khắp. Lấy vô hỷ lạc biến mãn thân tâm. Đối với Uất Ba La, Ba Đầu Ma, Phần Đà Lợi hoa từ nước mà lên; như thế nhập vào tam thiên, thân này sẽ biết như như cọng sanh nước. Từ gốc đến đầu tất cả đều đầy đủ. Như thế nhập vào tam thiên

thân này lấy vô hỷ là lạc; biến khắp thân tâm, tu định quả báo. Như thế sanh vào cõi trời Biến Tịnh Thiên công đức. Đây là đệ tam thiên có 3 loại. Đó là thượng, trung và hạ.

Đối với người tọa thiền tu hành hạ thiên, khi mệnh chung sanh vào cõi Thiểu Tịnh Thiên, thọ mệnh ở đó 16 kiếp. Kẻ tu hành trung thiên, sanh vào cõi trời Vô Lượng Tịnh Thiên, thọ mạng ở cõi trời kia là 32 kiếp. Tu hành thượng thiên, sanh vào cõi Biến Tịnh Thiên, thọ mệnh ở đó 64 kiếp. Niệm tam thiên rồi, lúc bấy giờ người ngồi thiền như thế làm rồi, thân ở cõi Tam Thiên được tự tại lạc. Khởi đệ tứ thiên, vượt qua khỏi đệ tam thiên. Đệ tam thiên thô, đệ tứ thiên diệu. Thấy đệ tam thiên quá hoạn. Lại thấy đệ tứ thiên công đức.

Vì sao mà đệ tam thiên quá hoạn?

Nghĩa là gần hỷ làm oán. Chánh định mà lạc chi thô. Chẳng thể kham nhẫn mà được thiền thông. Đệ tam thiên chẳng thành thắng phần; nên thấy đệ tam thiên ở đây quá hoạn. Thấy đệ tứ thiên là công đức. Đây là đối trị. Người tọa thiền kia thấy như thế rồi cho rằng đệ tam thiên là quá hoạn. Thầy đệ tứ thiên là công đức. Chỉ có kia mới làm tắt cả nhập tướng tác ý, làm cho hiện diệt, lạc diệt. Vì do xả tâm thọ tri tác ý như thế chẳng lâu. Vì do xả tâm đạo được an giải nơi tứ thiên chi. Người tọa thiền kia đoạn lạc vậy. Đầu tiên lấy sự đoạn khổ mà sơ hỷ, ưu hết vậy. Chẳng khổ chẳng lạc, xả niệm thanh tịnh thành tựu việc ở nơi tứ thiên. Đây là địa nhập tất cả công đức. Đoạn lạc tên là thân đoạn lạc. Kẻ đoạn khổ gọi là thân đoạn khổ. Trước vui, lo hết. Hỷ ấy là tâm lạc. Ưu ấy là tâm khổ. Tất cả đều tận diệt vậy.

Hỏi rằng: Lạc, khổ, ưu rồi đoạn diệt chỗ nào?

Đáp rằng: Sơ thiên thì diệt. Đối với đệ tứ thiên này Phật nói khổ diệt.

Hỏi rằng: Xứ nào khổ căn khởi, chẳng dư thì mất?

Đáp rằng: Phật bảo các Tỷ Kheo! Sơ thiên thành tựu lia dục. Xứ này khổ căn khởi, vô dư thì mất.

Hỏi rằng: Vì sao đối với sơ thiên khổ căn diệt?

Đáp rằng: Lấy hỷ đầy đủ nên thân lạc. Thân lạc cho nên khổ căn diệt, lấy đoạn để đối trị vậy. Cho nên đối với sơ thiên, khổ căn diệt. Đối với đệ nhị thiên ưu căn diệt, thành ra dứt trừ gốc rễ sự lo buồn. Như Phật đã dạy: Xứ nào là hỷ căn khởi và vô dư thì diệt.

Đối với Tỷ Kheo này giác quán diệt vậy. Đệ tam thiên chánh thọ trụ. Xứ này gốc lo rầu khởi, vô dư thì mất.

Vì sao mà đệ nhị thiên gốc lo âu diệt?

Nếu có giác quán lâu theo giác quán, thành thân giải đãi, thành tâm biếng nhác. Nếu tâm biếng nhác, gốc lo liền khởi. Đối với đệ nhị thiên giác quán diệt; nói là ưu căn diệt. Đối với đệ tam thiên là xứ lạc diệt. Như Đức Thế Tôn đã dạy.

Xứ nào lạc căn khởi và lúc vô dư diệt?

Đối với các Tỷ Kheo xa rời nơi hỷ vậy. Đệ tam thiên nhập chánh thọ trụ; nên xứ này lạc căn khởi rồi, lúc vô dư diệt.

Hỏi rằng: Vì sao đối với đệ tam thiên lạc căn diệt?

Đáp rằng: Hỷ diệt cho nên hỷ là nguyên nhân của lạc, thành diệt. Cho nên đối với đệ tam thiên lạc căn diệt.

Hỏi rằng: Nếu khổ, lạc, ưu đối với 3 thiên xứ diệt rồi thì vì sao đối với tứ thiên này nói là diệt?

Đáp rằng: Tam thiên là con đường của tứ thiên. Đối với tam thiên diệt thọ rồi. Cho nên đối với tứ thiên nói là diệt. Lại nữa lấy chẳng khổ chẳng vui thọ làm hiện đối trị. Cho nên nói khổ lạc đối trị với chẳng khổ chẳng lạc thọ. Lại nữa tứ thiên cùng với đối trị thọ thu hợp vậy.

Lại nữa xả phiền não, hiện vô dư đoạn, chẳng khổ chẳng lạc thọ. Nghĩa là ý chẳng nhiếp thọ, tâm chẳng thí xả. Đây nghĩa là chẳng khổ chẳng lạc thọ.

Chẳng khổ chẳng lạc thọ có tướng như thế nào? Vị ra sao? Khởi như thế nào? và xứ gì?
- Trung gian là tướng; trụ ở giữa là vị. Trụ là khởi và hỷ diệt là xứ.

Vì sao xả niệm thanh tịnh vậy?

- Đây lấy trung tánh làm xả. Đây gọi là xả. Niệm nghĩa là niệm tùy niệm chánh niệm. Đây gọi là niệm, lấy xả làm niệm, thành phân minh thanh bạch. Đây gọi là xả niệm thanh tịnh.

Hỏi rằng: Vì sao niệm này lấy xả làm phân minh thanh bạch?

Đáp rằng: Xả này lia hết tất cả phiền não vậy. Thọ tương tự tương ưng vậy. Thành bất động, không kinh doanh. Lấy không kinh doanh này xả tương ưng vậy. Niệm này đến vô động, thành vô kinh doanh. Cho nên niệm này xả rồi, thành phân minh thanh bạch. Bốn là nương vào nơi tam thiên kia thì đệ tứ này thành tựu. Kẻ nhập định nghĩa là tứ thiên xả niệm nhứt tâm. Đây nghĩa là thiên thành tựu. Nhập trụ là thành được đệ tứ thiên kia. Lia nhứt phần tam phần. Thành tựu ba loại thiên. 10 tướng đầy đủ và tương ưng với 22 công đức. Kết quả là sanh lên cõi Trời, sanh quả Thật Thiên. Công đức như đầu tiên đã nói rộng. Người ở cõi Thiên là xả lạc trụ, ra khỏi chỗ ở của người. Đây nghĩa là Cư Thiên. Cho nên Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ Kheo rằng: Có người ngồi mà tóc trắng che thân, từ đầu cho đến chân; tất cả thân chẳng có nơi nào là chẳng bị che. Như lấy tóc trắng ấy chẳng có chỗ nào chẳng che. Như thế này các Tỳ Kheo! Lấy tâm thanh bạch làm cho khắp cùng tất cả thân, lấy tâm thanh bạch chẳng có chỗ không dính mắc; giống như có người tóc trắng tự che. Người tọa thiền này cũng lại như thế. Lia tất cả những phiền não tại đệ tứ thiên có thể biết. Như lấy tóc trắng che thân từ đầu đến chân chẳng lạnh chẳng nóng, thời tiết điều hòa, thân tâm thanh tịnh. Như người nhập vào tứ thiên chẳng khổ chẳng lạc; tức là xả lạc. Làm cho đầy đủ nơi thân, tu định quả báo. Như thế ở nơi cõi Trời sanh quả Thật Thiên công đức. Tu đệ tứ thiên, mệnh chung phạm phu sanh quả Thật Thiên; nếu tâm yếm hoạn, sanh Vô Tướng Thiên, thọ mệnh 50 kiếp. Nếu Sa Môn hoặc sanh quả Thật Thiên; hoặc sanh nơi cõi Ngũ Tịnh Cư. Như thế Quả Thật công đức.

Hỏi rằng: Vì sao nơi tam thiên có hạ, trung, thượng. Nói rằng quả địa thắng mà chẳng nói đệ tứ thiên?

Đáp rằng: Nương vào chỗ tam thiên mà được hữu thô, hữu diệu. Cho nên lấy thắng chi nói Quả Địa Thắng. Đây là đệ tứ thiên đã đến diệu chi bờ bên kia. Từ đây là vô diệu chi. Cho nên đối với đây Vô Thắng Quả Địa, niệm tứ thiên quá. Lúc bấy giờ người tọa thiền đối với đệ tứ thiên này được tự tại lạc. Khởi hư không định, vượt qua khỏi sắc giới. Lại liền tư duy sắc định thô, hư không định tế. Kẻ tọa thiền kia thấy sắc quá hoạn; lại thấy hư không định công đức.

Vì sao sắc quá hoạn?

Như lấy gây gộc cùng đánh với nhau. Nói hai lời, vọng ngữ. Cắt xẻ tay chân v.v... nhiều loại khác nhau. Mắt bệnh tật đau đớn, lo lạnh nóng, đói khát các chỗ. Đây nghĩa là sắc dục quá hoạn.

Vì sao mà đệ tứ thiên quá hoạn?

Đây là gần hỷ, thành oan; nương vào nơi sắc; nên gọi là thô. Đối với đây trước, lạc không thành thắng phần. Nương vào nơi hư không tịch tĩnh giải thoát. Đối với đây, định thành thô. Đối với sắc thấy đệ tứ thiên quá hoạn. Thấy hư không định, công đức. Đây là việc đối trị. Người tọa thiền kia như thế thấy rồi nơi sắc và thấy đệ tứ thiên quá hoạn; rồi thấy hư không định công đức, liền nhập vào đệ tứ thiên, minh vô biên hư không định. Từ đây định khởi, trừ địa nhứt thiết nhập tướng. Tu hư không định, địa tướng thành ra mất đi. Đối với hư không chỗ làm ấy, không biên tác ý. Nếu như đây hiện ra tác ý thì chẳng lâu, địa tướng thành ra mất đi. Từ địa tướng, tâm khởi thành, vượt qua hư không. Lấy hư không nhập tướng tự tại, tâm được an. Kẻ tọa thiền kia khởi rồi. Tất cả sắc tướng có đối tượng diệt. Đối với những loại tướng,

chẳng tác ý vậy. Chánh thọ nhập vào ở nơi Vô Biên Không Xứ. Tất cả đây nói đối với Vô Dư Khởi, sắc tướng vậy.

Vì sao là sắc tướng?

Nhập sắc giới định tướng, biết chánh tri. Đây gọi là sắc tướng. Việt nghĩa là từ đây khởi có đối tượng diệt.

Vì sao có đối tượng?

Sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng. Đây gọi là có đối tượng. Diệt có nghĩa là những tướng kia tận rồi chẳng tác ý nữa.

Vì sao mà nhiều loại tướng?

Người chẳng nhập định; hoặc ý giới hòa hợp; hoặc ý thức giới hòa hợp, tướng trí chánh tri. Đây gọi là chủng chủng tướng. Nhiều loại tướng này chẳng tác ý. Đây gọi là nhiều loại tướng không tác ý.

Hỏi rằng: Vì sao nói Chánh Việt tướng, chẳng nói thọ, hành, thức?

Đáp rằng: Nếu qua khỏi nơi tướng thì với tất cả kia đều thành qua khỏi. Vì sao vậy? Nếu chẳng lìa tướng, tâm chẳng được khởi. Lại nữa Đức Thế Tôn muốn nói về vượt qua khỏi sắc; nên nói Việt sắc tướng. Tất cả việc định đều do tướng cả.

Hỏi rằng: Nếu chẳng phải vậy thì nhập sắc định có đối tượng với nhiều loại tướng, chẳng phải là không vậy sao?

Đáp rằng: Có người nhập sắc giới định, có đối tượng và có nhiều loại tướng, mà đoạn vậy.

Hỏi rằng: Vì sao đối với kia không tu đạo?

Đáp rằng: Vì xa lìa nơi sắc. Cho nên đối với kia chẳng diệt, đối với kia chẳng tận vậy. Nhập vào sơ thiên, nghe được điều này dạy như thế. Phật cũng đã nói đối với đây mà xa lìa sắc là tu hành theo con đường ấy; cho nên đối với đây thành đoạn. Đối với đây đoạn cho nên vô sắc định. Chẳng động hành tướng. Tịch tĩnh giải thoát tướng. Như Ca Lan Uất Đầu Lam Phát nhập vô tướng định, có 500 cỗ xe đi đến phía trước mặt; nhưng chẳng thấy chẳng nghe. Cho nên nói rằng xứ diệt. Đối với đây khởi tất cả sắc tướng. Nói đoạn sắc giới pháp, có đối tượng. Diệt các loại tướng, chẳng tác ý; nói đoạn dục giới pháp. Lại nữa vượt qua tất cả sắc tướng. Nói rằng động vô sắc giới, có đối tượng diệt. Nói đoạn định kia về loạn bên ngoài. Vì hiển hiện vô động các loại tướng. Chẳng tác ý nghĩa là nói đoạn định nội loạn. Nói là hiển hiện tướng tịch tĩnh giải thoát.

Hỏi rằng: Vô biên hư không vì sao gọi là không?

Đáp rằng: Đây là không nhập không giới, không chỗ. Chẳng vì sở thuộc vào tứ đại. Đây nghĩa là không. Đối với không chính là an tâm, làm cho đầy đủ vô biên. Đây nghĩa là vô biên. Vô biên không rồi vô biên không nhập. Nhập hư không xứ, tâm tâm số pháp. Đây nghĩa là hư không nhập.

Hư không nhập nghĩa là gì? Đây là hư không vô biên tánh. Đây là vô biên tánh không xứ. Đây nói là nghĩa của hư không. Như ở cõi Thiên thì gọi là Thiên Xứ. Hư không xứ định kia. Đây nghĩa là hư không xứ nhập. Kẻ chánh trụ, được hư không xứ định. Vượt khỏi cõi sắc 3 phần. Thành tựu 3 điều lành; 10 tướng đầy đủ, tương ứng với 22 công đức. Yên lặng ở tu định quả báo. Đây là công đức sanh nơi hư không xứ. Như đầu đã nói rõ. Công đức sanh hư không rồi tu hư không xứ; khi mệnh chung sanh hư không thiên; thọ mệnh 2.000 kiếp.

Qua đến niệm hư không định thì lúc ấy người tọa thiền đối với hư không xứ được tự tại lạc rồi, khởi thức tất cả nhập định; diệt hư không nhưt thiết nhập. Tư duy hư không định thô, Thấy thức xứ tế. Lại thấy hư không quá hoạn. Lại thấy thức xứ công đức.

Vì sao mà hư không quá hoạn?

Định này gần với sắc nên oán. Đối với hư không định việc này thành thỏ; cùng với hữu đối tượng và các loại tướng chẳng hề xa rời, thành niệm chấp trước kia chẳng được thấy phần. Như thế thấy hư không quá hoạn; thấy thức nhưt thiết nhập công đức. Đây là sự đối trị. Minh Vô Biên Thức định giữ người tọa thiền kia, rồi thấy như thế hư không quá hoạn. Thấy rồi thức xứ công đức. An tường niệm, nhập vào an tường niệm khởi; tu hư không thức, niệm đầy đủ tác ý; làm cho thức vô biên. Do thức xứ tướng, tâm thọ tri, như thế hiện lên tác ý. Chẳng bao lâu, từ hư không tướng tâm khởi qua khỏi nơi thức xứ. Do thức xứ tướng mà tâm được an. Người tọa thiền kia khỏi tất cả hư không vậy. Tư duy vô biên thức, thành tựu nhập chánh thọ. Đối với tất cả thức xứ trụ. Nhưt thiết là nói đối với chỗ Vô Dư. Vượt hư không xứ là vượt qua hư không. Vượt ở đây có nghĩa là chánh độ. Đây nghĩa là vượt tất cả hư không xứ. Vô biên thức chỉ hư không kia lấy thức tác ý làm cho đầy khắp vô biên. Đây gọi là vô biên thức xứ.

Hỏi rằng: Sắc, phi sắc pháp vì sao chấp là vô biên?

Đáp rằng: Chỉ vô biên xứ mới thành vô biên. Vì sao vậy? Pháp của phi sắc không có biên tế; nên chẳng thể được vậy. Lại nữa hư không vô biên; nên nói là vô biên. Vô biên là tác ý vô biên: nên thành vô biên. Cho nên bất phương thức (chẳng hạn thức). Nhập xứ là nhập thức xứ. Tâm tâm sở pháp. Đây nghĩa là thức xứ.

Thức xứ là gì vậy? Thức này vô biên; nên đây gọi là thức vô biên. Thức xứ, như ở cõi trời gọi là thiên xứ. Thức này thọ tri định rồi. Đây gọi là thức xứ định. Nhập chánh thọ xứ, được kia đối với thức xứ định là vượt qua khỏi hư không. Ba phần thành tựu, lấy 3 loại lành; 10 tướng cụ túc, tương ứng với 22 công đức, trụ nơi tịch tĩnh tu định quả báo. Công đức này sanh thức xứ, như đầu đã nói rộng. Sanh thức nhập công đức, tu hành thức xứ nhập, khi mệnh chung sanh cõi trời thức xứ, thọ mệnh 4.000 kiếp.

Qua đến niệm vô biên thức định thì lúc bấy giờ người tọa thiền đã được thức rồi, tự tại dục khởi vô sở hữu xứ định, qua khỏi thức xứ, lại liền tư duy thức xứ định thô, vô sở hữu xứ định tế. Lại thấy thức xứ quá hoạn. Lại thấy vô sở hữu xứ định công đức.

Vì sao thức xứ quá hoạn? Định này gần hư không làm oán, thức là thô, lấy tư duy vô biên tướng, thành niệm kia dính mắc, chẳng được thắng phần. Vô sở hữu xứ công đức; đây là đối trị. Người tọa thiền kia như thế thấy thức xứ này quá hoạn. Lại thấy vô sở hữu xứ công đức. Từ thức xứ định an tường mà khởi. Thức kia chẳng lại tu hành, chẳng lại phân biệt, thành mất thức kia. Thấy rồi Vô sở hữu xứ, tướng tự tại. Tâm nguyện thọ tri như thế hiện ra tác ý. Chẳng bao lâu từ thức xứ tướng khởi. Vì do Vô sở hữu xứ tướng, tâm này được an. Cái sáng kia Vô biên xứ định. Người tọa thiền vượt khỏi tất cả thức xứ, thấy Vô sở hữu, nhập chánh Thọ xứ trụ. Nhưt thiết là nói đối với Vô Dư. Kể qua khỏi thức xứ, thành qua khỏi thức này siêu nhập vào chánh độ. Đây nghĩa là vượt lên tất cả thức xứ. Kể Vô sở hữu chẳng lại tu hành, chẳng lại phân biệt, thành mất thức kia, thường thấy vô sở hữu. Đây nghĩa là Vô sở hữu xứ.

Vô sở hữu xứ nghĩa là gì? Thức này vô tánh nên vô sở hữu. Vô sở hữu xứ là nói lời thọ tri, Vô sở hữu thọ tri chánh định. Đây nghĩa là Vô sở hữu xứ định. Nhập chánh thọ trụ là thành được Vô sở hữu định, qua khỏi thức 3 phần, thành tựu 3 việc lành; 10 tướng đầy đủ. Tương ứng với 22 công đức. Ở nơi tịch tĩnh tu định quả báo. Đây là công đức sinh nơi Vô sở hữu xứ. Như trước đã nói rộng. Sanh vô sở hữu công đức, tu hành vô sở hữu xứ định. Khi mệnh chung sanh vào cõi trời Vô Sở Hữu, thọ mệnh 6.000 kiếp.

Niệm Vô sở hữu xưa quá hoạn. Lúc ấy người tọa thiền, đối với Vô sở hữu xứ được tự tại rồi, muốn khởi Phi tướng Phi phi tướng xứ định, qua khỏi Vô sở hữu xứ, lại liền suy nghĩ. Vô sở hữu xứ thô; thấy Phi tướng Phi phi tướng xứ tế. Lại thấy Vô sở hữu xứ quá hoạn, Lại thấy Phi tướng Phi phi tướng phi phi xứ định công đức.

Vì sao mà Vô sở hữu định quá hoạn? Định này gần thức làm oán, cùng với phân biệt tướng cộng thành thô vậy, nên niệm kia dính mắc chẳng được thắng thượng. Như thế thấy Vô sở hữu xứ quá hoạn. Lại thấy Phi tướng Phi phi tướng nhập công đức. Đây là đối trị. Lại nữa thấy tướng này là lo, là ung, là sắc (răn bảo). Vô tướng là chánh, là tịch tĩnh, là diệu. Cho nên Phi tướng Phi phi tướng, kẻ tọa thiền kia như thế thấy rồi, niệm nhập Vô sở hữu xứ an tường mà khởi. Vô sở hữu xứ kia tịch tĩnh tác ý tu hành dư định. Như thế hiện tác ý; chẳng bao lâu từ Vô sở hữu xứ tướng tâm khởi. Do Phi phi tướng xứ tướng, mà tâm được an. Cái sáng kia là Phi phi tướng định. Người tọa thiền vượt lên tất cả Vô sở hữu xứ vậy. Thành tựu vào ở Phi phi tướng xứ. Tất cả kẻ nói đối với Vô Dư. Người vượt Vô sở hữu xứ thành vượt khỏi Vô sở hữu xứ siêu nhập vào chánh độ. Đây gọi là vượt tất cả Vô sở hữu xứ, Phi phi tướng là nơi Vô sở hữu xứ kia tịch tĩnh tác ý, tu hành dư định. Đây nghĩa là Phi phi tướng xứ. Phi phi tướng xứ là nhập vào Phi phi tướng xứ, tâm tâm số pháp. Đây nghĩa là Phi phi tướng xứ?

Phi phi tướng xứ có nghĩa gì? Diệt phân minh tướng vậy, thành nơi Vô tướng tế, tướng có dư vậy. Thành Phi tướng phi phi tướng là xứ vậy. Đây nghĩa là Phi phi tướng. Kẻ nhập chánh trụ, thành được Phi phi tướng xứ định, vượt qua khỏi Vô sở hữu xứ 3 phần, thành tựu 3 việc lành, đầy đủ 10 tướng và tương ứng với 22 công đức. Trụ ở nơi tịch tĩnh, sáng tu định quá báo. Lấy công đức này sanh vào Phi phi tướng thiên. Như ban đầu đã nói rõ. Đây là công đức sanh nơi cõi trời Phi phi tướng. Tu hành Phi phi tướng xứ định. Khi mệnh chung, sanh vào cõi trời Phi phi tướng, thọ mệnh 84.000 kiếp.

Hỏi rằng: Vì sao nói là Phi phi tướng xứ? Vì sao chẳng nói là thức xứ?

Đáp rằng: Là Vô Biên chấp vậy, khởi tướng tế vậy. Chẳng thành thức xứ.

Hỏi rằng: Vì sao nương vào định này, chẳng thành lậu tận?

Đáp rằng: Là phân minh tướng. Chẳng hay được thấy đạo. Lại nữa định này thật vi tế. Phi phi tướng chẳng thể phân biệt. Cho nên chẳng thành lậu tận xứ.

Nói rõ lại nghĩa trên thêm một lần nữa.

Hỏi rằng: Đối với định xứ này, vì sao tán cú?

Đáp rằng: Cho nên diệt âm thanh, điên đảo khởi, vượt khỏi ngoài hành, giác, thọ, nghi, chẳng nên được. Diệt là nhập vào sơ thiền, lia ngôn ngữ. Nhập vào đệ tứ thiền đoạn hết sự ra vào. Lần lượt mất hết âm thanh mùi vị. Nếu người nhập định nghe có âm thanh, chẳng được nói lên. Vì sao vậy? - Người nhập định này, nhĩ thức chẳng hòa hợp vậy. Lại nữa người nhập vào sắc định thì tiếng thành loạn, như Đức Thế Tôn đã nói, kẻ nhập thiền nghe dạy điều này là kẻ điên đảo, nhập địa nứt thiết nhập. Đối với phi địa tướng mà tác địa tướng.

Hỏi rằng: Vì sao mà chẳng thành điên đảo?

Đáp rằng: Đây là 4 điên đảo tướng chẳng khác vậy. Biết địa tướng này là tướng này. Cho nên chẳng thành điên đảo. Kẻ khởi lấy 5 nhơn duyên từ nơi định mà khởi. Lấy uy nghi khổ, lấy tối đa cảnh giới, lấy chướng ngại khởi. Lấy phương tiện bất bình đẳng làm tùy ý. Nếu nhập vô sắc định. Lấy tối đa cảnh giới chẳng đắc khởi. Trụ bất động vậy. Nhập diệt thiên định và nhập quả định. Lấy sơ tác hành được khởi, chẳng lấy dư nhơn. Kẻ vượt khỏi và vượt ấy có 2 loại. Phân việt và sự việt. Từ sắc thiên vượt qua sắc định. Đây gọi là vượt qua từng phần. Từ sắc thiên vượt qua vô sắc định, lại từ vô sắc định vượt khỏi vô sắc định; đây gọi là sự việt. Kẻ ngoài hành là tất cả định ngoài hành thành tựu 5 phần. Kẻ giác ngộ nơi nhị thiên các tánh. Trừ vô gián thành vô giác quán. Kẻ thọ đệ tứ thiên các tánh, trừ vô gián cộng với xả việt. Có người vui tương tự vô gián. Kẻ nghi là chưa đoạn tất cả tham dục và các sự che đậy. Trụ Phi phi tướng xứ; nói đối với Hữu Dư. Như sợ rắn độc trên cây. Có 4 loại người chẳng thể khởi định, tất đọa vào con đường ác; không nguyên nhơn tạo ngũ nghịch tà kiến.

Hỏi rằng: Vì sao thủy nhứt thiết nhập? Tu cái gì? tướng gì? vị gì? khởi gì? công đức gì? Vì sao lại thủ tướng này?

Đáp rằng: Tâm duyên nơi tướng nước. Đây nghĩa là thủy nhứt thiết nhập. Tâm trụ chẳng loạn. Đây nghĩa là tu hành. Đối với bên ngoài nhứt thiết nhập chuyên ý làm tướng; chẳng trừ thủy tướng làm vị. Tâm chẳng tạo 2 ý, tức xứ. Đối với thủy nhứt thiết, nhập bất cộng với 5 công đức. Đối với địa, chưa ra khỏi tự tại. Đối với đất, núi, cung điện, làm động, làm cho mưa rơi; làm cho thân này có thể khởi lên nước. Làm cho sông hóa thành biển. Đối với địa nhứt thiết, nhập vào chỗ nói công đức. Lại cũng có sáng, tu thủy nhứt thiết nhập. Nơi nơi đều thấy nước.

Vì sao mà thủ tướng này vậy?

Nếu thủ thủy nhứt thiết nhập thì đối với nước, hiện tướng thủ. Nếu nước tự nhiên; nếu tự tạo nước; đối với đây người tọa thiền xưa, đối với phi thủy xứ, giữ lấy tướng nước. Người kia nơi nơi đều thấy nước. Nếu ở nơi giếng hay nơi bình. Nếu ở nơi ao, hồ, sông, lạch, biển. Đây là chỗ quán tùy theo ý mà thấy; thì phần tướng của nước kia được khởi lên. Chẳng giống như người mới tọa thiền. Người mới tọa thiền tác xứ, giữ tướng; chẳng thể đối với phi tác xứ làm rõ tu thủy nhứt thiết nhập phương tiện. Người tọa thiền kia từ đầu, lấy quán như thể tịch tĩnh xứ. Hoặc chùa phòng, hoặc phòng đũa; hoặc dưới gốc cây mà nơi này chẳng tối, không có ánh sáng mặt trời; chẳng bụi, chẳng gió; chẳng muỗi mòng v.v... Chẳng có những chướng ngại thì đối với xứ này; hoặc bình bát; hoặc chỗ đất sạch sẽ, làm cho đất bằng chu vi một tâm tay, chứa đầy cả nước mưa, chẳng tạp màu sắc. Nước ấy làm cho đầy bình bát và ở nơi này nên tác ý tưởng về nước; lấy 3 hành thủ tướng; lấy bình đẳng quán, lấy phương tiện, lấy tạp loạn; ngoại việc như đất, tất cả nhập. Nói rộng đến Phi phi tướng xứ.

Hỏi rằng: Vì sao hỏa nhứt thiết nhập? Tu gì? Tướng gì? Vị gì? Xứ gì? Công đức gì? Vì sao thủ tướng?

Đáp rằng: Tâm đối với tướng lửa. Đây gọi là lửa, tất cả nhập. Lúc ấy tâm trụ chẳng loạn. Đây gọi là tu hành. Tướng của lửa xảo; nên phóng ý là tướng. Chẳng trừ lửa tướng là vị. Tác ý vô song là xứ.

Công đức gì vậy?

Chẳng cùng với 5 công đức. Đối với hỏa nhứt thiết nhập kinh doanh, khởi lên ánh sáng và lấy ánh sáng đó làm tướng khởi. Mất ánh sáng rồi, tùy ý mà đốt. Lấy chỗ ánh sáng sớm nơi hỏa giới. Như địa nhứt thiết nhập chỗ nói công đức. Nguyên như tu hỏa nhứt thiết nhập. Nơi nơi đều thấy lửa.

Vì sao giữ tướng này vậy?

Nếu hiện giữ hỏa nhứt thiết nhập thì đối với hỏa thủ tướng; hoặc đối với tự giác xứ; hoặc tự nhiên xứ. Đối với người tọa thiền xưa, giữ nơi tướng tự nhiên. Nơi nơi kia thấy hoặc có lửa; hoặc rơm lửa; hoặc rừng lửa; hoặc nhà lửa, thiêu đốt ngọn lửa ấy. Từ đây là đầu, lấy tác làm quán. Hoặc tự vui chẳng vui; tức thấy phần tướng của lửa kia, được khởi. Chẳng như người mới ngồi thiền. Người mới ngồi thiền chỉ ở tác xứ thủ tướng; chẳng thể đối với phi tác xứ. Kia tu hỏa nhứt thiết nhập phương tiện. Người mới tọa thiền từ kinh doanh đầu tiên, đoạn cắt chuỗi cây nơi thanh tịnh xứ, tịch tụ rồi đốt; hoặc lúc mặt trời lên; hay khi mặt trời lặn; từ dưới lửa; nơi cỏ rơm tất cả đều chẳng tác ý. Đối với bên trên sanh ra lửa khởi, tất cả đều chẳng tác ý. Đối với chỗ lửa ấy hiện tạo hỏa tướng, lấy 3 hành thủ tướng, lấy bình đẳng quán, lấy phương tiện, lấy tạp loạn, như ban đầu đã nói rộng.

Hỏi rằng: Thế nào là phong nhứt thiết nhập? Tu cái gì? Tướng gì? Vị gì? Xứ gì? Khởi gì? Công đức gì? Vì sao thủ tướng này?

Đáp rằng: Tâm lấy gió làm tướng. Đây gọi là phong nhứt thiết nhập. Tu tâm trụ chẳng loạn. Đây gọi là tu phong nhứt thiết nhập. Lấy phóng ý làm tướng; chẳng trừ gió tướng làm vị. Tác ý vô song làm xứ. Công đức như thế nào? - Chẳng giống 3 công đức. Đối với gió tất cả nhập, gió làm tự tại, có thể làm cho gió khởi; tác ý thọ trì làm cho mát mẻ; như địa nhập nhứt thiết chỗ nói công đức. Tu gió nhứt thiết nhập phương tiện.

Vì sao giữ tướng này?

- Kẻ mới tọa thiền hiện giữ gió nhưt thiết nhập. Lấy 2 hành thủ nơi tướng của gió. Hoặc thấy, hoặc xúc.

Vì sao mà thấy giữ tướng của người ngồi thiền; hoặc vườn mía; hoặc ở nơi vườn trúc; hoặc ở chỗ nhiều cỏ?

- Lấy gió đáng trông, thấy kia rồi, làm gió tướng; lấy 3 hành thủ tướng. Lấy bình đẳng quán làm phương tiện, lấy ly loạn, như thế thấy rồi, thủ tướng.

Vì sao lấy xúc thủ tướng?

- Đối với người mới ngồi thiền như thế tịch tĩnh, tọa xúc tác ý tướng. Tùy theo gió đến nơi. Xứ này xuyên tường làm lỗ hồng; tạo trúc thành ống rồi đặt bên trong, ngồi nơi ống trúc, làm cho gió xúc vào thân, tác ý thủ tướng gió. Như thế lấy xúc làm tướng. Nếu người ngồi thiền lâu rồi thì nơi nơi liền thấy tướng gió khởi. Nếu đi, đứng, nằm, ngồi gió đều chạm nơi thân. Tùy theo chỗ động của gió mà đầu tiên làm chỗ quán. Nếu tự vui chẳng vui, tức thấy phần kia tướng gió được khởi; chẳng phải như người mới tọa thiền.

Hỏi rằng: Vì sao thanh nhưt thiết nhập? Tu gì? Tướng gì? Vị gì? Xứ gì? Công đức gì? Vì sao chấp nơi tướng này?

Đáp rằng: Vì tâm lấy màu xanh làm tướng. Đây nghĩa là thanh nhưt thiết nhập. Tu nghĩa là giữ cho tâm kia trụ, chẳng loạn. Đây gọi là tu. Đối với tướng xanh lấy phóng ý làm tướng; chẳng trừ thánh tướng làm vị; tác ý vô song làm xứ. Công đức nào? - Chẳng cùng với 5 công đức. Đối với thanh nhưt thiết nhập, tâm duyên tùy tiện, được tịnh giải thoát. Được thanh trừ nhập như hoa màu xanh. Tâm thọ trì làm cho hóa thành nhiều màu xanh. Tu thanh nhưt thiết nhập, nơi nơi đều thấy màu xanh.

Vì sao chấp vào tướng này?

Chấp thanh tất cả nhập là tướng vì chỗ làm hay chỗ tự nhiên. Người ngồi thiền lâu chấp tướng không chỗ làm. Người ngồi thiền kia đối với nơi nơi đều thấy; hoặc có hoa; hoặc có màu xanh; hoặc màu xanh. Đối với trước mắt này thường thấy. Tùy theo nếu vui, nếu chẳng vui. Tức thấy phần kia tướng xanh được khởi. Chẳng phải như người mới ngồi thiền; người mới ngồi thiền chấp vào tướng chỗ làm. Chẳng có thể chấp vào không phải chỗ làm. Tu thanh nhưt thiết nhập phương tiện. Người tọa thiền kia đối với áo, với ván ở nơi bức tường, dùng màu hoa A Đa Tư sắc xanh, lấy màu này làm hoa Mạn Đà La; hoặc 3 cạnh; hoặc 4 cạnh; lấy màu khác phủ bên ngoài. Đây là tạo nên tướng xanh; lấy 3 hành thủ tướng, lấy bình đẳng quán; lấy phương tiện; lấy ly loạn, trừ đi như ban đầu đã nói rộng.

Hỏi rằng: Thế nào là hoàng nhưt thiết nhập? Tu gì? Tướng gì? Vị gì? Xứ gì? Công đức gì? Vì sao chấp tướng này?

Đáp rằng: Tâm lấy màu vàng làm tướng. Đây gọi là hoàng nhưt thiết nhập. Tu cho tâm kia trụ, chẳng loạn; đây gọi là tu. Đối với hoàng nhưt thiết nhập phóng ý là tướng. Chẳng trừ hoàng tướng là vị. Tác ý vô song là xứ. Có công đức gì? - Chẳng đồng với 5 công đức. Đối với hoàng nhưt thiết nhập, tâm tùy toại được tịnh giải thoát, được màu vàng, trừ nhập tác ý. Như hoa màu vàng có nhiều loại màu vàng. Tu hoàng nhưt thiết nhập là nơi nơi đều thấy màu vàng.

Vì sao mà chấp vào ở tướng kia?

Hiện chấp hoàng nhưt thiết nhập; chấp lấy màu vàng làm tướng. Hoặc tự tạo nên chỗ; hoặc chỗ tự nhiên, đối với chấp này là tướng chẳng tạo chỗ. Người ngồi thiền kia đối với nơi nơi đều thấy; hoặc hoa màu vàng; hoặc áo vàng; hoặc màu sắc vàng. Từ đây thường thấy tùy theo vui, chẳng vui; tức thấy phần kia, tướng vàng được khởi, chẳng phải giống như người mới ngồi thiền. Người mới ngồi thiền hay chấp nơi việc làm của tướng này. Chẳng thể nơi chẳng làm. Tu hoàng nhưt thiết nhập phương tiện. Người ngồi thiền kia hoặc áo, hoặc băng, hoặc tường lấy màu hoa Ca Ni La màu vàng, tạo nên hoa Mạn Đà La; hoặc tam giác; hoặc tứ

giác, màu khác bao phủ bên ngoài; rồi nơi kia tạo ra tướng màu vàng. Lấy tam hành thủ tướng, lấy bình đẳng quán, lấy phương tiện, lấy trừ loạn. Ngoài ra như đã nói rộng lúc đầu.

Hỏi rằng: Vì sao xích nhứt thiết nhập? Tu gì? Tướng gì? Vị gì? Xứ gì? Công đức gì? Vì sao chấp vào tướng này?

Đáp rằng: Tâm lấy màu đỏ làm tướng. Đây gọi là xích nhứt thiết nhập. Kia tu tâm trụ, chẳng loạn. Đây gọi là tu. Đối với tướng đỏ phóng ý làm tướng. Chẳng lia đỏ tướng làm vui. Tác ý vô nhị làm xứ. Công đức như thế nào? - Chẳng cùng với 4 công đức. Đối với xích nhứt thiết nhập, tùy tâm được tịnh giải thoát, được xích trừ nhập; hóa ra nhiều loại màu đỏ chẳng cùng với công đức, như nói ở nơi địa nhứt thiết nhập. Tu xích nhứt thiết nhập; nơi nơi đều thấy đỏ.

Vì sao lại giữ tướng này?

Hiện chấp đó là tất cả nhập; chấp đỏ làm tướng; hoặc tác xứ; hoặc tự nhiên xứ. Người ngồi thiền cũ đối với tự nhiên xứ chấp lấy làm tướng. Đối với nơi nơi đều thấy tướng, hoặc hoa đỏ, hoặc áo đỏ, hoặc màu đỏ. Từ đây làm đầu thường hay thấy. Tùy vui, chẳng vui; liền thấy phần kia tướng đỏ được khởi chẳng phải như người mới tọa thiền. Người mới tọa thiền điếu với tác xứ lấy làm tướng. Chẳng thể đối với phi tác xứ. Tu xích nhứt thiết nhập phương tiện. Kẻ tọa thiền kia hoặc nơi áo; hoặc nơi băng; hoặc nơi tường, như hoa Bàn Dụ khi sanh hoa màu đỏ; hoặc lấy màu son tạo nên hao Mạn Đà La hoặc tam giác; hoặc tứ giác. Lấy màu vàng phủ bên ngoài. Đối với chỗ làm này lấy đỏ làm tướng. Lấy tam hành chấp tướng, lấy bình đẳng quán, lấy phương tiện, lấy ly loạn, như ban đầu đã nói rộng.

Hỏi rằng: Vì sao gọi là bạch nhứt thiết nhập? Tu gì? Tướng gì? Vị gì? Xứ gì? Công đức nào? Vì sao chấp lấy tướng này?

Đáp rằng: Tâm lấy màu trắng làm tướng. Đây gọi là bạch nhứt thiết nhập; kia tu tâm ở chỗ chẳng loạn. Đây gọi là tu. Đối với tướng trắng phóng ý làm tướng. Chẳng ly bạch tướng làm vị. Tác ý vô nhị làm xứ. Công đức nào vậy? - Đó chẳng cùng với 8 công đức. Đối với bạch nhứt thiết nhập, tùy tâm được tịnh giải thoát, được bạch trừ nhập hàng phục giải đãi ngũ nghi, trừ tối tạo sáng. Bạch nhứt thiết nhập được khởi thiên nhãn. Ngoài ra công đức như địa nhứt thiết nhập đã nói. Tu bạch nhứt thiết nhập nơi nơi đều thấy trắng.

Vì sao chấp vào tướng này?

Hiện chấp bạch nhứt thiết nhập. Đối với màu trắng làm tướng; hoặc tác xứ, hoặc tự nhiên xứ. Người ngồi thiền xưa đối với tự nhiên xứ làm tướng. Với kia nơi nơi đều thấy tướng; hoặc hoa trắng; hoặc áo trắng; hoặc màu trắng; hoặc ánh sáng trắng; hoặc ánh mặt trời; hoặc màu sắc của ngôi sao; hoặc hình tròn của kiếng. Từ kia làm đầu, thường hay thấy. Tùy theo vui, chẳng vui liền thấy phần kia. Tự tướng được khởi; chẳng như người mới ngồi thiền. Người mới ngồi thiền đối với tác xứ, chấp làm tướng. Chẳng phải chẳng tác xứ làm tướng. Tu bạch nhứt thiết nhập phương tiện, người tọa thiền kia hoặc đối với chỗ áo, hoặc nơi ván, hoặc nơi tường; lấy sao Thái Bạch làm màu sắc. Lấy màu này tạo nên hoa Mạn Đà La; hoặc 3 góc; hoặc 4 góc; lấy màu trắng làm tướng, mà tam hành chấp tướng; lấy bình đẳng quán, lấy phương tiện, lấy ly loạn như ban đầu đã nói rộng rồi.

Hỏi rằng: Vì sao gọi là quang minh nhứt thiết nhập? Tu gì? Tướng gì? Vị gì? Xứ gì? Công đức nào? Vì sao chấp vào tướng này?

Đáp rằng: Tâm lấy ánh sáng làm tướng. Đây gọi là quang minh nhứt thiết nhập. Tu tâm kia trụ, chẳng loạn. Đây gọi là tu. Ánh sáng phóng ý làm tướng. Chẳng lia ánh sáng tướng làm vị. Tác ý vô nhị làm xứ. Công đức gì? - Cùng với màu trắng công đức, tu quang minh nhứt thiết nhập; nơi nơi đều thấy ánh sáng.

Vì sao chấp vào tướng này?

Hiện chấp lấy ánh sáng tất cả nhập. Đối với ánh sáng, chấp làm tướng. Hoặc chỗ làm; hoặc chỗ tự nhiên. Người ngồi thiền cũ đối với tự nhiên xứ, chấp làm tướng. Kia đối với nơi nơi đều thấy tướng; hoặc ánh sáng mặt trăng; hoặc ánh sáng mặt trời; hoặc ánh sáng đèn; hoặc

ánh sáng màu vàng. Từ kia bắt đầu thường thấy. Tùy theo vui hay chẳng vui, liền thấy phần kia ánh sáng liền khởi. Chẳng phải như người mới tọa thiền. Người mới tọa thiền đối với chỗ làm, lấy làm tướng, chẳng thể đối với phi tác xứ. Tu ánh sáng tất cả nhập phương tiện. Người tọa thiền kia như thể hoặc nương vào tường phía Đông Tây; ngồi xuống làm cho nước đầy bình rồi an trí chỗ có ánh sáng vào. Từ kia khởi lên ánh sáng nước, hoa Mạn Đà La. Từ ánh sáng Mạn Đà La đó khởi lên ánh sáng dính chặt vào tường. Đối với sự thấy này lấy ánh sáng làm tướng. Lấy tam hành chấp tướng, lấy bình đẳng quán, lấy phương tiện, lấy ly loạn, như ban đầu đã nói rộng.

Giải Thoát Đạo Luận Hết quyển năm

Giải Thoát Đạo Luận Quyển thứ sáu

- *Ngài A La Hán Ưu Ba Đề Sa tạo luận bằng chữ Phạn.*
- *Đời nhà Lương, người nước Phù Nam, Ngài Tam Tạng Tăng Già Bà La dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.*

Phẩm Hành Môn Thứ 3

Hỏi rằng: Vì sao gọi là Hư Không Nhứt Thiết Nhập? Tu cái gì? Có tướng như thế nào? Vị gì? Xứ gì? Thành tựu công đức ra sao? Vì sao mà chấp lấy tướng này?

Đáp rằng: Hư không nhứt thiết nhập có 2 loại. Đó là có hư không lìa sắc và có hư không chẳng lìa sắc. Hư không nhập xứ tướng, cho nên lìa sắc hư không. Hư không này có tướng như cái giếng. Đây nghĩa là chẳng lìa sắc hư không. Kia tu tướng này, tâm trụ không loạn. Đối với hư không tướng phóng ý làm tướng. Chẳng lìa hư không tướng làm vị. Tác ý vô nhị biên làm xứ. Có công đức gì? - Chẳng cùng với 2 công đức. Đối với hư không nhập chướng ngại xứ, lại chẳng thể ngại. Nếu bờ tường hay vách núi v.v... thân đi ngang qua không ngại, tự tại chẳng sợ.

Vì sao mà giữ lấy tướng này

Đối với hư không nhập, chấp vào tướng hư không; hoặc chỗ làm hoặc chỗ tự nhiên. Người tọa thiền cũ đối với chỗ tự nhiên chấp làm tướng. Hay ở nơi xứ mà thấy xứ. Hoặc ở lỗ trống; hoặc nơi cửa sổ; hoặc giữa cành cây; từ kia thường thấy. Tùy vui chẳng vui, liền thấy phần kia tướng hư không liền khởi. Chẳng phải như người mới ngồi thiền. Người mới ngồi thiền lấy chỗ làm mà chấp tướng, chẳng thể đối với chẳng phải chỗ làm; người tọa thiền kia; hoặc ở trong phòng; hoặc ở ngoài phòng, chẳng nơi nào chướng ngại. Tạo nên lỗ trống tròn, tạo tướng hư không; lấy tam hành làm tướng. Lấy đẳng quán; lấy phương tiện; lấy ly loạn. Đối với hư không nhứt thiết nhập, sanh vào tứ thiên, ngũ thiên. Ngoài ra như đã nói rộng lúc ban đầu.

Hỏi rằng: Thức nhứt thiết nhập là gì?

Đáp rằng: Đó là thức hư không xứ định. Đây nghĩa là thức nhứt thiết nhập. Ngoài ra như ban đầu đã nói rõ.

Hỏi rằng: Đối với nhứt thiết nhập này, vì sao mà tán cú?

Đáp rằng: Nếu một tướng được tự tại, tất cả tướng khác tùy theo tác ý này. Nếu đối với một xứ nhứt thiết nhập; đối với sơ thiền được tự tại; kham nhận ngoài nhứt thiết nhập; hay khởi đệ nhị thiền. Như thế đệ nhị thiền được tự tại; hay khởi đệ tam thiền. Đệ tam thiền được tự tại, hay khởi đệ tứ thiền.

Hỏi rằng: Vì sao đối với tất cả nhập là tối thắng?

Đáp rằng: Tứ sắc nhứt thiết nhập là tối thắng, thành giải thoát vậy, được trừ nhập vậy gọi là nhứt thiết nhập tối thắng. Tạo nên ánh sáng nên tâm được tự tại. Đối với bát nhứt thiết nhập đối với bát định, lấy 86 hạnh an tường mà khởi; tùy theo xứ vui. Chỗ lạc định này tùy ý không chướng. Thứ đệ thượng, thứ đệ hạ; thứ đệ thượng hạ làm cho mỗi mỗi tăng trưởng; hoặc làm cho tăng trưởng; hoặc trung thiếu; hoặc thiếu phần; hoặc việc ít; hoặc chia ra ít việc; hoặc phần đầy đủ; hoặc việc đầy đủ; hoặc phần việc đầy đủ. Tùy theo chỗ vui; hoặc ở nơi thôn xóm; hoặc ở nơi A Lan Nhã. Đây là chỗ vui. Nhập vào 3 vị; như chỗ vui; đây là chỗ thiền lạc; nhập vào nơi thiền định. Như đây là chỗ vui. Lúc ấy tùy theo đó mà vui; nhập vào tam muội; hoặc nhiều lúc nhập chánh thọ. Lần lượt bên trên, đối với sơ thiền nhập định, lần lượt cho đến Phi phi tướng xứ. Lần lượt bên dưới, từ sơ nhập Phi phi tướng định. Lần lượt đến sơ thiền. Lần lượt trên dưới vượt qua khỏi nơi tới lui. Từ sơ thiền nhập vào tam thiền. Từ tam thiền nhập vào nhị thiền. Từ nhị thiền nhập vào tứ thiền. Như thế cho đến nhập vào Phi phi tướng định, làm cho mỗi mỗi tăng trưởng. Lấy lần lượt nhập vào tứ thiền; hoặc trên; hoặc dưới đều làm cho tăng trưởng. Nhập đệ tứ thiền, từ hư không này nhập vào tam thiền. Như thế 2 loại nhập định. Trung thiếu nhập sơ thiền rồi; từ đây nhập Phi phi tướng xứ. Từ đây nhập vào đệ nhị thiền. Từ đây nhập vào vô sở hữu xứ. Như thế hiện nhập chánh thọ. Hay biện hư không xứ. Phần thiếu là nhứt thiền nơi bát nhứt thiết nhập, nhập định. Sự thiếu là đối với 2 nhứt thiết nhập, nhập vào bát định phần. Sự thiếu nghĩa là hai định và tất cả nhập. Phần Cụ nghĩa là đối với 2 nhứt thiết nhập, nhập hai hai thiền. Sự cụ là đối với hai hai tất cả nhập, nhập nhị thiền. Phần sự cụ là 2 câu tán.

Hỏi rằng: Những gì là tướng tăng trưởng? Tu cái gì? Tướng gì? Vị gì? Xứ gì? Công đức nào? Vì sao lại chấp giữ tướng này?

Đáp rằng: Tướng tăng trưởng là đầy khắp tất cả nơi; giống như bài tiết đầy khắp nơi xứ chết hôi thối. Đây nghĩa là sinh trưởng. Tướng sinh trưởng này như thế mà rõ biết. Đây nghĩa là sinh trưởng tướng. Kia tu tướng này mà tâm trụ chỗ bất loạn. Đây gọi là tu. Ở nơi tướng sinh trưởng tướng tướng tùy quán làm tướng. Tướng xa lìa sự sinh trưởng làm vị. Xứ uest bất tịnh tác ý làm xứ. Có công đức gì? - Tướng sinh trưởng có 9 công đức; được niệm nhập thân, được vô thường tướng; được tướng chết, nhiều yểm hoạn, phục dâm dục, đoạn sắc kiêu, đoạn vô bệnh kiêu; hướng thiện, vui hướng đề hồ.

Vì sao mà chấp giữ tướng này?

- Kẻ mới tọa thiền hiện giữ sự sinh trưởng, chẳng tướng sạch sẽ, lấy vô nhị hành, lấy niệm bất động, bất ngu si, lấy các căn nội nhập; lấy tâm chẳng ra ngoài, lấy đến nơi kia; nơi này bất tịnh, có các xác chết. Trụ ở nơi kia, lìa nơi gió ngược, đối tướng bất tịnh chẳng xa chẳng gần; hoặc dựa hoặc ngồi. Người tọa thiền kia hoặc dựa hoặc ngồi gần chỗ bất tịnh; hoặc trên đá hoặc trên đất; hoặc nơi cây, hoặc nơi ghé; hoặc bụi cây. Ví tác tướng, tác sự tư duy. Đá này bất tịnh. Tướng này bất tịnh. Đá này cũng như đất vậy, lấy đó tác tướng, lấy đó tác sự. Lấy mười việc làm về tướng bất tịnh của sự sinh trưởng. Từ tự tánh này tu hành hay quán, lấy sắc của hình nam nữ, lấy phương, lấy xứ, lấy phân biệt, lấy tiết; lấy lỗ hồng, lấy hầm; lấy đất bằng, lấy bình đẳng. Quán ở nơi tất cả xứ.

Lấy sắc là nâu đen, lấy quán đen. Nâu chẳng đen chẳng trắng, lấy quán chẳng đen chẳng trắng. Nếu trắng, lấy quán trắng. Nếu da hôi, lấy da hôi. Dùng hình nghĩa là nếu hình người nữ hay hình người nam; theo đó mà quán nhỏ, lớn, già. Tùy quán nghĩa là nếu dài thì lấy dài; nếu ngắn thì lấy ngắn; nếu mập thì lấy mập. Nếu nhỏ thì lấy nhỏ, tùy theo đó mà quán.

Lấy phương nghĩa là lấy phương này làm đầu; đối với phương này là tay; đối với phương này là chân; đối với phương này là lưng; đối với phương này là bụng; đối với phương này là chỗ của người ta; đối với phương này là tướng bất tịnh. Như thế tùy theo quán mà chỗ sáng sủa. Đối với sự sáng sủa này là chỗ của tay. Đối với chỗ sáng sủa này là chỗ của chân; đối với sự sáng sủa này là chỗ của chân; đối với chỗ sáng sủa này là chỗ ngồi của ta; đối với chỗ sáng sủa này là chỗ tướng bất tịnh. Lấy sự phân biệt quán từ đầu đến chân, từ dưới lên đầu. Tóc da làm biên là một chỗ tụ hội; lấy phân biệt quán, quán sự chẻ lia ra. Đối với 2 tay chẻ làm 6; đối với 2 chân chẻ làm 6. Xương chẻ ra từng mảnh. Đây là 14 phần lớn.

Lấy thịt ở miệng hoặc đóng hoặc mở. Tùy theo đó quán mắt; hoặc khai hoặc bế. Tùy theo quán nơi khoảng tay, khoảng chân, lỗ chơn lông; lấy hàm, lấy bình đẳng địa. Bất tịnh tướng tùy theo nơi này. Hoặc ở trên không; hoặc ở trên đất; xứ này tùy theo đó quán. Lại nữa ta ở trên không, tướng bất tịnh ở trên đất. Hoặc bất tịnh tướng ở phía dưới. Ta ở trên mặt đất, tùy theo đó quán tất cả nơi. Từ ta, không thủ gần xa. Chùng 2 hay 3 tầm tùy đó mà quán. Kế tọa thiền kia như thế tất cả theo đúng mà quán tướng kia.

Lành thay! lành thay! Như thế thọ trì, lấy thiện tự an. Kế ngồi thiền kia lấy thiện giữ làm tướng; thọ trì thiện này; tự yên thiện này; một không, hai đi; lấy niệm bất động, tâm chẳng ngu si, các căn nội nhập, tâm chẳng ra ngoài; đi đến trên đường hoặc đi hoặc ngồi, quán kia tâm bất tịnh thường thọ trì.

Không 2 người đi là nghĩa gì?

- Vì được thân tịnh tĩnh, làm cho niệm chẳng động; lấy chẳng ngu si, lấy các căn nội nhập, tâm chẳng ra ngoài.

Đến đi trên đường nghĩa là gì?

- Vì được thân tịnh tĩnh.

Lìa ngược gió là nghĩa gì?

- Vì lìa mùi hôi thối.

Ngồi chẳng xa chẳng gần là nghĩa gì?

- Nếu giữ xa cách, chẳng thành tướng trừ; nếu giữ gần, chẳng thành việc yểm ly, chẳng thấy tánh này, lấy chẳng thấy tánh này; tướng kia chẳng khởi. Cho nên chẳng giữ xa, chẳng giữ gần.

Ngồi một bên quán tất cả tướng là gì?

- Vì chẳng ngu si, gọi là chẳng ngu si. Nếu người tọa thiền nhập tịch tĩnh xứ, thấy tướng bất tịnh như ở phía trước, tâm khởi lên sợ hãi. Cho nên người tọa thiền này chẳng nên khởi với tứ thi. Tâm suy nghĩ như thế rồi niệm chánh trí, thọ trì rồi quán tướng biến. Đây là biến tướng, như thế mà tác ý. Đây có tên là chẳng ngu si.

Hỏi rằng: Giữ 10 loại hành tướng là nghĩa gì?

Đáp rằng: Vì tâm bị cột chặt.

Quán đến đi đường xá là nghĩa gì?

- Vì khởi lên pháp lần lượt vậy. Đây có tên là thứ đệ pháp. Nếu người tọa thiền nhập vào nơi tịch tĩnh có lúc tâm loạn; lấy bất thường quán, chẳng khởi tướng bất tịnh. Cho nên người tạo thiền nhiếp tất cả tâm, hay quán con đường đến đi, hay quán chỗ ngồi thiền. Sẽ quán biến tướng, sẽ quán 10 loại tướng thủ. Kế tọa thiền kia như thế lần lượt hiện quán. Lại liền khởi tướng. Như lấy mắt thấy. Đây nghĩa là khởi thứ đệ pháp. Người mới ngồi thiền đối với tứ thi này thành tướng trần bảo. Như thế tâm hoan hỷ được thọ trì. Tâm thường tu hành, diệt nơi các sự che đậy; thiền phân thành khởi. Người tọa thiền kia, lìa dục rồi, liền lìa các pháp bất thiện. Có giác có quán, tịch tĩnh sở thành. Có hỷ lạc, vào sơ thiền định và tướng sinh tướng.

Hỏi rằng: Vì sao lấy bất tịnh hành khởi nơi sơ thiên? mà chẳng khởi ngoài thiên?

Đáp rằng: Việc làm này là chưa quán vậy. Sự thành này là sự cột chặt vậy. Thường tùy giác quán. Giác quán thường hiện tướng này được khởi. Chẳng lia giác quán để tâm này được an. Cho nên sơ thiên khởi chẳng ngoài thiên.

Lại nói: Đây là tướng bất tịnh về hình sắc. Lấy chẳng phải một việc làm mà suy nghĩ, làm cho khởi lên nơi hành tư duy. Đây là giác quán sự. Chẳng thể kham nhiệm lia nơi giác quán, là tư duy hành. Cho nên chỉ có sơ thiên khởi chẳng phải ngoài thiên.

Lại nói: Đây là tướng bất tịnh chẳng thể nhận nại. Đối với việc chẳng nại, chẳng thể đưa tâm lên. Đối với nơi bất tịnh, tâm do hỷ lạc vậy. Trừ giác quán phương tiện, lấy giác quán phương tiện lực. Lúc ấy sự tu hành do như phần hồi. Cho nên duy chỉ sơ thiên khởi, chẳng phải ngoài thiên.

Hỏi rằng: Đối với việc bất nại vì sao khởi hỷ lạc?

Đáp rằng: Việc chẳng nại chẳng có nguyên nhân làm khởi hỷ lạc. Lại nữa hỷ đoạn việc che nóng vậy. Lấy tu tâm tự tại vậy. Khởi công việc hỷ lạc. Như đã nói rộng phần đầu.

Hỏi rằng: Vì sao tướng ú màu xanh? Tu gì? tướng gì? vị gì? xứ gì? công đức nào? Vì sao mà chấp vào tướng này?

Đáp rằng: Màu ú xanh hoặc là chết đã qua một đêm; hoặc 1 hay 3 đêm, thành tướng xanh lè. Như màu xanh ấy do chỗ nhiễm sắc mà sanh ra. Đây nghĩa là tướng ú xanh. Màu ú xanh kia là tướng xanh. Lấy trí chơn chánh mà biết. Đây nghĩa là tướng ú xanh. Tâm trụ chẳng loạn đây nghĩa là tu. Thọ trì tướng xanh làm tướng. Xa lia làm vị. Tác ý chẳng nại làm xứ và tướng sinh tướng lên là công đức. Tu tướng này như trước đã nói rõ.

Hỏi rằng: Vì sao là tướng Hội Lạn? Tu cái gì? tướng gì? vị gì? xứ gì? công đức nào? Vì sao mà chấp tướng này?

Đáp rằng: Hội Lạn là hoặc chết một hai đêm rồi như nát chảy ra nồng nặc; giống như nước sữa. Thân thành mục rữa. Đây có nghĩa là Hội Lạn. Đối với tướng rữa thối này lấy chánh trí mà biết. Đây gọi là tướng mục rữa; tâm trụ bất loạn nghĩa là tu. Thọ trì sự mục rữa là tướng. Xa lia là vị. Tác ý chẳng nại là ý. Tướng sinh tướng lên là công đức. Thủ tướng này như đã nói rộng ở trước.

Hỏi rằng: Vì sao gọi là tướng đoạn lia? tu gì? tướng gì? vị gì? xứ nào? công đức gì? Vì sao giữ tướng này?

Đáp rằng: Sự chặt khúc tan ra là lấy dao kiếm đoạn cho thân thể này lia ra. Lại nói chỗ tử thi bị chặt đứt ra. Đối với sự phân đoạn này là do chánh trí biết được. Đây gọi là phân đoạn tướng. Tâm trụ chỗ không loạn gọi là tu. Tướng đến sự chặt khúc ra làm tướng. Xa rời là vị. Tác ý bất tịnh làm xứ và tướng sinh tướng lên là công đức.

Hỏi rằng: Vì sao chấp tướng này?

Đáp rằng: Đối với 2 lỗ tai, hai ngón tay làm tướng từng mảnh, tạo ra tướng chặt từng đoạn; như thể giữ tướng này. Đối với một hai, bên trên chấp tướng không này. Ngoài ra như đã nói rộng phía trước.

Hỏi rằng: Tướng về ăn là gì? Tu gì? tướng gì? vị gì? xứ nào? công đức gì? Vì sao chấp giữ tướng này?

Đáp rằng: Việc ăn là do chim ung, chim kên kên, chim thú, giả can, chó sói, chồn, hổ, beo ăn tử thi ấy. Đây nghĩa là ăn xác chết. Đối với sự ăn kia; tướng này lấy chánh trí mà biết. Đây nghĩa là tướng về ăn. Tâm trụ bất loạn nghĩa là tu. Lấy tướng ăn xác chết làm tướng. Xa lia làm vị. Tác ý bất tịnh làm xứ và tướng sinh tướng là công đức. Ngoài ra như đã nói rộng ở trước.

Hỏi rằng: Thế nào là tướng về ném bỏ? Tu gì, tướng gì? vị gì? xứ gì? công đức nào? Vì sao lại chấp vào tướng này?

Đáp rằng: Ném bỏ nghĩa là bỏ tay chân khắp nơi. Đây nghĩa là ném bỏ. Đối với tướng ném bỏ là dùng trí chơn chánh mà biết. Đây nghĩa là tướng về sự ném bỏ. Tâm trụ bất loạn đây là tu. Thọ trì về tướng ném bỏ là tướng. Xa lìa là vị. Tác ý bất tịnh là xứ. Tướng về sinh tướng là công đức.

Vì sao lại chấp vào tướng này?

Tất cả phần của thân tụ lại một nơi, để yên các phần đã cắt cách nhau 2 tác. Để yên rồi tác ý tướng về sự ném bỏ và giữ làm tướng. Ngoài ra như đã nói rộng phía trước.

Hỏi rằng: Vì sao tướng về sự ghét bỏ loài có cánh? Tu gì? tướng gì? vị gì? xứ gì? công đức nào? Vì sao giữ tướng này?

Đáp rằng: Vật bị giết hại kia hoặc dùng dao, hoặc dùng cung tên. Đối với tử thi đoạn lìa nơi nơi. Đây nghĩa là giết rồi ném những con vật có cánh. Đối với sự ném bỏ ấy, tướng này là do chánh trí mà biết. Đây gọi là tướng sự giết và ném bỏ loài có cánh. Tâm trụ chẳng loạn gọi là tu. Thọ trì tướng bị giết loài có cánh ấy là tướng. Xa lìa là vị. Tác ý bất tịnh là xứ. Và sinh tướng lên là công đức.

Vì sao chấp giữ tướng này?

- Như phần phía trước đã nói rộng rồi.

Hỏi rằng: Vì sao tướng đến huyết đồ nhiễm Tu cái gì? tướng gì? vị gì? xứ gì? công đức nào? Vì sao chấp giữ tướng này?

Đáp rằng: Huyết đồ nhiễm nghĩa là chặt tay chân và thân hình ra từng phần và máu ra nơi thân. Đây gọi là huyết đồ nhiễm. Đối với tướng huyết đồ nhiễm dùng chánh trí để biết. Đây gọi là huyết đồ nhiễm tướng. Tâm trụ nơi chẳng loạn gọi là tu. Lấy việc thọ trì huyết đồ nhiễm tướng làm tướng. Xa lìa làm vị. Tác ý bất tịnh làm xứ. Tướng đến sự sinh tướng lên là công đức. Vì sao lại phải chấp giữ vào tướng này? - Như trước đã nói rõ.

Hỏi rằng: Vì sao lại tướng đến trùng xứ? Tu cái gì? tướng gì? vị gì? xứ nào? và công đức ra sao? Vì sao lại chấp giữ tướng này?

Đáp rằng: Trùng xứ là các trùng sanh đầy nơi thân thể, giống như trên xương thịt trùng tụ lại. Đây gọi là trùng xứ. Đối với trùng xứ tướng, lấy chánh trí mà biết được. Đây gọi là trùng xứ tướng. Tâm trụ chẳng loạn gọi đây là tu. Lấy thọ trì về trùng xứ tướng làm tướng. Xa lìa làm vị. Sự tác ý bất tịnh làm xứ. Tướng đến sự sinh tướng lên là công đức. Vì sao lại phải chấp giữ lấy tướng này? - Như trước đã giải rõ.

Hỏi rằng: Vì sao nghĩ đến xương cốt. Tu cái gì? tướng gì? vị gì? xứ gì? và công đức nào? Tại sao chấp giữ vào tướng này?

Đáp rằng: Xương cốt có nghĩa là những ống xương tròn; hoặc máu thịt vẫn còn dính nơi ấy; hoặc chẳng có máu thịt mà chỉ có gân; hoặc chẳng có máu thịt. Đây gọi là xương cốt. Đối với việc tướng đến xương cốt này, lấy chánh trí mà biết. Đây gọi là cốt tướng. Tâm trụ chẳng loạn gọi là tu. Lấy việc thọ trì cốt tướng làm tướng. Lấy xa rời làm vị. Tác ý bất tịnh làm nơi. Lấy tướng về sự sinh tướng lên làm công đức. Vì sao lại chấp giữ vào tướng này? - Như trước đã giải rồi.

Hỏi rằng: Vì sao đối với nơi bất tịnh lại tán cú?

Đáp rằng: Với người mới ngồi thiền có nhiều phiền não chẳng có loại nào là chẳng lấy đó để chấp tướng. Chẳng có loại nào nghĩa là như thân nam thân nữ; hoặc người nghiệp bất tịnh thì tướng chẳng tịnh và chẳng nên tác ý. Vì sao vậy? - Vì hay quán các việc; nhưng chẳng xa lìa được. Đối với thân súc sanh, chẳng thể khởi tướng thanh tịnh được. Lấy một cái xương rời khỏi lên tướng tụ tại đối với đồng xương. Lại cũng như thế; nếu tướng bất tịnh lấy sắc để

khởi. Do tất cả nhập vào chỗ đang quán. Nếu lấy các không để khởi nơi người nam thì lúc đang quán, lấy bất tịnh khởi, lấy bất tịnh mà quán.

Hỏi rằng: Vì sao 10 bất tịnh ấy chẳng nhiều chẳng ít?

Đáp rằng: Việc mất thân này có 10 loại. Lại do 10 người nên thành 10 tướng. Có người muốn tu về sự quán tưởng sự sinh trưởng lên. Người có ái dục về sắc nên tu về tướng đến sự ứ đọng màu xanh. Như người muốn tu thanh tịnh thì nên tu về tướng hủy hoại. Ngoài ra lại cũng có thể biết. Lại nữa tướng bất tịnh chẳng thể được. Cho nên tất cả bất tịnh tướng muốn đối trị vậy. Nếu có người sở đắc được việc này thì chấp vào tướng kia. Cho nên nói là tất cả bất tịnh làm 10 loại tướng bất tịnh.

Hỏi rằng: Vì sao chẳng làm cho tăng trưởng?

Đáp rằng: Nếu người vui lìa dục, làm cho tự tánh thân tướng. Vì sao vậy? - Nếu có tự tánh thân tướng thì đối với tướng ấy mau được xa lìa. Phần kia làm cho tăng trưởng rồi tướng đến bất tịnh. Đây là tướng của thân được trừ. Trừ tự thân tướng rồi, chẳng mau được xa lìa; cho nên chẳng nên làm cho tăng trưởng. Lại nói nếu được vô dục mà tu tâm lớn, rồi làm cho tăng trưởng. Như A Tỳ Đàm nói: Nơi ly dục sơ thiền, chánh thọ ở nơi sinh trưởng, lại khởi lên nhiều việc như được việc lớn, liền nói kệ rằng:

Tỳ Kheo, gia trì Phật
Nơi rừng kia sợ hãi
Liên nên tu tướng cốt
Làm cho đầy đất này
Ta biết Tỳ Kheo kia
Liên xa rời dục nhiễm.

Hỏi rằng: Vì sao niệm Phật? Tu gì? tướng gì? vị gì? xứ gì? và công đức như thế nào? Vì sao mà tu hành?

Đáp rằng: Đức Phật Thế Tôn tự nhiên chẳng có Thầy mà chứng. Đối với việc chưa nghe pháp mà chánh giác, chánh đế thì có thể biết rằng tất cả được lực tự tại. Đây gọi là Phật. Khi niệm Phật, Thế Tôn, bậc Chánh Biến Tri thì được công đức của Đạo Bồ Đề. Niệm tùy, niệm niệm, trì niệm, chẳng vọng niệm, căn niệm, lực chánh niệm. Đây nghĩa là niệm Phật. Tâm trụ nơi chẳng loạn; đây nghĩa là tu. Làm cho khởi lên công đức của Phật; ấy là tướng. Cung kính là vị. Tăng trưởng tín tâm là xứ. Nếu tu hành niệm Phật, thành được 18 công đức. Niệm tin tăng trưởng; niệm tăng trưởng; huệ tăng trưởng; công đức tăng trưởng; nhiều hoan hỷ, sâu vào khổ hạnh, lìa sự sợ hãi. Đối với việc thọ pháp ác được sanh xấu hổ. Thường cùng với Thầy ở chung. Tâm vui cảnh Phật, làm việc hướng đến chỗ lành. Sau cùng nhuần nhuyễn, như nói Tu Đa Lan (Kinh) Bàn Đề Lí Cú. Nếu người muốn niệm Phật. Nơi đây có thể cung kính như chỗ tượng Phật. Và sẽ tu hành như thế nào?

- Đối với người mới tọa thiền đến nơi yên ổn nhiếp tâm bất loạn; dùng tâm bất loạn niệm danh hiệu Đức Như Lai Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Đối với điều này thì kẻ kia sẽ được tất cả công đức bị ngại.

Thế Tôn có nghĩa là được đời xưng tán cho nên có tên là Thế Tôn. Lại được diệu pháp cho nên gọi là Thế Tôn. Lại nữa được cúng dường cho nên gọi là Thế Tôn. Được đầy đủ phước đức cho nên gọi là Thế Tôn. Vị chủ tử của Đạo Pháp nên gọi là Thế Tôn. Do những nguyên nhân này mà gọi là Thế Tôn.

Từ cái nguyên nhân kia thọ của cúng dường gọi là A La Hán. Diệt phiền não oán nên có tên là A La Hán. Đoạn lìa bánh xe sanh tử; nên gọi là A La Hán.

Chánh Biến Tri nghĩa là tất cả các hạnh đều rõ cũng như tất cả các pháp; nên gọi là Chánh Biến Giác. Lại có tên là giết vô minh; nên có tên là Chánh Biến Giác, mà Độc Giác Vô Thượng Bồ Đề; nên gọi là Chánh Biến Giác.

Minh Hạnh Túc có nghĩa là kẻ biết rõ Tam Minh. Đó là túc, mệnh, trí minh. Đó là trí rõ biết sanh tử của chúng sanh. Rõ biết trí lậu tận. Đức Thế Tôn đủ túc, mệnh, trí minh, đoạn dứt quá khứ vô minh và sáng rõ sanh tử của chúng sanh, đoạn giết vị lai vô minh. Dùng trí sáng lậu tận đoạn trừ vô minh trong hiện tại. Lại cũng đoạn trừ những vô minh trong quá khứ vậy. Dùng tất cả hạnh của tất cả pháp quá khứ. Thế Tôn ưng niệm, liền hiện. Đã đoạn trừ vị lai vô minh; nên tất cả hạnh của tất cả pháp vị lai. Thế Tôn ưng niệm liền hiện, để đoạn diệt hiện tại vô minh vậy; dùng tất cả hạnh, tất cả pháp hiện tại, Thế Tôn ưng niệm liền hiện. Hành có nghĩa là giới định huệ đầy đủ. Giới đây nghĩa là tất cả nơi pháp lành. Cho nên nói là Minh Hạnh. Túc có nghĩa là tất cả thân thông; nên gọi tên là Minh Hạnh Túc. Cụ có nghĩa là tất cả Định. Đối với Thế Tôn dùng tất cả trí lấy 3 Minh, dùng hành để được Đại Từ Bi, mà việc làm ấy lợi lạc cho thế gian, minh đặc tự tại. Dùng trí tuệ để luận đạo thì chẳng có người nào có thể thắng. Diệt trừ những phiền não, lấy thanh tịnh chánh hạnh, dùng Minh Hạnh Túc thành con mắt thế gian. Chỗ nhiều ích hay không nhiều ích (lợi lạc) làm cho đầy đủ, làm chỗ nương tựa cho thế gian. Làm việc cứu hộ sự sợ hãi. Lấy Minh giải thoát đối với đệ nhứt nghĩa lại được thông đạt; lấy việc làm để tế độ, làm nghĩa của thế gian. Đối với tất cả việc, tự nhiên chẳng có Thầy. Chỗ làm bình đẳng được vô thượng tịch tĩnh; lấy Minh Hạnh Túc, Thế Tôn thành tự. Đây nghĩa là Minh Hạnh đầy đủ.

Thiện Thệ nghĩa là đến con đường lành; nên gọi là Thiện Thệ. Lại chẳng hề đến nơi cảnh giới đề hồ (giải thoát) mà Vô Vi Niết Bàn; nên gọi là Thiện Thệ. Lại nói chẳng điên đảo pháp; nên gọi là Thiện Thệ. Lại nói pháp chẳng đua đòi; cho nên gọi là Thiện Thệ. Lại nói pháp chẳng lo lắng; nên có tên là Thiện Thệ. Lại nói pháp chẳng nhiều chẳng ít; cho nên nói là Thiện Thệ.

Thế Gian Giải nghĩa là Thế Gian có 2 loại. Nghĩa là chúng sanh thế gian và hạnh thế gian. Đức Thế Tôn dùng tất cả hạnh biết chúng sanh trong thế gian, biết được tất cả nhiều loại đục lạt của chúng sanh, dùng căn sai biệt, dùng túc mệnh, thiên nhãn, từ quá khứ đến, lấy sự hòa hợp mà thành tự. Dùng nhiều loại có thể giáo hóa, dùng nhiều loại sâu xa hoặc chẳng sâu, dùng những loại sanh, dùng những cõi, những đất để trồng các loại nghiệp, dùng các loại phiền não, lấy nhiều loại quả báo; lấy nhiều loại thiện ác, dùng nhiều loại trời, mờ. Như thế các việc làm mà Đức Thế Tôn đều biết chúng sanh trong thế gian. Lại nói Hành Thế Gian nghĩa là Đức Thế Tôn lại cũng biết tất cả nghiệp về thiện, bất thiện, vô ký. Lấy những loại âm, lấy các giới, lấy các nhập, dùng trí tuệ để rõ biết. Lấy vô thường, khổ, vô ngã; lấy sanh chẳng sanh, như thế những việc làm Đức Thế Tôn đều biết những việc làm ở thế gian. Đây gọi là Thế Gian giải.

Vô Thượng nghĩa là trong thế gian không có gì trên. Đây nghĩa là Vô Thượng. Lại nữa chẳng có ai có thể sánh được. Lại cũng có nghĩa là tối thắng chẳng thể so sánh. Lại chẳng thể qua khỏi nên gọi là Vô Thượng.

Điều Ngự Trượng Phu có nghĩa là gồm có 3 loại người; hoặc nghe pháp được ngộ; hoặc nói nhưn duyên; hoặc nói túc mệnh: Đức Thế Tôn ngự nơi 8 con đường giải thoát để điều ngự chúng sanh; nên gọi là Điều Ngự Trượng Phu.

Thiên Nhơn Sư nghĩa là Đức Thế Tôn hay độ cho Trời, Người. Từ nơi sanh, già, chết sợ hãi rừng vườn ấy; nên gọi là Thiên Nhơn Sư. Lại nữa chỉ dạy con đường tư duy nên có tên là Thiên Nhơn Sư. Như thế đây là cửa ngõ đây là việc làm; nên niệm đến Như Lai.

Lại nữa như Đức Bôn Sư dạy lấy 4 loại việc làm tu niệm Đức Thế Tôn. Do từ xưa non duyên đã khởi nên tự thân mà được thắng pháp, mà làm cho thế gian được lợi lạc. Từ sở nguyện lúc ban đầu cho đến sau cùng, sanh ra trong đời này, từ xa xưa kia trải qua 20 A Tăng Kỳ Kiếp, một trăm, ngàn, ức quán sát căn tánh phàm phu, niệm chỗ căn tánh. Đầu tiên tâm yêu thương thế gian, ta đã được giải thoát; nên làm cho kia được giải thoát. Ta đã được điều phục; nên sẽ làm cho kia được điều phục. Ta đã được an; nên sẽ làm cho kia an. Ta sẽ được vào Niết Bàn; nên sẽ làm cho kia được vào Niết Bàn. Thí giới, xuất nhần đế, thọ trì, từ xả, tinh tấn, trí huệ đều làm cho đầy đủ mà được Bồ Đề. Thế Tôn lúc còn làm Bồ Tát nói về non duyên đời trước đã làm thân con thỏ, thường hay bỏ thí, hay làm cho giữ gìn; hoặc sanh làm Ma Cù Tần Đà; hoặc hay niệm xuất ly, sanh nhần nhục; hay nhớ đến nhần, sanh vào chỗ sáng; hay nhớ đến lời nói thật; hay nhớ đến lần sanh vào chỗ câm; hay nhớ nghĩ đến việc thọ trì; hay nhớ nghĩ đến Đế Thích từ bi; hay nhớ đến xả bỏ lông; hay nhớ đến người buôn bán chân chánh; hay nhớ đến lúc sanh làm nai; hay nhớ đến lúc sanh cõi Trường Thọ; đều do lời Phật mà nhớ đến voi trắng 6 ngàn cung kính Tiên non. Nhớ đến lúc sanh làm ngựa trắng đi đến nước La Sát để độ cho chúng sanh. Lúc sanh làm hươu để giữ gìn thọ mạng kia và xả thọ mạng của chính mình. Nhớ lại lúc sanh làm khi làm cho được giải thoát chỗ khổ lớn. Lại nhớ lúc sanh làm khi, thấy người bị rơi vào hầm liền dùng lòng từ để cứu ra khỏi. Làm tổ trên gốc cây để cúng dường. Kẻ kia vì thích thịt; nên đã tự chặt đầu và lấy lòng từ bi để thuyết pháp để đi con đường lành. Như thế mà các cửa nguyện. Nhớ lại những công đức của Đức Thế Tôn.

Vì sao mà nhớ lại công đức tự bỏ thân của Thế Tôn được?

Đức Thế Tôn có những kiếp sống trước đầy đủ như thế mà lúc còn nhỏ đã dứt hết tất cả chỗ đắm trước; đoạn lia chỗ dính mắc của vợ con, cha mẹ thân tộc rồi bỏ điều khó bỏ, bỏ sự liên hệ, đến nơi vắng lặng muốn cầu vô vi Niết Bàn tịch tĩnh và tịch diệt tại nước Ma Kiệt (Già) Đà. Qua khỏi sông Ni Liên Thiên; ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, hàng phục ma vương và các binh ma. Đầu đêm tự nhớ về đời trước. Giữa đêm chứng được thiên nhãn và cuối đêm rõ khổ, đoạn tập, chứng được cảnh giới đề hồ (giải thoát). Tu hành Bát Chánh Đạo; rồi chứng lậu tận được Bồ Đề Giác. Từ đó đối với thế gian ra khỏi tự thân, trụ ở đệ nhất nơi cảnh giới thanh tịnh lậu tận. Như thế những việc làm của Đức Thế Tôn là những công đức đã mang tự thân ra khỏi chỗ kia.

Vì sao mà nhớ đến Đức Thế Tôn được thắng pháp công đức?

Như thế Đức Thế Tôn có giải thoát và tâm giải thoát mà Như Lai có Thập Lực, dùng 14 Phật trí huệ, lấy 18 Phật Pháp. Cùng với đây chẳng phải một pháp thiên mà thành tựu tự tại đến bờ kia.

Nghĩ đến vì sao mà Đức Thế Tôn thành tựu được Thập Lực?

Như Lai biết rằng đây là xứ, đây là phi xứ, như thật mà biết. Như Lai biết quá khứ, vị lai, hiện tại và non duyên của nghiệp lành. Lấy giới làm non và quả báo cũng biết rõ như thật. Như Lai biết tất cả nơi, đầy đủ như thật mà biết. Như Lai chẳng phải biết chỉ một giới mà nhiều loại giới. Thế gian như thật mà biết. Như Lai biết nhiều loại dục lạc của chúng sanh. Như thật mà biết. Như Lai biết nhiều căn tánh của chúng sanh. Như thật mà biết. Như Lai biết Thiên, giải thoát, định, chánh thọ, có phiền não, không phiền não. Như Thật mà biết. Như Lai biết đời trước với cái biết như thật. Như Lai biết sự sanh tử của chúng sanh với cái biết như thật. Như Lai biết lậu tận với cái biết như thật.

Đây là Thập Lực mà Thế Tôn thành tựu.

Vì sao Đức Thế Tôn thành tựu 14 Phật Trí Huệ?

Đó là biết về khổ. Biết về tập. Biết về diệt. Biết về đạo. Biết về ý nghĩa biện tài. Biết về pháp biện tài. Biết về từ biện tài. Biết về vui nói biện tài. Biết về các căn. Biết về chúng sanh bị dục lạc phiền não sai sử. Biết về song biến. Biết về đại từ bi định. Biết về tất cả. Biết về chẳng chướng ngại.

Đây là 14 trí mà Thế Tôn thành tựu.

Vì sao Đức Thế Tôn thành tựu 18 pháp?

Đó là đối với quá khứ, trí Phật không chướng ngại. Đối với vị lai, trí Phật không chướng ngại. Đối với hiện tại, trí Phật không chướng ngại. Tùy nơi mà Phật rõ sự biến khởi của thân nghiệp. Tùy nơi mà Phật rõ biến khởi của khẩu nghiệp. Tùy nơi mà Phật rõ biến khởi của ý nghiệp. Đây là 6 pháp Thế Tôn thành tựu.

Dục chẳng thoái, tinh tiến chẳng thoái, niệm chẳng thoái, định chẳng thoái, huệ chẳng thoái, giải thoát chẵn thoát. Đây là 12 pháp mà Thế Tôn thành tựu.

Chẳng có việc nghi, không có việc lừa dối Thầy, không có việc bắt minh, chẳng có việc gắp, chẳng có nơi che khuất, chẳng có chẳng quán xả, chẳng có việc và người nghi, chẳng có uy nghi làm việc xảo quyệt, kẻ gian dối việc với Thầy. Chẳng gắp rút xa rời oai nghi. Kẻ chẳng phải chẳng phân minh, dùng trí chẳng phải chẳng xúc. Kẻ không việc gắp, không có oai nghi mà việc gắp. Kẻ chẳng bị che, tâm làm mà chẳng có hay chẳng biết. Kẻ chẳng phải chẳng quán xả là chẳng có chẳng biết xả. Đây là 18 Phật Pháp mà Thế Tôn thành tựu.

Lại nữa Đức Thế Tôn dùng Tứ Vô úy; Tứ Niệm xứ; Tứ Chánh Cần; Tứ như ý túc; Ngũ căn, Ngũ lực; Lục thần thông; Thất Bồ đề phần; Bát Thánh Đạo phần; Bát trừ nhập; Bát giải thoát; Cửu thứ đệ định; Thập thánh cư chi; Mười lậu tận lực. Ngoài ra chẳng có một pháp lành nào mà Thế Tôn không thành tựu đến bờ bên kia một cách tự tại. Như thế đây là cửa ngõ, đây là việc làm mà nên nhớ nghĩ đến Thế Tôn để được những thắng pháp công đức.

Vì sao lại nhớ đến công đức làm lợi lạc thế gian của Đức Thế Tôn ?

Đức Thế Tôn thành tựu tất cả việc làm, đến bờ bên kia tất cả công đức. Vì lòng từ bi đối với chúng sanh mà lần đầu tiên chuyển pháp luân ở nơi thế gian khó thể chuyển này. Dùng mật hộ chẳng trong chẳng ngoài để khai mở cửa đề hồ (như nhuuyến, giải thoát), đã làm cho vô lượng trời người cũng như đối với quả Sa Môn có vô lượng chúng sanh được phần công đức; hay làm cho công đức đầy đủ. Dùng 3 loại thay đổi. Đó là thân biến, thuyết biến và giáo biến. Làm cho thế gian tin tưởng, hàng phục tà kiến và các Thầy bói tướng. Với con đường ác liền mở cửa lành; qua được cảnh trời được quả giải thoát. Làm an ổn Thanh Văn ở nơi pháp Thanh Văn, rồi chế ra các giới rồi nói Ba La Đề Mộc Xoa; rồi được thắng lợi dưỡng, được Phật thắng pháp, rồi được tự tại trải khắp thế gian. Tất cả chúng sanh cung kính tôn trọng, cho đến trời người tất cả đều nghe biết. An trụ bất động, từ bi thế gian làm cho thế gian được lợi lạc. Đức Thế Tôn đã làm như cửa này việc này vậy.

Lại hay nhớ nghĩ đến những việc làm của Thế Tôn, vì lợi lạc thế gian là công đức, mà kẻ ngòi thiên kia lấy cửa này và việc làm này và công đức này là do hiện nhớ nghĩ đến Như Lai. Tâm này thành chỗ tin tưởng, mà lòng tin tự tại và lấy niệm tự tại thì tâm thường chẳng loạn. Nếu tâm chẳng loạn thì diệt được một phần thiên bị che khuất, khởi lên bên trong hành thiên sẽ thành trụ (ở yên).

Hỏi rằng: Vì sao niệm Phật khởi lên việc làm bên trong lại chẳng an?

Phật công đức là đối với nghĩa đệ nhưt sâu biết hành xứ. Việc nghĩa đệ nhưt đối với chỗ sâu rõ biết việc làm. Tâm chẳng được an, vì vi tế vậy. Lại nữa việc nhớ nghĩ ấy chẳng phải một công đức. Nếu người tọa thiền nhớ lại chẳng phải một công đức thì tâm có nhiều loại duyên vào, tác ý cùng khởi lên, tâm thành chẳng an. Đây là tướng mà tất cả ngoại hành hành xứ.

Hỏi rằng: Nếu niệm chẳng một công đức thì tâm tức chẳng phải một. Ngoại hành thiên chẳng thể thành. Nếu chuyên nhưt tâm, ngoại hành thiên sẽ ở yên?

Đáp rằng: Nếu như niệm công đức của Như Lai và niệm Phật thành một tâm thì chẳng sai. Lại nói đây là niệm Phật tứ thiên lại khởi.

Hỏi rằng: Vì sao niệm Pháp? Tu cái gì? tướng gì? vị gì? xứ gì? Vì sao mà tu hành?

Đáp rằng: Pháp nghĩa là Niết Bàn và tu hành là để đến Niết Bàn.

Sao gọi là Nê Hoàn (Niết Bàn) ?

Diệt tất cả các việc làm, ra khỏi tất cả những phiền não, diệt ái, chẳng nhiễm, tịch tĩnh. Đây có nghĩa là Nê Hoàn.

Vì sao tu hành để đến Niết Bàn?

Nghĩa là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực; Thất Giác Chi; Bát Thánh Đạo Phần. Đây gọi là sự tu hành để đến Niết Bàn. Niệm Pháp liả khỏi công đức và được công đức. Niệm kia, tùy niệm chánh niệm. Đây gọi là niệm Pháp. Tâm kia trụ nơi bất loạn đây nghĩa là tu. Lấy khởi công đức pháp làm tướng. Chọn pháp làm vị. Giải nghĩa làm xứ. Niệm Phật làm công đức v.v...

Kẻ nào tu vậy?

Người mới ngồi thiền nhập tịch tĩnh, ngồi nhiếp tất cả tâm, dùng tâm bất loạn niệm pháp, lành nói pháp Thế Tôn. Hiện chứng không phân biệt, lại thấy chẳng có phân biệt, lại thấy việc tương ưng. Người trí huệ hiện chứng có thể rõ biết. Kẻ lành nói pháp của Thế Tôn là liả lưỡng biên; cho nên gọi là lành nói. Chẳng khác cho nên gọi là lành nói. Chẳng ngoa với 3 loại thiện; cho nên nói là lành nói. Đây thanh tịnh cho nên nói là lành nói. Làm cho hiện Niết Bàn và tu hành đến Niết Bàn cho nên gọi là lành nói. Kẻ hiện chứng là lần lượt được đạo quả nên gọi tên là hiện chứng. Tác chứng Niết Bàn và đạo quả; nên gọi là hiện chứng. Vô thời tiết nghĩa là chẳng khác thời, được quả; nên gọi là hiện chứng. Lại kiến nghĩa là: Anh đến nơi tôi, ta dùng tánh pháp thật lành để chỉ cho kia. Đây gọi là lai kiến Thừa tương ưng nghĩa là nếu người thọ sự hàng phục, rồi nhập vào cảnh giới giải thoát; nên gọi tên là thừa tương ưng. Hướng Sa Môn quả gọi là thừa tương ưng. Người trí huệ hiện chứng có thể biết. Nếu người thọ sự hàng phục, chẳng thọ sự chỉ dạy kia, khởi lên diệt trí, vô sanh trí, giải thoát trí. Đây có tên là trí huệ hiện chứng. Ngoài việc làm ấy nên niệm Pháp. Đây chính là cửa ngõ của mắt, trí tuệ; sự an lạc và vào cửa giải thoát. Đây chính là sự xuất ly, là phương tiện; cho đến diệt, cho đến Niết Bàn. Chẳng có đọa lạc đó là giải thoát. Vô vi tịch diệt, vi diệu, chẳng phải tướng chỗ làm của Thầy. Đây là người trí diệu nên biết. Tế độ qua bờ kia là chính chỗ nương nhờ. Kẻ tọa thiền kia lấy cửa này, lấy việc làm này, công đức này hiện niệm nơi pháp đề tâm này thành thực tin sâu. Do sự tín niệm này mà tâm trụ chẳng loạn. Lấy tâm bất loạn diệt các sự che khuất, thiền phần được khởi; ngoại hành thiền thành trụ, như ban đầu đã nói rõ.

Hỏi rằng: Niệm Tăng là thế nào? Tướng gì? vị gì? xứ gì? công đức nào? Vì sao mà tu?

Đáp rằng: Tăng là sự hòa hợp của Thánh Nhơn. Đây nghĩa là Tăng. Hiện niệm tăng, tu hành công đức. Niệm kia tùy việc chánh niệm. Đây gọi là niệm Tăng. Niệm kia trụ chẳng loạn, gọi đây là tu. Làm cho khởi công đức tăng làm tướng. Tâm cung kính làm vị. Hoan hỷ hòa hợp công đức làm xứ. Cùng với công đức niệm Phật vậy.

Vì sao phải tu?

Kẻ mới ngồi thiền nhập tịch tĩnh, ngồi nhiếp tất cả tâm, bất loạn tâm niệm tướng, lành hay tu hành. Thế Tôn, Sa Môn chúng tùy theo đó làm lành. Thế Tôn, Sa Môn chúng tùy theo đó mà như pháp. Thế Tôn Thánh Chúng tùy theo đó mà hòa hợp. Thế Tôn Thánh Chúng - gọi đây là tứ song bát bối. Thế Tôn, Sa Môn chúng thật có thể cung kính cúng dường. Thật hay chấp tay, là phước điền vô thượng của thế gian, là chỗ lành tu hành. Thế Tôn, Sa Môn chúng tùy theo việc lành này mà thuyết pháp. Đây gọi là tu hành tùy theo và làm lợi lạc cho mình cũng như cho kia. Gọi đây là tu hành tùy tông. Cho đến đầy đủ như vậy; gọi là tu hành tùy tông. Chẳng oán, đầy đủ vậy. Gọi đây là tu hành tùy tông. Liả nhị biên, đầy đủ vậy. Đây gọi là tu hành tùy tông. Liả huyễn ảo nên gọi là việc lành. Liả thân, miệng tà khúc ác; nên gọi là thật lành. Tùy tông như là Bát Chánh Đạo. Sự tùy theo kia gọi là tùy tông. Lại nữa cũng gọi là Nê Hoàn và tùy theo kia mà được Nê Hoàn nên như thế mà tu hành. Đức Thế Tôn đã nói về

Tứ Thánh Đế. Tùy theo như trí; nên gọi là như tu hành. Tùy tông hòa hợp nghĩa là tùy tông Sa Môn hòa hợp đầy đủ; nên gọi tên là tùy tông hòa hợp. Nếu như thế tùy tông tạo việc hòa hợp.

Tứ Song Bát Bối nghĩa là trụ ở con đường Tu Đà Hoàn và trụ ở quả này nên gọi là một đôi. Trụ ở Tu Đà Hàm và trụ ở quả này; nên gọi là một đôi. Trụ ở A Na Hàm và trụ ở quả này; nên làm một đôi. Trụ ở A La Hán và trụ ở quả này; nên làm một đôi. Đây gọi là Tứ Song (bốn đôi). Trụ ở con đường kia và trụ ở quả này; nên gọi là bốn đôi.

Tám bối nghĩa là 4 hướng đến 4 quả. Đây gọi là bát bối (tám bọc).

Sa Môn có nghĩa là từ việc nghe mà thành tựu; cho nên gọi là Sa Môn. Tăng được gọi là Thánh hòa hợp chúng. Có thể tỉnh, có thể cúng dường, có thể bố thí, có thể cung kính. Đây là phước điền vô thượng của thế gian. Có thể tỉnh có nghĩa là thọ việc tỉnh nên gọi là có thể tỉnh. Có thể cúng dường nghĩa là đối với các việc cúng thí thành quả lớn hay thọ cúng dường. Có thể thí nghĩa là đối với các việc bố thí có thể được quả báo lớn. Có thể cung kính nghĩa là người thọ sự cung kính; nên gọi là có thể cung kính. Vô thượng có nghĩa là công đức tối đa; nên gọi là vô thượng. Thế gian phước điền nghĩa là công đức của chúng sanh; nên gọi là thế gian phước điền. Ngoài ra những việc nhớ nghĩ đến chúng sanh như thế hơn các việc chơn thật; nên gọi đây là giải thoát. Giới đầy đủ, định đầy đủ, huệ đầy đủ, giải thoát đầy đủ, giải thoát tri kiến đầy đủ thì với người tọa thiền kia, lấy cửa ngõ này và công việc làm này để nhớ nghĩ đến các công đức; như thế hiện niệm các công đức vậy. Tâm do lòng tin mà thành. Đối với lòng tin niệm, tâm thành ấy chẳng loạn. Khi tâm chẳng loạn thì có thể diệt được các sự che đậy nơi thiền. Một phần khởi ngoại thiền thành ở yên, như ban đầu đã nói rõ.

Hỏi rằng: Vì sao niệm giới? Tui cái gì? tướng nào? vị gì? xứ gì? và có công đức như thế nào? Vì sao phải tu hành?

Đáp rằng: Lấy công đức niệm thanh tịnh giới. Niệm kia tùy niệm, chánh niệm và gọi đây là niệm giới. Niệm giới trụ chẳng loạn, đây gọi là tu. Làm cho khởi lên giới công đức lấy đó làm tướng. Thấy quá lo sợ lấy làm vị. Hoan hỷ vô quá lạc lấy làm xứ. Nếu người tu hành niệm giới, thành được 13 công đức. Thành được những việc như tôn trọng Sư trưởng, trọng giáo pháp, trọng Tăng, trọng học giới, trọng việc cúng dường và trọng việc chẳng buông lung. Đối với việc lo sợ nhỏ nhoi cũng thường hay thấy lo sợ: gìn giữ cho chính mình và cũng gìn giữ cho người khác nữa. Từ đời này lo sợ việc giải thoát, cho đến đời khác cũng lo ngại việc giải thoát. Nhiều hoan hỷ dễ thương với tất cả công đức của giới. Đây có nghĩa là công đức của việc niệm giới.

Kê tu hành như thế nào?

Người mới ngồi thiền khi nhập vào tịch tĩnh, ngồi nhiếp tất cả tâm, niệm tâm bất loạn; giới ở tự thân chẳng lệch, chẳng thủng, chẳng nhờn, chẳng bản, chẳng tạp. Tự tại trí huệ được xưng tán. Chẳng chỗ gặp, làm cho khởi lên định. Nếu chẳng lệch tức chẳng thủng; nếu chẳng thủng tức chẳng nhờn. Như thế tất cả có thể biết. Lại nữa nếu lậu thanh tịnh giới thì thiện pháp sẽ trụ xứ vậy. Gọi đây là chẳng lệch, chẳng thủng. Tạo tánh xưng tán nên gọi là chẳng nhờn, chẳng bản. Lấy đoạn ái nên gọi là tự tại. Vui chỗ Thánh nên gọi là không có lo lắng. Ca ngợi trí tuệ là lia giới trộm cướp. Cho nên gọi là vô sở xúc. Thành chỗ chẳng lui nên làm cho định khởi. Ngoài ra còn làm việc niệm giới; nên gọi tên là giới. Đây là niệm vui chẳng lo sợ. Đây là tánh quý hóa; đây là tài vật tự tại. Như trước đã nói về giới công đức, như thế nói rộng ra có thể rõ. Đối với người tọa thiền kia, đây là cửa ngõ, đây là những hành đối với các công đức. Hiện niệm giới do lòng tin mà niệm nên tâm bất loạn. Lấy tâm bất loạn này để diệt các sự che khuất. Thiền từng phần thành tựu khởi lên, thiền ngoại hành thành tựu. Như trước đã nói rộng.

Hỏi rằng: Vì sao niệm thí? Tu cái gì? tướng gì? vị gì? xứ nào? và công đức ra sao? Vì sao phải tu?

Đáp rằng: Thí có nghĩa là vì lợi lạc cho kẻ khác vậy. Làm vui lợi lạc cho người khác, làm cho người khác được xả bỏ tài vật của riêng mình. Đây gọi là thí. Dùng niệm thí công đức

hiện ra niệm xả. Niệm kia tùy niệm, chánh niệm. Đây gọi là niệm thí. Niệm kia ở chỗ chẳng loạn; nên gọi là tu. Làm cho khởi lên thí công đức làm tướng. Chẳng phải súc sanh làm vị. Chẳng keo kiệt làm xứ. Nếu người tu hành theo niệm thí thì thành tựu được 10 công đức. Như thế việc bố thí đem đến niềm vui, không keo kiệt, không có ý tham lam. Vì nhiều người niệm thiện và giữ ý kia. Đối với mọi việc chẳng lo; nhiều hoan hỷ và tâm từ bi. Hướng đến con đường lành, con đường giác ngộ.

Vì sao phải tu hành?

Đối với kẻ mới ngồi thiền vào chỗ yên lặng, ngồi nhiếp tất cả tâm, tâm chẳng loạn, tự niệm đến thí. Nhờ chỗ xả bỏ đồ vật mà ta có lợi, ta có được thiện lợi. Người đời vì keo kiệt mà tiến thoái không được. Ta trụ tâm nơi chẳng keo kiệt. Ta thường hay thí và thường hay vui việc làm bố thí. Thường hay cung cấp, thường hay chia xẻ. Đối với người ngồi thiền kia, đây là cửa ngõ, đây là việc làm và đây là công đức. Hiện niệm thí mà tâm kia thành chỗ tin tưởng. Do chỗ lòng tin mà cũng do niệm này vậy. Tâm chẳng loạn động. Dùng tâm chẳng loạn ấy diệt các sự che khuất. Thiền từng phần sẽ khởi lên; ngoại hành thiền sẽ trụ. Ngoài ra như ban đầu ta đã nói rõ rồi.

Hỏi rằng: Vì sao niệm Thiên? Tu cái gì? tướng gì? vị gì? xứ nào? và công đức ra sao? Vì sao phải tu hành?

Đáp rằng: Nương vào chỗ sanh Thiên công đức; nên niệm công đức của tự thân. Niệm kia tùy niệm, chánh niệm. Đây gọi là niệm Thiên. Niệm kia trụ chẳng loạn, gọi là tu. Làm cho khởi lên nơi tự thân công đức cõi Thiên và các công đức ấy lấy làm tướng. Đối với công đức ấy ái kính làm vị. Tín công đức quả làm xứ. Nếu kẻ tu hành niệm Thiên thì được 8 công đức. Như thế người kia 5 pháp được tăng trưởng. Cho nên tin giới, nghe thí huệ, thành trì người chỗ niệm ái kính. Việc bố thí nói được công đức quả báo, đại hoan hỷ, dùng được, tự trọng thân này và được trời người tôn quý. Niệm giới niệm thí vào trong này, hướng đến con đường lành và hướng đến chỗ giải thoát.

Vì sao phải tu hành?

Kẻ mới ngồi thiền nhập vào chỗ tịch tĩnh, nhiếp tất cả tâm. Dùng tâm chẳng loạn ấy để niệm Thiên và có 4 Thiên Vương, có 33 cõi trời. Đó là cõi trời Diêm Ma, cõi trời Đâu Suất; cõi trời Hóa Lạc và cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên. Có Phạm thân Thiên, có Thiên hưởng sanh. Lấy lòng tin để thành tựu ở các cõi trời. Từ đây sanh, kia, ta lại cũng có niềm tin như thế. Giới như thế, nghe như thế, thí như thế và huệ như thế, thành tựu các cõi trời kia. Từ đây sinh kia, ta lại cũng có trí huệ như thế, đương niệm thân này, sẽ nghĩ về chư thiên, tin ở giới, văn, thí, huệ. Với người tọa thiền kia cửa này và việc làm này là công đức để hiện thời niệm thiên. Tâm kia thành tín là do tín, do niệm. Tâm trở thành chẳng loạn. Lấy tâm chẳng loạn ấy để diệt các sự che khuất. Thiền từng phần khởi lên và thiền ngoại hành thành trụ.

Hỏi rằng: Niệm Thiên có công đức như thế nào? mà chẳng phải niệm công đức của người?

Đáp rằng: Chư thiên công đức tối diệu, sanh vào chỗ tối diệu, thành ra tâm diệu xứ. Đối với chỗ vi diệu tu hành diệu dụng. Cho nên niệm thiên có công đức mà chẳng phải niệm công đức của con người. Ngoài ra như trước đã nói rộng rồi.

Giải Thoát Đạo Luận Hết quyển thứ 6

*Dịch xong quyển 6 này vào ngày 6 tháng 1 năm 2006
tại Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợi, nhân lần nhập thất thứ 3.*

**Giải Thoát Đạo Luận
Quyển thứ 7**

– *Ngài A La Hán Ưu Bà Đề Sa tạo luận bằng chữ Phạn.*

- *Đời nhà Lương, người nước Phù Nam, Ngài Tam Tạng Tăng Già Bà La dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại thư phòng chùa Viên Giác Đức Quốc ngày 12 tháng 5 năm 2006 nhằm ngày Rằm Tháng Tư năm Bính Tuất, Phật lịch 2550.*

Phẩm Hành Môn Thứ Tư

Hỏi rằng: Thế nào là niệm An Ban? Tu cái gì? tướng gì? Vị gì? Xứ gì và công đức như thế nào? Vì sao phải tu hành?

Đáp rằng: An nghĩa là nhập; ban nghĩa là xuất. Ở nơi xuất nhập này là tướng. Niệm kia tùy theo niệm và chánh niệm. Đây gọi là niệm An Ban. Tâm trụ chẳng loạn, nghĩa là tu; làm cho An Ban khởi tướng là tướng; xúc, tư duy là vị. Lấy đoạn giác làm xứ. Công đức ấy là gì? Nếu người tu hành niệm đến An Ban sẽ trở thành tịch tĩnh, trở thành thắng diệu và thành trang nghiêm, dễ được tự vui. Nếu nhiều việc ác khởi lên, chẳng có thiện pháp thì làm cho diệt trừ. Thân này trở nên chẳng giải đãi; mắt lại cũng chẳng lười biếng; thân trở nên chẳng giao động; tâm cũng trở nên chẳng giao động; làm cho đầy đủ Tứ Niệm Xứ; làm cho đầy đủ Thất Giác Ý; làm cho đầy đủ giải thoát. Chỗ Đức Thế Tôn ca tụng; chỗ các vị Thánh dừng nghỉ. Chỗ các vị Phạm Hạnh trụ lại. Chỗ Đức Như Lai an trụ.

Vậy phải tu cái gì?

Với người mới tọa thiền; hoặc trải qua nơi A Lan Nhã; hoặc ở dưới gốc cây; hoặc ở nơi yên lặng; ngồi kiết già, thân ngay nhìn thẳng. Người ngồi thiền khi hơi thở vào và nhớ khi hơi thở ra. Khi hơi thở ra nếu dài, thì ta nhớ đến hơi ra dài; cứ như thế mà biết. Nếu hơi thở vào sâu, thì tra nhớ đến hơi thở vào sâu. Cứ như thế mà rõ biết. Nếu hít vào hơi ngắn thì ta biết hơi vào ngắn. Cứ như vậy mà biết. Nếu hơi thở ra ngắn thì ta biết hơi thở ra ngắn. Như thế mà biết.

Khi hơi thở vào, như thế ta biết. Khi hơi thở ra, như thế ta biết. Đây là chỗ tri hỷ, tri lạc, tri tâm sở hành. Làm cho các hành động của tâm mất đi, làm cho tâm hoan hỷ, sai khiến dạy dỗ tâm. Làm cho tâm giải đãi thấy được vô thường, thấy được chỗ chẳng mong cầu. Thấy được sự mất mát, thấy sự lìa khỏi; như thế mà biết. Thấy sự xa rời, ta thở ra, như thế mà rõ. Thấy sự xa rời, ta hít vào, như thế mà biết. Đối với việc này, ngay tức khắc làm cho được an. Nghĩa là sự nhớ nghĩ ấy trụ nơi lỗ mũi; hoặc ở nơi cửa miệng mà hơi thở ra vào làm nơi nương tựa. Người ngồi thiền kia lấy làm an ổn nhớ nghĩ nơi này.

Khi hơi thở vào, hơi thở ra ở nơi mũi hoặc miệng, lấy sự nhớ nghĩ mà quán về xác; hoặc hiện tại nhớ nghĩ làm cho hơi thở vào; hoặc hiện tại nhớ nghĩ làm cho hơi thở ra. Ngay lúc ấy hơi thở vào chẳng tác ý và lúc thở ra lại cũng chẳng tác ý. Đây là chỗ tiếp xúc của hơi thở ra vào; nơi lỗ mũi; nơi môi miệng, lấy niệm quán để biết chỗ tiếp xúc. Hiện tại biết làm cho hơi vào; hiện tại biết làm cho hơi ra. Như người cửa cây nương vào cái sức của cửa, lại chẳng tác ý cửa, đến đi.

Như người tọa thiền đối với hơi thở vào ra lại chẳng tác ý. Tương đến hơi thở vào ra, chỗ tiếp xúc với mũi và môi miệng, lấy sự chú tâm mà quán để biết; hiện đang nhớ đến và làm cho hơi thở vào. Hiện đang nhớ đến và làm cho hơi thở ra. Nếu người tọa thiền, đối với việc vào ra của hơi thở này mà tác ý, thì trong ngoài tâm này sẽ trở nên loạn động. Nếu tâm khởi loạn thì thân và tâm này trở thành giải đãi giao động. Đây là việc lo lắng. Nếu hơi thở quá dài hay hơi thở quá ngắn chẳng nên tác ý. Nếu chỗ tác ý ấy vì quá dài hay quá ngắn của hơi thở thì thân và tâm này trở thành giải đãi giao động. Đây là điều đáng lo. Bởi vì hơi thở ra vào có nhiều tướng khác nhau vậy. Chẳng nên tác ý dính mắc vào. Nếu như thế mà tâm tác ý nương vào thì sẽ thành loạn. Nếu tâm loạn thì thân và tâm này tất cả đều giải đãi giao động.

Như thế rồi sự sai trái ấy không có ngăn mé. Khởi lên hơi thở ra vào rồi lấy vô biên xúc và nên tác ý tưởng như thế thì tâm này chẳng loạn. Nếu tâm trì hoãn; nếu tâm sinh tật, chẳng phải siêng năng. Nếu cố làm cho sự trì hoãn ấy tinh tấn lên, thành ra giải đãi buồn ngủ và nếu làm cho tâm sinh tật kia tinh tấn lên mà thành ra sự khởi động điều phục. Nếu người tọa thiền mà sự giải đãi buồn ngủ cùng khởi lên một lúc và sự điều phục cùng khởi lên thì tâm và tâm này thành giải đãi giao động. Đây là sự quá hoạn (lo lắng).

Người tọa thiền kia lấy chín loại tiêu phiền não làm cho tâm thanh tịnh và hiện nhớ đến hơi thở vào. Tướng kia được khởi lên. Đây gọi là danh tướng. Như vải chạm vào thân thành ra niềm vui; như gió mát chạm vào thân thành vui. Như thấy hơi thở vào ra chạm với gió. Mũi, môi, miệng nhớ nghĩ đến gió, chẳng phải do hình sắc. Đây gọi là tướng.

Nếu người tọa thiền lấy Tu Đa Tu làm tướng thành tăng trưởng và nếu ở mũi tăng trưởng thì đối với giữa môi và giữa trán; thành đa xứ trụ; thành mãn đầu phong. Từ nơi tăng trưởng này mà toàn thân vui hơn. Đây gọi là đầy đủ.

Lại cũng có người tọa thiền, từ lúc ban đầu thấy dị tướng như khói, như sương, như bụi, như bột vàng; giống như kim chích, như kiến bò; thấy đủ màu sắc. Nếu người tọa thiền tâm chẳng rõ ràng thì đối với dị tướng kia, tâm tạo ra tướng khác và thành ra điên đảo; chẳng thành tướng đến sự ra vào của hơi thở. Nếu người tọa thiền rõ ràng rồi, chẳng tạo ra ý tưởng khác; nhớ nghĩ hiện tại hơi thở vào và nhớ nghĩ hiện tại hơi thở ra; tuy tác dư tướng. Nếu tác ý như thế thì dị tướng kia liền mất. Người tọa thiền này được tướng vi diệu, tâm chẳng phóng dật; hơi thở vào trong hiện tại thì nhớ hơi thở vào; hơi thở ra trong hiện tại thì nhớ hơi thở ra. Tướng kia tự tại. Dùng tướng tự tại ấy muốn khởi lên chỗ tu hành. Do dự muốn tự tại mà nhớ đến hơi thở vào trong hiện tại và nhớ hơi thở ra trong hiện tại, khởi lên niềm vui, vui rồi tự tại. Sự mong muốn tự tại rồi, nhớ nghĩ hơi thở vào trong hiện tại; nhớ nghĩ hơi thở ra trong hiện tại khởi lên xả. Xả tự tại rồi thì với dục tự tại và hỷ tự tại, nhớ đến hơi thở vào trong hiện tại; nhớ đến hơi thở ra trong hiện tại, tâm này chẳng loạn động; nếu tâm không loạn động thì các sự che khuất mất đi và các phân của Thiền khởi lên. Kẻ tọa thiền này được tịch diệt thẳng ở vào Tứ Thiền Định. Như ban đầu đã nói rộng. Lại nữa như trước Ngài đã nói về 4 loại tu niệm An Ban. Cho nên tùy theo đó mà an trí các việc quán.

Hỏi rằng: Vì sao gọi là toán ?

Đáp rằng: Đối với người mới tọa thiền, từ khi mới bắt đầu thở ra và cho đến lúc hít vào, từ 1 đến 10; hơn 10 chẳng tính. Lại nói từ 1 đến 5; quá 5 chẳng tính; chẳng làm cho ý sai trái. Lúc đang đếm cho đến lúc lia đếm. Từ khi việc hơi thở ra nhớ giữ lại. Đây gọi tên là Toán. Tùy theo đó mà nhiếp tâm vào sự đếm, lấy niệm chẳng gián đoạn, tùy theo đó mà hơi thở ra vào. Đây gọi là tùy toại, cũng còn tên là an trí; hoặc nơi mũi, hoặc nơi môi. Đây gọi là hơi thở ra vào chỗ tiếp xúc. Đối với sự tạo ra gió kia, tướng ấy làm cho sự nhớ nghĩ trụ lại. Đây gọi là an trí, lại có tên là tùy quán. Do xúc tự tại và tùy theo tướng quán và đối với chỗ khởi hỷ lạc này so với pháp khác, nên tùy theo đó mà quán. Đây gọi là tùy quán. Sự tính đếm kia biết mất thì làm cho được lia quán. Tùy toại nghĩa là làm cho diệt thô quán. Đối với hơi thở ra vào làm cho niệm vô gián an trí, làm cho đoạn nơi loạn, tạo ra tướng chẳng động.

Tùy quán là thọ trì sự nhớ nghĩ làm tri thắng pháp. Nếu hơi thở dài hoặc hơi thở ngắn thì lúc hít vào ngắn như thế mà biết. Dùng phương tiện chỗ tạo ra nơi tánh này. Đây gọi là dài. Tánh ấy hiện ra sự biết về hơi thở ngắn trong giây phút ấy nên chẳng ngu si.

Hỏi rằng: Vì sao lại chẳng ngu si ?

Đáp rằng: Người tọa thiền thân tâm được thư thối, lấy hơi thở vào ra, nhớ đến chỗ làm trong hiện tại mà trụ. Đây trở thành nhớ nhiệm khi hơi thở vào ra. Do vậy hơi thở vào ra nhẹ nhàng vậy. Trở nên tự nhiên chẳng cần giữ. Lúc bấy giờ người tọa thiền nếu muốn hơi thở dài thì tùy theo đó mà quán dài. Ngoài ra có tướng khởi lên việc trụ lại. Nếu tướng đã khởi trụ rồi thì lấy tánh ấy mà tác ý. Đây gọi là chẳng ngu si.

Lại nữa nên làm cho tâm ta mất hơi đi. Có lúc dài hay có lúc ngắn. Cứ như thế mà hành trì.

Lại nữa người người tọa thiền hãy lấy tướng của việc ra lệnh rõ ràng mà khởi lên. Đây là công việc cần thực hành. Biết tất cả thân của ta khi hơi thở vào, như thế người học thiền ở giai đoạn thứ hai rõ biết tất cả về thân. Cho nên đây gọi là chẳng ngu si vậy.

Hỏi rằng: Vì sao gọi là chẳng ngu si mà biết tất cả về thân?

Đáp rằng: Người tọa thiền niệm về định An Ban. Thân tâm hỷ lạc tạo nên sự đầy đủ. Do hỷ lạc tiếp xúc đầy đủ mà tất cả thân thành chẳng ngu si.

Hỏi rằng: Vì sao mà lấy sự biết về tất cả thân?

Đáp rằng: Đó là sự vào ra của hơi thở. Chỗ ấy gọi là nhứt xứ trụ sắc thân. Việc vào ra của hơi thở, tâm, tâm số pháp gọi là thân. Sắc thân này gọi là thân. Đây nghĩa là tất cả thân. Kẻ tọa thiền kia như thế mà thấy biết tất cả thân. Tuy có thân; nhưng chẳng có chúng sanh và có mạng sống. Như thế kẻ thực tập nên biết.

Nghĩa học ấy có 3. Đó là Tăng thượng giới học; hai Tăng thượng tâm học; ba là Tăng thượng huệ học. Như thật giới; đây gọi là Tăng thượng giới học. Như thật định; đây nghĩa là Tăng thượng tâm học. Như thật huệ; đây nghĩa là Tăng thượng huệ học. Đối với người tọa Thiền kia; đây gọi là 3 học. Đối với việc kia, lấy niệm, tác ý làm chỗ học, tu rồi, tu nhiều. Đây có nghĩa là sự học làm cho diệt mất chỗ làm nơi thân. Khi ta thở vào phải biết (học) như thế.

Vì sao gọi tên là thân hành vậy?

Đây nghĩa là hơi thở vào ra mà làm nơi thân như thế. Thân hình của mình theo đó mà giao động rung chuyển. Như thế đối với chỗ làm của thân, hiện ra làm cho yên lại. Lại nữa đối với thân thô, việc làm ấy trong hiện tại làm cho yên lặng. Lấy chỗ tế của thân mà tu hành nơi sơ thiền. Từ nơi kia lấy cái nhỏ nhất mà tu hành đệ nhị thiền. Từ cái nhỏ nhất kia tu hành thành đệ tam thiền. Làm cho diệt hết tất cả không còn gì thì gọi là đệ tứ thiền.

Hỏi rằng: Nếu vô dư mất thì hơi thở vào ra lấy gì mà nhớ nghĩ đến An Ban?

Đáp rằng: Đó là giữ tướng thiện là đầu tiên vậy. Lấy diệt làm hơi thở ra vào. Tướng này được khởi lên, thành tướng tu hành. Vì sao vậy? Những tướng của người tu thiền biết vui mà biết được hơi thở vào của ta. Như thế nên học (biết). Người kia nhớ nghĩ trong hiện tại về hơi thở vào và nhớ nghĩ trong hiện tại về hơi thở ra. Đối với chỗ thiền thứ 2, khởi lên niềm vui. Niềm vui kia lấy 2 việc làm thành trí. Nên chẳng ngu si vậy. Lấy việc ấy cho nên đối với người tọa thiền nhập định, thành rõ biết niềm vui. Lấy chẳng ngu si mà quán vậy. Lấy đó mà đối trị. Lấy việc ấy thành biết vui về hơi thở vào của ta. Như thế nên học (biết). Sự nhớ nghĩ về hơi thở hiện vào và sự nhớ nghĩ về hơi thở hiện ra, mà nơi tam thiền khởi lạc. Niềm vui kia lấy 2 việc làm thành ra biết. Cho nên chẳng ngu si vậy. Đó là việc ấy. Như lúc đầu đã nói, như tâm đã làm, ta biết hơi thở vào của ta. Như thế kẻ học biết nói là tâm hành. Đây nghĩa là tướng thọ. Đối với cảnh của tứ thiền khởi lên chỗ làm của tâm kia, lấy 2 việc làm ấy mà biết. Nên chẳng ngu si vậy. Việc ấy là như thế. Cũng như ban đầu đã nói: Làm cho tâm yên tĩnh qua hơi thở vào của ta, như thế kẻ học nói là tâm hành. Đây nghĩa là tướng thọ.

Đối với tâm thô, làm cho yên tĩnh, phải học cách làm như lúc ban đầu. Biết tâm của ta, lúc hơi thở ra vào. Như thế phải biết (học). Kẻ kia hiện tại nhớ nghĩ đến hơi thở vào và hiện tại nhớ đến hơi thở ra. Tâm này vào ra, việc ấy lấy 2 chỗ làm mà thành ra biết. Cho nên chẳng ngu si vậy. Như trước đã nói. Làm cho tâm hoan hỷ khi hơi thở của ta ra vào. Như thế kẻ thực hành nói làm cho hoan hỷ và nói vui.

Đối với chỗ nhị thiền lấy sự vui làm cho tâm tinh tấn. Phải học làm như nói lúc ban đầu. Ra lệnh giáo hóa tâm về hơi thở vào của ta. Như thế kẻ học là người tọa thiền trong hiện tại nhớ đến hơi thở vào và trong hiện tại nhớ đến hơi thở ra. Lấy niệm làm chỗ tác ý. Tâm kia đối với việc này, làm cho ở yên, làm cho chuyên môn. Một lòng giáo hóa để làm cho tâm kia ở yên. Phải học và làm cho tâm giải thoát của ta khi hơi thở ra vào. Như thế kẻ học là người tọa thiền kia, trong hiện tại nhớ đến nhớ đến hơi thở vào và trong hiện tại nhớ đến hơi thở ra. Nếu tâm trì hoãn giải đãi thì phải làm cho giải thoát. Nếu tâm biếng nhác, từ đây điều phục và phải

làm cho giải thoát. Nếu tâm cao mạn, từ đây bị nhiễm, phải học và làm cho giải thoát. Nếu tâm hạ liệt, từ đây sân nhuế, làm cho giải thoát. Nếu tâm bị ô nhiễm từ những phiền não nhỏ thì phải học làm cho giải thoát.

Lại nữa đối với việc này nếu tâm chẳng đắm vào chỗ lạc, phải học về sự chấp trước ấy, thường thấy vô thường khi hơi thở của ta vào ra. Như thế kẻ học kia trong hiện tại nhớ về hơi thở vào và trong hiện tại nhớ về hơi thở ra. Việc vào ra của hơi thở và khi hơi thở vào ra, tâm tâm số pháp thấy sự sanh diệt này phải biết (học). Thường thấy chẳng ham nơi hơi thở vào của ta. Như thế phải học để rõ hơi thở vào trong hiện tại và hơi thở ra trong hiện tại. Về pháp vô thường kia và về pháp vô dục kia. Đây là chỗ đã vào Niết Bàn về hơi thở vào ra. Thường hay thấy diệt ngã nơi hơi thở vào. Như thế kẻ học về pháp vô thường kia như đang thấy thật là quá hoạn (lo lắng). Cái ta kia mất đi tức là Niết Bàn. Đây là sự thấy tịch diệt. Thường thấy ra ngoài hơi thở vào của ta. Như thế phải học. Pháp vô thường kia, thấy như thật là sự lo lắng này. Đối với sự lo lắng ấy hiện tại phải xả bỏ, rồi dừng lại chỗ tịch tịnh Niết Bàn. Làm cho tâm kia được an lạc phải biết (học). Như thế, sự tịch tịnh đây gọi là diệu. Cho nên tất cả chỗ hành đều tịch tịnh. Tất cả ohiền não được xa rời, vô dục thì sẽ tịch tịnh Niết Bàn. Đối với 16 xứ này, đầu tiên 12 xứ thành Sa Ma Tha (Samatha = chỉ, tịch tĩnh, năng diệt), Tỳ Bà Xá Na (Vipasana = quán, kiến, chủng chủng quan sát). Thấy đầu tiên là vô thường. Sau đó 4 xứ chỉ thành Tỳ Bà Xá Na. Như thế mà rõ biết đây là Sa Ma Tha, Tỳ Bà Xá Na.

Lại nữa cái kia tất cả 4 loại. Một là tu như thế làm cho khởi lên sự xem xét đầy đủ. Có lúc thấy hiện tại nhớ nghĩ về hơi thở vào và hiện tại nhớ về hơi thở ra. Đây được gọi là tu biết về sự dài ngắn. Làm cho mất đi những hành động của thân và làm cho mất đi những hành động của tâm, làm cho tâm trở nên hoan hỷ, làm cho việc giáo hóa tâm, làm cho tâm giải thoát. Đây nghĩa là làm cho khởi lên tất cả thân biết vui và biết chỗ làm của tâm. Biết tâm ở đây có nghĩa là quán sát đầy đủ, thường hay thấy vô thường là chỗ làm đầu tiên trong 4 việc. Đây gọi là có lúc thấy.

Lại nữa người tu, lấy niệm An Ban làm chỗ thọ trì để tu. Đây gọi là niệm An Ban thọ trì địa. Sự thọ trì này gọi là hữu học. Đây là có giác, có quán và có mục đích quán. Biết niệm vui ấy là nhị thiên vậy. Biết lạc tức là tam thiên. Biết tâm mình ấy là đệ tứ thiên.

Lại nữa tất cả điều kia đều trở thành 2 loại. Nghĩa là tu và đầy đủ. Lấy việc tu hành làm chính. Tuy nhiên gọi kia là đầy đủ. Còn gọi là mãn. Giống như hoa quả, từ tương giống nhau mà sanh vậy. Nếu như thế mà tu hành, ấy là niệm An Ban. Thành đầy đủ Tứ Niệm Xứ. Tu Tứ Niệm Xứ đầy đủ thành bảy phần Bồ Đề. Tuy bảy phần Bồ Đề đầy đủ thành minh giải thoát.

Hỏi rằng: Vì sao lại được như thế ?

Đáp rằng: Hơi thở vào ra dài là chỗ đầu của tứ xứ, thành thân niệm xứ. Biết được chỗ khởi lên đầu tiên được gọi là thọ niệm xứ. Biết được chỗ tâm đầu tiên thành tâm niệm xứ. Thấy chỗ vô thường, đầu tiên thành pháp niệm xứ. Như thế tu niệm An Ban, thành đầy đủ Tứ Niệm Xứ.

Vì sao lại lấy tu tứ niệm xứ để thành đầy đủ 7 phần Bồ Đề? Lúc tu niệm xứ, lấy sự nhớ nghĩ thành trụ, chẳng ngu si. Đây nghĩa là niệm giác phần. Kẻ tu thiên kia, như thế việc nhớ nghĩ được ở yên. Biết về khổ và những việc vô thường; đây nghĩa là chọn pháp của Bồ Đề phần. Như thế hiện tại chọn lựa pháp để tu, siêng năng chẳng trì hoãn. Đây gọi là Tinh Tấn Giác Phần. Do sự tinh tấn mà khởi lên hỷ, chẳng phiền não. Đây gọi là Hỷ Giác Phần. Do tâm hoan hỷ mà tâm này và thân thành ra vui vẻ. Đây gọi là Y Giác Phần. Do thân vui vẻ, có lạc; nên tâm này trở thành định. Đây gọi là Định Giác Phần. Như thế tâm định thành xả. Đây gọi là Xả Giác Phần. Lấy tu tứ niệm xứ, thành đầy đủ thất Bồ Đề Giác Phần.

Vì sao lấy tu thất Bồ Đề giác phần thành đầy đủ minh giải thoát ?

Như thế siêng tu hành thất Bồ Đề phần, mà con đường sát na, trở thành sáng sủa đầy đủ. Dùng cái quả của sát na ấy, thành việc giải thoát đầy đủ. Đây là tu thất Bồ Đề phần thành minh giải thoát đầy đủ.

Hỏi rằng: Tất cả các hành, do địa mà thành hữu giác, vô giác. Như thế niệm An Ban vì sao ở đây chỉ nói niệm An Ban, chỉ trừ giác mà chẳng nói dư ra ?

Đáp rằng: Chẳng nương vào điều này để nói giác. Chẳng trụ vào nơi ấy vì là chương ngại thiền. Cho nên trừ giác mà nương vào nghĩa này để nói vậy.

Tại sao lại lấy gió mà vui với xúc?

Do tâm vui mà giác như thế. Càn Thất Bà nghe tiếng cũng theo đó mà đắm trước. Cho nên bị mất tính giác. Lại nữa như làm cái dê, lấy tâm chuyên niệm, vui chẳng động ấy. Cho nên nói là niệm An Ban trừ giác là vậy.

Hỏi rằng: Vì sao mà niệm tử? Tu điều gì? tướng gì? vị gì? xứ gì và công đức nào? và vì sao tu?

Đáp rằng: Thọ mạng mất. Đây nghĩa là chết. Niệm kia trụ chẳng loạn. Đây nghĩa là tu. Lấy việc thọ mạng mất làm tướng. Sự lo lắng làm vị. Lấy vô nan làm xứ. Công đức nào? - Nghĩa là nếu người tu hành nhớ đến việc chết thì lấy pháp lành cao nhất thành chẳng phóng dật, trở thành ghét pháp chẳng lành. Lấy đồ phục sức chẳng nhiều để mặc, tâm chẳng keo kiệt. Thấy thọ mệnh của thân, tâm chẳng tham trước, liền nghĩ đến vô thường, nhớ đến khổ và vô ngã. Tất cả đều làm cho đầy đủ, thành ra hướng đến cõi lành, hướng đến chỗ yên ổn. Khi lâm chung, tâm chẳng lâm lẩn.

Vì sao người tu hành mới tọa thiền nhập vào tịch tĩnh?

Vì ngồi nhiếp tất cả tâm, lấy tâm bất loạn nhớ đến sự chết của chúng sanh. Ta vào trong pháp chết, hướng đến cõi chết; chẳng sợ pháp chết; giống như trong kinh Niết Đề Phúc Ba Đà đã nói: Nếu có người vui quán về sự chết thì hãy nên quán về kẻ bị giết và thấy nhơn duyên của sự chết, mà đối với niệm tử này có 4 loại. Tương ưng với lo, tương ưng với sợ, tương ưng với người khác và tương ưng với trí. Như có tâm yêu mến con, tâm sanh duyên niệm. Đây gọi là tương ưng với lo. Thương nhớ con mình đã sớm mệnh chung. Đây gọi là niệm tương ưng với sự sợ hãi. Như người bị thiêu nhớ đến sự lia sự sống vậy. Đây gọi là niệm tương ưng với người khác. Thường quan sát thế gian tâm sanh lo sợ. Đây gọi là niệm tương ưng của trí. Đối với người tọa thiền này sự tương ưng của lo sợ, sự tương ưng của sự sợ hãi, sự tương ưng với người khác chẳng nên tu hành.

Vì sao chẳng nên trừ sự lo lắng mà chỉ có trí tương ưng thì nên siêng năng tu hành?

Hay trừ sự lo lắng này, kẻ chết có 3 loại. Đó là đặng tử, đoạn tử và niệm niệm tử.

Vì sao gọi tên là đặng tử?

Nương vào nơi chúng sanh vậy. Đây gọi là đặng tử; gọi tên là đoạn tử; nghĩa là A La Hán các phiền não đã đoạn rồi. Tên là niệm niệm tử; vì các việc làm và các niệm đã diệt.

Lại nữa tử có 2 loại. Đó là chết theo thời tiết và chẳng theo thời tiết. Hoặc tự giết; hoặc bảo người khác giết; hoặc bệnh; hoặc chẳng có nguyên nhơn trung gian mà chết. Đây gọi là chết chẳng đúng thời tiết. Hoặc thọ mạng đã hết cho đến việc già mà chết. Đây gọi là chết đúng thời tiết. Nên nhớ đến 2 loại chết này.

Lại nữa có 8 loại hành như trước đã nói về chỗ tu niệm nhớ nghĩ đến việc chết. Như người hung ác theo; chẳng có nhơn duyên; lấy chỗ chấp góc; lấy thân nhiều phụ thuộc; lấy thọ mệnh chẳng còn sức; lấy sự phân biệt dài lâu; lấy vô tướng; lấy sát na vậy.

Hỏi rằng: Vì sao lấy người hung ác theo mà tu hành để nhớ về việc chết?

Đáp rằng: Như kẻ bị giết đã qua chỗ giết, gặp người hung ác lấy dao rượt theo và thấy kẻ hung ác kia đánh đập và như thế suy nghĩ: Người này giết ta, khi vào đó ta phải chết. Ta đi mỗi một bước và đến bước vào đó ta chết. Ta chạy tất phải chết, ta đứng cũng phải chết, ta ngủ cũng phải chết. Như thế người tọa thiền lấy sự theo đuổi của người hung ác kia mà niệm về sự chết.

Hỏi rằng: Vì sao lấy chẳng có nhơn duyên để tu nhớ về việc chết ?

Đáp rằng: Vô nhơn duyên vô phương tiện lại hay sanh nhớ nghĩ, làm cho chẳng chết như mặt trời mặt trăng khi xuất hiện chẳng có nhơn duyên và cũng không có phương tiện và có thể làm cho việc ấy chẳng mất đi. Như thế nên nói là vô nhơn duyên; nên tu về sự nhớ nghĩ đến việc chết.

Hỏi rằng: Vì sao lấy chỗ chấp gốc mà tu nhớ nghĩ về việc chết ?

Đáp rằng: Như người kia trước đây như vua nhiều tiền, vua có nhiều xe lớn, vua có thể lực lớn, vua đại thiện kiến, vua đánh sanh v.v... Tất cả những vị vua kia đều phải vào chỗ chết. Lại nữa chư tiên vương có đại thần thông, đại thần lực. Tỳ Sa Mật Đa Xà Ma Đạt Lê Tiên Nhơn có thân hóa ra lửa, đều cũng phải đi vào chỗ chết. Lại nữa như những vị Thanh Văn có đại trí tuệ, có đại thần thông, có đại thần lực như Ngài Xá Lợi Phất, Ngài Mục Kiền Liên v.v... họ cũng phải đi vào chỗ chết. Lại nữa các vị Duyên Giác, tự sanh chẳng có Thầy dạy, tất cả công đức đều thành tựu, lại cũng đi vào chỗ chết. Lại nữa chư Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Giác, Vô lượng vô thượng, minh hạnh đầy đủ, cho đến công đức thật đầy đủ lại cũng vào phép sanh diệt. Hà huống là với ta có thọ mạng nhỏ bé này, mà chẳng vào pháp chết được. Như thế đầu tiên lấy chỗ thủ chấp mà nên tu nhớ nghĩ về việc chết.

Hỏi rằng: Vì sao dùng thân liên hệ nhiều này mà tu nhớ nghĩ về sự chết ?

Đáp rằng: Do gió đờm hòa hợp mà thành ra pháp chết; hoặc các loại vi trùng hòa hợp; hoặc do ăn uống chẳng điều hòa mà vào phép chết; hoặc do rắn độc, trùng dữ, chó sói, chuột độc mà phải vào chỗ chết. Hoặc do sư tử, hổ báo, rồng, bò v.v... mà phải vào chỗ chết; hoặc người, chẳng phải người bị giết phải lâm vào cảnh chết. Thân này như thế, có nhiều chỗ liên hệ; nên phải tu nhớ nghĩ về việc chết.

Hỏi rằng: Vì sao lấy chỗ thọ mạng không có lực mà tu nghĩ về việc chết ?

Đáp rằng: Lấy 2 việc làm. Đó là lấy thọ mệnh chẳng còn lực để tu và nhớ nghĩ về việc chết. Nơi ấy không có lực nương vào nơi không lực để trở thành thọ mệnh vô lực.

Hỏi rằng: Vì sao xứ vô lực mà thọ mệnh cũng vô lực ?

Đáp rằng: Thân này vô tự tánh giống như bọt nước; giống như cây chuối. Dụ như nước bọt, chẳng có chơn thật, lia chơn thật vậy. Như vậy cho nên nơi chốn vô lực, thành thọ mệnh cũng vô lực.

Hỏi rằng: Vì sao nương vào vô lực, nên trở thành đời sống thọ mạng vô lực ?

Đáp rằng: Đây gọi là sự vào ra của hơi thở, chỗ nối kết. Do 4 loại kết lại mà thành, do ăn uống dính liền; do 4 oai nghi trói buộc; do lệ thuộc âm lạnh. Như thế nương vào vô lực mà thành thọ mệnh vô lực. Như vậy đây là 2 hành. Dùng thọ mệnh vô lực để tu niệm về việc chết.

Hỏi rằng: Vì sao lấy sự phân biệt xa để tu nghĩ về cái chết ?

Đáp rằng: Từ nơi xa xôi, tất cả đều đã sanh. Đối với đời hiện tại chẳng quá một trăm năm, tất cả đều cũng phải vào chỗ chết; cho nên phải phân biệt chỗ xa xôi mà tu và nhớ nghĩ về cái chết.

Lại nữa nên tu, ta đối với ngày đêm há có thể được thông. Suy nghĩ về ngày đêm.

Đức Thế Tôn dạy các pháp tu được ân lớn. Như thế mỗi ngày ta há có thể thông suốt; hoặc lại nửa ngày ta há có thể thông suốt; hoặc lại lúc nhỏ ta há có thể thông suốt; hoặc lúc một bữa ăn, lúc nửa bữa ăn ta há có thể thông suốt; hoặc 4, 5 đoạn ta có thể thông suốt; hoặc khi hơi thở vào há có thể đến lúc hơi thở ra; hoặc lúc thở ra há ta có thể rõ lúc thở vào. Lấy sự phân biệt xa xôi mà tu và nhớ về sự chết.

Hỏi rằng: Vì sao lấy vô tướng để tu và nhớ nghĩ về sự chết ?

Đáp rằng: Lấy chẳng có tướng vì chết không có lúc; nên lấy vô tướng để tu và nhớ nghĩ về sự chết.

Hỏi rằng: Vì sao lấy sát na để tu và nhớ nghĩ về sự chết ?

Đáp rằng: Lấy chẳng phải số đến của quá khứ vị lai, cho đến số đến trong hiện tại là do duyên của chúng sanh mà thọ mạng, mà một niệm dừng lại rồi từ kia, không có 2 niệm dừng lại. Tất cả chúng sanh đối với sát na tâm ấy nổi trôi. Như trong A Tỳ Đàm nói: Đối với tâm quá khứ đã chẳng sanh ra, sẽ chẳng sanh ra và chẳng có sanh trong hiện tại, hẳn đến tâm vị lai cũng chẳng sanh ra. Không sanh ra trong hiện tại, chẳng sanh ra trong tương lai, mà đối với tâm hiện tại trong sát na ấy chẳng sanh ra và cũng chẳng sẽ sanh ra, nên có sanh trong hiện tại. Lại có bài kệ rằng:

Thọ mệnh và thân tánh
Khổ lạc và sở hữu
Cùng với tâm tương ưng
Sát na liền sanh khởi
Chẳng hề sanh, không sanh
Với hiện tại có sanh
Tâm mất; nên đời mất
Nên nói đời tận diệt.

Như thế lấy sát na để nói về việc sanh tử. Người tọa thiền vào cửa này để thực hành. Như thế mà nhớ nghĩ về hiện tại để tu và nhớ nghĩ về việc chết, khởi lên sự lo sợ. Do lo nghĩ mà tự tại. Lấy niệm tự tại ấy thành tâm chẳng loạn. Nếu tâm chẳng loạn thì các sự che đậy liền mất. Thiền phân thành khởi ngoại hành thiền được giữ yên.

Hỏi rằng: Vô thường tướng đến việc chết. Việc này có 2 việc khác nhau ?

Đáp rằng: Chỗ che kia mất nên gọi là vô thường tướng, niệm các căn hoại đi; nên nhớ nghĩ đến việc chết; lấy việc tu tướng vô thường, tướng vô ngã để trừ đi kiêu mạn và lấy tu nhớ nghĩ về sự chết, tướng vô thường cho đến tướng khổ để giữ lại và lấy việc thọ mạng mất và tâm đoạn diệt. Đây nghĩa là sự sai biệt.

Hỏi rằng: Vì sao lại nhớ nghĩ về thân? Tu cái gì? Với tướng gì? Với vị gì? Và với công đức nào? Và vì sao phải tu?

Đáp rằng: Tu nhớ nghĩ về tánh của thân. Niệm kia tùy theo niệm mà chánh niệm. Đây gọi là niệm thân. Niệm này trụ chẳng loạn. Đây gọi là tu. Làm cho khởi lên tánh nơi thân lấy làm tướng. Lo lắng làm vị; thấy vô thật mà khởi.

Với công đức nào tu nhớ nghĩ về thân để thành sự kham nhẫn ?

Hay nhận sự sợ hãi, hay chấp nhận việc lạnh nóng v.v... tướng đến vô thường, vô ngã, tướng đến bất tịnh, tướng đến việc lo lắng. Tướng kia đầy đủ, thành ra tùy theo ý để được 4 thiền mà làm rõ ràng các pháp. Sự tu ấy làm cho đầy đủ, hướng về chỗ lạnh, hướng về chỗ mát mẻ.

Vì sao lại tu ?

Kẻ mới tọa thiền nhập vào tịch tịnh, ngồi nhiếp tất cả tâm. Tuy tâm chẳng loạn; nhưng tu về tánh của tâm.

Vì sao lại tu tánh của tâm ?

Vì thân này do tóc, lông, móng tay, răng, da, thịt, gân cốt, tủy não, ruột gan, tim, phổi, tì, vị, bao tử, ruột non, ruột già, đường đại tiện, tiểu tiện, máu nóng, chất đờm; nước mắt, nước mũi... đều bất tịnh. Người mới tọa thiền đối với 32 loại hành này từ chỗ đầu tiên đến chỗ cuối cùng phải dùng miệng nói lời lành và thường nên nói, thường nên quan sát. Lành thay lấy việc thường quán nơi miệng mà nói lời nói. Lúc ấy lấy từng loại một mà hành. Chỉ có lấy tâm rõ biết các sắc mà hành, lấy hình tướng, lấy xứ, lấy phân biệt mà khởi lên tướng thô.

Hoặc một, hoặc hai, hoặc lành nhiều, chấp lấy tương ứng. Kẻ tọa thiền kia như thế khởi lên tướng của sắc. Kẻ tọa thiền kia do sắc, tất cả nhập vào tự tại nên tác ý. Nếu người tọa thiền lấy sự xa lìa mà khởi tướng, thì người tọa thiền kia nên lấy bất tịnh mà tác ý. Nếu người tọa thiền kia dùng không để khởi thành tướng, thì người tọa thiền kia lấy giới mà tác ý. Nếu kẻ tọa thiền kia nương vào tất cả nhập mà khởi nơi tứ thiền; hoặc người tọa thiền kia nương vào việc bất tịnh mà khởi nơi sơ thiền; hoặc người tọa thiền kia nương vào giới mà khởi thiền ngoại hành, thì đây là do người làm việc sân nhuế mà do sắc khởi lên tướng ấy. Kẻ làm việc tham dục lấy sự xa lìa mà khởi tướng. Kẻ hành trí tuệ lấy giới mà khởi tướng. Lại nữa sân si hành như lấy sắc mà tác ý. Tham dục hành như lấy sự xa lìa mà tác ý. Huệ hành như lấy giới mà tác ý. Lại nữa dùng 13 loại hành để niệm về tánh của thân. Như thế lấy loại, lấy nơi, lấy duyên, lấy lưu rồi lần lượt dùng hình, dùng các loại trùng, dùng xứ yên ổn, lấy chỗ tụ lại, lấy sự giặt, lấy bất tịnh, lấy nơi chốn, dùng đến việc chẳng biết on và lấy việc giới hạn.

Hỏi rằng: Vì sao lấy các loại để nhớ nghĩ về tánh của thân ?

Đáp rằng: Như giống độc thì sẽ sanh mầm chẳng tốt và sẽ sanh ra tiếp tục. Như thân này là thân từ cha mẹ bất tịnh sanh ra. Vì giống loại bất tịnh ấy sanh ra thân này; nên trở thành bất tịnh. Như thế lấy các loại giống để nhớ nghĩ về tâm tánh.

Hỏi rằng: Vì sao lấy xứ để nhớ nghĩ về tánh của thân ?

Đáp rằng: Thân này chẳng từ hoa Uất Đa La sanh ra, lại cũng chẳng phải từ hoa Câu Ni Đà Phần Lợi Già sanh ra, mà do từ nơi bụng mẹ sanh ra. Chỗ bất tịnh, hôi thối, bức bách mà sanh ra. Từ lúc sanh các hình thái đều sanh. Từ hai bên hông trái phải bị chằng chịt trói buộc xương cốt. Nơi này là nơi bất tịnh thân nên thành bất tịnh. Như thế lấy nơi chốn ấy mà nghĩ về tánh của thân.

Hỏi rằng: Vì sao lấy sự duyên vào mà nhớ nghĩ đến tánh của thân ?

Đáp rằng: Đây do thân bất tịnh, sự khổ hay tăng trưởng và trụ lại. Chẳng phải dùng vàng bạc của quý có thể làm cho tăng trưởng. Lại cũng chẳng thể lấy mùi thơm Chiên Đàn và hương thơm của Đa Già La mà tầm vào để làm cho tăng trưởng, mà thân này từ bụng mẹ sanh ra. Chỗ ăn uống của mẹ, chỗ nước mũi, dãi, máu, đờm tạp nhập và nơi bào thai mẹ sanh ra hôi thối. Nhờ đồ ăn thức uống lưu hành mà làm cho thân này tăng trưởng. Rồi từ đó mà sinh ra. Từ chỗ ăn uống, sữa đậu, hòa hợp với nước mắt, mũi tạp nhập. Ở đây thân này lấy chỗ hôi thối bất tịnh ấy mà lưu hành nuôi dưỡng để có thể tăng trưởng và tồn tại. Như thế lấy duyên vào này mà nhớ nghĩ đến tự tánh của thân.

Hỏi rằng: Vì sao lấy sự lưu hành mà nhớ nghĩ về tự tánh của thân ?

Đáp rằng: Như đông da thối trở thành chỗ tiểu dãi, rồi sanh ra nhiều mầm bất tịnh lưu xuất. Thân này lại cũng thịnh hành bởi tiểu dãi. Như vậy thân này là chỗ chứa đồ ăn uống và tạp nhập những nước hôi thối xú uế, gồm nhiều loại bất tịnh. Từ chín lỗ mà chảy ra, rồi sanh ra nhiều việc vậy. Cũng chẳng trở thành đầy đủ, như thế mà lưu hành và; nên nhớ nghĩ đến tự tánh của thân.

Hỏi rằng: Vì sao lấy hình thái lần lượt mà nhớ nghĩ đến tự tánh của thân ?

Đáp rằng: Thân này đầu tiên do nghiệp rồi sau đó lần lượt tạo thành. Bảy ngày đầu thành Ca La La. 14 ngày thành A Phù Đà. 21 ngày thành Bi Thi. 28 ngày thành A Ban. 35 ngày thành 5 tiết. 42 ngày thành 4 tiết. 49 ngày thành ra 4 tiết nữa. 56 ngày lại sanh ra 28 loại nữa. 63 ngày và 70 ngày lại sanh ra xương. 77 ngày lại sanh ra 300 xương. 84 ngày sanh ra 100 tiết. 91 ngày lại sanh ra 900 dây gân. 98 ngày lại sanh ra 100 loại thịt tròn. 105 ngày lại sanh ra máu. 112 ngày lại sanh ra màng (mô). 119 ngày sanh ra da. 126 ngày thành màu sắc của da. 133 ngày sanh ra nghiệp do gió biến hóa nơi nơi. 140 ngày đủ cửu khiêu (chín lỗ). 175 ngày sanh ra một vạn bảy ngàn chỗ thấm thấu. 182 ngày thành vai thân. 189 ngày có sức lực. 196 ngày sanh ra 9 vạn 9 ngàn lỗ chơn lông. 203 ngày thành tất cả thân phận đầy đủ.

Lại nói: 49 ngày thì có thân thể, nương vào hông của mẹ mà dựng đầu lên đến 294 ngày (nghĩa là tuần lễ thứ 42) do nghiệp sanh ra gió, rồi chuyển chân lên trên, đầu trút xuống dưới và hướng về cửa mình rồi sanh ra. Ở đời gọi tên là con người. Rồi lần lượt lấy hình hài ấy mà niệm đến tánh của thân.

Hỏi rằng: Vì sao lấy các loại trùng mà niệm về tánh của thân ?

Đáp rằng: Nơi thân này có 80.000 chỗ để cho trùng ở và ăn tại đó. Ở nơi tóc cũng có trùng sống trong tóc. Ở nơi đầu cũng có trùng tại đầu. Ở nơi não cũng có trùng phá não. Đây gọi là trùng sần cuồng. Loại này lại có 4 loại khác. Một tên là Khu Câu Lâm Ba; hai tên là Thấp Ba La; ba tên là Đà La Kha; bốn tên là Đà Kha Thi La. Nương vào nơi mắt có trùng tên là Thiết Nhân. Nương vào tai có trùng tên là Thiết Nhĩ. Nương vào mũi có trùng tên là Thiết Tỉ. Lại có 3 loại tên là Lâu Khâu Mẫu Ha; hai tên là A Lâu Khâu; ba tên là Ma Na Lâu Mẫu Khả. Nương vào lưỡi lại có trùng tên là Vật Già; nương vào nơi gốc lưỡi có trùng tên là Mẫu Đản Đa. Nương vào răng có trùng tên là Cầu Bà. Nương vào chân răng có trùng tên là Ưu Bà Câu Bà. Nương vào cổ có trùng tên là A Bà Li Ha. Nương vào cuống cổ có 2 loại trùng. Một tên là Hô Ha La; hai tên là Tỳ Hô Ha La. Nương nơi lông có trùng tên là Thiết Mao. Nương nơi móng tay có trùng tên là Thiết Trảo. Nương vào da có 2 loại trùng. Một tên là Đầu Na; hai tên là Đầu Nan Đa. Nương vào nơi màng có 2 loại trùng. Một tên là Cách Lam Bà; hai tên là Ma Bi Lam Bà. Nương vào thịt lại có 2 loại trùng. Một tên là A La Bà; hai tên là La Bà. Nương vào máu có 2 loại trùng. Một tên là Bà La; hai tên là Bà Đa La. Nương vào gân có 4 loại trùng. Một tên là Lại Đa Lỗ; hai tên là Hi Đa Sa; ba tên là Sa La Sa Đa La; bốn tên là La Na Bà La Na. Nương vào mạch có trùng tên là Giá Phiêu Hiếp Na. Nương vào động mạch có 2 loại trùng. Một tên là Thi Bà La; hai tên là Ưu Bà Thi Bà La. Nương vào xương lại có 4 loại trùng. Một tên là Dương Thiết Tỳ Đà; hai tên là A Na Tỳ Đà; ba tên là Đãi Phúc Đà Tỳ Đà; bốn tên là Dương Thiết Đản Khả La. Nương vào tủy có 2 loại trùng. Một tên là Nhi Đổ; hai tên là Nhi Đổ Thi La. Nương vào lá lách có 2 loại trùng. Một tên là Ni La; hai tên là Tỳ Đa. Nương vào tim lại có 2 loại trùng. Một tên là Tử Tỳ Đa; hai tên là Ưu Bát Đà Tỳ Đa. Nương vào gốc của tim lại cũng có 2 loại trùng. Một tên là Mân Khả; hai tên là Thi La. Nương vào mỡ lại có 2 loại trùng. Một tên là Ca La; hai tên là Ca La Thi La. Nương vào bàng quang lại có 2 loại trùng. Một tên là Nhĩ Ca La; hai tên là Ma Ha Ca La. Nương vào gốc của bàng quang lại có 2 loại trùng. Một tên là Ca La; hai tên là Ca La Thi La. Nương vào bụng lại có 2 loại trùng. Một tên là Sa Bà La; hai tên là Ma Ha Sa Bà La. Nương vào gốc của bụng lại cũng có 2 loại trùng. Một tên là Lại Đa; hai tên là Ma Ha Lại Đa. Nương vào ruột non lại cũng có 2 loại trùng. Một tên là Qui Lại Đa; hai tên là Ma Ha Lại Đa. Nương vào gốc của ruột lại có 2 loại. Một tên là Ba; hai tên là Ma Ha Tử Ba. Nương vào gốc của ruột già có 2 loại trùng. Một tên là An Na Bà Ha; hai tên là Bát Quả Bà Ha. Nương vào dạ dày có 4 loại trùng. Một tên là Ưu Thọ Ca; hai tên là Ưu Xã Ba; ba tên là Tri Xã Bà; bốn tên là Tiên Thị Bà. Nương vào thực trạng lại có 4 loại trùng. Một tên là Bà Ha Na; hai tên là Ma Ha Bà Ha Na; ba tên là Đà Na Bàn; bốn tên là Phấn Na Mẫu Khả. Nương vào mật lại có trùng tên là Tất Đa Ly Ha. Nương vào nước dãi lại có trùng tên là Sám Ha. Nương vào mồ hôi lại có trùng tên là Đà Li Ha. Nương vào mỡ tạng lại có trùng tên là Nhĩ Đà Li Ha. Nương vào sức mạnh lại có 2 loại trùng. Một tên là Số Bà Ha Mẫu và hai tên là Đổ Ma Khế Đa. Nương vào gốc của sự cứng cáp lại có 3 loại trùng. Một tên là Xứ Ha Mẫu Kha; hai tên là Lỗ Ha Mẫu Kha; ba tên là Bà Na Mẫu Kha. Có 5 loại trùng nương vào thân, trước khi ăn; nương vào thân sau khi ăn và nương vào thân bên trái để ăn bên trái của thân. Nương vào thân bên phải để ăn bên phải của thân. Trùng này tên là Đản Đà Tử La Thìn Ha. Tử La Bất Tu La v.v... Nương vào 2 lỗ phía dưới có 3 loại trùng. Một tên là Câu Lâu Câu La Duy Thâu; hai tên là Già La Thâu; ba tên là Hàn Đầu Bà Đà. Như thế các trùng dừng ở nơi nhớ nghĩ về tánh của thân.

Vì sao lấy sự an ổn để nhớ nghĩ về tự tánh của thân được ?

Đối với xương chân, gân cốt giữ vững thì xương đầu gối là nơi làm cho xương an trụ. Xương đầu gối làm xương bắp vế ở yên. Xương bắp vế làm cho xương hông ở yên. Xương hông ở yên thì xương nơi lá lách sẽ giữ yên. Xương lá lách làm cho xương vai giữ yên. Xương vai làm cho xương trán giữ yên. Xương trán làm cho xương đầu giữ yên. Xương đầu làm cho xương gò má giữ yên. Xương gò má làm cho xương răng giữ yên. Như thế thân này xương gân cốt lại với da thịt để trở thành thân hôi thối. Từ hành nghiệp mà sanh, chẳng dư khả năng tạo ra. Như thế lấy sự anm ổn mà nhớ nghĩ đến tự tánh của thân.

Vì sao lấy sự tu hợp ấy mà nhớ nghĩ đến tự tánh của thân về 9 xương cốt của đầu; hai xương hai bên má; 32 chân răng; bảy xương trán; 14 xương ngực; 24 xương hông; 18 xương sườn; 2 xương chậu; 64 xương tay; 64 xương chân. Nương vào thịt có 64 xương nhỏ. Ở đây có 300 xương khác. 800 gân; 900 dây chằng; 900 thịt cục; 17.000 mạch. 8.000.000 sợi tóc; 99.000 sợi lông; 60 khoảng trống. 80.000 con trùng. Mật, nước dãi, nã. Mỗi một thứ có Ba Lại Tha. Chúng nặng 4 cân. Huyết A Tha nặng 3 cân. Như thế chẳng thể tính đến các loại hình tướng ấy. Chỉ có nước tiểu dãi tụ hợp nơi thân. Như vậy cho nên 2 nơi tụ hợp ấy phải nhớ nghĩ về tự tánh của thân.

Vì sao lại lấy giận hờn mà nhớ nghĩ đến tự tánh của thân ?

Nơi kia dùng những vật tốt để làm đẹp như mặc áo quần tốt; xức dầu thơm vào thân. Sửa soạn áo quần, ngủ nghỉ chỗ yên, dùng những loại sang trọng để làm chỗ ngồi, giường nằm v.v... Rồi nhiều loại đồ ăn thức uống dùng để cúng dường, tâm sanh yêu thích, sau trở thành mền tiếc giận hờn. Như thế rồi lấy sự giận hờn xấu ác ấy nên phải nhớ nghĩ đến tự tánh của thân.

Vì sao lấy việc chẳng thanh tịnh mà nhớ nghĩ đến tự tánh của thân ?

Như thế nương vào những đồ ăn mặc cho nên chẳng tinh khiết: rồi giặt giữ lại trở nên sạch sẽ. Vì sao vậy ? - Vì tánh ấy thanh tịnh vậy. Thân này bất tịnh chẳng thể làm cho sạch được. Lại nữa lấy hương thơm để xoa vào thân rồi lấy nước hoa để tẩy rửa cũng chẳng thể làm cho sạch được. Vì sao vậy ? - Vì tánh chẳng sạch vậy. Đây là lấy việc chẳng sạch mà nhớ nghĩ về tự tánh của thân.

Vì sao lại lấy nơi chốn để nhớ nghĩ đến tự tánh của thân ?

Như hoa nương vào nước trong ao để sống. Như trái nương vào nơi quả để tồn tại. Như thế thân này từ đủ loại phiền não tật hoạn mà snah ra. Ví như bệnh mắt, bệnh tai, bệnh mũi, bệnh lưỡi, bệnh thân, đau đầu, đau miệng, đau răng, đau đường ruột, ngộp thở, nóng lạnh, đau bụng. Tâm lo lắng cuồng loạn, bệnh cảm gió. Cho đến thổ huyết, mụn nhọt, bệnh hủi, ghẻ lở, sốt rét, bệnh sởi, bệnh hàn v.v... Thân này có quá nhiều sự lo lắng. Như thế nơi phải lấy nơi chốn ấy để nhớ nghĩ về tự tánh của thân.

Vì sao mà lấy chẳng biết ơn để nhớ nghĩ về tự tánh của thân ?

Người này dầu có thể tạo đồ ăn cho chính mình những thức ăn tuyệt hảo; hoặc tắm rửa xức dầu thơm vào mắt, vào chỗ ngồi, vào y phục và tự trang điểm thật khéo. Nhưng thân này như cây độc; ngược lại chẳng biết ơn, nó hướng tới già, tới bệnh và hướng tới chết. Như người bạn lành mà chẳng biết ơn. Như thế lấy việc chẳng biết ơn mà nhớ nghĩ về tự tánh của thân.

Vì sao lại lấy hữu biên để nhớ nghĩ về tự tánh của thân ?

Thân này, hoặc có thể đổi mới; hoặc có thể ăn uống; hoặc có thể bị phá hoại; hoặc có thể bị tiêu diệt. Nên thân này hữu biên (có giới hạn). Như thế lấy hữu biên để nhớ nghĩ về tự tánh của thân. Kẻ tọa thiền kia đối với cửa ngõ này; đối với việc làm này lấy đó làm tự tánh; nên nhớ nghĩ về thân này. Lấy sự nhớ nghĩ tự tại, dùng huệ tự tại, thành tâm chẳng loạn. Nếu tâm chẳng loạn thì các sự che đậy mất đi. Thiền phần sẽ khởi lên. Tùy theo đây mà được an lạc và trở thành tốt đẹp.

Hỏi rằng: Vì sao nhớ nghĩ đến sự tịch tĩnh? Tu cái gì? Tướng gì? Vị gì? Xứ nào? Công đức gì? Vì sao phải tu ?

Đáp rằng: Tịch tĩnh nghĩa là ở tâm thân diệt sự động loạn, lại dứt trừ hẳn. Đây là tịch tịnh. Hiện nhớ nghĩ đến sự tịch tịnh, kia nhớ nghĩ tùy theo chánh niệm. Đây gọi là niệm tịch tịnh. Lấy sự nhớ nghĩ trừ lại chẳng loạn. Đây nghĩa là tu. Làm cho khởi lên chẳng động, lấy tướng làm công đức. Lấy chẳng điều phục làm vị. Lấy điều giải thoát làm nơi chốn. Có được công đức gì? - Nếu tu hành nhớ nghĩ đến tịch tĩnh sẽ được ngủ yên mà thức cũng yên. Trở thành tịch tịnh. Các căn tịch tịnh, tâm nguyện đầy đủ, thành dễ thương, biết xấu hổ đầy đủ. Thường vì người mà quý trọng. Hướng đến cõi lành, hướng đến cõi giải thoát.

Vì sao phải tu ?

Kẻ mới tọa thiền ngồi vào chỗ yên tĩnh, nhiếp tất cả tâm, chẳng khởi lên tâm loạn. Như thế vị Tỳ Kheo kia các căn được an ổn. Tâm an ổn rồi vui mọi nơi đều yên ổn. Lấy tương ưng để trụ. Vị Tỳ Kheo kia dùng thân, khẩu, ý để thấy, để nghe và để nhớ nghĩ tịch tịnh. Lấy sự tịch tịnh ấy làm công đức. Như Đức Thế Tôn đã dạy: Vị Tỳ Kheo kia giới đầy đủ, định đầy đủ, tuệ đầy đủ, giải thoát đầy đủ, tri kiến đầy đủ. Nếu một Tỳ Kheo được thấy một Tỳ Kheo khác thì ta nói kẻ kia được ân đức thật lớn. Nếu nghe vị Tỳ Kheo kia, ta nói được ân lớn. Nếu đến vị Tỳ Kheo kia, ta nói được ân lớn. Nếu thấy, cúng dường nhớ nghĩ vị kia; hoặc theo vị kia xuất gia, ta nói kẻ kia được ân đức lớn. Vì sao lại như vậy ? - Vì các Tỳ Kheo khi nghe pháp này được xa rời 2 sự quen ồn ào. Đó là thân được lìa chỗ quen ồn và tâm cũng được lìa chỗ quen ồn. Vị Tỳ Kheo kia nhập vào sơ thiền, lấy sự an ổn nhớ nghĩ; nên các sự che đậy mất đi. Nếu nhập vào nhị thiền nhớ nghĩ người kia thì giác quán diệt. Nếu nhập vào đệ tam thiền, nhớ nghĩ đến kia thì hỉ diệt. Nếu nhập vào đệ tứ thiền, nhớ nghĩ về kia thì lạc diệt. Nếu nhập vào Hư không định, nhớ nghĩ về sắc tướng, sân nhuế tướng và tất cả các loại tướng đều diệt. Nếu nhập vào Thức định, nhớ nghĩ đến kia thì hư không diệt. Nếu nhập vào Vô sở hữu định nhớ nghĩ đến kia thì thức nhập tướng diệt. Nếu nhập Phi tướng Phi phi tướng định, nhớ nghĩ đến kia thì Vô sở hữu tướng diệt. Nếu nhập Tướng thọ diệt, nhớ nghĩ đến kia thì tướng thọ diệt. Nếu được quả Tu Đà Hoàn, nhớ nghĩ thấy một nơi thì phiền não diệt. Nếu được quả Tư Đà Hàm thì sự nhớ nghĩ thô về dâm dục, sân nhuế, phiền não diệt. Nếu được A Na Hàm quả thì sự nhớ nghĩ tinh tế về phiền não, dâm dục, sân nhuế diệt. Nếu được quả A La Hán nhớ nghĩ kia về tất cả phiền não diệt. Nếu nhập Niết Bàn, dùng tịch tĩnh nhớ nghĩ tất cả đều diệt. Kẻ tọa thiền kia lấy cửa này, việc làm này như thế là những công đức nhớ nghĩ tịch tĩnh. Tâm kia thành niềm tin. Lấy tin ấy mà tự tại. Dùng niệm để tự tại, tâm ấy trở nên chẳng loạn. Nếu tâm chẳng loạn thì các sự che đậy sẽ mất. Thiên phần khởi lên bên ngoài. Thiên ấy thành trụ ở sự nhớ nghĩ, đã đến cảnh giới tịch tĩnh rồi.

Đối với 10 niệm xứ thì đây là những câu tán thán. Hoặc niệm quá khứ, vị lai công đức của Phật. Đây gọi là tu niệm Phật. Như thế niệm Duyên Giác công đức cũng vậy; hoặc niệm lành, nói tất cả pháp. Đây gọi là tu niệm Pháp. Hoặc nhớ về một Thanh Văn tu hành công đức. Đây là tu niệm Tăng. Niệm về giới kia. Đây nghĩa là tu niệm giới. Niệm về thí kia thì đây nghĩa là tu niệm thí. Nếu muốn vui nhớ về bố thí thì thí ấy có công đức nơi người, lấy tướng chấp thọ. Nếu có người thọ thí mà chưa thí, cho đến một miếng cũng chưa nên ăn. Niệm thiên là thành tựu niềm tin có 5 điều. Do pháp ấy mà nên niệm thiên.

Luận về Con Đường Giải Thoát Hết quyền thứ bảy

Luận Về Con Đường Giải Thoát Quyển thứ 8

- *A La Hán Ưu Bà Đề Sa (đời Lương gọi là Đại Quang) tạo luận này bằng chữ Phạn.*
- *Đời nhà Lương, người nước Phù Nam, Ngài Tam Tạng Tăng Già Bà La dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt, ngày 17 tháng 5 năm 2006 nhằm ngày 20 tháng 4 năm Bính Tuất (nhằm ngày kỷ niệm tỵ thiêu của Bồ Tát Thích Quảng Đức, lần thứ 43).*

Phẩm Hành Môn Thứ 5

Hỏi rằng: Sao gọi là từ ? Tu cái gì? tướng gì? vị gì? khởi cái gì và có công đức nào? Vì sao phải tu hành ?

Đáp rằng: Như cha mẹ duy chỉ có một con, do chỗ tình yêu và nhớ thấy con mình nên khởi lên lòng từ. Khởi lên tâm làm lợi lạc. Như thế đối với tất cả chúng sanh. Lòng từ chính là tâm nhiều ích. Đây nghĩa là lòng từ, làm cho kia tu giữ chẳng loạn; nên gọi là tu. Làm cho vui theo sự nhiều ích khởi lên, lấy làm tướng. Lấy sự yêu thương nhớ nghĩ làm vị. Chẳng sân nhuế khởi lên. Nếu người tu hành lòng từ sẽ được 11 công đức. Gồm: Ngủ yên, thức an ổn, chẳng thấy ác mộng, vì người khác mà nhớ nghĩ yêu thương, chừ thiên gìn giữ, lửa dữ dao gậy chẳng làm hại đến thân, làm cho tâm luôn luôn định tĩnh, sắc diện tươi đẹp, lâm chung chẳng loạn. Nếu chưa được thắng pháp thì sanh làm Phạm Thế.

Phải tu hành như thế nào ?

Đầu tiên đối với người tọa thiền vui tu làm việc lành. Đầu tiên quán về phần hận, lo lắng và nhẫn nại là công đức. Tâm nên giữ gìn sự nhẫn nại.

Vì sao nên quán phần hận, quá hoạn ?

Nếu người mới bắt đầu khởi lên sự giận dữ, đốt thiêu tâm từ, làm cho tâm này dơ đi. Từ đây biến dần qua mất và mặt đỏ. Từ đó tạo thêm cho miệng nói điều xấu ác. Từ đây tăng trưởng sự quan sát bốn phương. Từ đây tay chân tìm gậy dao. Từ đây giận dữ thổ huyết. Từ

đây sinh ra mắt mắt của cái. Từ đây sinh ra đập phá các vật. Từ đây tăng trưởng việc giết hại; hoặc giết kẻ khác; hoặc tự giết mình. Lại nữa nếu người hay giận dữ; hoặc giết cha mẹ; hoặc giết A La Hán; hoặc phá Tăng; hoặc ác tâm là cho thân Phật ra máu. Như thế làm những việc xấu hổ. Như thế mà quán. Lại nữa như thế nên quán. Ta được gọi là Thanh Văn vì sao mà chẳng đoạn sự giận dữ, trở nên không xấu hổ. Ta nhớ lại việc cái cửa như trong kinh đã nói. Ta ưa vui pháp lành. Nếu ta làm cho sự giận dữ tăng trưởng, trở thành sự giận ác. Như người vui tẩm, cuối cùng cũng dơ. Ta tự biết đa văn mà chưa hàng phục được sự giận dữ, như chỗ bỏ dơ, giống như vị Thầy thuốc mà cuối cùng tự tán loạn. Ta vì đời là chỗ trân quý mà ta chẳng trừ được sự giận dữ thì làm chỗ cho người chê cười. Cũng giống như người họa cái hình mà bên trong toàn là đồ chẳng sạch tòng chứa. Là con người có trí tuệ mà khởi lên sự sân hận cũng giống như người ăn đồ tạp độc. Vì sao vậy? - Từ sự giận dữ này thật chẳng đáng ưa rồi thành quả báo khổ sở. Như người bị rắn độc cắn. Tự có độc được, nên chẳng thể chữa lành. Người kia có thể biết vui, khổ và chẳng vui. Như thế Tỳ Kheo. Nếu tâm giận tức khởi lên chẳng thể kiềm chế được thì Tỳ Kheo kia có thể biết được sự khổ, vui và chẳng vui, vì sao từ sự giận dữ này mà phải kinh sợ.

Lại nữa nên quán về sự sân hận. Sự sân giận này làm cho oán hận cả nhà và ai cũn gta thán, cười chê. Lại vì chỗ thân cận mà xấu hổ. Chỉ có cái đức mới sâu dày; nhưng lại bị khinh miệt. Căn bản được quý trọng mà trở thành bị khinh dễ. Bị gọi là dơ hay bị chê cười. Rõ ràng cầu vui thành khổ. Hoặc không động mà làm ra cho động; hoặc có mắt trở thành như mù; hoặc thông minh mà trở thành vô trí. Như thế nên quán và nhớ nghĩ về sự giận dữ, lo nghĩ.

Hỏi rằng: Vì sao quán về công đức của nhẫn nhục?

Đáp rằng: Nhẫn nhục là cái lực, là cái áo giáp có thể hộ thân, có thể trừ sự giận dữ. Đây gọi là dơ, là lời khen. Người trí tán thán chỗ ấy. Đây là niềm vui làm cho chẳng thoái. Đây là sự giữ gìn, làm cho hộ trì tất cả đầy đủ. Đây là ánh sáng làm cho thấy rõ nghĩa. Đây gọi là khởi lên sự xấu hổ. Lại nữa nên quán ta đã cạo bỏ tóc râu; nên phải nhẫn nhục. Ta đã yêu ta và nhận chỗ quốc thí thì phải lấy tâm nhẫn mà làm cho thí chủ kia được quả báo lớn. Ta mang giữ hình hài bậc Thánh, ta phải thực hành nhẫn nhục là hạnh của bậc Thánh. Ta còn sân nhuế, làm cho chẳng còn sân nhuế. Ta được gọi là Thanh Văn làm cho thật danh là Thanh Văn. Kẻ Đản Việt cúng thí cho ta các đồ vật, hãy lấy sự nhẫn nhục này làm cho thí chủ kia được quả báo lớn. Ta có niềm tin rằng: Sự nhẫn nhục này là chỗ ta tin tưởng, ta có trí tuệ. Sự nhẫn nhục này là nơi sinh ra trí tuệ. Ta có trùng độc của sự giận dữ. Với sự nhẫn nhục này ta sẽ đập lên trùng độc kia. Như thế quán niệm về sự giận dữ, lo lắng và công đức của sự nhẫn nhục, làm cho tâm thọ trì. Ta sẽ hướng về sự nhẫn nhục. Có người ác mạ lỵ ta, ta sẽ nhẫn nhục, ta sẽ khiêm cung chẳng kiêu mạn. Như thế người tọa thiền hướng về niềm vui của sự nhẫn nhục. Tự tạo ra sự lợi lạc, nhập vào nơi yên ổn; tâm chẳng loạn. Từ ban đầu, thân này làm cho đầy đủ. Ta lại vui và tâm vui chẳng nệ hà khổ sở.

Vì sao ta chẳng giận gia đình và chẳng sân nhuế?

Sự an lạc đã xa lìa các não phiền, thành tựu tất cả công đức. Kẻ tọa thiền kia chế phục được tâm này, làm cho tâm biết xấu hổ và làm cho tâm này kham nhẫn lãnh thọ. Nếu tâm đã trở thành tâm quý kham nhẫn lãnh thọ rồi thì từ đây nên tu hành về lòng từ. Đối với tất cả chúng sanh như thể thân này khổ sở để tọa thiền và người ấy đã tu về lòng từ. Đối với tất cả chúng sanh từ đầu chẵn gthê tu về lòng từ và đối với những người oán trong gia đình, với người ác, với người chẳng có công đức, với người đã mất, người ở nơi đó nên khởi lên lòng từ. Người tọa thiền kia nên quý trọng họ. Vì khởi lên tâm xấu hổ; nên đã chẳng khinh khi họ. Chẳng làm những việc không vừa ý mà hay làm lợi lạc; nên phải khởi lên lòng từ. Đối với những người ấy chẳng khởi lên sự tật đố và cũng chẳng khởi lên sự sân nhuế. Đối với chỗ của người kia, đầu tiên nên tu lòng từ. Đầu tiên nên tưởng đến sự lợi lạc ấy và nên quý trọng công đức kia. Như thế lấy tánh để thành tựu. Lại cũng gọi là thành tựu về lời khen. Ở đây sự nghe cũng thành tựu mà giới cũng thành tựu nữa. Lấy định để thành tựu; lấy huệ để thành tựu. Là những chỗ ta nên quý trọng. Như thế lấy thí, lấy ái ngữ, lấy sự lợi ích, lấy đồng sự thành tựu. Đó là

những điều ta đã làm lợi lạc. Như thế những sự suy nghĩ lành, là những công đức đáng quý và là những công đức lợi lạc. Làm cho khởi lên sự nhớ nghĩ sâu dày và nhớ nghĩ về những người thân. Đối với chỗ của người kia nên tu về lòng từ; nên làm lợi lạc và tâm thường tỉnh thức. Nguyện cho tâm này không còn oán hận; chẳng muốn còn sân si, trở thành an lạc. Nguyện lia khỏi những nơi ồn ào và nguyện thành tựu tất cả những công đức. Nguyện được những việc lành lợi ích. Mong được tán dương. Nguyện có niềm tin; nguyện được niềm vui. Mong có giới; nguyện được có trí tuệ để nghe; nguyện được bố thí; nguyện có trí tuệ; nguyện được ngủ yên; nguyện được an ổn khi thức. Nguyện chẳng thấy ác mộng; nguyện người được yêu thương; nguyện được yêu thương loài chẳng phải người. Nguyện được chư thiên bảo hộ. Nguyện cho lửa dữ, dao gậy không đụng vào thân này. Nguyện cho mau định tâm. Nguyện cho sắc diện được vui tươi: nguyện sanh về cõi có Phật; nguyện gặp người lành; nguyện chính thân mình đầy đủ. Nguyện cho không có bệnh tật. Nguyện được sống lâu: nguyện thường được an lạc. Lại nữa như thế nên suy nghĩ đối với những bất thiện pháp kia nếu chưa sanh, nguyện đừng cho sanh ra. Nếu đã sanh rồi, nguyện cho tiêu trừ đi. Còn thiện pháp chưa sanh thì nguyện cho sanh. Nếu đã sanh rồi, nguyện cho được tăng trưởng. Lại nữa kẻ kia chẳng thích suy nghĩ về các pháp, nguyện việc ấy chẳng sanh. Nếu đã sanh rồi thì nguyện cho mất đi. Nếu yêu mến nhớ nghĩ về pháp chưa sanh thì do tâm từ kia mà được có lòng tin. Người tọa thiền ấy lấy lòng tin tự tại mà giữ nơi tâm. Lấy chỗ giữ tự tại ấy làm cho sự nhớ nghĩ trụ lại. Lấy sự nhớ nghĩ tự tại, lấy chỗ giữ cho tự tại, lấy niềm tin tự tại để tâm trở thành bất loạn. Người kia hiện biết là chẳng loạn. Lấy những cửa này và những việc làm này mà đối với người kia nên tu tâm từ. Tu rồi, tu nhiều hơn nữa. Người tọa thiền kia hiện tại biết không loạn, dùng cửa này và việc làm này đối với người kia tu rồi, thì dùng tâm từ để tu nhiều nữa. Lấy tâm xấu hổ, tâm thọ trì lần lượt yêu thương người ấy và tu hành tưởng nhớ đến lòng từ. Đối với chỗ yêu mến người kia, nên tu và nhớ nghĩ đến lòng từ. Rồi lần lượt ở trong ấy sẽ có người tu và nghĩ đến lòng từ. Đối với người ấy đã tu và tưởng đến lòng từ rồi thì lần lượt đối với việc oan gia kia sẽ tu và tưởng đến lòng từ, thì như thế đối với tất cả chúng sanh giống như thân của mình, làm cho đầy đủ chẳng có phân biệt. Hoặc như thế tu hành về lòng từ. Hay ở nơi người kia mà người ấy chẳng hành lòng từ. Hoặc nơi người tọa thiền chậm chạp chẳng khởi lòng từ, thì nên làm cho sự lo lắng xa lìa. Với ta chẳng lành, chẳng dễ thương. Ta vui được với pháp lành, có lòng tin nên xuất gia. Ta lại nói rằng: Nương vào nơi bậc Thầy làm lợi ích chúng sanh, khởi lên đại từ bi. Đối với một người mà khởi lên lòng từ, hà huống đối với việc oan gia. Nếu như thế thì sự lo lắng xa rời sân nhuế chẳng mất được. Kẻ tọa thiền kia vì thế mà tu lòng từ. Chẳng nên siêng năng, lấy những phương tiện khác mà tu hành. Đối với kẻ kia, vì trừ sân nhuế.

Hỏi rằng: Dùng phương tiện nào để trừ sân nhuế ?

Đáp rằng: Cùng với kia, nên chu toàn. Nên suy nghĩ đây là công đức về hơi thở, tự do mình tạo ra. Lo việc giải thoát thân tộc của chính mình về những tội đã qua, chẳng nên tác ý. Nghiệp của chính mình trong hiện tại là những gốc rễ tự tánh, nhớ nghĩ sự mất mát ấy. Nên quán về chỗ không. Nên hãy nhiếp thọ. Từ kẻ kia tuy sanh sân hận; hoặc có chỗ đi khát thực, tùy nghi mà thí cho cùng. Nếu người kia có bố thí, lại tùy nghi mà lấy dùng, thường cùng với lời nói lành, kẻ kia làm việc ấy lại cũng tùy theo. Như thế giữ gìn. Cái nhọn kia so với sân nhuế này sẽ mất đi. Đối với công đức hoặc thấy công đức này thì với công đức ấy nên suy nghĩ; chẳng vì phi công đức. Như trong nước có rác, trừ rác lấy nước. Nếu như nơi kia không có công đức thì phải khởi lòng từ. Người này chẳng có công đức, nên hướng về con đường ác. Người chịu ơn nên suy nghĩ về ơn kia. Nếu người làm ấy chẳng yêu kính thì làm cho khởi lên ân đức. Đối với người kia, nếu đã làm rồi, chẳng yêu kính thì nên tạo ra công đức. Lại nữa phải làm cho diệt việc bất thiện để trở thành cõi thiện. Từ đó sự oán kia trở thành ân nghĩa có thể rõ biết. Chính nghiệp do mình tạo ra, vì người này tạo ra pháp ác. Vì người này sân nhuế. Đối với nghiệp ác của kẻ kia nên phát sanh sự quan sát, lo cho việc giải thoát. Nếu người mạ lỵ ta, hại ta, thì đó là đầu tiên tạo ra nghiệp ác, giúp cho kẻ kia giải thoát, ta phải làm cho chúng và thấy được sự hoan hỷ. Trong thân tộc, đối với sự sanh tử của chúng sanh liên tục, thì

đó là người quen của ta; nhớ nghĩ rồi liền làm cho khởi lên sự nhớ nghĩ về những người thân. Vì tự thân của mình tội lỗi, do tạo ra tướng và sự sân nhuế kia từ ta mà sanh ra. Vì kẻ kia chẳng được công đức, ta trở thành chỗ làm cho khởi lên cái tướng tội trong quá khứ của mình. Chẳng nên tác ý. Chẳng có tướng sân nhuế. Chẳng nên tác ý. Như người chẳng vui thấy màu sắc khi khép mắt lại. Người khổ ấy vì tự mình làm khổ, chẳng có chướng ngại; nên làm cho khởi lên tướng.

Vì sao như kẻ ngu si ?

Lấy lòng từ, chẳng nhớ nghĩ đúng, tự tạo ra khổ. Hãy quán về tâm khổ là nguyên nhơn, cũng nên biết là có chỗ ân oán với gia đình. Từ người kia nên lia chỗ này. Làm cho chẳng thấy chẳng nghe, mà nơi ấy sẽ giữ lại các căn. Tự tánh là giữ gìn sự dễ thương về sự chẳng dễ thương của cảnh giới. Các căn tự tánh nơi sân nhuế của ta đây. Nguyên nhơn là không nhớ nghĩ chơn chánh. Như thế mà quán. Kẻ mà sự nhớ nghĩ diệt, lấy kia sanh khổ và cả kia lại khổ. Đây là tất cả pháp đối với một tam sát na được diệt. Ta vì sao mà cùng kia chẳng sân nhuế? Ta sẽ tạo ra sân, như thế mà quán. Kẻ hòa hợp, trong ngoài chẳng phân hòa hợp; nên sanh ra khổ vậy. Ta đối với một phần nơi chốn chẳng thể tạo cho tâm sân nhuế. Như thế mà quán về không. Đó là người tạo khổ, là người thọ khổ. Nghiệp thứ nhất kia chẳng thể được. Thân này là nhơn duyên để sanh ra, chẳng có chúng sanh cũng chẳng có cái ta, chỉ là chỗ tụ lại của cỏ rác. Quán như thế cho nên Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Ở nơi làng rừng thẳm
Những khổ vui đều rõ
Chẳng từ chính ta đốt
Nương phiền não do xúc
Nếu tâm không phiền não
Ai chạm được tới xương.

Kẻ tọa thiền kia như thế sân nhuế diệt, phương tiện rõ ràng mà từ người thân mình trong đó có người oán. Liền phân biệt rồi, sau đó tự tại. Tâm sau đó lần lượt nhớ nghĩ đến từ, nên tu tại nơi. Các Thầy Tỳ Kheo từ kẻ kia nên tu. Trụ xứ của Tăng chúng, từ kẻ kia nên tu. Tự trụ xứ ấy chur thiên từ kẻ kia nên tu. Từ trụ xứ, chúng sanh từ kẻ kia nên tu. Từ chỗ ở ngoài thôn, như thế từ thôn này đến thôn khác; từ nước này đến nước khác; từ kẻ kia nên tu hết thảy. Kẻ tọa thiền kia lấy tâm từ bi làm cho khắp nơi đầy đủ rồi. Từ nơi kia ra 2 phía, rồi 3 phía, rồi 4 phía. Rồi từ 4 phía ấy, cả trên dưới cùng với tất cả chúng sanh đều phóng tâm từ bi và tất cả thế gian lấy tâm từ tới đại vô lượng. Chẳng oán chẳng sân nhuế làm cho đầy đủ. Kẻ tọa thiền kia như thế tu hành về lòng từ. Dùng 3 loại làm cho an ổn nơi Thiên. Đó là lấy tổng nhiếp chúng sanh; lấy tổng nhiếp làng ấp và lấy tổng nhiếp các nơi. Lấy một chúng sanh làm cho an ổn nơi lòng từ của thiên. Như thế hai, ba chúng sanh cho đến nhiều chúng sanh. Đối với một thôn làng có chúng sanh, làm cho an ổn nơi tâm từ của Thiên; rồi cho đến nhiều thôn cũng như thế. Đối với một phương, tạo mỗi chúng sanh, làm cho an ổn nơi tâm từ của Thiên, như thế cho đến 4 phương. Đối với đây nếu nương vào một chúng sanh tu hành lòng từ thì với chúng sanh này, việc chết ấy trở thành mất đi. Lấy việc mất ấy chẳng chịu đựng, khởi lên lòng từ. Cho nên phải rộng tu tâm từ bi. Cho đến những việc làm rộng thêm ra, thì lúc ấy sẽ trở thành những việc làm vi diệu. Trở thành cái quả lớn và công đức thật to lớn.

Hỏi rằng: Lòng từ ấy gốc gì? khởi lên cái gì? đầy đủ thế nào: và cái gì không đầy đủ? việc gì?

Đáp rằng: Chẳng tham lam là gốc. Chẳng sân nhuế là gốc. Chẳng si mê là gốc. Dục là căn. Chánh tác ý là căn.

Khởi lên cái gì? - Căn này làm cho khởi đầy đủ thế nào? Nếu lòng từ thành tựu, giết trừ sân nhuế, trừ đi cái yêu thương chẳng lành, làm cho thân, miệng, ý nghiệp được thanh tịnh. Đây gọi là đầy đủ.

Những gì là không đầy đủ?

Dùng 2 nguyên nhân mất đi lòng từ; lấy chính người quen của mình rồi sanh oán, dùng cái ái không thuận; lấy sự đối trị sanh oán, lấy việc khởi lên sân nhuế. Đây nghĩa là không đầy đủ.

Việc gì? - Đối với tất cả chúng sanh là công việc vậy.

Hỏi rằng: Chẳng đúng về đệ nhất nghĩa chúng sanh là chẳng thể được thì vì sao nói chúng sanh là sự?

Đáp rằng: Y vào các loại gốc ở đời mà giả nói là chúng sanh. Lúc ấy các Bồ Tát Ma Ha Tát tu lòng từ tràn khắp, đối với tất cả chúng sanh đầy đủ 10 Ba La Mật.

Hỏi rằng: Vì sao là đúng?

Đáp rằng: Bồ Tát Ma Ha Tát đối với tất cả chúng sanh hành tâm từ, duyên vào sự lợi lạc trở thành nhiếp thọ chúng sanh, tạo thí vô úy. Như thế đầy đủ nơi Đản Ba La Mật. Bồ Tát Ma Ha Tát đối với tất cả chúng sanh làm việc lành, nương vào sự lợi ích đối với tất cả chúng sanh thành ra chẳng hại, chẳng mất pháp đề dùng. Đối với tất cả chúng sanh làm việc thiện, nương vào sự lợi lạc cho tất cả chúng sanh, thành ra ý chẳng tham, xa lìa chỗ không lợi lạc, hướng đến thiện, hướng đến người xuất gia, như thế đầy đủ Ba La Mật Đa. Bồ Tát Ma Ha Tát đối với tất cả chúng sanh làm việc lành, nương vào làm lợi lạc cho tất cả chúng sanh, thành ra suy nghĩ nhiều về lợi lạc và chẳng lợi lạc và như nghĩa nói về phương tiện cho rõ ràng. Vì trừ ác, nên được việc lành. Như thế đầy đủ Bát Nhã Ba La Mật.

Bồ Tát Ma Ha Tát đối với tất cả chúng sanh làm việc lành, nương vào chỗ chấp làm lợi lạc, chẳng xả tinh tấn. Tất cả mọi lúc đều siêng năng tinh tấn. Như thế đầy đủ tinh tấn Ba La Mật.

Bồ Tát Ma Ha Tát làm việc lành, đối với tất cả chúng sanh, nương vào sự lợi lạc cho chúng sanh kia, nói lời ác mạ lỵ, thành nhẫn nhục, chẳng sân hận. Như thế đầy đủ nhẫn nhục Ba La Mật.

Bồ Tát Ma Ha Tát, đối với tất cả chúng sanh làm việc từ, nương vào sự nhiều ích đối với tất cả chúng sanh nói lời chơn thật về chỗ ở thật, thọ trì thật. Như vậy đầy đủ cho cho lý Ba La Mật.

Bồ Tát Ma Ha Tát đối với tất cả chúng sanh thực hành từ bi, nương vào chỗ lợi lạc đối với tất cả chúng sanh cho đến mất mạng này, thề nguyện vẫn không xả bỏ. Nguyện thành Thánh để thọ trì lời thệ nguyện. Như thế thọ trì Ba La Mật đầy đủ.

Bồ Tát Ma Ha Tát đối với tất cả chúng sanh lấy tự tướng mà làm lợi lạc, đầy lòng từ bi Ba La Mật.

Bồ Tát Ma Ha Tát đối với tất cả chúng sanh tu từ bi và ngay cả người thân hay kẻ oan trong gia đình đều lấy tâm bình đẳng, lìa sự sân nhuế yêu thương. Như thế đầy đủ xả Ba La Mật.

Như vậy Bồ Tát Ma Ha Tát tu hạnh từ bi, thành đủ cả 10 Ba La Mật, làm rõ lòng từ, đủ 4 cách thọ trì. Lúc ấy Bồ Tát Ma Ha Tát tu lòng từ đầy đủ 10 Ba La Mật rồi, làm cho đầy đủ 4 sự thọ trì. Cho nên gọi là chân lý thọ trì, thí thọ trì, tịch tĩnh thọ trì, huệ thọ trì. Đối với đây là chân lý Ba La Mật, thọ trì Ba La Mật, tinh tấn Ba La Mật làm cho đầy đủ chân lý Ba La Mật. Thí Ba La Mật, giới Ba La Mật ra ngoài Ba La Mật làm cho đầy đủ thí thọ trì. Nhẫn nhục Ba La Mật, Từ Ba La Mật, Xả Ba La Mật làm cho đầy đủ tịch tĩnh thọ trì. Huệ Ba La Mật làm cho đầy đủ huệ thọ trì. Như thế Bồ Tát Ma Ha Tát tu lòng từ biến mãn rồi, đầy đủ 10 Ba La Mật làm cho đầy đủ 4 thọ trì, làm cho đầy đủ 2 pháp. Cho nên Xa Ma Tha, Tỳ Bà Xá Na. Đối với chân lý này thọ trì, thí thọ trì, tịch tĩnh thọ trì làm cho đầy đủ Xa Ma Tha. Huệ thọ trì làm cho đầy đủ Tỳ Bà Xá Na. Đầy đủ Xa Ma Tha rồi, làm cho đầy đủ tất cả thiện, giải thoát, định chánh thọ. Làm cho khởi lên xong biến vào định và đại từ định. Tỳ Bà Xá Na đầy đủ rồi, làm cho đầy đủ tất cả thân thông biện lực vô úy. Khi đầy đủ rồi, làm cho khởi lên tự nhiên trí và như thuyết trí. Như thế Bồ Tát Ma Ha Tát tu hành về lòng từ, làm cho lần lượt đầy đủ nơi Phật địa.

Hỏi rằng: Thế nào là bi? Tu cái gì? Tướng gì? Vị gì? Khởi lên như thế nào? Có công đức gì? Vì sao phải tu ?

Đáp rằng: Như cha mẹ chỉ có một con, tâm thường thương yêu nhớ nghĩ, thấy con khổ sở, tâm khởi lên sự thương con. Khổ sở như thế, đối với tất cả chúng sanh khởi lên lòng từ lân mẫn. Đây nghĩa là bi. Bi trụ chẳng loạn, đây nghĩa là tu. Chẳng hiện ra điều không lợi lạc làm tướng. Lạc chính là vị. Lấy chẳng hại mà khởi, cùng với từ tạo ra công đức.

Vì sao phải tu? - Đầu tiên người mới ngồi thiền nhập vào chỗ tịch tĩnh để ngồi, nhiếp tất cả tâm, làm cho tâm chẳng loạn. Thấy kia có bệnh; có già; có tham; hoặc thấy; hoặc nghe như thế mà tác ý. Chúng sanh kia bị khổ. Phải dùng phương tiện như thế nào để giải thoát sự khổ ấy. Lại nữa nếu thấy sự điên đảo này vì bị phiền não cột ràng, trói chặt vào vô minh; hoặc người có công đức mà chẳng tu học. Hoặc thấy hoặc nghe như thế mà tác ý, chúng sanh bị khổ nên sanh vào chỗ ác. Phải dùng phương tiện nào để giải thoát khỏi khổ ấy? Lại nữa nếu thấy bất thiện pháp tương ưng với thiện pháp hay chẳng tương ưng thì dùng bất khả ái pháp tương ưng với khả ái pháp và với chẳng tương ưng. Hoặc thấy hoặc nghe như thế mà tác ý. Chúng sanh kia bị khổ nên phải sanh vào chỗ ác. Dùng phương tiện nào để từ chỗ khổ ấy được giải thoát. Với người tọa thiền kia dùng cửa này và việc làm này đối với người kia tu hành tâm bi, tâm ấy tu hành nhiều. Kẻ ngồi thiền kia lấy cửa này và việc làm này đối với người kia tu tâm bi rồi và sau khi đã tu tâm bi nhiều rồi thì tâm ấy trở thành hòa nhã, kham nhẫn hay thọ trì. Kẻ kia lần lượt tu hành ở trong loài người. Từ kẻ kia tu hành với người oán. Ngoài ra như đã nói trước, cho đến đầy đủ khắp nơi.

Hỏi rằng: Lòng bi đầy đủ là gì? Bi như thế nào là không đầy đủ ?

Đáp rằng: Nếu lòng bi mẫn thành tựu thì trừ nơi sự sát hại chẳng khởi ưu não. Trừ lòng thương bất thiện. Dùng 2 nhân duyên để mất lòng từ, lấy tự thân sanh oán, lấy ưu não thực hành, lấy đối trị sinh oán, từ đó khởi lên sự lo sợ.

Hỏi rằng: Sự khổ chẳng phải đối với tất cả chúng sanh có, chẳng phải tất cả lúc có. Vì sao đối với tất cả chúng sanh tu tâm bi ?

Đáp rằng: Chúng sanh bị khổ, lành lấy tướng ấy, rồi chấp vào tướng kia, thành tất cả nơi phải tu bi. Lại nữa sanh tử là khổ và tất cả chúng sanh đều khổ. Do kia mà thành tất cả nơi tu hành.

Hỏi rằng: Hỷ là gì? Tu cái gì? Tướng gì? Vị gì? Khởi lên cái gì và với công đức nào? Vì sao phải tu ?

Đáp rằng: Giống như cha mẹ chỉ có một người con, tâm thường thương yêu nhớ nghĩ đến, thấy con ấy được vui, tâm sinh hoan hỷ. Lành thay như thế, tất cả chúng sanh, tâm sanh hoan hỷ. Đây nghĩa là hỷ. Hỷ trụ chẳng loạn, đây nghĩa là tu. Lấy mừng vui làm tướng; chẳng sợ làm vị. Trừ chẳng vui làm hỷ. Cùng với lòng từ tạo ra công đức. Vì sao phải tu ? - Đầu tiên người tọa thiền nhập vào chỗ tịch tĩnh, nhiếp tất cả tâm bất loạn. Tánh cách người này được chỗ kính trọng. Thấy được an lạc, tâm sinh hoan hỷ. Hoặc thấy hoặc nghe như thế mà tác ý. Lành thay lành thay! Nguyên cho chúng sanh kia được hoan hỷ lâu dài. Lại nữa nếu thấy cùng bất thiện pháp, chẳng tương ưng; cùng với thiện pháp thì tương ưng. Pháp không khả ái, không tương ưng. Cùng với khả ái thì tương ưng. Hoặc thấy hoặc nghe như thế mà tác ý. Lành thay lành thay! Nguyên vì chúng sanh kia mà được hoan hỷ lâu dài. Kẻ tọa thiền kia lấy cửa này, lấy việc làm này. Đối với người kia tu tâm hoan hỷ, tu hành nhiều hơn. Người tọa thiền kia lấy cửa này, dùng việc làm này, đối với người kia tu hỷ tâm rồi, tu nhiều hơn nữa, thành ra hòa hợp với tâm tâm quý, tâm kham nhẫn và hay thọ trì. Từ kẻ kia lần lượt tu hành trong mọi người. Từ nơi kia tu hành đối với kẻ oán. Ngoài ra như đã nói rộng rồi. Cho đến niềm vui đầy đủ tứ phương.

Hỷ nào đầy đủ? Hỷ nào không đầy đủ? Nếu hỷ thành tựu, trừ việc chẳng vui, chẳng khởi, chẳng lành yêu, trừ ý nghĩ, mà 2 nguyên nhân làm mất niềm vui. Đó là lấy tự thân sanh

oán và lấy cười đùa khởi lên việc làm. Lấy đối trị sanh oán, lấy chẳng vui khởi, như ban đầu đã giải rõ.

Hỏi rằng: Cái gì là xả? Tu cái gì? Tướng gì? Vị gì? Khởi ra sao? Công đức nào? Vì sao phải tu?

Đáp rằng: Cũng giống như cha mẹ chỉ có một con, không thể nghĩ lại chẳng không thể không nghĩ về, thành ra xả. Đối với kia thành trung tâm như thế và đối với tất cả chúng sanh là trung tâm xả hộ. Đây gọi là xả. Xả trụ chẳng loạn. Đây gọi là tu. Lấy Vô sở trước làm tướng. Lấy bình đẳng làm vị. Điều phục sự vui sân hận mà khởi. Cùng với lòng từ tạo ra công đức.

Hỏi rằng: Tu cái gì?

Đáp rằng: Kẻ tọa thiền từ ban đầu cùng với lòng từ đầy đủ khởi dậy rồi cùng với bi đầy đủ khởi dậy và cùng với hỷ đầy đủ khởi dậy. Rồi khởi nơi đệ tam thiền. Kẻ tọa thiền kia đã được nơi tam thiền rồi, tự tại thấy từ bi hỷ quá lo. Ái nhuế cận kề, cùng với hí luận cùng khởi, cùng với hỷ lạc một lúc khởi lên. Lấy quá lo để đối trị. Thấy công đức xả. Người tọa thiền kia như thế thấy từ bi hỷ quá lo rồi, rồi thấy xả công đức. Từ đầu đối với việc chẳng thể yêu nghĩ, chẳng thể chẳng yêu nghĩ về người; rồi cùng với xả cùng khởi lên sự nhớ nghĩ, làm cho tâm đầy đủ. Xả tâm tăng trưởng, tu rồi tu nhiều hơn nữa để thành hòa hợp vui vẻ, kham nhẫn có thể thọ trì. Kẻ kia lần lượt đối với người oán tu hành. Từ kẻ kia đối với thân hãy tu hành. Ngoài ra như đã nói rộng lúc ban đầu có thể rõ biết cho đến đầy đủ khắp nơi. Kẻ tọa thiền kia như thế tu hành, cùng với xả đều khởi. Nơi đệ tứ thiền lấy 3 loại làm cho yên. Đó là tổng nhiếp chúng sanh. Tổng nhiếp làng xóm và tổng nhiếp các nơi.

Hỏi rằng: Nếu người tọa thiền hiện tu hạnh xả thì đối với chúng sanh vì sao tác ý?

Đáp rằng: Tác ý như đã nói là đối với từ bi hỷ là chỗ tác ý. Đối với các chúng sanh, trừ ra việc làm hoan hỷ. Làm việc hoan hỷ, tác ý trong niềm vui, như người thân xa nhau lâu ngày thấy lại lần đầu sung sướng chờ đợi, tâm ấy sanh hoan hỷ. Sau khi ở chung rồi tâm này thành tục, như thế giữ lại từ bi hỷ. Sau đó trở thành xả nhiếp thọ. Như thế tác ý tu hành đối với xả. Lại có người nói: Chúng sanh, chúng sanh giả, như thế mà tác ý.

Vì sao xả đầy đủ và xả chẳng đầy đủ? - Nếu xả thành tựu thì giết trừ sân ái, chẳng khởi lên vô minh. Lấy 2 nguyên nhân làm mất xả. Lấy tự thân sanh oán, lấy đó khởi vô minh, lấy đối trị sanh oán, lấy sân ái khởi lên.

Thêm vào để làm rõ nghĩa Tứ Vô Lượng

Thế nào là Tứ Vô Lượng tán cú?

Tứ Vô Lượng ở đây lấy một chúng sanh mà khởi lên. Nương vào nơi chốn mà tu hành, như mẹ nhớ con tùy theo thời tiết, như đối với súc sanh, như đối với người phạm giới, đối với người đầy đủ giới, đối với kẻ lia dục, đối với các vị Thanh Văn, đối với các vị Duyên Giác, đối với bậc Chánh Biến Tri, đối với quy y thắng xứ, thành hơn vô lượng có thể biết được.

Hỏi rằng: Đối với Từ Bi Hỷ và sao lại khởi nơi tam thiền? mà không phải đệ tứ thiền?

Đáp rằng: Chúng sanh khởi lên chỗ ưu não, sân nhuế hại, chẳng vui. Lấy sự ưu não kia đối trị, cùng với hỷ sanh tâm. Tu hành Từ Bi Hỷ. Cho nên sanh vào Tam Thiền mà không phải Tứ Thiền. Lại nữa xả địa ở nơi đệ tứ thiền, lấy 2 xả mà thành tựu vậy. Cho nên thọ xả pháp trong xả. Đối với xả địa trụ nơi ấy. Đối với chúng sanh lấy sự lợi lạc làm xả. Do địa mà tam vô lượng sanh nơi tam thiền, chẳng phải sanh vào tứ thiền. Lại nói đối với Tứ Vô Lượng thì sanh nơi tứ thiền, như Đức Thế Tôn đã nói: Đối với Tứ Vô Lượng – Đây các Tỳ Kheo nên tu. Định này có giác có quán. Các người nên tu có giác không quán. Các người nên tu không

giác không quán. Các người nên tu cùng với hỷ sanh ra. Các người nên tu cùng với lạc sanh ra. Các người nên tu cùng với xả sanh ra.

Hỏi rằng: 4 Vô Lượng này tại sao nói 4 ? mà chẳng nói ba, chẳng nói năm ?

Đáp rằng: Nếu mà ghi tất cả thì phải thấy rằng vì sân nhuế hại chẳng vui. Sân ái đối trị nên thành Tứ Vô Lượng. Lại nói rằng trong 4 loại này chỉ có Từ. Do con người hay khởi lên nhiều sân nhuế não hại. Vì trừ được nên dùng 4 cửa, thành hơn kia. Xả là Từ Bi Hỷ thanh tịnh, sân ái đối trị vậy. Tứ Vô Lượng là một tánh mà nên biết có nhiều tướng khác nhau. Như thế sự quá lo lắng làm đối trị; đó là việc của chúng sanh. Đây là ý lợi lạc vậy, thành một tướng. Lại nói pháp thắng vậy. Chấp vào việc hơn vậy. Lấy sự lợi lạc hơn vậy, thành nhiều tướng khác nhau. Như Đức Thế Tôn nói: Đối với y vàng trong các kinh điển thì đó là nơi thanh tịnh, lòng từ là đệ nhất. Đối với hư không xứ, lòng bi là đệ nhất. Đối với thức xứ, hỷ là đệ nhất. Đối với vô sở hữu xứ, xả là đệ nhất.

Hỏi rằng: Vì sao biết được ?

Đáp rằng: Do nương vào chỗ gần kia vậy mà rõ biết được nghĩa này.

Hỏi rằng: Vì sao ?

Đáp rằng: Tu tâm từ vậy. Đối với tất cả chúng sanh tùy theo nơi ý này, dùng thường tùy theo. Đối với xanh vàng tất cả đều vào hiện làm tác ý. Lấy tiểu phương tiện làm cho tâm được an. Đây là những việc của chúng sanh vậy. Hoặc sắc giới thanh tịnh, tất cả nhập vào pháp ý. Người tọa thiền kia lúc ấy ở sắc giới được đệ tứ thiền. Cho nên nói với Từ là đệ nhất thanh tịnh. Kẻ tọa thiền kia nương vào. Sắc giới về lòng từ nơi đệ tứ thiền, lúc ấy được vượt qua khỏi kia.

Hỏi rằng: Đây là chỗ cạn vì sao ?

Đáp rằng: Lấy việc tu từ vậy. Tâm biết sắc giới quá lo. Vì thấy chúng sanh khổ. Với kia vì sắc là nhơn sanh ra Từ. Từ đây lấy tâm để biết sắc giới quá lo. Đối với sắc, xa lìa, hiện làm ra chỗ tác ý. Đối với hư không xứ dùng tiểu phương tiện thì tâm này được an. Dùng cái được ấy để nương vào vậy. Cho nên nói bi đối với hư không là đệ nhất. Kẻ tọa thiền kia nương vào Hỷ để vượt qua Hư không xứ.

Hỏi rằng: Nghĩa này là thế nào ?

Đáp rằng: Do tu Hỷ vậy. Tâm chẳng dính mắc, thường lấy Vô biên thức. Vì sao mà Hỷ này đối với Vô sở trước và Vô biên thức xứ làm an ổn chúng sanh. Từ tâm này chẳng dính mắc, thường hay lấy Vô biên thức vậy. Lìa sự dính mắc đối với hư không. Vô biên thức hiện ra làm chỗ tác ý. Dùng tiểu phương tiện, tâm này được an. Các loại khác vậy. Cho nên nói Thức xứ lấy Hỷ làm đệ nhất.

Hỏi rằng: Kẻ tọa thiền kia nương vào xả để vượt qua thức xứ. Nghĩa này là thế nào ?

Đáp rằng: Do tu xả vậy. Tâm trở nên lìa xa sự dính mắc. Vì sao chẳng lấy tu xả được chỗ dính mắc. Chúng sanh này được lạc được khổ; hoặc do hỷ; hoặc do lạc. Từ kia lấy tâm lý sự dính mắc, lìa chỗ Vô sở trước, vô sở hữu xứ. Hiện làm cho tâm vui. Dùng tiểu phương tiện của tâm này thành an ổn. Chẳng đắm trước các loại khác. Vì sao đối với Vô sở hữu xứ mà chẳng được dính mắc hoặc thức hoặc vô biên. Cho nên nói Vô sở hữu xứ xả là đệ nhất.

Hỏi rằng: Quán tứ đại là thế nào? Tu cái gì? Tướng gì? Vị gì? Khởi lên cái gì? Công đức gì? Vì sao phải tu ?

Đáp rằng: Do trí cho biết là bên trong tự tướng gồm tứ đại. Đây nghĩa là xem thấy tứ đại. Tâm kia trụ nơi chẳng loạn. Đây nghĩa là tu. Tùy theo quán tứ đại lấy làm tướng. Thông đạt chỗ không, lấy làm vị. Trừ chúng sanh mà khởi.

Công đức gì ? - Nếu tu hành quán tứ đại trở thành có thể kham nhẫn sự lo sợ về niềm vui hay chẳng vui. Đối với việc dễ thương hay chẳng dễ thương, trở thành tâm bình đẳng; trừ ý kiến riêng của nam nữ sẽ trở thành đại trí huệ. Hướng đến chỗ lành và nơi tốt đẹp. Đây chính là phân pháp rõ ràng. Tất cả đối với kia thành việc tu hành đầy đủ.

Vì sao đối với kia phải tu ? - Kẻ mới ngồi thiền lấy 2 việc làm mà giữ cho các đại, lấy tóm lược, lấy rộng ra.

Hỏi rằng: Vì sao lấy tóm lược để giữ các đại?

Đáp rằng: Kẻ tọa thiền kia nhập vào chỗ ngồi tịch tịnh, nhiếp tất cả tâm nên tâm chẳng loạn. Thân này do đó được gọi gồm tứ đại. Đối với thân này tất cả những gì tánh cứng thuộc về đất; tánh ẩm ướt thuộc về nước; tánh nóng thuộc về lửa; tánh bền thuộc về đất; tánh động thuộc về gió. Như thế thân này chỉ có hạn định, không có chúng sanh nào là không có mạng sống. Như thế lại nói gọn là nằm trong giới hạn. Lại cũng nói – Người tọa thiền kia lấy việc tóm lược chấp giữ sự giới hạn và lấy thân này nương vào các bức màng để mà phân biệt; hoặc là sắc; hoặc là hình; hoặc là xứ; hoặc là phân biệt. Người tọa thiền kia đã tóm lược giữ những giới hạn rồi, sau đó nương vào các màng để phân biệt tất cả tánh của thân; hoặc dùng sắc; hoặc dùng hình; hoặc dùng xác; hoặc dùng phân biệt. Nương vào thịt để phân biệt thân này. Hoặc dùng sắc; hoặc dùng hình; hoặc dùng xác; hoặc dùng phân biệt. Kẻ tọa thiền kia nương vào da thịt để phân biệt tất cả thân rồi. Hoặc dùng sắc; hoặc dùng hình; hoặc dùng xứ; hoặc dùng phân biệt. Kẻ tọa thiền kia nương vào mạch để phân biệt tất cả thân. Hoặc dùng sắc; hoặc dùng hình; hoặc dùng xứ; hoặc dùng phân biệt. Kẻ ngồi thiền kia nương vào mạch máu rồi phân biệt tất cả thân. Hoặc dùng sắc; hoặc dùng hình; hoặc dùng xứ; hoặc dùng phân biệt. Từ đây lại nương vào xương để phân biệt với tất cả thân. Hoặc dùng sắc; hoặc dùng hình; hoặc dùng xứ; hoặc dùng phân biệt. Kẻ tọa thiền kia đối với 4 việc làm này và lấy 4 việc làm này để hàng phục tâm. Khiến cho tâm biết xấu hổ, làm cho tâm thọ trì. Kẻ tọa thiền kia đối với 4 việc làm này, dùng 4 việc làm này để hàng phục tâm. Sau khi xấu hổ rồi, khiến cho thọ trì. Đối với 4 việc làm này có tánh cứng phải biết đó thuộc về đất. Có tánh ẩm ướt phải biết đó thuộc về nước. Có tánh nóng, phải biết đó thuộc về lửa. Có tánh động, phải biết đây thuộc về gió. Kẻ tọa thiền kia đối với 4 việc làm này tuy có biên giới, nhưng không có chúng sanh và không có mạng sống. Dùng sự so sánh này ngoài những việc làm rồi trở thành giữ yên, như thế lấy sự tóm lược giữ lấy nơi giới hạn.

Vì sao lấy chỗ chấp giữ rộng nơi các cảnh giới ?

Lấy 20 việc làm chấp giữ rộng rãi nơi địa giới và lấy thân này như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, mạch máu, xương, tủy, vai, tim, gan, phổi, mật, bao tử, ruột non, ruột già, bụng, đường tiêu, não. Lấy 20 việc làm này rộng nhiếp vào cảnh giới thuộc về nước thì thân này có đờm, mũi, dãi, máu, mồ hôi, mỡ tạng, nước mắt, mỡ chài, nước đờm, nước dãi, nước tiểu.

Lấy 4 việc làm rộng thâm vào nơi lửa thì đây là nóng, đây là ấm. Lấy sức ấm này bình đẳng trung hòa làm tiêu hóa thức ăn. Đây thuộc về phạm vi của lửa. Lấy 6 việc làm rộng chấp lấy nơi gió. Hướng lên gió bên trên, hướng xuống gió bên dưới, nương vào gió nơi bụng; nương vào gió nơi vai; nương vào gió nơi thân, hơi thở vào ra. Như thế lấy 42 việc làm để thấy thân này. Duy chỉ có biên giới, không có chúng sanh và không có đời sống. Như thế chấp giữ rộng rồi về các biên giới. Lại nữa như trước Ngài đã nói lấy 10 việc làm đến quán về tứ đại. Cho nên lấy ngôn ngữ, lấy công việc, lấy chỗ tụ họp lại, lấy chỗ tan ra, lấy chỗ vô sở trước, lấy duyên, lấy tướng, lấy cùng loại, lấy chẳng cùng loại, lấy một nghĩa và nhiều nghĩa khác, lấy giới phân biệt đệ nhất, lấy ngôn ngữ ý nghĩa chương cú.

Hỏi rằng: Vì sao dùng ngôn ngữ để phân biệt các cảnh giới ?

Đáp rằng: Có 2 cảnh giới cùng ngôn ngữ. Cho nên nói cùng lời hay hơn lời. Đối với tứ đại đây nói giông lời. Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới. Đây nghĩa là thẳng ngôn.

Hỏi rằng: Bốn đại này nghĩa gì ?

Đáp rằng: Đại sanh nên gọi là đại. Có đại chẳng phải thật nghĩa, làm cho hiện ra thật nghĩa. Nên đây gọi là đại. Đại là hòn so với hình hài; nên gọi là đại. Các giới đại sanh ra, như thế Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Lược nói tướng đất
Có hai mươi vạn
Bốn Na Do Tha
Nước bốn mươi vạn
Tám Na Do Tha
Gió trụ hư không
Đến chín mươi vạn
Sáu Na Do Tha
Thế giới chỗ trụ
Lại do lửa thành
Ở trong thế giới
Có các ánh sáng
Trên đến Phạm Thế
Cho đến bảy ngày
Như thế đất sanh
Cho nên tên đại.

Hỏi rằng: Vì sao đại chẳng thật nghĩa làm cho hiện ra thật nghĩa ?

Đáp rằng: Gọi là đại giới vậy. Chẳng phải nam, chẳng phải nữ, lấy nam nữ sắc mà nhìn. Giới ở đây chẳng dài chẳng ngắn. Lấy dài ngắn hình tướng để thấy. Giới ấy chẳng phải cây, chẳng phải núi. Dùng màu sắc của cây núi mà thấy. Như thế đại chẳng phải phi thật nghĩa làm hiện ra thực nghĩa, tên là đại.

Vì sao các hòn sánh với dị hình ?

Như hòn nhập vào thân người để thành thân này. Lấy hình thức của hòn khởi lên 4 việc làm. Hoặc thân mạnh; hoặc nước tiểu nóng; hoặc động nhẹ. Như thế đối với thân này lấy lửa giới hòa hợp thành để khởi lên 4 việc làm.

====>>>>

Quyển sách viết thứ 2 của Thầy Phương Trượng

Lấy địa giới hòa hợp thành cứng; lấy thủy giới hòa hợp thành trơn; lấy hỏa giới hòa hợp thành nóng; lấy phong giới hòa hợp thành nhẹ nhàng. Như thế hình thái của linh hồn có tên là đại. Đại đây là nói nghĩa này vậy.

Hỏi rằng: Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới là nghĩa gì ?

Đáp rằng: Nói rộng rãi nghĩa là đất. Vật có thể dùng để uống thì đây nghĩa là nước. Làm cho có ánh sáng thì đây là hỏa. Đến đi nghĩa là gió.

Giới nghĩa là gì ?

Nghĩa là giữ tự tướng. Lại nữa tự tánh của đất gọi là địa giới. Tự tánh của nước gọi là thủy giới. Tự tánh của lửa gọi là hỏa giới. Tự tánh của gió gọi là phong giới.

Tự tánh của đất là gì ?

Đây là tánh cứng, tánh rắn chắc, tánh dày, tánh chẳng động, tánh an ổn, tánh giữ gìn. Đây nghĩa là tánh đất.

Tánh của nước như thế nào ?

Tánh ẩm, tánh lỏng, tánh chảy, tánh lưu xuất. Tánh dày, tánh tăng trưởng, tánh hỷ, tánh nổi kết dính mắc. Đây gọi là tánh nước.

Sao gọi là tánh lửa ?

Đó là tánh nóng, tánh âm, tánh nồng, tánh nực, tánh đốt cháy, tánh giữ lại. Đây là tánh lửa.

Sao gọi là tánh gió ?

Tánh dầm, tánh lạnh, tánh đến đi, tánh động nhẹ, tánh thấp, tánh chấp thủ. Đây nghĩa là tánh gió. Đây nghĩa là giới. Như thế dùng ngôn ngữ và ý nghĩa nên quan sát về giới này.

Hỏi rằng: Sự quán sát về giới là gì ?

Đáp rằng: Địa giới giữ gìn công việc; thủy giới kết trước là công việc; hỏa giới làm cho nóng là công việc. Phong giới chặn lại là công việc. Lại nữa địa giới thành lập là công việc. Thủy giới hạ xuống là công việc. Hỏa giới làm cho bùng lên là sự việc. Phong giới động chuyển là sự việc. Lại nữa hai giới gần cho nên trở thành lúc ban đầu. Lại nữa hai giới gần nên thành ra bước sau. Hai giới gần nên thành 2 chỗ ngồi nằm. Lại nữa 2 giới nên thành hậu hành lập. Hai giới gần nên thành giải đãi và buồn ngủ. Hai giới gần nên sau thành tinh tấn, đồng mãnh. Hai giới gần nên trước thành nhặng. Hai giới gần nên sau thành nhẹ. Như thế lấy sự việc để quán tứ đại.

Vì sao lấy chỗ tụ hội để quán tứ đại ?

Tụ nghĩa là nơi của đất, nước, gió, lửa hợp lại. Nương vào những nơi này để trở thành sắc, hương, vị, xúc. Với 8 pháp này hoặc nhiều hơn cùng chúng sống chằng hề lia nhau. Sự hòa hợp này gọi là tụ hội. Cái kia lại có thêm 4 loại nữa. Đó là sự tụ hội của đất, sự tụ hội của nước, sự tụ hội của lửa và sự tụ hội của gió. Nơi hội tụ của đất kia trở thành tối đa. Còn thủy giới, hỏa giới, phong giới lần lượt trở thành tối thiểu. Đối với sự hội tụ của nước thì thủy giới trở thành tối đa. Địa giới, phong giới, hỏa giới trở thành tối thiểu. Đối với sự tụ hội của lửa thì hỏa giới trở thành tối đa. Địa giới, phong giới và thủy giới trở thành tối thiểu. Đối với sự tụ hội của gió thì phong giới trở thành tối đa. Hỏa giới, thủy giới, địa giới lần lượt trở thành tối thiểu. Như thế lấy sự tụ hội mà quan sát các cảnh giới.

Hỏi rằng: Vì sao lấy sự tan hoại để quán sát tứ đại ?

Đáp rằng: Quán nơi địa giới từ nơi thật nhỏ như lân không vi trần sanh ra. Đất này lấy nước làm chỗ hòa hợp nên không bị tan hoại. Lấy lửa làm chỗ âm áp nên không bị hôi. Lấy gió làm chỗ lưu giữ và trở thành sự chuyển động. Như thế mà quán. Lại như trước đã dạy: Đập nhỏ thân này ra, tất cả chỉ là bụi, sẽ trở thành 12 cân. Còn nước thì độ 6 cân rưỡi. Còn lửa thì làm cho ấm lên và tùy theo gió khởi lên mà hồi chuyển. Như thế lấy sự tan hoại mà quan sát về các cảnh giới.

Hỏi rằng: Vì sao chằng thể lia việc quán tứ đại ?

Đáp rằng: Địa giới dùng nước để gìn giữ lửa nóng và gió máy. Như thế 3 loại kia hòa hợp. Thủy giới ở nơi đất và lửa thì nóng và gió giữ lại. Như thế 3 cảnh giới này được nhiếp lại. Hỏa giới ở nơi đất. Nước sẽ gìn giữ gió lại. Như thế 3 cảnh giới được ấm. Phong giới ở nơi đất; nước sẽ giữ lửa và chỗ ấm. Như thế 3 giới giữ gìn. Đối với đất, ở 3 cảnh giới và nước là chỗ giữ gìn. Ba cảnh giới nên chằng tan hoại. Lửa là chỗ ấm của 3 cảnh giới trở thành chằng hôi. Gió là chỗ giữ 3 cảnh giới, được thay đổi ngay chỗ ở; nên không tan hoại. Như thế 4 cảnh giới này nương vào sự triển chuyển mà thành trụ, chằng có tan hoại. Như thế lấy sự chằng lia nhau để mà quán về cảnh giới vậy.

Hỏi rằng: Thế nào là quán duyên về cảnh giới ?

Đáp rằng: Tứ Đại có 4 sự duyên để khởi lên cảnh giới.

Thế nào là 4 ?

Đó là nghiệp, tâm, thời gian và ăn uống.

Sao gọi là nghiệp và từ nghiệp mà sanh ?

Từ quả lấy 2 duyên để thành duyên. Lấy duyên sanh làm nghiệp duyên. Ngoài ra cảnh giới nương vào duyên để thành duyên. Tâm là từ chỗ tâm mà sanh ra. Bốn cảnh giới lấy sau

duyên trở thành duyên. Lấy sanh duyên, lấy cộng sanh duyên, lấy nương vào duyên, lấy sự ăn uống để duyên vào. Lấy căn duyên, lấy hữu duyên để thành duyên này. Ngoài các cảnh giới ra lấy sự nương vào duyên, lấy hữu duyên. Đối với khi nhập thai thì các hình tướng lấy 7 duyên để trở thành duyên. Các duyên cộng lại với nhau mà thay đổi phát triển và nương vào việc ăn uống, các căn và nghiệp báo để tạo thành duyên và sau đó thì tâm sinh ra đầu tiên. Còn thân lấy 3 duyên để hợp thành duyên. Cho nên hậu sanh duyên nương vào duyên để có duyên. Lúc ấy thời gian đã thành tựu. Tứ đại lấy 2 duyên để thành duyên, sanh duyên và hữu duyên. Ngoài ra các cảnh giới lấy 2 duyên thành duyên. Nương vào duyên có duyên. Việc ăn uống này từ chuyện ăn mà thành tựu. Tứ đại lấy 3 duyên thành duyên. Đó là sanh duyên, thực duyên và hữu duyên. Ngoài ra các cảnh giới lấy 2 duyên thành duyên. Cho nên nương vào duyên và có duyên. Đây là do nghiệp mà sanh ra 43 cảnh giới và cùng với các sự sanh ra, phát triển thay đổi để 4 duyên ấy duyên vào nhau. Cho nên gọi là những duyên cùng chung với nhau và những duyên thay đổi phát triển. Nương vào duyên và hữu duyên. Ngoài ra các giới lấy duyên để thành duyên. Cho nên nương vào duyên để có duyên. Như thế từ tâm sanh ra, từ thời gian sanh ra, từ ăn uống mà sanh ra, như thế phải nên biết.

Địa giới là vì ngoài cảnh giới ra ở đó duyên vào nhau để thành duyên. Thủy giới là vì ngoài cảnh giới ra, tạo nên sự dính mắc và duyên thành duyên. Hỏa giới là ngoài giới ra tạo nên nóng và duyên thành duyên với nhau. Phong giới là vì ngoài giới ra, tạo nên sự duyên lại với nhau duyên. Như thế lấy duyên để quán sát về các cảnh giới.

Hỏi rằng: Vì sao lại lấy tướng để quán về các cảnh giới ?

Đáp rằng: Tướng cứng thuộc về đất; tướng ẩm thuộc về nước; tướng nóng thuộc về lửa; tướng lạnh thuộc về gió. Như thế lấy tướng để quán về các cảnh giới.

Hỏi rằng: Vì sao lại quán về cảnh giới của nhiều loại và chẳng phải loại nào ?

Đáp rằng: Địa giới và thủy giới thuộc về một chủng loại. Lấy đó làm trọng. Còn hỏa giới, phong giới là một chủng loại, lấy đó làm nhẹ. Thủy giới, hỏa giới chẳng phải loại. Nước hay làm tiêu lửa, làm cho khô. Đây thuộc chẳng phải loại nào.

Địa giới, phong giới thay đổi, phát triển trở thành chẳng phải loại nào. Đất ngăn gió lại. Gió có thể làm cho đất mất đi. Cho nên không thuộc chủng loại nào. Lại nữa hoặc 4 giới triển chuyển thành các loại; lấy sự triển chuyển ấy duyên vào vậy. Hoặc triển chuyển trở thành chẳng phải loại nào. Lấy tự tướng vậy. Như thế lấy chủng loại và phi chủng loại để quán về các cảnh giới vậy.

Hỏi rằng: Vì sao lại quán về cảnh giới của một tánh và nhiều tánh ?

Đáp rằng: Từ nghiệp sanh ra 4 cảnh giới. Từ đó mà nghiệp sanh. Cho nên lấy một tánh làm tướng của chủng chủng tánh. Đây là do từ tâm sanh và từ thời gian sanh, từ thức ăn sanh và có thể biết 4 nhơn duyên của địa giới. Lấy tướng của một tánh làm nhơn. Cho nên có nhiều tướng. Như thế 4 nhơn duyên của gió, lửa, lấy cảnh giới của gió có thể biết được. Bốn cảnh giới lấy giới làm một tánh. Lấy đại là một tánh; lấy pháp là một tánh; lấy vô thường làm một tánh; lấy khổ làm một tánh; lấy vô ngã làm một tánh; lấy tướng chủng chủng tánh, lấy sự chủng chủng tánh; lấy nghiệp chủng chủng tánh; lấy tâm chủng chủng tánh thành chủng chủng tánh. Lấy thời chủng chủng tánh thành chủng chủng tánh. Lấy thực chủng chủng tánh thành chủng chủng tánh. Lấy chủng chủng tánh thành chủng chủng tánh. Lấy địa chủng chủng tánh thành chủng chủng tánh. Lấy sanh chủng chủng tánh thành chủng chủng tánh. Lấy cõi chủng chủng tánh thành chủng chủng tánh. Như thế lấy lấy một tánh chủng chủng tánh để quán sát về những cảnh giới khác.

Hỏi rằng: Sao lại lấy việc ảo để quán về cảnh giới ?

Đáp rằng: Như người thầy xiếc hay, lấy cây trong rừng để tạo thành người, làm cho đầy đủ tay chân, đi, đứng có thể được, bên trong chuyển động, bên ngoài mặc những đồ giả, giống như người thật, áo quần thơm mát; hoặc nam hoặc nữ, lấy người kéo dây; hoặc đi hoặc ném,

hoặc đứng, hoặc ngồi. Như thế đây gọi là thân ảo của cảnh giới. Đầu tiên lấy phiền não ảo giác vị thầy xiếc ấy tạo ra đây đủ gân cốt của con người. Rồi lấy dây cột lại giống như thịt như đất bùn. Rồi lấy màu sắc tạo ra da, khoảng trống là lỗ chơn lông. Lấy áo quần đẹp để mặc vào, rồi bảo đó là nam hay nữ. Với cái tâm ấy tạo ra cảnh giới của gió; hoặc đi; hoặc đứng; hoặc đến; hoặc lui; hoặc tiến; hoặc thoái; hoặc nói; hoặc giảng. Đây là cảnh giới của người ảo. Hoặc gió cảnh giới của thức cùng sanh ra, lấy ưu não làm nhơn duyên, trở thành ưu, bi, khổ, não; hoặc cười; hoặc đùa; hoặc choàng vai choàng cổ v.v... Ăn cũng để duy trì cảnh giới giả ảo. Mệnh sống này cũng thọ trì cảnh giới giả. Khi mệnh sống này mất đi thì mọi vật phân tán ở trong cảnh giả này. Nếu nghiệp phiền não còn, lại còn khởi lên cảnh giới giả tạm khác nữa. Như thế lại sanh vào cảnh giả nữa. Cái ban đầu chẳng rõ biết và cái cuối cùng cũng chẳng biết đầu đuôi.

Với người tọa thiền như thế ở cửa này và thực hành điều này, chỉ cần quán thân này là một cảnh giới giả tạm, chẳng có chúng sanh mà cũng chẳng có thọ mạng. Khi quán thì lấy cảnh giới, dùng sự sống và pháp số, thọ, tưởng, hành, thức để quán. Rồi kẻ tọa thiền kia quán đến danh sắc. Từ quán danh sắc kia, biết đây là khổ, đây là tham ái, đây là khổ tập. Quán những tham ái diệt rồi thì khổ diệt. Quán bát chánh đạo; đây là khổ diệt đầy đủ.

Sau đó người tọa thiền rộng quán về tứ đế, lúc ấy thấy sự khổ mà lo lắng. Dùng vô thường, khổ, vô ngã hay tư duy chẳng tán loạn. Lấy trí tuệ để thấy khổ diệt là công đức. Lấy sự tịch tĩnh mà xa lìa một cách vi diệu. Với người tọa thiền kia, như thế hiện thấy khổ nên quá lo và thấy diệt, được công đức. An trụ chơn chánh nơi căn lực giác phần. Từ tướng của việc làm, tâm khởi lên rồi chứng nhập cảnh giới thanh tịnh.

Hỏi rằng: Vì sao đối với việc ăn uống chẳng thể chịu theo tướng? Tu cái gì, tướng gì? Vị giả? Nơi nào? Khởi lên cái gì? Và công đức nào? Vì sao phải tu?

Đáp rằng: Lấy chỗ ném thử đồ ăn uống mà tác ý rồi kéo theo tư tưởng kia để rõ biết điều đúng. Đây nghĩa là chẳng kéo theo tư tưởng về việc ăn. Tư tưởng kia tạm nơi bất loạn. Đây nghĩa là tu. Đối với việc ăn, lấy sự lo nghĩ làm tướng. Lấy sự xa lìa làm vị. Lại do yêu mùi vị mà khởi lên.

Có công đức nào? - Thành được 8 công đức. Nếu tu về tư tưởng không kéo theo sự ăn uống, biết lường về việc ăn uống, biết ngũ dục đầy đủ, biết về sắc âm; rõ về tướng bất tịnh. Tại thân này suy nghĩ để trở thành chỗ tu học đầy đủ. Từ chỗ thích mùi vị rồi xa rời tâm kia, hướng đến con đường lành và hướng vào chỗ an tĩnh.

Vì sao phải tu? - Đầu tiên người tọa thiền ngồi chỗ yên lặng; nhiếp tất cả tâm, làm cho tâm chẳng loạn. Lấy sự ném thử mùi vị của thức ăn chẳng gạo nên cái ý để lôi kéo theo. Như vậy cả trăm mùi vị buôn bán, đối với kẻ thanh tịnh, là chỗ đáng quý trọng. Sắc hương đầy đủ là chỗ quá quý. Tỷ như ăn uống đủ vào thân biến thành bất tịnh, thành chẳng chịu nổi, thành đồ hôi thối, thành chỗ quá dơ. Lấy ngũ hành để tu hành về sự tướng nhớ đến việc chẳng kéo theo. Do vậy mà lấy việc buôn bán để làm tan đi nơi chôn, chỗ chẳng mất hay chỗ tụ hội lại.

Hỏi rằng: Vì sao lấy sự buôn bán tu hành mà chẳng kéo theo tư tưởng (sự nhớ nghĩ) về ăn uống?

Đáp rằng: Người tọa thiền này thấy các chúng sanh vì sự buôn bán đồ ăn uống khôn khổ, làm các ác pháp; hoặc sát hại; hoặc trộm cắp; lại thấy chúng sanh kia thọ vô lượng khổ, biết rằng nơi kia do sự sát hại trói buộc, lại thấy chúng sanh kia tạo ra nhiều tội ác; hoặc là xin ăn; hoặc là ngông cuồng, trá hiện siêng năng, thấy thức ăn lại khởi lên sự xa lìa, lấy sự bất tịnh của tiểu giải chảy xiết, mà thức ăn uống là nguyên nhơn và kẻ kia tạo ra các nghiệp cũng như thế.

Lại thấy người xuất gia ở chỗ núi đồi thanh tịnh có nhiều hoa hương, cầm thú ca hát do người lành tạo ra. Hoặc như ở thôn xóm tốt đẹp đầy đủ bóng cây rừng chiều xuống nước, giữ ý người kia lại. Nhà cửa đẹp để chẳng có chỗ cao thấp. Người thấy ngờ ngợ chẳng có những điều nghi. Đây là chỗ mà người xuất gia dành để tu giải thoát, sát hởi chỗ ở của Phạm Thiên. Những trụ xứ như thế, tâm chẳng dính mắc. Thường hay tọa thiền, vui tu việc tốt.

Hoặc đối với nơi lạnh nóng, gió táp mưa sa nơi núi non hiểm trở. Vì nguyên nhơn việc ăn uống buồn bán rồi quảng bát vào nhà người khát thực. Kia thấy như vậy và tâm khởi lên sự xa rời. Uống ăn chẳng sạch, tiểu giải chảy ra. Việc buôn bán chuyện ăn uống này là nguyên nhơn vậy. Như vậy nên xả bỏ, cầu niềm vui đệ nhất.

Lại nữa thấy kẻ xuất gia tu hành đi khát thực; hoặc đối với ngựa voi, ác thú; hoặc đối với chó heo thầy; hoặc với kẻ làm ác; hoặc chỗ bất tịnh, đập lên bùn đất và đến trước cửa nhà kia đứng yên thời gian, lấy áo che thân. Vì được cho ăn, sanh nghi. Hoặc thấy việc ăn kia giống như đồ ăn của chó. Khi ăn khởi lên sự ghê tởm. Việc buôn bán đồ ăn này có thể tạo ra chỗ ác độc lắm điều, làm sao mà có thể buôn bán và lấy kia để ăn. Như thế sự buôn bán, tu hành về việc ăn. Chẳng nhớ nghĩ dính theo.

Vì sao lại làm mất đi sự tu hành về thức ăn mà chẳng nhớ nghĩ theo? Kẻ tu hành kia, như vậy chỗ được buôn bán ăn uống và khi ngồi ăn, lấy chỗ ẩm thấp bình dân, lấy tay để lùa vào miệng. Lấy môi nhận thức ăn, lấy răng để nhai, lấy lưỡi để chuyên động và dùng nước bọt để đưa cơm, để trở thành máu huyết hòa hợp. Xa lìa chỗ dở xấu nhất, như chó nôn mửa, chẳng thể thấy được. Như thế nên xa rời, sự tu hành không thể suy nghĩ theo chuyện ăn uống được.

Hỏi rằng: Vì sao lấy nơi tu hành, chẳng kéo theo sự nhớ nghĩ về việc ăn uống ?

Đáp rằng: Như thế việc ăn này khi nuốt vào bụng cùng với vật chẳng thanh tịnh hòa hợp rồi sanh ra chỗ ẩm.; nơi hằng trăm loại trùng ăn ở. Lấy chỗ ẩm áp ấy làm thành chỗ xa rời thứ nhất như người mửa đồ bất tịnh vào bình. Như thế này nơi chốn tu hành chẳng kéo theo sự nhớ nghĩ về ăn uống.

Hỏi rằng: Vì sao lấy chỗ chảy thông tu hành mà chẳng kéo theo sự nhớ nghĩ về ăn uống ?

Đáp rằng: Do chỗ ăn uống ẩm áp này cùng với đồ ăn mới chẳng thanh tịnh hòa hợp, giống như rượu đặt vào ly bị bể; như thế tất cả thân này bị chảy ra, rồi tùy theo đó mà chảy vào các mạch nơi khoe mắt, qua 9 lỗ của 99.000 lỗ chân lông, đầy dẫy chảy khắp. Đồ ăn này như thế chảy vào trong cơ thể và chia ra làm 5 phần. Một phần để cho trùng ăn; một phần tạo làm sức ẩm; một phần duy trì sự sống cho thân; một phần thành nước tiểu; một phần thành thể xác. Như thế sự tu hành không kéo theo sự nhớ nghĩ về thức ăn.

Hỏi rằng: Vì sao sự tụ họp tu hành chẳng kéo theo tư tưởng về việc ăn uống ?

Đáp rằng: Đây là chỗ chảy thức ăn để thành tóc, lông, móng tay v.v... của thân này. Làm cho khởi lên cả hàng 101 phần của thân. Nếu chẳng lưu thông làm cho khởi lên 191 thứ bệnh nã. Như thế, đây là chỗ tụ họp tu hành, chẳng kéo theo sự nhớ nghĩ về việc ăn uống. Kẻ tọa thiền kia lấy cửa này và chỗ làm này như là việc tu hành chẳng kéo theo sự nhớ nghĩ về việc ăn uống, thành ra xa lìa sự ăn uống. Lấy tâm xa lìa tự tại ấy thành chỗ bất loạn. Nếu tâm bất loạn thì những sự che đậy mất đi và thiên phần lại khởi lên và việc hành thiền bên ngoài lại trụ yên.

Vô sở hữu xứ và Phi phi tướng xứ như Sở địa và tất cả nhập môn hay nói như kệ sau đây:

Hành xứ kẻ tọa thiền
Chỗ nói tuy rõ ràng
Như người lành chỉ đường
Về nước Ba Lợi Phát
Lược nói được biết rộng
Rõ biết cả trước sau
Hằng xem như phi pháp
Với đây nói rộng rồi
Như thế đủ các tướng

Tất cả công đức kia
Như pháp mà phân biệt
Giải thoát đạo hành xứ.

**Luận Về Con Đường Giải Thoát
Hết quyền thứ 8**

**Luận Về Con Đường Giải Thoát
Quyển thứ chín**

- *Ngài A La Hán Ưu Bà Đệ Sa (đời nhà Lương gọi là Đại Quang) tạo luận này bằng chữ Phạn.*
- *Đời nhà Lương, người nước Phù Nam, Ngài Tam Tạng Tăng Già Bà La dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt, ngày 23 tháng 5 năm 2006, nhân tuần chung thất của Đạo Hữu Tâm Lượng Huỳnh Công Cử, thân phụ của Tỳ Kheo Thích Hạnh Hòa.*

**Phẩm Ngũ Thông
Thứ 8**

Lúc bấy giờ người tọa thiền như thế đã tạo ra định tự tại rồi, trụ ở nơi đệ tứ thiền hay khởi lên ngũ thân thông. Đây gồm có thân thông, thiên nhĩ thông, tha tâm trí thông, túc mệnh thông, thiên nhãn thông. Thân thông nghĩa là biến hóa; thiên nhĩ nghĩa là vượt qua sự nghe của con người. Tha tâm trí nghĩa là rõ biết ý của người kia. Túc mệnh nghĩa là nhớ lại đời sống của kiếp trước. Thiên nhãn thông có nghĩa là nhìn xa hơn mắt của loài người.

Hỏi rằng: Có bao nhiêu loại biến hóa và ai tu việc biến hóa? Vì sao nên khởi lên sự biến hóa ấy?

Đáp rằng: Sự biến hóa ấy có 3 loại. Đó là: Thọ trì biến; Tác biến và Ý sở tác biến.

Sao gọi là Thọ trì biến ?

Với kẻ tọa thiền kia lấy một thành nhiều, lấy nhiều thành một. Dùng thân này lớn dần cho đến Phạm Thê. Đây nghĩa là Thọ trì biến.

Sao gọi là Tác biến ?

Kẻ tọa thiền kia xả bỏ tự tánh của thân, hiện ra thân hình của Đồng Tử; hoặc hiện thành hình của loài rồng; hoặc hiện hình của Phạm Vương, như thế v.v... Đây nghĩa là Tác biến.

Sao gọi là Ý sở tác biến ?

Kẻ tọa thiền kia từ thân này hóa làm thân khác tùy ý chỗ tạo tác ra tất cả các thân phần gồm các căn đầy đủ. Đây gọi là Ý sở tác biến. Lại nữa biến có 7 loại: Đó là: Tri biến, định biến, thánh biến, nghiệp quả báo sở sanh biến, công đức nhơn biến, minh thuật sở tạo biến, phương tiện biến.

Hỏi rằng: Thế nào là tri biến ?

Đáp rằng: Lấy vô thường trong hiện tại làm dứt trừ về tướng thường, trở thành tri biến. Như A La Hán đạo, đoạn trừ tất cả những phiền não, thành tri biến. Đây nghĩa là biến tri biến. Ví dụ như Trường Lão Bạt Câu La, Trường Lão Tăng Kiết Phiêu Giá; Trường Lão Bộ Không Đa Ba La. Đây gọi là những vị biến tri biến.

Hỏi rằng: Thế nào là biến định biện ?

Đáp rằng: Dùng sơ thiền để đoạn trừ những triền cái (che đậy) thành biến định biện. Dùng Phi tướng Phi phi tướng định đoạn trừ vô sở hữu biến định biện. Trường Lão Xá Lợi Phát Đa; Trường Lão Tiên Thời Bà; Trường Lão Côn Đàn Nhược; Uất Đa La Ưu Bá Di Sa; Ma Bà Đề Ưu Bà Di. Đây là những biến định biện.

Hỏi rằng: Thế nào gọi là Thánh biện ?

Đáp rằng: Nếu Tỳ Kheo vui nơi chẳng thể được thì sẽ trụ ở Phi Bất Nại Tướng, trở thành trụ ở Hữu Phi Bất Nại Tướng. Nếu Tỳ Kheo vui nơi Phi Phi Nại, sẽ trụ ở Bất Nại Tướng, trở thành trụ ở Hữu Bất Nại Tướng. Nếu Tỳ Kheo vui nơi Phi Bất Nại và Phi Phi Nại Tướng thì sẽ trụ ở nơi Phi Phi Nại Tướng, trở thành trụ ở Hữu Phi Phi Nại Tướng. Nếu Tỳ Kheo vui nơi Bất Nại và Phi Phi Nại, sẽ trụ ở Bất Nại Tướng, trở thành trụ ở Hữu Bất Nại Tướng nếu chấp giữ.

Hỏi rằng: Sao lại đối với Phi Bất Nại Bất Nại Tướng ?

Đáp rằng: Đối với ái bất niệm xứ lấy bất tịnh làm cho đầy đủ; hoặc lấy vô thường để chấp thủ.

Hỏi rằng: Vì sao lại lấy Bất nại và Phi bất nại và trụ vào Phi bất nại tướng ?

Đáp rằng: Đối với bất ái niệm và ái niệm xứ hoặc lấy lòng từ để làm cho đầy đủ. Hoặc lấy cảnh giới để chấp thủ.

Hỏi rằng: Vì sao mà Phi bất nại và Bất nại trụ ở Bất nại tướng ?

Đáp rằng: Lấy ái niệm và bất ái niệm xứ hoặc lấy bất tịnh làm cho đầy đủ; hoặc lấy vô thường chấp giữ.

Hỏi rằng: Thế nào là Bất nại và Phi bất nại, lia hai câu niệm xả và biết nhớ đến hiện tại ?

Đáp rằng: Tỳ Kheo lấy mắt để quán sắc, thành chẳng hoan hỷ, chẳng lo, thành xả trụ niệm hiện tại. Như thế đối với tất cả cửa. Đây gọi là Thánh Biện.

Hỏi rằng: Vì sao gọi là từ nghiệp báo sanh biến ?

Đáp rằng: Tất cả chư Thiên, tất cả các loài chim, có người cũng sanh vào loài ác thú, bay vào trong hư không mà biến hóa. Đây gọi là nghiệp báo sanh ra biến.

Hỏi rằng: Vì sao có công đức nhơn biến ?

Đáp rằng: Chuyên Luân Vương, Thụ Đề Trưởng Giả, Xà Đề Trưởng Giả, Cù Su La Trưởng Giả, lại nói có 5 đại công đức nhơn biến. Đây gọi là hữu công đức nhơn biến.

Hỏi rằng: Sao gọi là Minh Thuật Sở Tạo Biến ?

Đáp rằng: Người giữ minh thuật là người hay đọc tụng minh thuật (chú); hay bay vào hư không; hoặc hiện ra làm voi; hoặc biến làm ngựa; hoặc biến ra xe; hoặc biến người đi bộ; hiện ra đủ các loại quân lính. Đây gọi là Minh Thuật Sở Tạo Biến.

Hỏi rằng: Thế nào gọi là Phương Tiện Biến ?

Đáp rằng: Lấy sự xa lia đoạn tham dục; lấy con đường của La Hán, đoạn trừ tất cả những phiền não như người thợ gốm lành nghề. Lấy đó làm phương tiện chơn chánh để sinh sống. Tất cả việc đều thay đổi. Đây gọi là Phương Tiện Biến.

Hỏi rằng: Ai là kẻ Tu Biện Biến ?

Đáp rằng: Lấy hư khôn gồm 9 loại; hoặc với hư không làm năm. Tất cả những người tạo ra sự tự tại nơi đệ tứ thiên. Đây có nghĩa là Tu Biện Biến. Lại nói sắc giới đệ tứ thiên lấy chỗ làm là hơn vậy. Đây là Tu Biện Biến. Lại nói Tứ Thiên nhị tự tại. Đây là Tu Biện Biến.

Hỏi rằng: Vì sao lại khởi lên biến ?

Đáp rằng: Tỳ Kheo này tu dục định thắng hành tướng ưng như ý túc, tinh tấn định, tâm định, huệ định. Như thế kẻ dục kia muốn vui, tạo ra sự biến đổi. Định nghĩa là kẻ tâm không loạn. Người tọa thiền dục loạn biến, biến ý tu hành định, giữ gìn 4 loại tinh tấn, những pháp ác bất thiện chưa sanh thì đừng làm cho sanh. Đã sanh ra ác pháp rồi thì đừng làm cho các thiện pháp bị đoạn trừ. Pháp lành chưa sanh thì làm cho sanh; đã sanh thiện pháp rồi thì làm cho tăng trưởng chẳng quên đi. Lấy đó mà khởi lên tu tập cho đầy đủ. Đây gọi là Thắng Hạnh thành tựu vậy. Tuy 3 pháp kia đầy đủ ngôn ngữ và 6 phần thành tựu như ý túc và được như ý làm đạo. Tuy pháp kia như ý túc, lại lần lượt dục, định, thắng hạnh thành tựu. Đây có nghĩa là như ý túc, được như ý. Lấy nghĩa đầu này để tu vậy. Tu pháp kia, tu nhiều. Đây gọi là tu dục định thắng hạnh, thành tựu như ý túc. Kẻ tọa thiền kia như là hiện đang tu; đây là phương tiện; hoặc thoái; hoặc trụ. Kẻ kia tinh tấn làm cho khởi thành tinh tấn định thắng hạnh, thành tựu như ý túc. Nếu phương tiện kia tê liệt; hoặc thoái; hoặc khủng bố. Tâm kia trĩu tạo nên tướng xa rời. Ý hoặc tâm thoái lui tạo ra tâm định. Nếu tâm khủng bố, tạo ra tướng xả. Cái kia sẽ thành tâm định thắng hạnh, thành tựu như ý túc. Kẻ kia nếu không có tâm phiền não; hoan hỷ phân biệt lợi lạc chẳng lợi lạc, tu hành các pháp thì đây là lúc tu; lại pháp này chẳng tu thì kẻ kia thành phân biệt định thắng hạnh, thành tựu như ý túc. Người tọa thiền kia tu Tứ Như Ý Túc, dùn gươm tạo ra sự tự tại. Thân này tùy theo tâm và tâm này thành theo thân. Kẻ tọa thiền kia lấy lúc ấy mà làm cho thân yên. Lấy tâm an tâm và thân đều do thân tâm biến và cũng do tâm thân thay đổi. Do thân tâm thọ trì, do tâm thân thọ trì. Hoặc lạc tướng; hoặc khinh tướng, đăm trước nơi thân; đối với sự dính mắc chỗ thành tựu. Kẻ tọa thiền kia như thế hiện tu trở thành thật nhẹ nhàng. Thân này thành tối nhuyễn, tối kham thọ trì. Như hòn sắt bị lửa thiêu đốt và tùy theo ý để tạo ra đồ vật. Như thế lấy tu tâm thành thân nhẹ. Khi nhẹ nhàng

rồi, nhập vào Tứ Thiên an ôn nhớ nghĩ ra khỏi và hay phân biệt hư không. Đây là trí thọ trì. Như thế đối với hư không, thân này sẽ khởi lên, lấy trí thọ trì. Đối với hư không thành chỗ khởi lên, như gió thổi bông. Đối với người mới tọa thiền chẳng nên xa lìa công việc. Vì sao mà phải xem lại việc này? sẽ khởi lên sự sợ hãi. Nếu có sợ hãi thì thiền này sẽ sụt lùi. Cho nên kẻ mới tọa thiền, chẳng nên xa rời việc thực hành, lần lượt mà đi. Đầu tiên lấy cách xa một mét để quán. Lại nương vào tướng kia để tạo ra sự siêng năng trong một tâm. Như thế đây là phương tiện lần lượt tùy theo chỗ này mà vui, nên khởi lên.

Hỏi rằng: Kẻ tọa thiền kia đối với hư không, hoặc từ thiền mà thoái, thì từ hư không kia chuyển lạc vào địa sao ?

Đáp rằng: Chẳng phải vậy. Nghĩa là từ đây, chỗ ngồi ấy, trước đứng dậy và đi xa. Còn kẻ thối lui thì trở lại chỗ ngồi trước. Ở đây sẽ thấy chính thân mình như chỗ ngồi trước. Người có thần thông, dừng lại ở pháp này. Kẻ tọa thiền kia như thế lần lượt mà quán cho đến khi thọ trì tự tại. Chẳng có một loại nào lưu luyến, từ một thành nhiều và từ nhiều thành một. Hoặc ngay hiện tại vượt qua khỏi tường vách hay ngang cả núi cao. Thân di chuyển vô ngại giống như hư không. Đối với đất hoặc chưa; hoặc ra khỏi giòng như trong nước. Đi trên mặt nước như đi trên mặt đất. Bay trong hư không giống như chim bay. Lấy tay sờ mó được mặt trời, mặt trăng. Đại thần thông như thế và thân này mạnh như thế. Cho đến cõi trời Phạm Thế, từ một biên ra nhiều và lấy một làm cho nhiều. Hoặc một ấy thành trăm, hoặc thành ngàn, hoặc thành vạn v.v... rồi nhập vào đệ tứ thiên an tường mà ra. Lần lượt lấy trí mà thọ trì. Ta đã có nhiều sẽ trở thành nhiều hơn nữa. Như những con đường nhỏ của A La Hán lấy số nhiều để trở thành một rồi muốn chuyển số nhiều ấy làm một. Dùng trí để giữ gìn. Ta sẽ chuyển đổi nhiều thành một như các vị Trưởng Lão A La Hán hoặc xuất hiện hoặc không xuất hiện để qua khỏi tường vách hay qua khỏi núi. Sự đi đứng không bị chướng ngại giống như chỗ trống. Kẻ tọa thiền kia như thế lấy sự tu hành ấy mà vào như vào chỗ trống tất cả mọi nơi. Vào đệ tứ thiên rồi an ổn xuất ra, như qua khỏi tường vách hoặc qua núi. Sự di chuyển ấy dùng trí tuệ để gìn giữ và điều này giống như hư không sẽ trở thành hư không. Kẻ tọa thiền kia đối với hư không cũng giống như qua khỏi tường vách và qua khỏi núi non. Sự di chuyển không bị chướng ngại giống như trong hư không.

Kẻ hiện ra với ý nghĩa gì và kẻ không hiện ra với ý nghĩa gì?

Với người tọa thiền chỗ không mờ làm cho mờ ra, rồi thông qua tường vách cũng giống như thông qua núi non, đi đứng không chướng ngại. Đây nghĩa là gì ? - Đối với đất làm cho không có, như ở trên nước. Kẻ tọa thiền kia như thế lấy tâm tu hành làm cho tất cả vào nơi nước. Vào rồi nơi đệ tứ thiên. An ổn ra khỏi và chuyển đất ấy thành đồ gốm. Lấy trí để giữ gìn. Điều này nghĩa là trở thành nước mà người tọa thiền lấy đất kia để tạo nên. Ví như tánh của nước và khi đi trên nước, tâm chẳng chướng ngại giống như là đi trên mặt đất. Kẻ tọa thiền kia như thế lấy tâm tu hành để vào tất cả nơi đất. Rồi nhập vào đệ tứ thiên, an ổn ra khỏi nước để tạo nên đồ gốm. Lấy trí để giữ gìn. Điều này sẽ trở thành đất, khi thành đất rồi, người tọa thiền đối với nước, khi đi chẳng chướng ngại, giống như đi nơi tánh đất. Khi di chuyển trong hư không, giống như chim bay. Đây là 3 cách đi như đi bộ, đi như gió và dùng tâm để đi. Kẻ tọa thiền kia đối với tất cả đất đã vào chỗ định. Nơi hư không giữ gìn đường đi giống như đi bộ. Nếu định ấy được vào như gió thì việc thọ trì gió ấy như lấy dây cột lại để phi hành trong gió. Dùng tâm để đi, làm cho thân tâm đầy đủ. Hoặc tưởng đến niềm vui, hoặc ít tưởng đến. Đối với thân ấy nhẹ nhàng và dùng tâm để bay giống như chim bay. Như vậy đây là dùng tâm để đi, dùng tay sờ mó mặt trời mặt trăng. Như thế thần thông, như thế thần lực. Với người tọa thiền này là có ngồi thiền và có thần thông. Tâm được tự tại. Dùng sự thực hành này để vào đệ tứ thiên. Yên ổn mà ra như lấy tay xoa mặt trời mặt trăng. Dùng trí để thọ trì. Điều này có nghĩa là gần bàn tay và vật kia sẽ trở thành bàn tay gần. Kẻ tọa thiền kia hoặc ngồi hoặc nằm như lấy tay xoa vào mặt trời mặt trăng, thân cao đến Phạm Thế. Kẻ tọa thiền kia có thần thông và tâm được tự tại. Vui chơi nơi cõi Phạm Thế như vậy là có Tứ Như Ý Túc. Việc này do tâm tu hành. Lấy xa đối với gần rồi lấy gần đối với xa. Hoặc lấy nhiều giữ gìn ít; hoặc lấy

ít giữ gìn nhiều. Dùng thiên nhĩ để thấy cõi sắc Phạm Thiên. Lấy thiên nhĩ để nghe tiếng Phạm Thiên. Lấy tha tâm trí để biết tâm của Phạm Thiên. Kẻ tọa thiền kia dùng 3 cách đi ấy và lấy 2 cách đi để vào Phạm Thế. Pháp này gọi là sự biến nhập vào tất cả sự thọ trì.

Lúc bấy giờ người tọa thiền muốn khởi lên ý tưởng và muốn tu Tứ Như Ý Túc. Dùng tâm được tự tại và an tâm nơi thân. Tâm an nơi thân là do lấy tâm để an nơi thân và do lấy thân để an nơi tâm và lấy thân giữ gìn tâm rồi lấy tâm giữ gìn thân. Hoặc tưởng đến vui hoặc tưởng đến sự nhẹ nhàng. Kẻ ấy là thân đã qua sự dính mắc, đã qua rồi sự dính mắc và sự dính mắc không còn nữa nên đã trụ yên. Như thế người tọa thiền hiện tu thân này sẽ thành thuận thực nhẹ nhàng để thọ trì. Như hòn sắt bị lửa đốt, tùy theo ý mà tạo nên vật. Như thế kẻ tọa thiền theo như thế ấy mà tu hành. Tâm ấy lần lượt trở thành thuận thực để thọ trì, làm cho đầy đủ cả thân tâm. Kẻ tọa thiền kia nếu muốn thay đổi hình tướng như hình Đồng Tử thì khi nhập vào đệ tứ thiền rồi ra khỏi, lần lượt chuyển thành hình Đồng Tử. Chuyển rồi dùng trí để thọ trì. Biết rằng ta đang thành hình Đồng Tử. Như vậy do sự tác ý mà trở thành hình Đồng Tử. Cứ như thế hình rồng, hình Phượng Hoàng, hình Dạ Xoa, hình A Tu La, hình Đế Thích, hình Phạm Vương, hình biển, hình núi, hình rừng, hình sư tử, hình hổ, hình beo, hình voi, hình ngựa, hình lính và chuyển rồi lấy trí để giữ gìn. Kế đó ta sẽ trở thành quân lính. Do sự tác ý mà trở thành quân lính.

Hỏi rằng: Sự thọ trì làm thay đổi chỗ làm. Vậy thay đổi và sự sai biệt như thế nào?

Đáp rằng: Lấy sự thọ trì thay đổi, chẳng bỏ được hình sắc ấy mà làm cho sự tạo tác thay đổi xả bỏ hình sắc. Đây nghĩa là sự sai biệt.

Lúc ấy người tọa thiền muốn khởi ý lên chỗ tạo tác biến đổi, như thế tâm được tự tại. Tu như ý túc, nhập vào trí thiền rồi an tường mà ra khỏi. Đối với thân này ở bên trong tác ý giống như cái bình trống. Kẻ tọa thiền kia tác ý như thế, lấy sự trống không nơi bên trong tự thân và tùy theo chỗ vui ấy mà biến hóa. Tùy theo điều này mà trở thành thay đổi. Đối rồi dùng trí thọ trì. Tùy theo điều này mà thành tựu. Như vậy sự tác ý này theo đó mà giống nhau và dùng phương tiện này để tạo ra nhiều biến hóa. Khi sự biến hóa hình thành rồi, kẻ tọa thiền kia ở nơi thân biến hóa ấy hướng đến Phạm Thiên và ở trước Phạm Thiên tức liền biến hóa và thân này giống như hình Phạm Thiên, tùy ý mà tạo tác. Tất cả thân hình đều đầy đủ. Các căn chẳng thiếu. Nếu người có thần thông thì có thể tiêu dao và kẻ được biến hóa ấy lại cũng mặc ý tiêu dao. Kẻ có thần thông kia lúc đi lúc nằm hiện ra hào quang hoặc hỏi hoặc đáp và chỗ người biến hóa ấy lại ngồi lại nằm, lại cũng có hào quang. Lại hỏi lại đáp. Đây chính là chỗ thần thông tạo tác biến hóa và chỗ kẻ hóa ra kia lại cũng tùy theo chỗ làm như thế v.v...

Vì sao lại tan ra rồi tạo lại hình tướng? - Cho đến lúc phân biệt lúc ấy nơi kia chẳng hiện ra. Lúc chưa đến thời phân biệt thì đối với thời gian này lại vui nói. Sự thọ trì kia thành chẳng hiện thật. Nếu lúc ấy chẳng làm sự phân biệt thì niệm niệm chẳng hiện. Đối với hóa nhơn thì không có đời sống. Và đồ ăn uống cũng hóa hiện ra. Việc ấy thay đổi các trí. Trở thành 9 việc. Việc lớn việc nhỏ chẳng thể nói đến việc nào. Ngay cả việc quá khứ, việc của vị lai và việc của hiện tại. Ngay cả việc trong, việc ngoài cũng như cả việc trong lẫn việc ngoài.

Hỏi rằng: Thiên nhĩ do ai khởi lên và vì sao mà khởi?

Đáp rằng: Tất cả có 8 cách vào. Hai lần vào kia là đối với đệ tứ thiền được tự tại. Từ tự tánh của tai sẽ khởi lên cảnh giới của Thiên Nhĩ. Lại nói rằng: Vì sao sắc giới đối với Tứ Thiên được tự tại? Ở đây có thể khởi lên. Lại cũng nói đối với đệ tứ thiền lại cũng khởi.

Hỏi rằng: Vì sao lại làm cho khởi lên?

Đáp rằng: Đối với người mới bắt đầu ngồi thiền như thế tu Tứ Như Ý Túc và dùng tâm để được tự tại. Nhập vào đệ tứ thiền rồi an tường mà xuất. Rồi lần lượt nương vào tự tánh của nhĩ giới; hoặc âm thanh xa tác ý về tướng nghe; hoặc âm thanh gần tác ý theo tướng nghe. Nếu tiếng lớn thì tác ý theo tướng của âm thanh lớn. Nếu âm thanh nhỏ, tác ý theo tướng của âm thanh nhỏ. Nếu âm thanh ở phía đông thì tác ý theo tướng của âm thanh đó. Như thế đối với tất cả nơi. Với kẻ tọa thiền kia là người tu hành, tâm sẽ thanh tịnh trong sáng. Vì nhĩ giới

thanh tịnh, làm cho tâm kia tăng trưởng. Kẻ tọa thiền kia lấy thiên nhĩ giới thanh tịnh đi qua lỗ tai người đó nghe cả 2 âm thanh. Cho nên có tiếng chư thiên và tiếng người. Hoặc xa hoặc gần. Điều này như đã được dạy. Kẻ mới tọa thiền đầu tiên nghe tiếng nơi tự thân của chúng sanh. Rồi từ đây lại nghe tiếng bên ngoài thân của chúng sanh. Rồi từ đây lại nghe tiếng nương vào nơi trụ xứ của chúng sanh. Như thế tác ý lần lượt tăng trưởng. Lại nói kẻ mới ngồi thiền chẳng thể trước đó nghe được tiếng của tự thân chúng sanh như vậy. Vì sao thế ? - Vì chẳng thể nghe tiếng nhỏ, dùng tự tánh của lỗ tai chứ chẳng phải cảnh giới này. Người mới tọa thiền nghe được tiếng xa xa của ốc tù-va và tiếng trống v.v... Âm thanh kia nương vào nơi tự tánh của lỗ tai. Dùng thiên nhĩ trí nên tác ý với tướng của âm thanh. Làm cho khởi lên thiên nhĩ trí. Hoặc âm thanh nhỏ; hoặc âm thanh lớn; hoặc âm thanh xa; hoặc âm thanh gần. Chỉ có thiên nhĩ mới thuận tai. Đối với kẻ sơ thiền chẳng nên tác ý đối với việc quá sợ. Vì sao thế ? - Đối với âm thanh dễ nghe thì nên nói theo ái dục và đối với âm thanh sợ hãi thì nên nói với lỗ tai sợ và trí lo. Việc kia trở thành 3 việc. Việc nhỏ trong hiện tại và việc ngoài việc. Nếu mất tự tánh của lỗ tai thì thiên nhĩ giới lại cũng mất. Đối với đây được nghe âm thanh tự tại. Nghe âm thanh cả ngàn thế giới. Từ đó Duyên Giác chẳng xa và Như Lai nghe rõ số.

Hỏi rằng: Tha tâm trí kia ai có thể khởi lên và vì sao lại khởi lên ?

Đáp rằng: Ánh sáng tất cả vào đây và đối với đệ tứ thiền thì được tự tại. Được thiên nhãn và khởi tha tâm trí.

Vì sao nên khởi vậy ?

Kẻ mới tọa thiền như thế tu Tứ Như Ý Túc, dùng tâm được tự tại ấy thanh tịnh trong sáng chẳng động nhập vào tất cả ánh sáng. Rồi từ nơi đệ tứ thiền an tường mà xuất. Từ chỗ đầu tiên dùng ánh sáng làm cho đầy khắp thân mình. Dùng thiên nhãn để thấy cảnh sắc của chính tâm ý này. Ở đây nương vào hình tướng của ý thức mà khởi, như thế mà biết. Dùng tự tâm thay đổi thì thấy sắc thay đổi. Sắc này từ hỷ căn khởi lên. Sắc này từ ưu căn mà khởi lên. Sắc này từ xả căn mà khởi lên. Nếu cùng với hỷ căn đồng khởi lên nơi tâm thì hình tướng của ý như màu của ván sữa. Nếu cùng với ưu căn mà khởi lên tâm thì sắc ấy trở thành màu tím. Nếu cùng xả căn mà tương ưng khởi lên thì sắc ấy thành mật ngọt. Nếu cùng với tâm ái dục mà tương ưng khởi lên thì trở thành sắc vàng. Nếu cùng với tâm sân nhuế tương ưng khởi lên thì trở thành màu đen. Nếu cùng với tâm vô minh khởi lên thì sẽ trở thành màu dơ nhớp. Nếu cùng với tâm tin tương ưng và trí tương ưng khởi lên thì sẽ trở thành màu xanh. Kẻ tọa thiền kia như thế lấy tự thân mình thay đổi. Phân biệt sắc biến. Lúc ấy dùng ánh sáng làm cho tràn đầy khắp thân kia. Dùng thiên nhãn để thấy tha tâm ý sắc. Kẻ kia dùng tâm biến để phân biệt sắc biến. Lấy sắc biến phân biệt tâm biến. Như thế phân biệt khởi lên nơi tha tâm trí rồi, lại khởi lên tha tâm trí, ngoại trừ sắc biến phân biệt. Tuy giữ việc làm của tâm. Kẻ tọa thiền kia như thế lấy sự tu hành và tâm được thanh tịnh trong sạch. Hoặc có tâm trí yêu thích; hoặc chẳng có tâm trí yêu thích. Nếu có tâm trí sân nhuế thì có tâm sân nhuế. Nếu chẳng có tâm trí sân nhuế, thì không có tâm sân nhuế. Như thế tất cả có thể biết tha tâm trí vậy. Đây gọi là có 8 việc. Việc nhỏ, việc lớn, việc đạo, việc vô lượng, việc quá khứ, việc vị lai, việc hiện tại, việc ngoài. Tâm vô lậu kia chẳng phải là cảnh giới của phàm phu. Sẽ sanh vào tâm của chúng sanh nơi Vô Sắc Xứ. Chỉ cảnh giới Phật; nếu nghe âm thanh được tự tại thì biết tâm của một ngàn thế giới. Từ đây Duyên Giác không xa. Đức Như Lai không thể kể xiết.

Hỏi rằng: Nhớ về Túc mệnh trí ai có thể khởi ?

Đáp rằng: 8 loại có thể vào và hai loại có thể vào. Đối với đệ tứ thiền, tâm được tự tại. Từ đây có thể khởi lên nhớ lại Túc mạng trí.

Hỏi rằng: Lại nói vì sao nơi sắc giới ?

Đáp rằng: Đối với đệ tứ thiền tâm được tự tại và từ đây mà khởi.

Hỏi rằng: Lại nói đối với đệ tứ thiền được khởi lên bao nhiêu loại nhớ về Túc mệnh ?

Đáp rằng: Có 3 loại ức túc mệnh. Một là đa tri sanh; hai là sanh sở tạo và ba là tu hành sở thành. Đối với đa tri sanh dùng tứ hạnh để nhớ về túc mệnh trí. Lấy tướng lành kia vậy. Thấy tướng kia phân biệt vậy. Các căn rõ ràng vậy. Nhiếp phục tánh kia vậy. Đây là 4 việc làm của đa tri sanh, nhớ về túc mệnh. Chư thiên, các loài rồng, phượng hoàng. Dùng chỗ sanh thành này mà nhớ lại đời trước. Cao hơn nữa nhớ đến 14 đời trước. Tu hành thành tựu là Tứ Như Ý Túc.

Hỏi rằng: Vì sao nên khởi lên chỗ nhớ nghĩ về đời trước ?

Đáp rằng: Kẻ mới tọa thiền như thế tu Tứ Như Ý Túc lấy lòng tự tin để được tự tại. Sự thanh tịnh trong sáng cho đến chỗ bất động. Từ chỗ ngồi trong hiện tại, lấy mỗi một ngày tạo ra việc làm; hoặc dùng thân; hoặc dùng ý; hoặc dùng miệng để nhớ nghĩ lại tất cả việc. Cứ như thế hằng đêm rồi một ngày hai ngày, lần lượt mãi cho đến một tháng nhớ nghĩ tất cả mọi việc. Rồi đến 2 tháng cũng như thế, hay nhẫn đến một năm cũng vậy. Rồi 2 năm, 3 năm cho đến trăm năm hoặc cho đến khi sanh ra lần đầu v.v... đều nhớ nghĩ tất cả những việc cũ. Lúc bấy giờ từ xa xưa tâm quá khứ và tâm số pháp đã được sinh ra và tâm, tâm số pháp hiện đang sinh ra nương vào tâm đầu tiên và tâm số pháp mà được sanh, rồi dùng tâm ấy tương tục sanh. Nên quán về nhân duyên hiện tại, nhớ nghĩ về thức lưu chuyển, cả hai đầy đủ chẳng gián đoạn. Đối với việc sanh ra trong đời này, đối với việc sanh ra trong đời khác, kẻ tọa thiền kia như thế lấy tâm tu hành thanh tịnh trong sáng nhớ lại đời trước chẳng thiếu một loại nào. Cứ như vậy cho đến một đời, hai đời, ba đời, bốn đời v.v... Đó là tất cả mà kẻ mới ngồi thiền đối với kiếp sống này hồi nhớ lại tất cả. Nếu kẻ tọa thiền kia chẳng nhớ lại được đời sống kia thì kẻ kia chẳng nên rời bỏ sự siêng năng mà phải chăm chú vào thiền định và khi thiền được tốt đẹp thì sẽ được tự tại. Như pháp soi gương khi tốt đẹp sẽ được tự tại. Trong hiện tại nhớ lại như lần đầu thì đối với kẻ kia trở thành sự nhớ nghĩ. Nếu từ một đời thì sự ra khỏi của tâm kia trở thành sự hồi tưởng. Khi quá an vui rồi thì thấy phương tiện, chẳng thể nhớ lại kiếp sống của súc sanh, lại cũng chẳng nhớ lại được sanh voi vô sắc hay sanh nơi vô tướng cũng như tánh của vô tướng vậy. Bấy loại lớn nhỏ chẳng nên nói về quá khứ trong ngoài. Trong ngoài ấy đối với quá khứ này là chỗ chứng được đạo quả. Hoặc quốc gia; hoặc thôn ấp cũng sẽ nhớ lại. Sự nhớ nghĩ kia trở thành sự hồi tưởng về quá khứ và nhớ lại trí tuệ ở đời trước. Từ trí ấy nhớ lại những sự u tối liên tục. Nhớ về trí tuệ đời trước và từ đây nhớ lại 40 kiếp của ngoại đạo. Qua khỏi kia, chẳng thể nhớ nghĩ nữa. Vì thân không còn khả năng nữa. Riêng bậc Thánh Thanh Văn thì nhớ lại được 10.000 kiếp. Từ đây trở thành bậc Đại Thanh Văn. Rồi từ đó trở thành bậc Đại Duyên Giác và từ đó trở thành Như Lai Chánh Biến Tri. Tự chính kẻ kia nhớ lại những việc làm của đời trước và ở tất cả mọi nơi. Duy chỉ trừ sự nhớ nghĩ về chính đời trước của mình. Ít nhớ lại với đời trước kia thì Đức Chánh Biến Giác tùy theo đó mà làm cho vui nhớ lại tất cả. Ngoài ra lần lượt nhớ lại. Đức Chánh Biến Giác hoặc đã nhập vào Tam Muội; hay chẳng nhập vào Tam Muội. Nếu chẳng nhập vào Tam Muội thì thường hay nhớ lại. Ngoài ra chỉ có việc nhập Tam Muội.

Hỏi rằng: Thiên nhân do ai khởi? Có bao nhiêu loại thiên nhân và vì sao có thể khởi Thiên Nhân ?

Đáp rằng: Ánh sáng ấy có 9 thứ. Hoặc ánh sáng ấy có 5; hoặc ánh sáng ấy gồm tất cả mọi việc. Đối với đệ tứ thiên được tự tại có được nhãn tánh thì từ đây có thể khởi lên được.

Có bao nhiêu loại thiên nhân ?

Đáp rằng: Có 2 loại thiên nhân do nghiệp quả báo mà thành hoặc do tu hành mà thành. Đối với Điện Tạng Thiên Nhân là do từ quả báo mà thành. Đây là do thấy được bảo tạng; hoặc có của quý; hoặc không có của quý. Do tu hành mà thành nghĩa là tu hành phép Tứ Như Ý Túc.

Vì sao có thể khởi lên Thiên Nhân ?

Kẻ mới tọa thiền cứ như thế mà tu theo Tứ Như Ý Túc, dùng tâm được tự tại thanh tịnh trong sáng cho đến chỗ bất động. Tất cả ánh sáng nhập vào và khi nhập đệ tứ thiền tác ý tưởng đến ánh sáng và thọ trì tưởng đến hằng ngày hằng đêm cũng như ngày, ngày cũng như đêm. Dùng tâm vô ngại chẳng dính mắc và thực hiện tu hành để tâm ấy thành ra có ánh sáng. Kẻ tọa thiền kia tu hành tâm này sẽ trở thành ánh sáng; chẳng có trở ngại cản ngăn, ánh sáng, suốt ngày. Kẻ tọa thiền kia, tâm tu hành như thế lấy ánh sáng làm cho đầy khắp cả bên trong, tác ý về hình tướng, dùng trí để làm cho đầy đủ ánh sáng. Đó chưa phải là Thiên Nhân mà lấy trí thấy được bên trong màu sắc của ánh sáng thì đây mới chính là Thiên Nhân. Kẻ tọa thiền kia dùng Thiên Nhân thanh tịnh 16y hơn cả mắt người, thấy chúng sanh hoặc sanh; hoặc hết; hoặc thô; hoặc diệu; hoặc hình dáng tốt; hoặc hình dáng xấu. Sanh nơi đường lành, sanh nơi đường ác do nghiệp đã tạo ra. Như thế tất cả chúng sanh đối với điều này mới có thể khởi lên Thiên Nhân được.

Phiền não này kẻ kia nên đoạn. Cho nên sự nghi chẳng thể nhớ lại chơn chánh, giải đãi, nghi nghi, tà mạng, hỷ, ác khẩu, bịnh hoạn, siêng năng, trì hoãn siêng năng; hoặc nhớ nghĩ về nhiều loại ngôn ngữ rồi quán xem về màu sắc. Phiền não này lấy mỗi mỗi thứ này để thành tựu. Nếu làm cho khởi lên Thiên Nhân thì sự định này sẽ thoái lui. Nếu định này thoái thì ánh sáng cũng sẽ mất đi. Việc thấy màu sắc cũng sẽ mất. Cho nên phiền não kia mau mau nên đoạn. Nếu đã đoạn phiền não này rồi mà lại chẳng được định tự tại thì lấy sự chẳng tự tại ấy thành Tiểu Thiên Nhân. Kẻ tọa thiền kia dùng Tiểu Thiên Nhân ấy để biết Tiểu Quang Minh. Thấy màu sắc cũng nhỏ. Cho nên Đức Thế Tôn nói: Lúc ấy ta vào định nhỏ, lúc ấy ta có mắt nhỏ, ta dùng mắt nhỏ ấy để biết ánh sáng nhỏ. Khi ta thấy ánh sáng nhỏ thì lúc ấy ta có vô lượng Tam Muội, lúc ấy ta có vô lượng Thiên Nhân. Ta dùng vô lượng Thiên Nhân này ta biết vô lượng quang minh, ta thấy vô lượng màu sắc. Đối với người tọa thiền này chẳng phải yêu màu sắc, chẳng phải sợ màu sắc như ban đầu đã nói về 5 loại Thiên Nhân. Đó là việc nhỏ, việc hiện tại, việc trong, việc ngoài, việc trong ngoài. Nương vào Thiên Nhân để sanh Tứ Trí. Vị lai phân trí. Tự sở tác nghiệp trí, như hành nghiệp trí và nghiệp quả báo trí. Đối với đây dùng vị lai phân trí. Đối với vị lai thân sắc, sẽ khởi lên trí. Dùng tự sở tác nghiệp trí sẽ thấy được chỗ tạo nghiệp của người khác. Lấy nghiệp này của người này sẽ sanh quả cõi kia. Dùng như hành nghiệp trí thấy đời sống ở cõi người. Lấy nghiệp này và người này mà biết được kiếp sống ở đời trước. Dùng nghiệp quả báo trí để rõ biết lúc và nơi chốn, cho đến phiền não và cho đến phương tiện. Khi nghiệp này chín muồi rồi hay nghiệp chưa chín muồi. Nghiệp này thọ nhiều hay thọ ít đều biết. Đối với Thanh Văn được tự tại, thấy được một ngàn cõi của thế gian. Từ đây là chỗ thấy của bậc Duyên Giác mà Như Lai đã thấy vô lượng.

Ở đây bàn rộng về việc dùng Thiên Nhân để thấy sắc. Đối với một loại tu hành định, tuy thấy sắc nhưng chẳng phải Thanh Văn. Nếu dùng Thiên Nhân để nghe âm thanh thì đối với một loại tu hành định, duy chỉ Thanh Văn chẳng thấy sắc. Nếu vì thấy nghe cả hai đầy đủ tu hành định. Lại cũng thấy lại cũng nghe. Nếu vì thấy nghe mà biết được tâm kia thì tu hành nơi định lại cũng thấy nghe và biết tâm kia. Nếu chỉ thấy một bên, tu hành nơi định thì chẳng phải là cách thấy. Chẳng nghe chẳng biết tâm kia. Nếu chẳng ít tu hành nơi định thì đối với tất cả nơi lại thấy lại nghe, lại biết được tâm kia. Ngũ thân thông, thế gian thân thông, hữu lậu sắc giới trói buộc chung với phàm phu. Nếu là Thiên Nhân Thông thì kẻ có học và phàm phu hoặc cùng với A La Hán thành Vô Ký thân thông. Ngũ Thân Thông chẳng phải sanh nơi vô sắc giới.

LUẬN VỀ CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT

Phẩm Phân Biệt Huệ thứ 10

Hỏi rằng: Vì sao gọi là huệ? Tướng nào? Vị nào? Khởi lên cái gì? Xứ nào? Công đức gì? Huệ ấy nghĩa là gì? Có bao nhiêu công đức để được bát nhã? Có bao nhiêu loại bát nhã?

Đáp rằng: Việc của ý, việc của thấy. Đây có nghĩa là Bát Nhã. Lại nữa tác ý làm cho lợi lạc hay chẳng lợi lạc, tác ý trang nghiêm. Đây nghĩa là Bát Nhã. Như trong A Tỳ Đàm nói: Sao gọi là Bát Nhã? - Bát Nhã nghĩa là huệ, nghĩa là trí, nghĩa là chọn pháp môn rồi tùy theo tướng tốt mà quán và sự quán ấy thông minh rõ ràng phân biệt, tư duy để thấy dễ dàng và ngộ được chánh trí. Huệ câu, huệ căn, huệ lực, huệ tượng, huệ điện, huệ quang, huệ minh, huệ đăng, huệ bảo. Chẳng ngu si nên chọn pháp một cách chánh kiến. Đây có nghĩa là Bát Nhã. Kậy sự đạt được làm tướng. Lấy sự chọn lựa làm vị. Lấy sự ngu si mà khởi. Dùng Tứ Đế làm nơi chốn. Lại nữa rõ biết ánh sáng làm tướng. Nhập chánh pháp làm vị. Dùng trừ vô minh tối tăm mà khởi, lấy trí biện tài làm xứ. Có công đức gì? - Bát Nhã có vô lượng công đức. Hãy nghe sơ lược qua kệ sau đây.

Dùng huệ tịnh các giới
Vào thiền lại hai huệ
Dùng huệ tu các đòng
Dùng huệ thấy quả kia
Bát Nhã là hơn cả
Huệ căn chẳng hơn trên
Huệ lười làm ô uế
Huệ tăng trưởng cao thượng
Huệ phá các luận ngoài
Chẳng đời đến đấng trước
Có huệ người thật lành
Huệ nói ngôn ngữ lành
Đời này và đời khác
Giải thoát nghe niềm vui
Các nghĩa cùng tinh tấn
Dừng mãnh người có huệ
Nếu thấy các pháp này
Nhơn duyên cùng ngôn ngữ
Giáo huấn và danh sắc
Kia chính lời Tứ Đế
Đó có cảnh giới huệ
Dùng huệ trừ việc ác
Yêu sân nhuế vô minh
Dùng huệ trừ sanh tử
Trừ việc chẳng thể trừ.

Hỏi rằng: Huệ nghĩa là gì ?

Đáp rằng: Huệ có nghĩa là thuộc về trí vậy.. Cũng có nghĩa là năng trừ.

Có bao nhiêu loại công đức để được huệ ?

Có 11 công đức. Đó là tìm tòi tu học nghĩa của kinh, nhiều việc lành, ở nơi thanh tịnh, ngồi thiền, Tứ Đế, làm việc rõ ràng, tâm thường hay dừng chỗ thiền định, tâm không bị che đậy, lia xa người không có trí tuệ, cùng với người có trí tuệ vui sống.

Có bao nhiêu loại trí tuệ ?

Có hai loại, ba loại và bốn loại.

Hỏi rằng: Vì sao có 2 loại huệ ?

Đáp rằng: Đó là thế gian huệ và xuất thế gian huệ. Đối với các bậc Thánh quả tương ứng huệ thì đó là huệ xuất thế gian; ngoài ra là thế gian. Thế gian huệ nghĩa là có giới hạn, có nối kết, có bó buộc, có lưu chuyên. Đây là cái trục quay, là sự che khuất, là chỗ dính mắc, là chỗ khởi, là phiền não.

Xuất thế gian huệ nghĩa là không có giới hạn, không nối kết, không bị bó buộc, không lưu chuyên, không bị quay cuồng, không bị che khuất, không dính mắc, chẳng phải nơi chốn và không có phiền não.

Ba loại huệ nghĩa là: Tư huệ, văn huệ và tu huệ. Đối với việc này chẳng phải từ kia nghe; hoặc tự tạo nghiệp trí; hoặc được tùy để tương ứng trí, đối với công xảo minh. Đây chính là tư huệ. Đối với nơi này từ kia nghe mà được huệ. Đây gọi là văn huệ. Nếu nhập Tam Muội thì huệ kia phải tu. Đây gọi là tu huệ.

Lại nữa ba loại huệ đến rõ ràng, đi rõ ràng và phương tiện cũng rõ ràng mà thị hiện tác ý. Điều này nếu không là pháp lành sẽ thành thoái và nếu là pháp lành, sẽ trở nên tăng trưởng. Đối với huệ này đây chính là sự đến rõ ràng. Lại tác ý điều này chẳng phải pháp lành tăng

trường. Thiện pháp ấy thoái lui. Đối với huệ này đây là sự đi rõ ràng. Đối với đây, là tất cả phương tiện huệ. Đây nghĩa là phương tiện rõ ràng.

Lại nữa có 3 loại huệ. Đó là Tụ huệ, bất tụ huệ và phi tụ phi huệ. Đây là Tam Địa Thiện Huệ. Đây là Tụ Huệ. Đối với Tứ Đạo Huệ, đây nghĩa là bất tụ huệ. Đối với Tứ Địa và quả báo, đối với Tam Địa có Ký Huệ. Đây nghĩa là Phi Tụ phi phi tụ huệ.

Bốn loại huệ nghĩa là: Tụ tác nghiệp trí, tùy để tương ưng trí, đạo đẳng phân trí, quả đẳng phân trí. Đối với đây là thập xứ, chánh kiến. Đây nghĩa là tụ tác nghiệp trí. Nếu thấy tối, hoặc vô thường, hoặc khổ, hoặc vô ngã, như thế nhãn tương tợ. Đây gọi là Tùy Để Tương Trợ Trí. Đối với Tứ Đạo Huệ, đây gọi là Đạo Phân Trí. Đối với Tứ Quả Huệ, đây gọi là Quả Đẳng Phân Trí.

Lại nữa bốn loại huệ gồm có: Dục giới huệ, sắc giới huệ, vô sắc giới huệ và vô hệ huệ. Đối với dục giới lành có Ký Huệ. Đây gọi là Dục Giới Huệ. Sắc giới lành có Ký Huệ. Đây gọi là Sắc Giới Huệ. Vô sắc giới lành có Ký Huệ. Đây gọi là Vô Sắc giới huệ. Đối với Đạo Quả Huệ, đây gọi là Vô hệ huệ (huệ không bị trói buộc).

Lại nữa có 4 loại huệ. Đó là Pháp trí, Tỷ trí, Tha tâm trí và Đẳng trí. Đối với 4 con đường và đối với 4 quả huệ thì đây gọi là Pháp Huệ. Kẻ tọa thiền kia dùng Pháp trí này để thành tựu quá khứ vị lai hiện tại trí. Trong quá khứ lâu dài cũng trí và vị lai lại cũng là trí. Để trí này gọi là Tỷ Trí. Trí tha tâm ấy gọi là Tha tâm trí. Trừ 3 loại trí này, ngoài ra là huệ. Đây gọi là Đẳng trí.

Lại nữa cũng có 4 loại huệ. Đó là hữu huệ vi tụ phi vi phi tụ; hữu huệ vi phi tụ phi vi tụ; hữu huệ vi tụ diệt vi phi tụ; hữu huệ phi vi tụ phi phi vi tụ. Đối với Dục giới thiện huệ là Huệ vi tụ phi bất vi tụ. Đối với tứ đạo vi phi tụ bất vi tụ. Đối với sắc giới và vô sắc giới thiện huệ thì đây là huệ vi tụ lại vi phi tụ. Đối với Tứ Địa quả báo, đối với Tam Địa có Ký Huệ thì đây là Huệ phi vi tụ, lại phi vi phi tụ.

Lại có 4 loại huệ. Đó là huệ hữu vi xa lìa phi vi đạt; có huệ vi đạt phi vi yểm hoạn; có huệ vi yểm hoạn lại vi đạt. Có huệ bất vi yểm hoạn lại bất vi đạt. Đối với huệ này là xa lìa dục, chẳng đạt được thần thông và cũng chẳng thông đạt tứ đế. Đây gọi là huệ vi yểm hoạn bất vi đạt. Hiện tại được chỗ xa lìa sự ham muốn, dùng huệ đạt thần thông và không đạt Tứ Đế. Đây gọi là Bất Nhã, vi đạt phi vi yểm hoạn. Đối với Tứ Đạo huệ vi yểm hoạn lại vi đạt. Ngoài ra huệ phi vi yểm hoạn lại phi vi đạt.

Lại có 4 loại huệ. Đó là nghĩa biện, pháp biện, từ biện và lạc thuyết biện. Đối với nghĩa trí thì đây gọi là Nghĩa biện. Đối với pháp trí thì đây gọi là Pháp biện. Đối với thuyết từ huệ thì đây gọi là Từ biện. Đối với trí trí thì đây gọi là Lạc thuyết biện. Đối với nhơn quả biết nghĩa từ. Đối với nguyên nhơn rõ biết pháp biện. Đối với pháp biện lạc thuyết biện. Đối với trí trí thì vui nói từ. Lại nữa đối với khổ và diệt trí thì đây gọi là nghĩa biện. Đối với Tập và đạo trí, thì đây gọi là Pháp biện. Đối với thuyết pháp từ, thì đây gọi là Từ Biện. Đối với Trí Trí thì đây gọi là Lạc thuyết biện. Lại nữa kẻ biết pháp trong kinh văn gọi đây là chỗ giải rõ những sự hiểu biết.

Bạt Đà Già Xà Đà Già A Phù Đa Đạt Ma Bi Phát lược gọi đây chính là Pháp từ. Biết kia và rõ nghĩa này thì đây là nghĩa của chỗ nói pháp. Đây gọi là nghĩa biện. Thuyết pháp từ trí; đây gọi là Từ Biện. Đối với trí trí, đây nghĩa là Lạc thuyết biện.

Lại nữa đối với nhãn trí thì đây gọi là pháp từ. Lấy nhãn trí làm chỗ thấy. Đây nghĩa là Nghĩa Từ pháp từ trí, đây gọi là Từ Biện. Đối với Trí Trí, đây nghĩa là Lạc thuyết biện.

Lại nữa có 4 loại huệ. Đó là khổ trí, khổ tập trí, khổ diệt trí và đạo đẳng phần trí. Khổ tương ưng với trí gọi là khổ trí. Tập tương ưng với trí gọi là tập trí. Khổ diệt tu hành tương ưng với trí gọi là Cụ Túc trí, đạo trí.

Luận Về Con Đường Giải Thoát Hết quyền Chín

LUẬN VỀ CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT Quyển thứ 10

- *A La Hán Ưu Bà Đề Sa (Đời nhà Lương gọi là Đại Quang) tạo luận này bằng chữ Phạn.*
- *Đời nhà Lương, người nước Phù Nam, Tam Tạng Tăng Già Bà La dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt, ngày 7 tháng 6 năm 2006.*

Phẩm Ngũ Phương Tiện thứ 11 Phần thứ nhất

Đối với người mới tọa thiền, vui thoát ly sanh tử, vui trừ được nguyên nhân của sự sanh tử, vui trừ màn vô minh đen tối, vui đoạn được dây ái ân, vui chứng được trí huệ của bậc Thánh. Đối với 5 nơi, khởi lên phương tiện. Đó là âm phương tiện, nhập phương tiện, giới phương tiện, nhơn duyên phương tiện và Thánh Đế phương tiện.

Hỏi rằng: Sao gọi là âm phương tiện ?

Đáp rằng: Đó là ngũ âm, gồm có sắc âm, thọ âm, tưởng âm, hành âm và thức âm.

Hỏi rằng: Thế nào gọi là sắc âm ?

Đáp rằng: Tứ đại. Tứ đại là chỗ tạo ra sắc.

Thế nào là tứ đại ?

Đó là thuộc về đất, thuộc về nước, thuộc về lửa và thuộc về gió.

Sao gọi là đất ?

Có tánh và có tướng đều cứng; nên gọi là đất.

Sao gọi là nước ?

Nước âm thấp hòa hợp với sắc. Đây gọi là nước.

Sao gọi là lửa ?

Lửa có chất âm. Đây gọi là lửa.

Sao gọi là gió ?

Gió mang hơi đến. Đây gọi là gió.

Kẻ mới ngồi thiền lấy 2 loại mà giữ lại để che đậy chớ che, dùng giãn lược để nói rộng như nói về quán tứ đại. Như thế mà biết.

Thế nào tứ đại là chỗ tạo ra sắc ?

Nhãn nhập, nhiễ nhập, tỉ nhập, thiết nhập, thân nhập; sắc nhập, thanh nhập, hương nhập, vị nhập, nữ căn, nam căn, mạng căn, thân tạo, khẩu tạo; hư không giới sắc, sắc nhẹ, sắc nhuyễn, kham thọ tri sắc, tăng trưởng sắc, tương tụ sắc, sanh sắc, tử sắc, vô thường đoạn thực xứ sắc, nhãn sắc.

Sao gọi là nhãn nhập ?

Lấy sự thấy màu sắc mà có đối tượng. Nương vào nhãn thức kia để khởi lên. Đây gọi là nhãn nhập. Lại nữa nương vào con mắt thịt đen trắng của nhãn châu để thấy gồm thịt, máu, gió, đờm, dãi. Trong đó chông lên 5 lớp để ở như nửa hạt cải, lớn như đầu con kiến. Đầu tiên do nghiệp tạo thành rồi do tứ đại tạo ra lửa, to lớn hơn làm cho sáng tỏ ra màu sắc. Đây nghĩa là nhãn nhập như Đại Đức Xá Lợi Phất thường nói. Lấy nhãn thức thanh tịnh để thấy các màu sắc; hoặc nhỏ hoặc vi tế, giống như cửa sổ.

Thế nào gọi là nhĩ nhập ?

Đó là nghe tiếng động, dùng âm thanh để đối lại và nương vào tai để khởi lên nhĩ thức. Đây gọi là nhĩ nhập. Lại nữa, có hai lỗ có lông bên ngoài và nương vào các mô để ở như hạt đậu xanh. Nghiệp đầu tiên tạo ra chỗ trống thật lớn và do tứ đại là chỗ tạo tác ra màu trong sạch. Đây gọi là nhĩ nhập.

Sao gọi là tỷ nhập ?

Đây do nghe mùi thơm và do mùi thơm này làm đối tượng. Nương vào mũi để khởi lên thức. Đây gọi là tỷ nhập. Lại nữa nơi lỗ mũi có 3 đường hòa hợp, nương vào chỗ lỗ nhỏ để ở, như hình Câu Tỳ Đà La (giao long). Đầu tiên do nghiệp tạo rồi gió lớn lên, tứ đại tạo ra màu thanh tịnh. Đây gọi là tỷ nhập.

Sao gọi là thiết nhập ?

Do dùng mùi vị để biết. Do mùi vị làm đối tượng. Nương vào lưỡi để khởi lên thức. Đây gọi là thức nhập. Lại nữa phía bên trên thịt của lưỡi có 2 phía nổi lại như hình hoa Uất Ba La. Đầu tiên do nghiệp tạo và do nước tăng trưởng tối đa và do tứ đại tạo ra màu trong sáng. Đây gọi là thiết nhập.

Vì sao gọi là thân nhập ?

Do cảm giác chạm và lấy xúc làm đối tượng, nương vào thân thể để khởi lên thức. Đây gọi là thân nhập. Lại nữa trừ lông, tóc, móng tay, răng là chỗ chẳng thọ; nhưng với tất cả đều thọ giữ và do chỗ nghiệp đầu tiên tạo tác mà đất là chỗ nhiều nhất. Do tứ đại là chỗ tạo ra màu sắc thanh tịnh. Đây gọi là thân nhập.

Điều có thể thấy màu sắc gọi là sắc nhập. Đối với âm thanh thì có thanh nhập. Đối với mùi thì có hương nhập. Đối với vị thì có vị nhập. Đối với nữ tánh thì có nữ căn; đối với nam tánh thì có nam căn. Do tùy theo sự thủ hộ của nghiệp là chỗ tạo ra hình tướng. Đây gọi là mệnh căn. Dùng thân này để biểu hiện ra các việc làm nên gọi tên là hành. Đây gọi là việc làm của thân. Dùng miệng để biểu hiện ra các việc làm thì gọi là việc làm của miệng. Dùng màu sắc để phân biệt. Đây gọi là cảnh giới của hư không. Hình thái có tính nhẹ thì gọi là hình

nhẹ. Do hình thức nhẹ nên gọi là nhu nhuyễn. Do sắc có tánh kham thọ tri nên đây gọi là sắc kham thọ tri.

Đây là 3 loại thân thuộc, tánh không giải đãi. Là các nhập tụ. Nghĩa là sắc tụ. Là sắc tụ nghĩa là sắc tương tục. Là sắc làm cho khởi lên. Nghĩa là sắc sanh ra. Là làm cho sắc thuần thực. Nghĩa là sắc già đi. Là sắc bại hoại. Nghĩa là sắc ấy vô thường. Do khí vị của chúng sanh mà có được. Đây chính là những khí vị của việc ăn uống. Sắc nương vào giới và ý thức giới để khởi lên. Đây nghĩa là giới xứ sắc. Là những cảnh giới giải đãi như hình tướng của sự ngu ngốc. Điều này có 26 chỗ tạo ra sắc ấy, cùng với Tứ Đại hợp thành 30 sắc.

Hỏi rằng: Tứ Đại và chỗ tạo ra sắc của Tứ Đại vì sao có sự sai biệt ?

Đáp rằng: Tứ Đại nương vào Tứ Đại để sinh tồn. Tứ Đại ấy những chỗ tạo tác ra sức nương vào Tứ Đại để mà sống. Chỗ tạo ra sắc của Tứ Đại chẳng phải là chỗ nương vào của Tứ Đại, lại cũng chẳng phải là Tứ Đại tạo ra sắc là chỗ nương vào. Cũng như 3 cây có chỗ dựa vào nhau và Tứ Đại cũng nên biết giống như thế. Cái bóng của 3 cây đó cũng giống như chỗ Tứ Đại tạo ra sắc có thể biết được. Đây chính là sự sai biệt. Đối với người tọa thiền, đây là 30 sắc. Dùng 5 hành động có thể biết rõ hơn, rồi như thế làm cho khởi lên, rồi tụ lại, rồi sanh ra nhiều loại, một loại.

Hỏi rằng: Vì sao lại làm cho khởi lên ?

Đáp rằng: Chính 9 sắc của nghiệp và nhân duyên là chỗ khởi lên. Cho nên gọi là: Nhân nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, nữ căn, nam căn, mệnh căn và xứ sắc. Hai sắc của thân do nhân duyên mà khởi lên. Vì vậy do thân làm và miệng làm. Một sắc thời tiết do tâm khởi lên. Đó gọi là thanh nhập. Lúc 4 sắc thì tâm ăn uống là nhân duyên khởi lên. Do vậy mà sắc nhẹ, sắc nhu nhuyễn, sắc kham thọ tri, nhãn sắc và 12 sắc của 4 nhân duyên là chỗ khởi lên. Cho nên đây gọi là sắc nhập, thiệt nhập và vị nhập. Hư không giới sắc, tụ sắc và tương tục sắc. Sắc sanh nơi đồ ăn đọng lại ở 4 giới. Hai sắc chẳng có chỗ khởi. Cho nên sắc ấy già và sắc vô thường. Lại nữa sự sanh duyên vào sự già, sự già ấy duyên vào sự vô thường. Như vậy lấy đó làm cho khởi lên. Điều đó nên rõ.

Hỏi rằng: Vì sao gọi là tụ ?

Đáp rằng: Có 9 loại tụ hợp do nghiệp là chỗ tạo tác khởi lên. 9 loại tụ hợp ấy do tâm khởi lên gồm 6 loại tụ hợp theo thời tiết khởi và 3 loại tập hợp do sự ăn uống mà khởi lên.

Hỏi rằng: Vì sao gọi là 9 loại tập hợp do nghiệp khởi lên ?

Đáp rằng: Đó là gồm mắt có 10, tai có 10, mũi có 10, lưỡi có 10, thân có 10, nữ căn có 10, nam căn có 10, xứ có 10 và mạng có 9.

Hỏi rằng: Sao gọi tên là nhãn thập ?

Đáp rằng: Mắt thanh tịnh về 4 giới, đây gọi là xứ. Lại nương vào 4 giới sắc, hương, vị, xúc, mệnh căn, nhãn thanh tịnh. Đây là 10 pháp cùng sanh sống chẳng lìa nhau. Đây gọi là sự tập hợp, nên gọi là 10 loại của mắt. Từ đây khởi lên sự sống và khi thuần thực gọi là già. Khi bị hoại đi là do vô thường. Sự phân biệt này là hư không giới. Bốn pháp này cùng với sự tập hợp kia khởi lên. Mắt này nương vào nơi thập lão; sanh ra nhãn thập thứ hai và 2 loại kia gồm 10 lại tập hợp; nên đây gọi là tụ. Cái kia theo sát nên gọi là tương tục. Đây là 6 pháp cùng với kia khởi lên. Cái kia lại nương vào 2 lần nhãn thập để đến già. Sanh ra 3 lần nhãn thập. Đây là lần thứ 2 và lần thứ 3 của nhãn thập. Đây nghĩa là sự tập hợp. Duy chỉ có pháp kia theo sau nên gọi là tương tục. Đầu tiên 10 loại ấy tan hoại rồi 20 loại già và lần thứ 30 lại khởi lên. Cái kia trở thành một sát na, như thế mà khởi lên nhãn thập. Sự nghe kia khó thể biết được. Vì sát na rất nhỏ và nhanh vậy. Chẳng hiện hữu nên thế gian khó thể biết được. Cũng có người tọa thiền thấy bằng mắt liên tục giống như nước sông chảy, như ánh sáng của đèn liên tục. Đây gọi là nhãn thập.

Như thế nhĩ thập, tý thập, thiết thập, thân thập, nữ căn thập, nam căn thập, mệnh căn cửu. Từ đó rộng ra mà biết.

Hỏi rằng: Sao lại 9 tụ tâm là chỗ khởi ?

Đáp rằng: Sự thanh tịnh có 8 nghĩa. Thanh tịnh thân tạo ra 9. Thanh tịnh khẩu tạo ra 10. Thanh tịnh nhẹ nhàng có 9. Thân tạo ra nhẹ nhàng 10 10 và khẩu tạo ra sự nhẹ nhàng có 11. Thanh tịnh nhãn có 9. Nhãn thân tạo ra 10. Nhãn khẩu tạo ra 11.

Hỏi rằng: Thế nào gọi là thanh tịnh tâm có 8 chỗ khởi lên ?

Đáp rằng: Tứ giới nương vào giới, sắc, hương, vị, xúc. Đây là 8 pháp cùng sanh và chẳng lìa nhau. Trong 10 kia thì 8 gọi là thanh tịnh. Cái kia khởi lên có nghĩa là sanh ra. Cái kia thành thực gọi là già và cái kia băng hoại gọi là vô thường. Sự phân biệt kia đó là hư không giới. Bốn pháp này tùy theo kia mà khởi. Tám sự thanh tịnh kia khi bị hoại thì cùng với tâm thứ 3 cùng khởi lên. Lần thứ 2 của 8 sự thanh tịnh, đầu tiên sự thanh tịnh hoại và lần thứ 2 sự thanh tịnh khởi lên mà chỉ trong sát na khởi lên. Cái này chẳng thay đổi mà tụ họp lại và cùng với 3 chỗ khởi lên kia làm chỗ tụ họp. Như thế thanh tịnh nhẹ nhàng có 9 và thanh tịnh nhãn 9. Sáu loại tạo sự tụ họp chẳng tan hoại ban đầu. Chẳng phải khởi lên lần thứ 2. Chẳng trong một sát na. Vì sao chẳng phải một mà tâm đạo thành hai, làm cho khởi lên; ngoài ra như đã nói lúc ban đầu.

Hỏi rằng: Vì sao 6 nơi tụ họp của thời tiết là chỗ khởi lên ?

Đáp rằng: Sự thanh tịnh có 8. Sự thanh tịnh về âm thanh có 9. Thanh tịnh nhẹ nhàng có 9. Âm thanh nhẹ có 10, mắt thanh tịnh có 9, âm thanh về mắt có 10. Tụ họp bên ngoài thành 2 sự thanh tịnh. 8 và 9 âm thanh.

Hỏi rằng: Thế nào là tam tụ chỗ ăn uống mà khởi lên ?

Đáp rằng: Thanh tịnh có 8. Thanh tịnh nhẹ nhàng có 9. Thanh tịnh nhãn có 9. Thời tiết và chỗ ăn uống khởi lên tụ lại tương tục do nơi nghiệp. Tương tự như thế có thể biết. Ngoài ra như đã nói lúc ban đầu. Mệnh sống có 9 và không tụ họp lại. Đối với dục giới là do chỗ nghiệp mà thành. 8 chỗ tụ họp lấy thọ mệnh hoạt động. Mũi, lưỡi, thân, nam nữ căn như vậy. Đây là sự nhẹ nhàng của 3 thuộc về mắt. Đây là đối với sắc giới. Không có đời sống gồm 9, không tụ họp, không tư tưởng Phạm Thiên. Đối với thân này tất cả nhập vào, dùng đây để được hoạt động. Như thế là tụ họp.

Hỏi rằng: Sao lại sanh ra ?

Đáp rằng: Như nam nữ nhập thai, chỉ trong sát na 30 sắc ở nơi 10 xứ. Thân 10 hoặc nữ căn 10; hoặc nam căn 10; chẳng phải nam chẳng phải nữ có 20 sắc khởi lên. Cho nên xứ có 10 và thân có 10. Đối với dục giới hóa sanh đầy đủ căn của nam nữ nhập vào, chỉ trong sát na sanh ra 70 sắc; nên có 10 xứ. Thân 10, mắt 10, tai 10, mũi 10, lưỡi 10; hoặc nữ căn 10, hoặc nam căn 10. Hoặc đối với cõi ác thú hóa sanh thì sanh ra đui mù và người nam người nữ ấy trong sát na sanh ra 60 sắc ngoại trừ nhãn 10. Như thế sanh ra người điếc và 60 sắc khởi lên. Ngoại trừ nhĩ có 10. Người sinh ra mù, điếc có 50 sắc khởi lên. Ngoại trừ nhãn 10 và nhĩ 10.

Từ ác thú hóa sanh đầy đủ căn nhập vào hoặc phi nam phi nữ và người ở kiếp đầu, chỉ trong sát na khởi lên 60 sắc trừ căn của nam nữ. Với kẻ mù và phi nam phi nữ kia có 50 sắc khởi lên, trừ nhãn căn 10 và trừ phi nam phi nữ căn. Hoặc điếc phi nam phi nữ lại có 50 sắc khởi lên, ngoại trừ tai 10 và phi nam phi nữ căn. Hoặc mù điếc, phi nam phi nữ có 40 sắc khởi.

Xứ 10, thân 10, mũi 10, lưỡi 10. Phạm Thiên đối với đây trong sát na sanh ra 49 sắc khởi. Xứ 10, mắt 10, tai 10, thân 10, mệnh căn 9. Vô Tướng Thiên chúng sanh đối với sự sanh này trong sát na có 9 sắc khởi lên. Mệnh căn có 9. Như thế lấy sự sanh mà biết.

Hỏi rằng: Những gì là nhiều loại ?

Đáp rằng: Tất cả sắc thành 2 loại. Gồm lớn và nhỏ. Đối với 12 sắc lớn trong ngoài sắc nhập, lấy có làm đối nghĩa, trừ 18 sắc vi tế. Lấy vô đối nghĩa. Lại có 2 loại sắc. Đó là trong và ngoài. Trong đó 5 sắc thành nội nhãn v.v... 5 nhập lại có nghĩa là cảnh giới; ngoài ra 25 hoại sắc lấy vô cảnh giới làm nghĩa. Lại có 2 loại sắc – mệnh căn và chẳng phải mệnh căn. Trong này có 8 sắc gọi là căn. 5 ấy có nữ căn nam căn và mệnh căn; đây nương vào nghĩa. Ngoài ra 22 chẳng phải mệnh căn. Dùng không để nương vào nghĩa. Tất cả sắc thành 3 loại. Đó là thọ sắc, phi thọ sắc và hữu hoại sắc. Đối với 9 sắc này có thọ, 8 căn và xứ sắc. Lấy chỗ nghiệp báo tạo thành nghĩa. 9 sắc chẳng thọ nhận âm thanh vào, thân tạo, khẩu tạo sắc, sắc nhẹ, sắc nhu nhuyễn, sắc kham thọ tri và sắc già. Vô thường và mất, chẳng phải nghiệp báo chỗ thành nghĩa. Ngoài ra 12 sắc có hoại. Cái kia lại có 2 nghĩa. Lại cũng có 3 loại sắc. Cho nên có thể thấy có đối ngược lại. Chẳng thể thấy, có đối lại. Chẳng thể thấy, chẳng đối lại. Đối với đây một sắc có thể thấy có đối. Cho nên gọi là sắc nhập. Dùng nghĩa của thấy, dùng nghĩa của xúc, 11 sắc không thể thấy có đối lại. Trừ sắc nhập, ngoài sắc lớn vậy. Nghĩa chẳng thấy là lấy nghĩa xúc 10. 8 sắc chẳng thể thấy không có đối lại. Ngoài ra sắc nhỏ chẳng thể thấy nghĩa. Chẳng thể có nghĩa xúc. Tất cả sắc thành 4 loại. Đó là tự tánh sắc, hình sắc, tướng sắc và phân biệt sắc. Đối với 19 tự tánh này sắc ngoài ra có 12 sắc lớn. Nữ căn, nam căn, mạng căn, xứ thủy giới nuôi ăn uống, sắc nhãn sắc. Lấy cứu cánh làm nghĩa. 7 hình sắc. Đó là thân tạo, khẩu tạo sắc, sắc nhẹ, sắc nhu nhuyễn, sắc kham thọ tri, sắc thọ, sắc tương tự và sắc tự tánh. Dùng biến 3 tướng sắc, sắc sanh, sắc già và sắc vô thường. Lấy tướng hữu vi làm nghĩa. Một sắc phân biệt sắc. Cho nên gọi là hư không giới. Dùng sự tự hợp phân biệt nghĩa. Đó là tự tánh sắc. Cái kia thành phân biệt, ngoài chẳng phân biệt. Như thế dùng đến nhiều loại phân biệt.

Hỏi rằng: Vì sao dùng một loại để phân biệt ?

Đáp rằng: Tất cả sắc không có nguyên nhơn mà cũng chẳng phải chẳng có nguyên nhơn. Nguyên nhơn không tương ưng, có duyên có làm, thể sở nhiếp, có lậu, có cột chặt. Có nối kết, có lưu chuyển. Có xoay, có che chở. Chỗ gặp gỡ nơi các cõi. Có phiền não, vô ký, vô sự. Chẳng phải tâm số, tâm chẳng tương xứng. Nơi ít ham muốn cột chặt, chẳng định, chẳng thừa, chẳng cùng với lạc để khởi lên. Chẳng cùng với khổ để khởi lên. Chẳng cùng với chẳng khổ chẳng lạc khởi lên. Chẳng làm cho tụ hợp, cũng chẳng phải chẳng làm cho tụ hợp, chẳng học, chẳng phải chẳng học. Chẳng thấy chỗ dứt mất. Không có tư duy chỗ mất đi. Như thế lấy một loại, để có thể biết những cái khác. Đây gọi là sắc âm.

Hỏi rằng: Còn thọ âm thì sao ?

Đáp rằng: Lấy tướng của một thọ; dùng tâm thọ tri kia thành một. Do xứ và 2 thọ; nên gọi là thân thọ và ý thọ. Do tự tánh có 3 thọ. Đó là lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Do pháp có tứ thọ. Đó là thiện thọ, bất thiện thọ, báo thọ và sự thọ. Do căn có 5 thọ. Đó là lạc căn, khổ căn. Hỷ căn, ưu căn và xả căn. Do đen trắng có 6 thọ. Đó là hữu lậu lạc thọ, vô lậu lạc thọ, hữu lậu khổ thọ, vô lậu khổ thọ, hữu lậu bất khổ bất lạc thọ, vô lậu bất khổ bất lạc thọ. Do cửa ngõ mà có 7 thọ. Từ mắt chạm vào, sanh ra thọ. Từ tai nghe vào, sanh ra thọ. Từ mũi ngửi vào, sanh ra thọ. Từ lưỡi chạm vào, sanh ra thọ. Từ thân chạm vào, sanh ra thọ. Từ ý tiếp xúc, sanh ra thọ. Từ ý thức giới tiếp nhận vào, sanh ra thọ. Từ đó nói rộng ra 108 loại thọ. 6 loại nương vào ái để khởi lên thọ. 6 loại nương vào sự ra khỏi, khởi lên thọ. 6 loại nương vào ái ưu tư khởi lên thọ. 6 loại nương vào sự ra khỏi ái ưu khởi lên thọ. 6 loại nương vào ái xả để khởi lên thọ. 6 loại nương vào sự xuất ly xả để khởi lên thọ. Đây là 6 lần 6 thành 36 loại. Lấy 3 thời (quá khứ, hiện tại, vị lai) nhơn cho 36 thành 108 loại thọ âm.

Hỏi rằng: Thế nào là tướng âm ?

Đáp rằng: Dùng tướng một tướng, dùng tâm để biết. Dùng 2 tướng đen trắng. Nghĩa là tướng điên đảo và chẳng tướng điên đảo. Đây do 3 tướng chẳng thiện. Đó là dục tướng, sân nhuế tướng và hại tướng. Do 3 tướng thiện có tướng xa lìa, tướng không sân nhuế, tướng

chẳng hạn. Dùng 4 loại tướng chẳng biết tánh nghĩa xứ. Đó là: Bất tịnh tướng là tịnh; khổ tướng là vui; vô thường tướng là thường; vô ngã tướng là ngã và do biết nghĩa tánh xứ của 4 tướng. Đó là tướng bất tịnh; tướng về khổ; tướng về vô thường và tướng về vô ngã. Do Tỳ Ni có 5 tướng. Đó là bất tịnh tướng là tịnh; bất tịnh tướng là bất tịnh; tịnh tướng là bất tịnh; tịnh tướng là tịnh và nghi tướng. Do có 6 việc tướng. Đó là tướng về sắc, tướng về âm thanh, tướng về hương, tướng về mùi vị, tướng về xúc và tướng về pháp. Tướng lại do 7 cửa. Đó là sự tướng ấy do mắt chạm vào mà sanh ra. Sự tướng ấy từ tai chạm vào mà sanh ra. Tướng ấy từ mũi chạm vào mà sanh ra. Tướng ấy từ lưỡi chạm vào mà sanh ra. Tướng ấy từ thân chạm vào mà sanh ra. Tướng ấy từ ý chạm vào mà sanh ra. Tướng ấy từ ý thức chạm vào mà sanh ra. Như thế các loại tướng có thể biết được. Đây gọi là tướng ám.

Hỏi rằng: Thế nào gọi là hành ám ?

Đáp rằng: Đó là xúc, tư, giác, quán. Tâm, hỷ, tinh tấn, niệm. Định, huệ, mệnh căn, che lấp. Chẳng tham, chẳng sân, tâm, quý. Muốn, khen, giải thoát, xả, tác ý. Tham, sân nhuế, vô minh, mạn. Kiến, điều, hối, nghi, giải đãi, vô tâm, vô quý. Trừ thọ tướng, tất cả tâm số pháp hành ám. Đối với sự xúc này tâm này gặp sự việc. Giống như ánh sáng mặt trời gặp bức tường là tướng về nơi này. Tư có nghĩa là tâm này động như làm nhà cửa, dùng các pháp đầy đủ. Đây là sự môn túc xứ. Giác có nghĩa là tâm tạo như dùng tâm để tụng kinh. Đây là tướng về túc xứ. Quán có nghĩa là tâm này xem xét sự việc như ý nghĩa tùy theo sự suy nghĩ. Đây là giác túc xứ. Hỷ có nghĩa là tâm này hoan hỷ như người được vật. Đây chính là dũng dục túc xứ. Tâm này chính là tâm tịnh như thần chú làm cho nước trong. Đó là bốn Tu Đà Hoàn túc xứ. Tinh tấn nghĩa là tâm này dũng mãnh, như con trâu mạnh khỏe. Đó là 8 việc xứ túc xứ. Niệm có nghĩa là tâm này giữ gìn như giữ cây đèn dầu. Đó là Tứ niệm xứ túc xứ. Định nghĩa là tâm này chuyên như đèn nơi cung điện. Đây là Tứ Thiền túc xứ. Huệ có nghĩa là tâm này thấy như người có mắt. Đây là Tứ Thánh Đế túc xứ. Mệnh căn nghĩa là vô sắc pháp là thọ mệnh. Như nước Uất Ba La. Đây là Danh Sắc túc xứ. Sự che lấp nghĩa là tâm ác dùng lại xa lìa. Giống như người vui vì mạng sống lìa chất độc. Đây là Tứ Thiền Hành túc xứ. Không tham nghĩa là tâm này xả bỏ sự dính mắc, như được thoát ra khỏi trách nhiệm. Đây là ly xuất túc xứ. Chẳng sân nghĩa là tâm này chẳng sân giận, giống như da mèo. Đây là Tứ Vô Lượng túc xứ. Tàm có nghĩa là tâm này xấu hổ, giống như làm việc ác thì giận cái ác ấy, xem như tiểu giải. Đây là tự thân y túc xứ. Quý có nghĩa là tâm này sợ làm việc ác, giống như sợ ông quan lớn. Đây gọi là thế y túc xứ. Ý có nghĩa là tâm giao động diệt mất, như người quá lo về nước lạnh để tắm rửa. Đây là hỷ túc ý. Dục có nghĩa là vui làm lành như có lòng tin của Đản Việt. Đây là Tứ Như Ý túc xứ. Giải thoát nghĩa là tâm này bị che khuất như nước chảy vào chỗ sâu. Đây là giác quán túc xứ. Xả có nghĩa là tâm này chẳng đến đi, như người chấp vào sự xung hô. Đây là Tinh tiến đẳng túc xứ. Túc ý có nghĩa là tâm này làm cho khởi lên phép tắc. Như người chấp vào cái bánh lái của thuyền. Đây gọi là thiện bất thiện túc xứ. Tham có nghĩa là tâm này giữ như giữ ngỗng. Đây thuộc về khả ái, khả lạc, sắc túc xứ. Sân nhuế có nghĩa là tâm hung hăng như con rắn độc. Đây là thập sân nhuế túc xứ. Vô minh nghĩa là tâm này chẳng có chỗ thấy, như người mù. Đây gọi là Tứ Điên Đảo túc xứ. Mạn có nghĩa là tâm này cao ngạo cùng với tướng mạo. Đây là tam chủng túc xứ. Kiến có nghĩa là tâm này chấp thủ như người mù sờ voi. Đây chính là từ Thanh Văn khác bất chánh ức túc xứ. Điều có nghĩa là tâm này không tịch tĩnh, giống như nước giọt. Đây là viển tinh tấn túc xứ. Hối có nghĩa là tâm này thối lui như yêu thích việc bất tịnh. Đây là lấy việc làm lành, ác thoái túc xứ. Nghi có nghĩa là tâm này chẳng chấp thủ một thứ, như người đi xa quê, cảm thấy có 2 con đường. Đây là bất chánh tác ý túc xứ. Giải đãi có nghĩa là tâm này sa sút, như rắn lột vỏ. Đây là bất lại xứ túc xứ. Vô tâm có nghĩa là tâm này làm việc ác chẳng xấu hổ, như người Chiên Đà La. Đây là bất cung kính túc xứ. Vô quý có nghĩa là tâm này làm việc ác chẳng sợ hãi giống như ông vua ác. Đây là lục bất cung kính túc xứ. Đây nghĩa là hành ám.

Hỏi rằng: Thế nào là thức ám ?

Đáp rằng: Nhân thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiết thức, thân thức, ý giới, ý thức. Nhân thức nghĩa là mắt duyên vào sắc sanh ra thức. Đây nghĩa là nhân thức. Nhĩ thức nghĩa là tai nương vào âm thanh để sanh ra thức. Đây nghĩa là nhĩ thức. Tỷ thức nghĩa là mũi nương vào mùi thơm để sanh ra thức. Đây gọi là tỷ thức. Thiết thức nghĩa là lưỡi nương vào mùi vị để sanh ra thức. Đây gọi là thiết thức. Thân thức nghĩa là thân nương vào sự va chạm để sanh ra thức. Đây gọi là thân thức. Ý giới nghĩa là nương vào xứ 5 việc và nương vào 2 việc. 5 thức trước sau lần lượt sanh ra thức. Đây gọi là ý giới. Ý thức giới có nghĩa là trừ thức thứ 6 này, ngoài tâm. Đây gọi là ý thức giới. Bảy thức này lấy 3 hành làm chỗ nương nhiều hơn như thế nên biết. Như thế dùng đến xứ sự, dùng sự và dùng pháp.

Hỏi rằng: Sao gọi là xứ sự ?

Đáp rằng: 5 thức có nhiều xứ và nhiều sự. Như ý giới và ý thức giới thì một xứ ý giới và 5 sự ý thức giới. 6 sự 5 thức nghĩa là nội pháp nội xứ ngoại sự ý giới. Nội pháp ngoại xứ, ngoại sự ý thức giới. Nội pháp ngoại xứ, nội sự lại cũng ngoại sự. Lục thức là sơ sanh xứ, sơ sanh sự ý thức giới, đối với nhập vào thân thể trong sát na để cùng sanh xứ. Đầu tiên lấy sanh xứ. Đối với vô sắc có vô xứ tất cả sự. Như thế lấy xứ sự mà có thể biết.

Hỏi rằng: Sao gọi là sự ?

Đáp rằng: Ngũ thức mỗi một thọ là cảnh giới. Chẳng phải mỗi một lần lượt sanh; chẳng sanh trước sanh sau và chẳng tan ra để khởi lên. Dùng ngũ thức chẳng biết chỗ sở hữu pháp, trừ ra việc khởi lên lúc ban đầu. Dùng ý giới chẳng biết sở hữu pháp, trừ ý chuyển đổi. Lấy lục thức, bất an oai nghi, liền làm cho an. Dùng lục thức chẳng thọ trì thân nghiệp, khẩu nghiệp. Dùng lục thức chẳng thọ thiện, chẳng bất thiện pháp, làm cho mau thọ. Dùng lục thức chẳng nhập định và chẳng an trường mà khởi, làm cho mau vào chỗ định, lấy phần sau an trường. Dùng lục thức chẳng hết chỗ chẳng sanh; hoặc dùng phần sau; hoặc dùng sự việc hết kia, lấy quả báo ý thức giới để sanh. Dùng lục thức chẳng thấy, chẳng biết, chẳng thấy mộng, lấy hậu phần nhãn để chuyển ý giác, làm cho mau thấy mộng. Đây là việc có thể biết được.

Hỏi rằng : Thế nào là pháp ?

Đáp rằng: Ngũ thức có giác có quán. Ý giới có giác có quán. Ý thức giới lại có giới có quán. Giả sử vô giác thiếu quán và giả thiết vô giác vô quán. Ngũ thức cùng với xả cộng hành. Thân thức giả sử cùng với lạc cộng hành. Nếu cùng với khổ cộng hành. Ý thức giới giả sử cùng với hỷ cộng hành; giả sử cùng với ưu cộng hành; giả sử cùng với xả cộng hành. Ngũ thức quả báo ý giới giả sử quả báo giả phương tiện. Ý thức giới giả ra lành và giả ra chẳng lành. Giả quả báo và giả phương tiện. Lục thức không nguyên non chẳng khởi. Thế gian pháp có lậu có kết, có trói buộc, có lưu chuyển, có nguy, có che đậy. Chỗ xúc ấy có thủ có phiền não. Chẳng phải lấy thấy mà đoạn trừ. Cũng chẳng phải lấy tư duy mà trừ dứt được. Chẳng làm nên sự tụ họp mà cũng chẳng phải chẳng làm nên sự tụ họp. Phi học phi phi học. Thiếu dục giới buộc ràng, chẳng định, chẳng thừa. Ý thức giới tất cả đều hoại. Như thế dùng pháp để rõ biết hơn. Đây gọi là thức âm. Đây nghĩa là ngũ âm.

Lại nữa ngũ âm này dùng Tứ Hạnh là chỗ khá nên biết. Đây lấy câu nghĩa làm tướng, lấy sự phân biệt mà nhiếp.

Hỏi rằng: Thế nào là câu nghĩa ?

Đáp rằng: Sắc tức là sự hiện hữu. Thọ nghĩa là có thể thọ nhận. Tưởng nghĩa là sự hiểu biết. Hành nghĩa là làm việc. Thức nghĩa là sự rõ biết. Âm tức là các loại tập họp lại. Như thế nên biết là câu nghĩa.

Hỏi rằng: Thế nào là tướng ?

Đáp rằng: Sắc nghĩa là chính sắc tướng như thấy sự đâm chém và bốn đại kia là chỗ đầy đủ. Thọ nghĩa là tướng của thọ kia, giống như bịnh cùi hủi mà phải tiếp xúc. Tưởng nghĩa là lấy tướng chấp giữ làm tướng như làm tướng mạo của con voi, sự tiếp xúc kia đầy đủ. Hành

nghĩa là lấy sự hòa hợp làm tướng như vị chuyên luân, sự tiếp xúc kia đầy đủ. Thức nghĩa là lấy tướng hiểu biết như biết mùi vị. Do danh sắc kia đầy đủ. Như thế dùng tướng có thể rõ biết được.

Hỏi rằng: Vì sao lại phân biệt ?

Đáp rằng: Lấy 3 loại âm để phân biệt. Đó là ngũ âm, ngũ thọ âm, ngũ pháp âm. Đối với ngũ âm nghĩa là tất cả các pháp hữu vi. Ngũ thọ âm nghĩa là tất cả các pháp hữu lậu. Ngũ pháp âm có nghĩa là giới âm, định âm, huệ âm, giải thoát âm và giải thoát tri kiến âm. Đối với ngũ thọ âm điều này có thể vui. Như thế dùng phân biệt để có thể biết.

Hỏi rằng: Vì sao lại nhiếp ?

Đáp rằng: Có 3 loại nhiếp. Đó là nhập nhiếp, giới nhiếp và đế nhiếp. Đối với sắc âm này có 11 nhập sở nhiếp. Ba pháp âm nhập sở nhiếp, thức âm ý nhập sở nhiếp. Sắc âm 11 giới sở nhiếp; tam âm pháp giới sở nhiếp. Thức âm bảy giới sở nhiếp. Giới âm, định âm, huệ âm, giải thoát tri kiến âm. Pháp nhập và pháp giới sở nhiếp. Giải thoát âm pháp nhập và ý nhập. Cùng với pháp giới, ý thức giới sở nhiếp. Ngũ âm hoặc đế sở nhiếp; hoặc phi đế sở nhiếp. Ngũ thọ âm khổ đế và tập đế sở nhiếp. Giới âm, định âm, huệ âm, đạo đế sở nhiếp. Giải thoát âm phi đế sở nhiếp. Giải thoát tri kiến âm, khổ đế sở nhiếp. Hữu pháp là âm sở nhiếp, phi đế sở nhiếp. Hữu pháp là đế sở nhiếp, phi âm sở nhiếp. Hữu pháp là âm sở nhiếp, diệc đế sở nhiếp. Hữu pháp phi âm sở nhiếp, diệc phi đế sở nhiếp. Đối với sự có không, góc gác trời buộc của sắc và cùng với đạo tương ưng. Sa Môn quả là âm sở nhiếp. Phi đế sở nhiếp. Niết Bàn là đế sở nhiếp, phi âm sở nhiếp. Tam đế là âm sở nhiếp, diệc đế sở nhiếp. Chế nghĩa là phi âm sở nhiếp, lại phi đế sở nhiếp. Như thế là những hành. Đối với âm biết được sự phân biệt phương tiện. Đây có nghĩa là âm phương tiện.

Hỏi rằng: Thế nào là nhập phương tiện ?

Đáp rằng: Điều ấy có 12. Đó là nhân nhập, sắc nhập, nhĩ nhập, thính nhập, tỷ nhập, hương nhập, thiệt nhập, vị nhập, thân nhập, xúc nhập, ý nhập, pháp nhập. Đối với nhân nhập nghĩa là cảnh giới này thanh tịnh lấy mắt để thấy sắc. Sắc nhập có nghĩa là hình mạo của sắc giới là do mắt thấy cảnh ấy. Nhĩ nhập nghĩa là giới này thanh tịnh và lấy sự nghe âm thanh. Thanh nhập nghĩa là thế giới là tiếng kêu và lỗ tai là cảnh giới. Tỷ nhập nghĩa là thế giới này thanh tịnh và lấy đó làm thú thơm. Hương nhập có nghĩa là thế giới có mùi thơm mà mũi là cảnh giới. Thiệt nhập nghĩa là thế giới này thanh tịnh, nên rõ biết được mùi vị. Vị nhập có nghĩa là thế giới này khí vị, lưỡi là cảnh giới. Thân nhập có nghĩa là thế giới này thanh tịnh lấy sự tiếp xúc nhỏ nhẹn trơn lán. Xúc nhập có nghĩa là đối với địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, cứng, mềm, lạnh, ấm lấy thân làm cảnh giới. Ý nhập nghĩa là 7 thức giới. Pháp nhập có nghĩa là 3 vô sắc âm và 18 sắc nhỏ nhẹn và Niết Bàn. Đây nghĩa là 12 nhập. Lại nữa với 12 nhập này lấy Ngũ Hành là chỗ rõ biết hơn cả. Như thế dùng câu nghĩa làm cảnh giới, làm duyên. Tâm nhỏ nhẹn kia khởi lên rồi nhiếp.

Hỏi rằng: Sao gọi là câu nghĩa ?

Đáp rằng: Mắt đã thấy. Sắc nghĩa là hiện bày. Tai nghĩa là nghe. Âm thanh là tiếng động. Mũi nghĩa là biết mùi hôi thối. Hương nghĩa là biết mùi thơm. Lưỡi nghĩa là biết mùi vị. Vị nghĩa là khí vị. Thân đây chính là chánh tri. Xúc có nghĩa là có thể chạm vào. Ý có nghĩa là sự hiểu biết. Pháp có nghĩa là vô mệnh. Nhập có nghĩa là vô sắc pháp môn. Xúc có nghĩa là sự thọ trì. Như thế dùng câu nghĩa để biết.

Hỏi rằng: Vì sao dùng đến cảnh giới ?

Đáp rằng: Mắt, tai chẳng thấu đến cảnh giới, mũi, lưỡi, thân lại đến cảnh giới. Ý đầy đủ nơi cảnh giới. Lại cũng nói tai nghĩa là đến cảnh giới. Vì sao chỉ có sự chướng ngại nên chẳng nghe được tiếng nói. Như nói về chú thuật. Lại nói mắt nghĩa là từ chính cảnh giới này đến cảnh giới khác.

Sao lại chẳng thấy bên ngoài tường ? Như thế lấy cảnh giới mà có thể biết.

Hỏi rằng: Sao gọi là duyên ?

Đáp rằng: Duyên ấy là sự nương vào ánh sáng nơi mắt, do sự tác ý nên sanh ra nhãn thức. Đối với con mắt, đây là nhãn thức. Lấy 4 sự duyên trở thành duyên. Đầu tiên sanh ra nương vào căn mà có duyên sắc và lấy 3 duyên để trở thành duyên. Việc sanh đầu tiên có ánh sáng, dùng 3 duyên để trở thành duyên. Đầu tiên nương vào sự tác ý và dùng 2 duyên thành duyên. Lần theo là chẳng có duyên. Duyên vào lỗ tai để nghe sự không tạo tác. Ý được sanh do nhĩ thức. Lấy điều phân biệt này để phân biệt. Duyên vào mũi có gió và mùi thơm để tác ý, rồi sanh ra tỷ thức. Duyên vào lưỡi, do vị của nước tác ý, nên được sanh ra thiệt thức. Duyên vào thân để chạm xúc và ý ấy sanh ra thành thân thức. Nương vào ý pháp giải thoát để tác ý nên được sanh ra ý thức. Đối với ý này đây là tâm phần sau. Pháp nghĩa là những việc của pháp. Đây trở thành 4 loại. Lục nôi nhập, quá khứ, hiện tại, vị lai là một loại. Ngoài ra 5 loại nhập quá khứ, vị lai, hiện tại lia khỏi trừ phi nhập căn. Đây là loại thứ 2. Pháp nhập loại thứ 3 có 11 loại tạo thành tên. Cho nên lúc ấy chúng sanh phạm tội. Tất cả các tướng đầu đà, chẳng có người nào nhập định và được diệt thiên định. Suy nghĩ thật, chẳng suy nghĩ thật. Đây là loại thứ 4. Đây nghĩa là pháp sự. Kẻ chuyên tâm nghĩa là kẻ tùy theo đó mà lý giải. Tác ý nghĩa là đối với ý môn chuyên ý. Thức có nghĩa là tâm nhanh. Đối với ý này dùng làm ý thức và nương vào duyên để thành duyên. Pháp nghĩa là các việc duyên vào để thành. Giải thoát nghĩa là nương vào duyên thành duyên. Tác ý nghĩa là hai duyên thành duyên. Lần lượt duyên lại duyên, như thế lấy sự duyên vào mà rõ biết.

Hỏi rằng: Sao gọi là tâm nhỏ hẹp hơn khởi lên ?

Đáp rằng: Đối với nhãn môn có 3 loại, trừ cái hẹp ở trên, giữa và dưới. Đối với việc ở trên lấy sự hẹp ấy thành 7 tâm. Vô gián, sanh A Tỳ địa ngục. Từ nơi có sự phân tâm, chuyển thấy tâm, sở thọ tâm, phân biệt tâm, làm cho tâm khởi lên, tâm nhanh chóng và việc của tâm kia. Đối với việc phân tâm thì đây là tâm căn rồi như tơ vò. Chuyển tâm nghĩa là đối với nhãn môn, việc màu sắc ở giữa duyên vào vậy. Lấy sự duyên vào triển chuyển các cảnh giới. Nương vào nơi chốn để phân tâm mà khởi lên. Rồi lần lượt phân tâm. Kế kia vì việc thấy sắc mà thành ra thay đổi và chuyển tâm kia. Tâm chuyển lần lượt nương vào mắt để chuyển. Hiện được thấy, sanh ra tâm thấy. Tâm thấy ấy lần lượt thấy rồi nơi tâm và hiện thọ sanh thọ tâm. Thọ tâm lần lượt lấy thọ làm nghĩa. Hiện ra phân biệt, sanh ra tâm phân biệt. Tâm phân biệt lần lượt dùng nghĩa phân biệt hiện ra làm cho tâm sanh khởi. Làm cho tâm sanh khởi lần lượt làm cho khởi lên ý nghĩa. Do nghiệp của tâm đi xa nhanh. Rồi tốc hành tâm lần lượt dùng sự đi nhanh làm nghĩa. Chẳng thể dùng phương tiện sanh và việc kia làm tâm quá báo. Từ kia liền qua được sự phân tâm.

Hỏi rằng: Thí dụ như thế nào ?

Đáp rằng: Như trên cửa thành của cung vua mà nằm ngũ; như mụn nhọt của con gái Ma Vương; chỗ ngồi của phu nhon, đại thần và chính những lâu các trước cửa cung vua. Người điếc giữ cửa, nương vào cửa thành để ở. Như người giữ vườn canh trái Am La (xoài) bị rơi trước cổng. Vua nghe tiếng động và vua bị đánh thức, bảo các tỳ nữ rằng: Các người hãy mở cổng; tỳ nữ liền phụng mệnh. Dùng tướng mạo, lời nói của người mù nói và người mù giải thích ý nghĩa, liền mở cửa thành, chỉ thấy trái Am La (xoài). Vua liền cầm đao. Nữ tỳ nhận quả rồi hiện vào trong ấy làm vị Đại Thần. Đại Thần ấy cùng với phu nhân và phu nhân rửa ráy trái ấy hoặc chín, hoặc sống, để yên một nơi, rồi sau đó mới dâng quả ấy lên vua để làm thức ăn. Sau khi ăn xong liền nói công đức kia và phi công đức, rồi trở lại ngủ như một vị vua đang nằm. Như thế có tâm phân biệt nên rõ biết. Giống như người giữ vườn nhặt lấy trái Am La bị rơi trước cửa, như thế nhờ nhãn môn và màu sắc ở giữa mà có thể biết được. Như vua nghe tiếng động kia mà tự biết rồi bảo tỳ nữ mở cửa thành; như vậy là do duyên triển chuyển làm cảnh giới. Nương vào nơi ấy nên tâm phân biệt khởi lên, như thế mà biết. Như nữ tỳ dùng tướng mạo ấy mà dạy cho người mù mở cửa. Như thế tâm chuyển đổi nên biết. Như người mù

lúc mở cửa thấy trái Am La, như thế do nhãn thức mà biết được. Như lấy dao và người nữ nhận quả kia và hiện ra vị Đại Thần cầm quả Am La giao cho phu nhân. Như vậy đây là tâm phân biệt có thể biết; hoặc chín hay sống rồi để yên một chỗ, sau đó mới dâng vua. Như thế làm cho tâm khởi lên có thể biết. Như vua ăn quả kia, như vậy tâm mau chóng như thế mà biết. Như vua ăn rồi nói công đức và phi công đức. Như thế sự việc kia là kết quả, tâm ấy nên biết. Sau đó vua liền ngủ. Như vậy tâm phân biệt có thể biết. Đối với con mắt đây là một việc nằm ở giữa. Tâm nhanh chóng không có thời gian trải qua là tâm kia nằm ở khoảng dưới, rồi làm cho tâm ấy khởi lên không gián đoạn, trải qua gọi là phân tâm. Như thế ngoài ra nơi cánh cửa có thể rõ. Đối với cửa của ý không có nơi giữa, lấy duyên của sự tác ý mà giải thoát những hành động. Đối với cửa của ý thành ra việc chấp giữ. Đối với đây là việc ở trên và 3 tâm sinh ra. Đó là phân tâm, chuyển tâm và tốc tâm. Việc kia tâm ở giữa và ở dưới sanh ra 2 tâm. Đó là chuyển tâm và tốc tâm. Đối với đây có thể nhận và cũng chẳng thể nhận là việc giữa. Lấy nhiều loại duyên và nhiều loại thọ nhận để biết. Lấy việc chánh tác ý hay việc chẳng phải chánh tác ý duyên vào các việc lành hay chẳng lành để mà biết. Như thế đây là giữa tâm kia khởi lên hơn thua, như vậy nên biết.

Hỏi rằng: Sao gọi là nhiếp ?

Đáp rằng: Có 3 loại nhiếp. Đó là âm nhiếp, giới nhiếp và đế nhiếp. Đó là 10 nhập sắc âm sở nhiếp, ý nhập thức âm sở nhiếp, pháp nhập cùng Niết Bàn tứ âm sở nhiếp. 11 nhập 11 giới sở nhiếp. Ý nhập bảy giới sở nhiếp. 5 nội nhập khổ đế sở nhiếp. 5 ngoại nhập hoặc khổ đế sở nhiếp; hoặc khổ đế sở nhiếp. Ý nhập hoặc khổ đế sở nhiếp; hoặc phi khổ đế sở nhiếp. Pháp nhập hoặc Tứ Đế sở nhiếp, hoặc phi khổ đế sở nhiếp, như thế sở nhiếp có thể rõ biết. Như vậy đây là hành mà nhập vào trí làm cho khởi lên làm phương tiện. Đây nghĩa là nhập phương tiện.

Hỏi rằng: Sao gọi là giới phương tiện ?

Đáp rằng: 18 giới, nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới. Nhĩ giới, thanh giới, thanh thức giới. Tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới. Thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới. Thân giới, xúc giới, thân xúc giới. Ý giới, pháp giới, ý thức giới. Đối với mắt thanh tịnh là nhãn giới, hình sắc là sắc giới, nhãn thức là nhãn thức giới. Như thế ngoài ra nên rõ biết. Đối với ngũ môn chuyển sự thì ý giới thọ quả báo và ý giới tùy pháp mà vào, trừ pháp giới lục thức giới. Ngoại trừ tâm ý thức giới. Ngoài ra như lúc vào đầu đã nói rộng. Đối với 10 giới sắc âm sở nhiếp, pháp giới ngoài Niết Bàn tứ âm sở nhiếp. Thất giới thức âm sở nhiếp. 11 giới 11 nhập sở nhiếp. Thất giới ý nhập sở nhiếp. 11 giới khổ đế sở nhiếp. Ngũ giới hoặc khổ đế sở nhiếp; hoặc phi đế sở nhiếp. Ý thức giới hoặc khổ đế sở nhiếp; hoặc phi đế sở nhiếp.

Hỏi rằng: Sao lại nói hóa cảnh giới ?

Đáp rằng: Duy chỉ có pháp âm nhập giới này làm cảnh giới. Nói các pháp khác nhau có tướng hòa hợp làm âm nên nói là tướng môn nhập vào. Nói tự tánh tướng làm giới. Lại nữa Đức Thế Tôn vì kẻ lợi căn mà lấy âm môn để nói về khổ đế. Vì kẻ trung bình dùng nhập môn để nói về khổ đế. Vì kẻ thuần căn lấy giới môn để nói về khổ đế. Lại nữa đối với kẻ danh trước tướng, dùng sự nói năng để ngấm về sắc, lấy sự phân biệt để nói về âm. Vì người chấp trước vào sắc mà dùng phân biệt sắc để lược nói về chỗ vào. Đối với kẻ danh sắc, trước tướng thì lấy danh sắc phân biệt để nói về giới. Lại nữa nói tự tánh xứ, nói âm, nói xứ là những việc nói chỗ vào. Lấy nơi chốn nói để nói tâm khởi lên và nói giới. Như thế đó là những hành giới phân biệt phương tiện. Đây gọi là giới phương tiện.

Hỏi rằng: Những gì là non duyên phương tiện ?

Đáp rằng: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử ưu bi khổ não. Như thế đều do khổ âm khởi. Duy chỉ khi vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt rồi danh sắc diệt, danh sắc diệt rồi lục

nhập diệt, lục nhập diệt rồi thì xúc diệt, xúc diệt rồi thọ diệt, thọ diệt rồi ái diệt, ái diệt rồi thủ diệt, thủ diệt rồi hữu diệt, hữu diệt rồi sanh diệt, sanh diệt rồi ưu bi khổ não diệt.

Như vậy vô minh nghĩa là chẳng rõ biết Tứ Đế. Hành tức là những nghiệp thuộc về thân, khẩu và ý. Thức nghĩa là khi nhập thai một niệm tâm gọi tên là thức. Danh sắc nghĩa là cùng với tâm tương tục khởi lên tâm số pháp và Già La Ra sắc. Lục nhập nghĩa là lục nội nhập. Xúc tức là 6 sự va chạm nơi thân. Thọ nghĩa là 6 thọ nơi thân. Ái tức là sáu sự yêu thích của thân. Thủ gồm có 4 loại. Có kẻ do nghiệp có thể khởi lên dục sắc và vô sắc hữu. Sanh nghĩa là doi âm khởi. Lão là âm đã chín muồi. Tử nghĩa là âm ấy tan hoại.

Hỏi rằng: Sao lại vô minh duyên vào hành ? Vì sao sanh duyên vào lão tử ?

Đáp rằng: Do phàm phu vô minh không nghe và hiểu biết về Tứ Đế. Năm thọ âm đem dài vui say đắm trước những vật thuộc về ta, thành ra sở thuộc nơi kia. Cho rằng vật này, thân này là thật nên vui say và đắm trước vào đó. Hòa hợp cùng với sự có để suy nghĩ và sự suy nghĩ kia làm cho chẳng phải chỗ trí tuệ nương vào. Vì được hữu rồi thành ra trụ ở nơi hữu. Như trồng giống ở ruộng lúa, không có thứ kia làm cho có diệt. Đây nghĩa là vô minh duyên theo hành. Từ vô minh kia khởi lên hành động. Suy nghĩ vào và có sự đắm trước và có tướng ấy trở thành chỗ tập hợp rồi chuyển khởi liên tục. Thức ấy theo tâm không gián đoạn cho nên hành duyên vào thức. Như ngoài mặt trời thì không có ánh sáng. Trụ địa tăng trưởng. Như thế trừ thức không có danh sắc. Rồi không thể, trụ để sinh trưởng. Như tướng của thành ghé nương vào ghé ngồi mà triển chuyển. Cho nên gọi là thức nương vào danh sắc, rồi nương vào nơi ấy nên ngoài ra có tên và cùng sanh khởi lên. Ý nhập vào rồi tăng trưởng nương vào nhau nên gọi là mạng gồm có Tứ Đại. Ngoài ra cùng với thức ăn duyên vào và ngũ nhập tăng trưởng khởi lên. Ngoài cái này ra chẳng phải là duyên. Cho nên gọi là sắc duyên vào lục nhập. Ngoài ra căn, cảnh giới, thức hòa hợp để khởi lên xúc. Cho nên lục nhập duyên vào xúc. Xúc ấy thọ, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc chẳng khổ, chẳng vui, chẳng phải chỗ xúc. Cho nên xúc duyên vào thọ. Kẻ phàm phu ngu si thọ niềm vui ấy để trở thành đắm trước, rồi liền đó thọ khổ, mà sự đối trị ấy là niềm vui. Nếu thọ, bất khổ bất lạc xả đi thì thọ ấy duyên vào ái. Vì khát khao ái liền đến chỗ chấp thủ ái. Cho nên ái duyên vào thủ. Có thủ kia tạo ra nhiều việc nhiều loại. Cho nên thủ duyên vào hữu. Rồi do nghiệp mà sanh vào nơi các cõi. Cho nên đó gọi là sanh. Khi sanh rồi sẽ già, chết. Cho nên sanh duyên vào với lão tử. Như hạt giống làm duyên để gieo. Như thế vô minh duyên vào hành phải nên biết. Như cây thì nương vào mầm. Như thế hành duyên vào thức phải nên biết. Như mầm duyên vào lá. Như thế thức duyên vào danh sắc phải nên biết. Như lá nương vào cành. Như thế danh sắc duyên vào lục nhập phải nên biết. Như cành duyên vào gốc. Như thế lục nhập duyên vào xúc phải nên biết. Như cây nương vào hoa. Như thế xúc duyên với thọ phải nên biết. Như hoa nương vào nước tưới. Như thế thọ duyên vào ái phải nên biết. Như nước nương vào thóc. Như thế ái duyên vào thủ phải nên biết. Như thóc duyên vào giống. Như thế thủ duyên vào hữu phải nên biết. Như giống duyên vào mầm. Như thế, đây là duyên sanh nên phải biết. Như thế khởi lên mọi thứ liên tục. Do vậy mà trước đó cũng chẳng rõ và sau đó lại cũng chẳng biết. Đây là do vô minh sanh ra đầu làm nhân duyên tương tục như vậy để trước đó chẳng rõ mà sau đó cũng lại mù mờ.

Hỏi rằng: Vô minh duyên vào cái gì ?

Đáp rằng: Chỉ có vô minh duyên vào vô minh rồi sai sử trói cột duyên vào trói cột nhau, đầu làm đầu, đuôi làm đuôi. Lại nữa tất cả những phiền não, thành chỗ cho vô minh duyên vào. Như Phật đã nói: Từ lậu tập khởi lên chỗ nhóm chứa của vô minh. Lại nữa như nhứt tâm pháp lấy mắt để thấy sắc, kẻ ngu si khởi lên ái và đối với lúc ấy tịnh lạc là tâm si mê. Đây nghĩa là vô minh. Sự suy nghĩ đắm trước nên vô minh này duyên vào hành. Tâm đắm trước này và hành này duyên vào thức, biết tương ưng tâm số pháp và chỗ tạo tác ra sắc kia. Đây là thức duyên vào danh sắc. Từ ái sinh vui nên duyên vào sự vui đó, sắc vui ấy duyên vào nơi các căn than tịnh. Cho nên gọi là sắc duyên vào lục nhập. Vô minh xúc là 6 chỗ cho xúc duyên vào. Hỷ xúc duyên vào chỗ thọ dục. Thọ duyên vào ái để đắm trước, chấp thủ, vui buồn. Đây là ái

duyên vào thủ. Mà sự đấm trước suy nghĩ lấy thủ duyên vào hữu. Pháp kia khởi lên nên hữu duyên vào sanh. Sống rồi già và niêm tan hoại sẽ trở thành chết. Như thế trong từng sát na trở thành 12 nhơn duyên.

Hỏi rằng: Trong 12 nhơn duyên ấy có bao nhiêu phần gọi là phiền não và bao nhiêu phần gọi là nghiệp ? Có bao nhiêu phần gọi là quả báo ? Có bao nhiêu phần thuộc về quá khứ, vị lai và hiện tại ? Có bao nhiêu nhơn duyên và cái nào đã khởi lên ? Vì sao lại nhơn duyên ? Sao gọi là nhơn duyên pháp ? Đây là 2 vấn đề sai biệt. Sao gọi là nhơn duyên thâm tánh ?

Đáp rằng: 3 phiền não, vô minh ái chấp giữ là 2 nghiệp. Hành, hữu; ngoài ra bảy quả báo được gọi tên là phiền não. Thành nguyên nhơn cho việc sanh ra sau đó. Như họa sư vẽ màu. Việc này chẳng tự sanh. Như họa sư tạo ra màu, phiền não làm cho khởi lên. Có duyên được sanh ra như nhiều màu khác nhau. Hai quả khứ vô minh và hành; hai vị lai là sanh và lão tử. Ngoài ra 8 hiện tại. Như thế lấy 3 thời gian từ vô thủy sanh, chết tương tục phải nên biết. 12 phần nhơn duyên chẳng nên nói, trừ ra 12 nhơn duyên. Lại cũng chẳng nên nói.

Lúc ấy sao lại nhơn duyên ?

12 pháp này cứ lần lượt triểnchuyển làm nhơn vậy. Đây nghĩa là nhơn duyên khởi. 12 nhơn duyên phân ra rồi, khởi lên pháp. Đây là 2 sự sai biệt. Nhơn duyên nghĩa là các hành sai biệt, chẳng thành tựu, chẳng thể nói; hoặc hữu vi; hoặc vô vi. Chẳng nên nói. Do khởi lên nhơn duyên pháp hành rồi thành tựu hữu vi. Đây là 2 pháp sai biệt.

Thế nào là nhơn duyên thâm tánh ?

Đây là hành, đây là tướng – thành ra vô minh hành. Duyên vào hành kia và tướng tánh kia. Thánh nhơn chẳng duyên vào kia, dùng trí huệ sáng suốt để thông đạt. Như thế tất cả đây nghĩa là nhơn duyên thâm tánh. Lại nữa đây là nhơn duyên. Dùng 7 hành để có thể biết. Như vậy 3 tiết và 4 lược qua, dùng 12 hành, như bánh xe quay, lấy phân biệt, dùng tương tục.

Vì sao lại lấy 3 tiết ?

Các hành và thức. Thời gian này là tiết một. Thọ và ái, thời gian kia là tiết hai. Hữu và sanh, thời gian kia là tiết ba. Đối với quả khứ lấy nghiệp phiền não duyên vào với quả báo hiện tại. Đây là tiết thứ nhất. Đối với quả báo hiện tại duyên vào phiền não hiện tại. Đây là tiết 2. Đối với phiền não hiện tại duyên vào quả báo của vị lai. Đây là tiết thứ 3. Thứ nhất và thứ ba là nhơn quả tiết và hữu tiết. Tiết thứ 2 là nhơnquả tiết và phi hữu tiết.

Hỏi: Hữu tiết nghĩa là gì ?

Đáp: Kết cuộc là không có khoảng thời gian và chưa qua âm nhập giới. Do nghiệp phiền não đầu tiên duyên vào vậy. Ở nơi các cõi khác lại sanh vào. Đây gọi là sanh tiết.

Hỏi: những gì là thành ?

Đáp: Đó là sự nghiệp vào vô minh ái tương ưng với chỗ tạo ra công đức. Kẻ phàm phu còn nghiệp ác, lúc bấy giờ chết đi rồi thọ khổ, để vào chỗ xác chết. Chẳng thấy đời này, chẳng thấy đời khác; niêm mất chẳng thể niêm được; lúc ấy thọ sanh vào đường khổ, ý niêm và trí tuệ thoái lui; thân mạnh khỏe cũng không còn, các căn dần dần mất sức. Từ thân này hoặc phần trên hoặc phần dưới, mệnh căn mất thì khô cứng lại giống như lá đa la khô vậy. Lúc ấy như nằm mộng, từ n nghiệp mà 4 pháp khởi lên như nghiệp, tướng của nghiệp; cõi và tướng của cõi ấy.

Thế nào là nghiệp ?

Đây là chỗ tạo tác hoặc có công đức; hoặc chẳng có công đức. Hoặc nặng, hoặc nhẹ, hoặc nhiều, hoặc ít. Như gàn thì nơi này đầu tiên tạo ra và nghiệp kia liền khởi. Nghiệp tướng nghĩa là nương vào chỗ tạo nghiệp nơi kia và ở nơi kia liền khởi, nghiệp quyền thuộc sẽ theo nghiệp tướng mà khởi. Theo thời gian ví như trong hiện tại tạo nghiệp bthì ở nơi cõi ấy công

đức duyên theo cõi thiện mà khởi. Nếu chẳng có công đức thì duyên theo nơi đường dữ để khởi. Đây gọi là tướng nghiệp. Khi nhập thai có đủ 3 việc hòa hợp nên được sanh ra. Nếu hóa sanh thì nương vào nơi nơi để sanh. Đây là theo chỗ sanh mà khởi; hoặc nơi cung điện; hoặc chỗ ngò; hoặc nơi núi; hoặc nơi cây; hoặc nơi sông ngòi, tùy theo cõi này và cùng với tướng chấp thủ để khởi rồi đúng lúc, kia lại sanh nơi kia; hoặc ghé vào; hoặc ngò; hoặc nằm, thấy kia, thấy chấp giữ. Đối với lúc ấy là chỗ tạo nghiệp đầu tiên và nghiệp tướng. Hoặc cõi và tướng của cõi. Việc làm ấy nhanh chóng hiện khởi mất đi trong tâm và khi mệnh chung thì đến nhanh với tâm vô giác. Cùng với mạng căn mất, thành mạng sống. Cuối cùng tâm vô gián lần lượt lấy tâm nhanh ấy để khởi. Duy chỉ có nghiệp kia và nghiệp tướng kia, hoặc khởi lên hoặc chấp vào tướng, tạo nên quả báo ở tâm và tạo thành sự hiện hữu về sau giống như đèn và ánh sáng. Như từ trái cầu lửa phát ra lửa. Khi tiết tâm kia khởi rồi cũng giống như quyền thuộc nơi bụng mẹ và nương vào đồ bất tịnh của cha mẹ. Từ đó 30 loại sắc nghiệp là chỗ tạo thành và thành ra chỗ khởi. Nơi thân có 10 và với kia sự già chỉ trong sát na và không tâm hồi tiếc. 46 sắc thành chỗ khởi lên. Nghiệp là chỗ tạo ra 30 thực tiết mà thành. Có 2 sắc và 8 vô tâm quá tiết sắc. Đối với việc già trong sát na cùng với 2 tâm này và 54 sắc thành ra chỗ khởi. Nghiệp là chỗ thành 30 thức ăn để tạo ra. Ba sắc và 8 loại như thế khởi lên. Thức duyên vào danh sắc và danh sắc duyên vào thức. Như thế thành hữu tiết. Đối với đây thành 3 tiết có thể rõ biết.

Hỏi: Thế nào là tứ lược ?

Đáp: Vô minh hành ở nơi quá khứ nghiệp phiền não lược. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ đối với hiện tại là quả báo lược. Ái, thủ, hữu đối với nghiệp trong hiện tại phiền não lược, sanh, lão, tử đối với quả báo vị lai lược. Như thế dùng tứ lược có thể rõ.

Hỏi: Những gì là 20 hành ?

Đáp: Lấy thủ, vô minh ở quá khứ ái và thủ. Dùng tướng phiền não thành chỗ chấp giữ. Dùng thủ, hành quá khứ hữu và lấy nghiệp tướng thành chỗ chấp thủ. Đó là chấp giữ vào thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ. Hiện tại dùng tướng của quả báo sanh và già chết thành chỗ chấp thủ. Dùng sự chấp thủ về ái trong hiện tại mà tướng phiền não thành chỗ chấp thủ. Dùng thủ, hữu trong hiện tại hành mà nghiệp tướng thành chỗ chấp thủ. Dùng chỗ chấp giữ về sanh, già, chết ở vị lai mà thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ thành chỗ chấp thủ. Đây là 24 pháp lấy sự chấp thủ này để thành tựu và trở thành 20. Như A Tỳ Đàm đã nói. Với nghiệp đầu tiên do ngu si, đây chính là vô minh, rồi tụ hội lại nơi các hành, rồi đấm trước về ái, rồi lại chấp giữ vì suy nghĩ là có. Đây là 5 pháp đối với sự sanh hữu này. Chỗ tạo nghiệp đầu tiên đây là duyên. Chẳng rõ những chỗ ngu si và đây là vô minh. Tụ họp lại là hành. Đấm trước là ái; tìm là sự chấp giữ; suy nghĩ là có. Đây là 5 pháp đối với nghiệp hữu. Vì tương lai sanh ra nên duyên vào. Lúc sanh ở vị lai thì thêm thức, là danh sắc thanh tịnh, là nhập vào chỗ xúc, là xúc thủ, là thọ. Đây là 2 pháp đối với vị lai sanh hữu. Với đây là chỗ tác nghiệp, là chỗ duyên vào. Như thế dùng 20 hành có thể rõ biết.

Sao gọi là luân ?

Vô minh duyên vào hành, hành duyên vào thức cho đến sanh duyên vào lão tử. Như vậy tất cả đều là khổ ấm khởi lên và làm cho khổ ấm này chẳng rõ. Đây nghĩa là vô minh rồi vô minh nương vào hành, lại như thế mà luân chuyển có thể rõ biết.

Sao gọi là khiên (dẫn dắt) ?

Hai sự dẫn dắt. Cho nên vô minh là chỗ ban đầu rồi lão tử cũng là chỗ ban đầu là có.

Hỏi: Những gì về vô minh là chỗ ban đầu ?

Đáp: Sẽ nói lần lược.

Những gì là lão tử chỗ ban đầu ? - Sẽ lần lược điếm qua sau.

Lại nữa vô minh là chỗ ban đầu là hữu biên tế, về mặt vị lai biết đường. Lão tử là chỗ ban đầu, sơ biên tế, về mặt quá khứ biết đường. Như thế dùng khiên (chỗ dẫn dắt) ấy mà rõ biết.

Hỏi: Sao gọi là phân biệt ?

Đáp: Có 2 loại nhơn duyên. Đó là thể gian nhơn duyên và xuất thể gian nhơn duyên. Với đây thì vô minh là chỗ đầu tiên.

Hỏi: Sao gọi là xuất thể nhơn duyên ?

Đáp: Khổ nương vào khổ. Lòng tin nương vào lòng tin. Hi nương vào hi. Mạnh mẽ nương vào mạnh mẽ. Vui nương theo vui. Lạc nương theo lạc. Định nương theo định. Như thật tri kiến nương vào như thật tri kiến. Yếm hoạn (lo lắng) nương vào yếm hoạn. Vô dục nương vào vô dục. Giải thoát nương vào giải thoát diệt trí. Đây nghĩa là xuất thể gian nhơn duyên.

Lại nói có 4 loại nhơn duyên. Đó là nghiệp phiền não làm nhơn, hạt giống làm nhơn, có chỗ tạo tác và cộng nghiệp làm nhơn.

Hỏi: Sao gọi là nghiệp phiền não làm nhơn ?

Đáp: Vô minh là khổ đầu tiên.

Hỏi: Sao lại là hạt giống làm nhơn ?

Đáp: Như trồng cây thì mầm sẽ tiếp tục mọc.

Hỏi: Sao lại có chỗ tạo tác ?

Đáp: Như hóa ra cảnh giới.

Hỏi: Sao gọi là cộng nghiệp làm nhơn ?

Đáp: Giống như đất, tuyết, núi, biển, mặt trời, mặt trăng. Lại cũng có nói rằng đây chẳng phải là nhơn duyên của cộng nghiệp mà là các sắc tâm pháp lấy thời tiết làm nguyên nhơn. Chẳng có cái nào là cộng nghiệp. Như Đức Thế Tôn đã nói bài kệ sau đây:

Nghiệp chẳng cùng với kia

Chỗ chứa kia chẳng giống

Do người tạo công đức

Điều này chính được tốt

Như thế mà phân biệt để rõ biết.

Hỏi: Những gì là tướng nhiếp ?

Đáp: Bốn loại tướng nhiếp. Đó là âm tướng nhiếp, nhập tướng nhiếp, giới tướng nhiếp và đế tướng nhiếp. Đây là vô minh, hành, xúc, ái, thủ, hữu, hành âm sở nhiếp. Thức và thức âm sở nhiếp. Danh sắc tứ âm sở nhiếp. Lục nhập nhị âm sở nhiếp. Thọ, thọ âm sở nhiếp. Sanh, lão tử sắc âm sở nhiếp. Cùng với hành âm sở nhiếp. Vô minh, hành, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử pháp nhập sở nhiếp. Thức ý nhập sở nhiếp. Danh sắc ngũ nội nhập sở nhiếp. Lục nhập lục nội nhập sở nhiếp. Vô minh, hành, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử pháp giới sở nhiếp. Thức, ý thức giới sở nhiếp. Danh sắc ngũ giới sở nhiếp. Lục nhập 12 đế sở nhiếp. Vô minh, ái, thủ 10 đế sở nhiếp. Ngoài ra 9 khổ đế sở nhiếp. Xuất thể nhơn duyên đạo phần, đạo đế sở nhiếp. Nhơn duyên diệt, diệt đế sở nhiếp. Như thế tương nhiếp với nhau có thể rõ biết. Như thế dùng hành là nhơn duyên phương tiện có thể rõ biết. Đây nghĩa là nhơn duyên phương tiện vậy.

LUẬN VỀ CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT **Quyển thứ 11**

- *A La Hán Ưu Bà Đề Sa (Đời nhà Lương gọi là Đại Quang) tạo ra luận này bằng chữ Phạn.*
- *Đời nhà Lương, người nước Phù Nam, Ngài Tam Tạng Tăng Già Bà La dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt, ngày 14 tháng 6 năm 2006.*

Năm Phẩm Phương Tiện **Phần thứ 2**

Hỏi: Thế nào là Thánh Đế phương tiện ?

Đáp: Đó là Tứ Thánh Đế, gồm khổ Thánh Đế, khổ tập Thánh Đế, khổ diệt Thánh Đế và khổ diệt đạo Thánh Đế.

Hỏi: Sao gọi là khổ Thánh Đế ?

Đáp: Sanh khổ, lão khổ, tử khổ, ưu khổ, ưu bi khổ não khổ, khổ khổ, oán tắng hội khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ. Lược nói là ngũ thọ ấm khổ.

Sanh khổ nghĩa là đối với chúng sanh trông các loại ấm khởi lên. Đây là tất cả nghĩa của khổ tập.

Lão khổ nghĩa là sự sanh nơi các giới đã chín muồi và bị mất mát sức lực cũng như nơi các căn niệm huệ.

Tử khổ nghĩa là thọ mạng đã hết, tạo ra sự sợ hãi.

Ưu khổ có nghĩa là cho đến khổ xứ, tâm phải suy nghĩ. Trong này có nghĩa thiêu đốt.

Ưu bi khổ nghĩa là khổ cho đến lờnói. Nghĩa là trong ngoài đều bị thiêu đốt.

Khổ khổ nghĩa là thân khổ. Đây là nguyên nhơn khổ của thân.

Não khổ nghĩa là tâm khổ và nguyên nhơn này làm cho tâm khổ.

Oán tắng hội khổ nghĩa là cùng với chúng sanh ưa thích mà phải sống chung nhau. Đây nghĩa là tạo nên khổ.

Ái biệt ly khổ nghĩa là cùng với chúng sanh ưa thích nhưng bị phân tán ly biệt. Đây nghĩa là tạo ra sự ưu khổ.

Cầu bất đắc khổ nghĩa là vui được vào chẳng thể vui về ái biệt ly, vui có thể yêu thích cùng hòa hợp. Đây nghĩa là chẳng được, mất niềm vui.

Ở đây lược là ngũ thọ ấm khổ, nghĩa là chẳng lia ngũ thọ ấm khổ. Cho nên lược nói ngũ thọ ấm khổ.

Hỏi: Những gì là ngũ thọ ấm ?

Đáp: Sắc thọ ấm, bịnh thọ ấm, tướng thọ ấm, hành thọ ấm và thức thọ ấm. Như ấm phương tiện đã nói rộng, như thế nên biết. Đối với đây 2 loại khổ, xứ khổ và tự tánh khổ. Với đây là sanh khổ, tử khổ, oán tắng hội khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ. Ở đây lược bớt gọi là ngũ thọ ấm khổ. Đây nghĩa là xứ khổ. Còn ưu khổ, ưu bi khổ não khổ gọi là tự tánh khổ.

Có 3 loại khổ; đó là khổ khổ, hoại khổ và hành khổ. Đối với thân khổ và tâm khổ. Đây gọi là khổ khổ. Thọ niềm vui hữu lậu và nơi kia hoại đi. Đây gọi là hoại khổ. Ngũ thọ ấm hành khổ. Đây nghĩa là khổ tập đế.

Hỏi: Những gì là khổ tập Thánh Đế ?

Đáp: Ái làm cho sanh lại và cùng với dục khởi lên, nơi nơi khởi lên. Như thế dục ái, hữu ái, bất hữu ái và ái này làm cho sanh trở lại. Nhiều hữu ái sẽ làm cho yêu thích việc sanh ra.

Khổ tập nghĩa là duy chỉ có ái chẳng cùng nên nói là khổ tập.

Cùng với dục cộng khởi, nghĩa là chỉ có ái làm cho sự vui thích khởi lên, làm cho nhiễm ô, gọi là nhiễm. Cùng với sự nhiễm ô, khởi lên niềm vui.

Khởi có nghĩa là nơi nơi làm cho thân tánh khởi lên, nơi này vui thích; nơi này có thể yêu mến sắc màu; nơi này thích thú. Như thế dục ái, hữu ái, phi hữu ái; trừ hữu ái và bất hữu ái. Ngoài ái ra là dục ái. Hữu ái là cùng với sự thấy thường cùng khởi lên. Phi hữu ái nghĩa là cùng với đoạn kiến cùng khởi lên. Đây nghĩa là khổ tập Thánh Đế.

Hỏi: Sao gọi là khổ diệt Thánh Đế ?

Đáp: Duy chỉ có ái diệt vô dư. Xa rời, xả bỏ, giải thoát không nơi. Đây gọi là khổ diệt Thánh Đế.

Hỏi: Như thế không đúng, điều này lại như tập diệt. Vì sao Đức Thế Tôn lại nói khổ là nguyên nhơn diệt ?

Đáp: Khô là nguyên nhơn diệt nên thành bất sanh diệt, ứng với nghĩa là chứng. Cho nên tập diệt, nên Đức Thế Tôn nói khô diệt.

Hỏi: Những gì là khô diệt đạo Thánh Đế ?

Đáp: Đây là Bát Thánh Đạo. Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Chánh kiến nghĩa là Tứ Đế trí.

Chánh tư duy nghĩa là tư duy 3 việc lành.

Chánh ngữ nghĩa là lìa 4 việc nói ác.

Chánh nghiệp nghĩa là lìa 3 nghiệp làm ác.

Chánh mệnh nghĩa là lìa đời sống tà.

Chánh tinh tấn nghĩa là tứ chánh cần.

Chánh niệm nghĩa là Tứ Niệm xứ.

Chánh định nghĩa là Tứ Thiền.

Lại nữa nếu kẻ tu hành Thánh Đạo thì với Niết Bàn rõ thấy. Đây nghĩa là chánh kiến. Chỉ có rõ biết Niết Bàn thì đây là chánh tư duy. Đoạn bỏ lời nói tà, đó là chánh ngữ. Đoạn bỏ tà nghiệp, đó là chánh nghiệp. Đoạn bỏ tà mạng kia, đó là chánh mệnh. Đoạn bỏ tà tinh tấn, đó là chánh tinh tấn. Đối với Niết Bàn nhớ nghĩ, đó là chánh niệm. Đối với Niết Bàn chuyên tâm, đó là chánh định.

Đối với kẻ huệ căn, huệ lực và như ý túc thì trạch pháp giác phần trở thành và vào bên trong chánh kiến. Tinh tấn căn, tinh tấn lực, tinh tấn như ý túc, dục như ý túc. Tinh tấn giác phần, tứ chánh cần trở thành nhập vào bên trong tinh tấn. Niệm căn, niệm lực, niệm giác phần, tứ niệm xứ thành nhập vào bên trong chánh niệm. Định căn, định lực, tâm như ý túc; tín căn, tín lực, định giác phần, hỷ giác phần, ý giác phần, xả giác phần thành nhập vào bên trong chánh định. Như thế 37 pháp giác ngộ trở thành và nhập vào bên trong của Bát Thánh Đạo. Đây nghĩa là khô diệt Đạo Thánh Đế. Đây nghĩa là Tứ Thánh Đế.

Hỏi: Sao gọi là Tứ Thánh Đế mà chẳng phải 3 hay chẳng phải 5 ?

Đáp: Tất cả nghi, vì thế gian, xuất thế gian, quả và nhơn nên thành ra bốn.

Hỏi: Những gì là Thế Đế quả, khô tập thế đế nhơn quả ?

Đáp: Diệt xuất Thế Đế quả. Đạo xuất Thế Đế nhơn, rồi duyên vào nhau mà làm 4. Chứ chẳng phải 3 hay 5. Lại nữa nên biết, nên đoạn, nên chứng, nên tu. Dùng 4 câu ấy nên trở thành 4. Đây là Tứ Thánh Đế lấy 11 hành có thể khá biết rõ hơn. Như thế dùng câu nghĩa, dùng tương và lần lượt bỏ đi, lấy thí dụ, dùng phân biệt, dùng đếm số, dùng một rồi nhiều, rồi lần lượt rộng ra để tương nhiếp nhau.

Hỏi: Những gì là câu nghĩa ?

Đáp: Đó là Thánh Đế vậy. Thánh nhơn hay nói; nên gọi là Thánh Đế vậy. Chỗ kia thông đạt, thành Thánh Đế. Đế ở đây có nghĩa là như thật, chẳng có nghĩa khác. Là tự tướng chẳng phải nghĩa khác. Khô có nghĩa là cái quả, còn tập mới là nguyên nhơn. Diệt nghĩa là tùy theo đó mà mất. Đạo chính là thấy được nghĩa đệ nhất. Như thế là câu nghĩa có thể rõ biết.

Hỏi: Cái gì lấy làm tướng ?

Đáp: Khô chính là tướng của sự lo toan. Tập chính là nguyên nhơn của tướng. Diệt chính là tướng bất sanh. Đạo ấy là tướng phương tiện. Lại nữa khô nghĩa là tướng bách não, tướng ưu sầu, tướng hữu vi, tướng hữu biên. Tập chính là tướng tụ họp, tướng nhơn duyên, tướng hòa hợp, tướng chấp trước. Diệt chính là tướng xuất ly, tướng tịch tĩnh, tướng vô vi, tướng đề hồ. Đạo chính là tướng của sự chuyên chở làm cho đến được, tướng thấy, tướng nương nhờ. Như thế những tướng khác nên rõ biết.

Hỏi: Những gì là thứ đệ ?

Đáp: Dùng nghĩa thô và nghĩa chúng. Đầu tiên nói khổ đế. Đây là khổ, đây là sanh, là phần 2 của tập. Đây là tập diệt, là khổ diệt. Đệ tam diệt. Đây là phương tiện làm thật diệt. Lần thứ 4 nói về đạo. Như một vị thầy thuốc rõ biết. Đầu tiên thấy rõ nguyên nhân của bệnh, sau đó liền hỏi bệnh duyên. Vì muốn cho lành bệnh; nên theo bệnh ấy nói để bốc thuốc. Như vậy bệnh ấy theo khổ, khá nên rõ biết. Như vậy bệnh ấy là nhơn duyên như tập, phải nên rõ biết. Như vậy bệnh hết, như thoát khỏi, nên rõ biết. Như vậy thuốc men chính là con đường, phải nên rõ biết. Như thế dụ cho sự thuận theo, nên rõ biết.

Hỏi: Những gì lược bớt đi ?

Đáp: Sanh là khổ, làm cho sanh ra ấy là tập. Khổ dừng chính đó là diệt. Làm cho dừng lại ấy là đạo. Phiền não chính là khổ. Phiền não chính là tập. Đoạn trừ phiền não chính là diệt. Đoạn trừ phương tiện chính là đạo. Khổ hay khởi lên đóng các cửa nơi thân. Tập có thể khởi lên, khai mở và đoạn diệt nơi các cửa. Diệt có thể khởi, khai mở thường thấy nơi các cửa. Đạo có thể khởi, khai mở cửa tà kiến. Như thế gọi là lược, phải nên rõ biết.

Hỏi: Những gì là thí dụ ?

Đáp: Như cây độc, chính là khổ, nên rõ biết. Như trồng cây ấy, chính là tập, nên rõ biết. Như vậy đốt cây ấy đi, chính là diệt, nên rõ biết. Lửa ấy chính là đạo, nên rõ biết. Như ở bờ này có khổ, có sợ hãi; khổ như thế, nên rõ biết. Như lưu chảy, chính là tập, nên rõ biết. Như ở bờ kia không khổ, không sợ hãi. Như vậy là diệt, nên rõ biết. Như thuyền bè có thể chở người qua. Như thế chính là đạo, nên rõ biết. Như cái vạc là khổ, nên rõ biết. Như giữ lấy cái vạc là tập, nên rõ biết. Như đã yêu cái vạc ấy chính là diệt, nên rõ biết. Như dùng phương tiện để yên cái vạc ấy chính là đạo, nên rõ biết. Như thế dùng thí dụ, nên rõ biết.

Hỏi: Phân biệt thế nào để rõ biết được ?

Đáp: Bốn chúng đế, ngũ đế, các các đế, đệ nhất nghĩa đế, Thánh Đế. Ở đây chỉ nói lời chơn thật, chẳng hề hư dối. Đây nghĩa là ngũ đế. Đối với các các đế tức vào trong sự thấy to lớn. Đây nghĩa là các các đế. Đế kia nếu Tỳ Kheo mà nói dối, tức là ngu si pháp. Nếu kẻ kia chẳng vọng ngữ ngu si pháp, chính ấy là chân lý. Niết Bàn đệ nhất nghĩa đế vậy. Đây là chỗ tu hành của Thánh nhơn. Ấy chính là Thánh Đế với đây là chỗ lạc Thánh Đế. Như thế nên phân biệt để rõ biết.

Hỏi: Những gì là số khả tri ?

Đáp: Trừ ái, nơi Tam Địa Thiện và bất thiện, vô ký pháp chính là khổ đế. Ái chính là tập đế. Đoạn cái kia chính là diệt đế. Nhập vào tám con đường, ấy chính là Đạo Đế. Lại nữa trừ ái và ngoài ra là phiền não. Nơi đệ tam địa thiện và bất thiện, vô ký pháp chính là khổ đế. Ái và ngoài ra phiền não chính là tập đế. Đoạn trừ cái kia chính là diệt đế. Đạo chính là đạo đế. Lại nữa trừ ái và ngoài ra là phiền não, tất cả đều là bất thiện. Đối với Tam địa thiện, hữu ký pháp chính là khổ đế. Ái lại cùng với phiền não, tất cả bất thiện đều là tập đế. Đoạn cái kia đi, chính là diệt đế. Đạo chính là đạo đế. Lại nữa trừ ái và phiền não và tất cả là bất thiện. Đối với tam địa bất thiện, đối với tam địa vô ký pháp ấy chính là khổ đế. Ái và ngoài ra là phiền não cùng tất cả bất thiện. Đối với Tam địa thiện, đây là tập đế. Đoạn trừ cái kia đi là diệt đế. Đạo chính là đạo đế. Đối với chỗ khí vị, ấy chính là ái. Tập có nói kết sự sai sử. Ngoài ra phiền não chính là tập, mà có thể đoạn được, rồi làm cho khởi lên có ý nghĩa. Tất cả những việc bất thiện là tập, rồi làm cho có nghĩa. Đối với Tam địa, Thiện pháp chính là tập. Đối với ái này và ngoài ra là phiền não, chính là tập. Tất cả bất thiện nơi tam địa và thiện; hoặc khổ đế; hoặc tập đế, bức não, ưu, hữu vi, hữu biên tướng, cho nên thành ra khổ đế. Tụ họp chính là nhơn duyên đằm trước với tướng hòa hợp; nên thành tập đế. Như thế dùng số có thể rõ biết được.

Hỏi: Những gì là nhưt khả tri ?

Đáp: Bốn đề này cùng 4 hành làm một, mà nghĩa của đề là như nghĩa, là pháp nghĩa và là nghĩa không. Như thế dùng một đề có thể rõ biết.

Hỏi: Những gì là chủng chủng khả tri ?

Đáp: Hai đề. Đó là thế đế và tục đế. Thế đế có nghĩa là hữu lậu, hữu kết, có cột ràng, có lưu chuyển, có xoay vần, có che đậy, có thể chạm vào. Có chấp thủ, có phiền não; cho nên có khổ và tập. Xuất thế đế nghĩa là: Vô lậu, vô kết, không trói buộc, không lưu chuyển, không xoay vần, không che, chẳng thể chạm vào, không chấp giữ và không phiền não. Cho nên đây gọi là diệt đạo. Tam đế là hữu vi còn diệt đế là vô vi. Tam đế vô sắc; khổ đế hữu sắc và vô sắc. Tập đế bất thiện. Đạo đế là con đường lành. Diệt đế là vô ký. Khổ đế gồm thiện, bất thiện, vô ký. Khổ đế có thể rõ biết. Tập đế có thể đoạn; diệt đế có thể chứng, đạo đế có thể tu. Như thế đủ loại có thể rõ biết.

Hỏi: Những gì là thứ đệ quảng ?

Đáp: Dùng một loại, thân có thức chính là khổ. Tập ngã mạn; đoạn trừ cái kia tức là diệt. Thân niệm chính là đạo. Dùng 2 loại thì danh sắc tức là khổ, mà vô minh, hữu ái chính là tập. Đoạn cái kia đi chính là diệt. Xa Ma Tha, Tỳ Bà Xá Na chính là đạo. Dùng 3 loại để thành; cho nên khổ khổ chính là khổ đế. Ba bất thiện căn chính là tập. Đoạn trừ cái kia đi, ấy là diệt. Giới, định, huệ chính là Đạo. Dùng 4 loại để thành thì tứ thân tánh xứ, ấy là khổ. Bốn điên đảo ấy là tập. Đoạn trừ sự điên đảo đi, chính là diệt. Tứ niệm xứ, ấy là Đạo. Dùng 5 loại để thành, đó là 5 cõi chính là chỗ khổ. 5 sự che đậy ấy là tập; đoạn trừ những che đậy ấy đi gọi là diệt. Ngũ căn chính là Đạo. Dùng 6 loại để thành thì lục xúc nhập chính là khổ. Lục ái thân chính là tập. Đoạn trừ ái thân kia đi, chính là diệt. 6 pháp xuất ly chính là Đạo. Dùng 7 loại để thành gồm bảy thức trụ, chính là khổ. Bảy sử ấy chính là tập. Đoạn trừ 7 sử ấy chính là diệt. 7 phần Bồ Đề chính là Đạo. Dùng 8 loại để thành, ấy là 8 pháp thế gian chính là khổ. 8 tà biên chính là tập. Đoạn trừ 8 tà biên ấy là diệt. Bát Chánh Phần, ấy là Đạo. Dùng 9 loại để thành như nơi 9 chúng sanh cư trú, ấy là khổ. Cửu ái căn pháp chính là tập. Đoạn trừ cái kia đi, ấy là diệt. Cửu chánh tác ý căn pháp, ấy là Đạo. Dùng 10 loại để thành gồm thập phương hành, 1 ấy là khổ. Thập kết sử, đó là tập. Đoạn trừ kết ấy đi, chính là diệt. Thập tướng chính là Đạo. Như thế lần lượt nói rộng ra để rõ.

Hỏi: Nhiếp là những gì ?

Đáp: Có 3 loại nhiếp. Đó là ám nhiếp, nhập nhiếp và giới nhiếp. Đây đối với khổ đế ngũ ấm sở nhiếp. Tập đế và đạo đế hành ám sở nhiếp. Diệt đế phi ám sở nhiếp. Khổ đế 12 nhập sở nhiếp. Tam đế pháp nhập sở nhiếp. Khổ đế thập bát giới sở nhiếp. Tam đế pháp giới sở nhiếp. Như thế lấy sự nhiếp phục có thể rõ biết. Dùng hành này nơi Thánh Đế để rõ biết và làm cho khởi lên. Đây nghĩa là Thánh Đế Phương Tiện.

Luận Về Con Đường Giải Thoát
Phẩm Phân Biệt Chân Lý
Thứ 11 Phần 1

Lúc ấy kẻ tọa thiền rõ biết nơi âm giới, nhập vào chơn lý nhọn duyên, rồi được nghe giới, hoặc Tu Đà Thiên. Đối với kẻ phạm phu chưa rõ được chỗ giải thoát nơi cõi ác sợ hãi, rồi xem thấy chỗ xấu ác, nên sợ hãi. Rồi quán xem về sanh tử trong vô thủy nên lo. Rồi quán trong một sát na chẳng thể được. Rồi quán 300 mũi kim châm, rồi quán về thiêu đốt nơi đầu về ái dục, chưa phân biệt rõ Tứ Thánh Đế rồi vì đó mà phân biệt Tứ Thánh Đế, nên làm phương tiện, rồi tạo ra dục, rồi tạo ra dũng mãnh, tinh tấn. Chuyên tâm duyên niệm đầy đủ và làm cho sung mãn.

Hỏi: Đương tác những gì ?

Đáp: Người tọa thiền kia đầu tiên sẽ nghe về Tứ Thánh Đế; hoặc lược bớt đi; hoặc nói rộng ra; hoặc vừa lược vừa nói rộng. Dùng sự nghe, nghĩa ấy và đọc tụng để thọ trì. Lúc ấy chính là lúc người tọa thiền nhập vào tịch tịnh. Ngồi nơi đâu tâm cũng không loạn và không có tâm đến đi. Tứ Chánh Đế làm cho khởi lên. Đầu tiên làm cho khổ để khởi lên; hoặc là ám; hoặc là nhập; hoặc là giới âm pháp. Dùng tự tướng, dùng âm tướng và làm cho khởi lên. Như âm phương tiện đã nói rộng. Như thế nên biết rõ.

Nhập có nghĩa là nhập tương ưng làm cho khởi lên, như nhập phương tiện đã nói rộng. Như thế phải nên rõ biết. Giới có nghĩa là giới tương ưng làm cho khởi lên. Như giới phương tiện đã nói rộng. Như thế nên rõ biết. Kẻ tọa thiền kia như thế dùng âm nhập giới. Chỉ có hữu âm nhập giới; chẳng có chúng sanh, không có mạng sống. Rồi làm cho khởi lên rồi được hành tướng. Lúc ấy lược bớt chỉ làm cho 2 loại khởi lên. Cho nên gọi là danh sắc. Đối với sắc âm đây là 10. Rồi vào 10 giới sắc. Tứ âm ý nhập thất giới. Đây tên là Pháp nhập pháp giới; hoặc danh; hoặc sắc; dư danh; dư sắc. Dư sắc dư danh nghĩa là không có sắc. Sắc ấy chính là không tên gọi. Danh ấy chính là sắc chẳng lia. Sắc ấy chính là danh chẳng lia. Như nghe tiếng trống tuy chỉ nương vào danh sắc để sanh rồi nương vào sắc mà danh sanh ra. Như người mù què chân đi xa.

Hỏi: Danh sắc sai biệt như thế nào ?

Đáp: Danh chính là không có thân. Sắc chính đó là có thân. Danh nghĩa là hữu sở trí. Sắc tức là vô sở trí. Danh nghĩa là chuyển nhanh. Sắc nghĩa là chuyển trì trệ. Danh nghĩa là không tụ họp. Còn sắc là chỗ tụ họp. Danh nghĩa là giác trí, rõ thức. Còn sắc thì không được điều này. Sắc nghĩa là đi, đứng, nằm, ngồi có hình dáng. Còn danh không phải như điều này. Danh nghĩa là biết ta, hành ta, vui nơi ta, ta ngồi, ta nằm, ta khuất, ta là giáp ất v.v... Sắc thì không phải điều này. Sắc chính là sự uống ăn tùy thích. Còn danh không có điều này. Danh chính là biết ta, ta ăn, ta uống, ta vui, ta ưa thích. Sắc lại chẳng có điều này. Sắc là tiếng cười vui, đủ loại lời nói. Còn danh không có điều này. Danh chính là biết ta vui, ta vỗ tay, ta nghe và vô số ngôn ngữ như thế. Sắc thì chẳng có điều này. Đây chính là sự sai biệt của danh sắc.

Kẻ tọa thiền kia như thế danh sắc và duy chỉ là danh sắc, không có chúng sanh và không có mạng sống, rồi làm cho khởi, rồi được hành tướng. Lúc bấy giờ tất cả đều giảm lược. Khổ đế sẽ làm cho khởi lên như thật tri kiến thanh tịnh, làm cho danh sắc khởi lên. Đây là tổng cả lời nói về khổ đế làm cho khởi lên có thể rõ biết. Kẻ tọa thiền kia như thế làm cho khởi lên khổ đế này rồi, tạo ra tướng của chúng sanh và từ đây, khổ là nhơn duyên phải nên quán.

Hỏi: Khổ này là nhơn duyên gì ? Là tập gì ?

Đáp: Người tọa thiền kia như thế mà rõ biết. Khổ này sanh do vì nhơn duyên. Sanh ấy chính là nhơn duyên hữu vi. Hữu tức do thủ làm nhơn duyên. Thủ là do chính ái làm nhơn duyên. Ái ấy chính do thọ làm nhơn duyên. Thọ ấy do xúc làm nhơn duyên. Xúc ấy do lục nhập làm nhơn duyên. Lục nhập ấy do danh sắc làm nhơn duyên. Danh sắc ấy do thức làm nhơn duyên. Thức ấy do hành làm nhơn duyên. Hành ấy do vô minh làm nhơn duyên. Như vậy vô minh duyên vào hành, hành duyên vào thức, sanh duyên vào lão tử, trở thành ưu bi khổ não. Như vậy tất do khổ ấm khởi lên. Kẻ tọa thiền kia, đây là do nhơn duyên trói buộc, phải quán rộng ra. Bấy giờ chỉ nói lược.

Thọ này duyên vào ái và khổ, tập kia làm cho khởi lên; hoặc pháp trụ trí; hoặc thanh thủ nhân duyên trí; hoặc lìa nghi thanh tịnh. Những lời nói này tập để làm cho khởi lên trí. Kẻ tọa thiền kia làm cho khởi lên sự khổ tập. Đối với 3 thời gian trải qua chỗ nghỉ. Lúc ấy quán về khổ diệt là ai diệt và khổ diệt là ai? Diệt chính là khổ diệt này. Kẻ tọa thiền kia như thế mà rõ biết. Từ vô minh diệt hành diệt. Từ sanh, diệt khổ diệt này. Từ sanh, diệt hữu diệt. Từ hữu diệt thủ diệt. Từ thủ diệt ái diệt. Từ vô minh diệt hành diệt. Như vậy từ vô minh diệt hành diệt. Từ hành diệt, thức diệt. Từ sanh diệt, lão tử ưu bi khổ não diệt. Như thế đây là tất cả khổ ấm thành diệt. Kẻ tọa thiền kia như vậy nhơn duyên là chỗ trói buộc sự diệt kia. Rộng ra và nên quán. Lúc bấy giờ chỉ lược nói.

Thọ này duyên vào ái, từ khổ diệt diệt kia làm cho khởi lên diệt đế. Kẻ tọa thiền kia như thế làm cho khởi lên diệt đế. Lúc bấy giờ quán về con đường khổ diệt. Con đường nào cho đầy đủ để làm cho ái diệt. Kẻ tọa thiền kia phải rõ biết rằng điều ấy do quán về sự lo lắng của ngũ thọ ấm. Đây là đạo; đây là sự đầy đủ. Vì ái diệt nên làm cho khởi lên Đạo đế. Như chân lý ấy là phương tiện nói rộng ra, như thế mà rõ biết. Kẻ tọa thiền kia như vậy lần lượt làm cho khởi lên Tứ Đế. Lúc ấy đối với ngũ thọ ấm dùng 180 pháp lần lượt tập hợp sự phân biệt để quán về các hữu sắc trong quá khứ, vị lai và hiện tại; hoặc trong hoặc ngoài; hoặc lớn hoặc nhỏ; hoặc thô hoặc mịn; hoặc xa hoặc gần. Tất cả sắc là vô thường, nên quán rộng ra. Rồi lấy sự rộng ấy quán khổ, rồi rộng ra hơn nữa quán về vô ngã. Như vậy sở hữu thọ, sở hữu tướng, sở hữu hành, sở hữu thức.

Đối với mỗi mỗi ấm 12 pháp môn. Đối với ngũ ấm 12 thành 20. 60 vô thường kiến; 60 khổ kiến; 60 vô ngã kiến. Thành ra 180 kiến. Lại nữa có 180 pháp môn. Lục nội nhập, lục ngoại nhập, lục thức thân, lục xúc tâm, lục thọ thân, lục tương thân, lục tư thân, lục ái thân, lục giá, lục quán. Đây là 10 thành 60. 60 vô thường kiến; 60 khổ kiến; 60 vô ngã kiến. 3 lần 60 thành 180. Cái kia qua thời gian lâu ngày của năm tháng, ngày, giờ, trời, trăng, nửa ngày, nửa giờ, trong sát na do pháp hội chuyển tạo thành mới lại. Như ánh đèn luôn luôn được thắp sáng. Lấy vô thường để làm việc phân biệt quán. Với cõi ác thọ khổ, đói khát lo sợ, cầu không được, ái biệt ly, già bệnh chết, ưu bi khổ não. Đây là những hành tướng luôn tiếp diễn, mà khổ là nơi hành quán phân biệt.

Từ ám nhập vào giới làm nhơn duyên, chơn lý, nghiệp quả báo là nhơn duyên làm cho sanh ra chỗ sanh. Chẳng có chúng sanh nào không động mà không có sự việc tự tánh thực hành để khởi lên. Dùng vô ngã, để quán phân biệt. Đối với hành sắc vô thường lấy nghĩa diệt, lấy nghĩa khổ lụy, dùng nghĩa vô ngã chẳng thật. Ở đây lược nói về sự phân biệt. Như thế thọ, tướng, hành, thức, vô thường diệt là nghĩa. Khổ ở đây nghĩa là sự sợ hãi. Vô ngã là nghĩa chẳng thật. Như thế lược nói về sự phân biệt này. Đối với việc này lấy vô thường phân biệt

rồi, trừ tướng thường. Dùng khổ phân biệt, trừ tướng lạc. Dùng vô ngã phân biệt, trừ tướng ngã.

Hỏi: Những gì là vô thường nói rộng để phân biệt ?

Đáp: Như thật thấy tất cả các hành, chẳng có biên của hữu vi cũng như mất đi biên ấy. Lấy vô tướng giới làm cho tâm khởi lên. Đối với vô tướng giới làm cho tâm an. Cho nên dùng vô thường rộng nói để phân biệt.

Hỏi: Những gì là khổ phân biệt ?

Đáp: Đối với tất cả các hành, làm cho tâm sợ hãi; từ đó tạo ra nguyện và làm cho tâm khởi. Đối với vô tác nguyện làm cho tâm an. Cho nên dùng khổ để rộng nói phân biệt.

Hỏi: Những gì là vô ngã, rộng nói phân biệt ?

Đáp: Đối với tất cả pháp thấy. Từ kia, từ đây chấp và làm cho tâm khởi lên. Đối với không giới làm cho tâm an.

Vì thế nên dùng vô ngã để rộng nói phân biệt. Như vậy phân biệt tam hữu, ngũ thu, thất thức trụ, cửu chúng sanh cư, mà sự diệt lại sợ hãi; nên dùng sự không chắc thật để quán kẻ tọa thiền kia đối với ngũ thọ âm địa phân biệt nơi 3 tướng, làm cho an vui và nhập vào dục để đoạn những việc làm. Lúc bấy giờ hiện tại nội ngũ thọ âm chấp giữ tướng kia và làm cho thông đạt, rồi khởi lên diệt. Như thế đây là pháp dùng vô sanh trong hiện sanh. Khi sanh diệt rồi, như thế mà thông suốt. Đối với tướng chấp thủ này thì thủ tướng có 3 loại. Đó là chấp giữ tướng phiền não; chấp giữ tướng định và chấp giữ về tướng Tỳ Bà Xá Na. Đối với kẻ phàm phu ngu si thì lấy thấy, nghe, giác tri, cảnh giới; dùng thành lạc, thường tướng, điên đảo sở. Tâm đầu tiên ấy chấp vào tướng tốt. Với đây là đả trước phiền não giống như con thiêu thân trước ánh đèn. Đây nghĩa là tướng chấp vào tướng của sự phiền não.

Hỏi: Những gì là tướng chấp vào định ?

Đáp: Đối với người ngồi thiền này vui được định, rồi dùng niệm chánh trí sở. Tâm đầu tiên có 38 việc làm. Đối với mỗi một việc làm chấp tướng ấy làm cho tâm hệ lụy vào. Vì chẳng loạn; nên như voi bị trói. Đây nghĩa là tướng chấp vào định.

Hỏi: Những gì là tướng chấp giữ vào Tỳ Bà Xá Na ?

Đáp: Người thường quan sát lấy trí tuệ của tâm lúc ban đầu về sắc, thọ, tưởng, hành, thức – mỗi mỗi phân biệt riêng từng tự tướng vậy. Lạc, dục, xả, tu tướng kia như đánh rắn độc. Đây nghĩa là chấp vào tướng Tỳ Bà Xá Na. Đối với việc chấp vào tướng Tỳ Bà Xá Na này có thể an lạc.

Hỏi: Những gì là tướng chấp vào thọ, tưởng, hành, thức ?

Đáp: Đó là sắc thức của tướng kia; hoặc dùng địa giới; hoặc dùng thủy giới; hoặc dùng hỏa giới; hoặc dùng phong giới; hoặc nhân nhập; hoặc thân nhập. Như thế cứ quán về thọ và tướng của thọ kia. Hoặc tạo nên vui; hoặc tạo ra khổ; hoặc vì chẳng khổ chẳng vui. Như thế mà quán về tướng và tướng của tướng kia; hoặc là sắc tướng; hoặc là pháp tướng. Như thế quán biết rõ về những hành và hành tướng; hoặc vì chỗ xúc; hoặc vì sự nhớ nghĩ; hoặc vì giác; hoặc vì quán; hoặc vì tác ý; như thế quán về thức và tướng của thức kia. Hoặc nhận thức; hoặc ý thức. Như thế quán điều kia nơi người tọa thiền, rồi như vậy mà chấp vào điều lành của tướng kia. Rồi lấy chỗ lành ấy mà khởi. Khi làm cho khởi rồi, như thế chấp vào tướng của sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Lại nữa dùng 2 hành để chấp vào tướng của tâm. Lấy việc làm và tác ý.

Hỏi: Những gì là sự và tướng chấp của tâm ?

Đáp: Sự này là chỗ khởi tâm của ngã; nên quán cái kia và dùng sắc, thọ của việc này. Đây là tướng sự. Dùng hành sự này và thức sự này, để cho tâm ta khởi lên. Cứ như thế mà quán. Đó là việc chấp vào tướng của tâm.

Hỏi: Những gì là tác ý và chấp vào tướng của tâm ?

Đáp: Đó là do ngã tác ý vào sắc này và làm cho tâm khởi lên. Như thế phải nên quán. Như vậy là ngã tác ý vào thọ, tướng, hành và ngã ấy làm cho tâm khởi lên. Như vậy hãy nên quán. Tác ý như thế rồi liền chấp giữ tướng của tâm.

Hỏi: Làm sao mà tướng kia trở thành chỗ chấp giữ trót ?

Đáp: Đó chính là hành, là tướng này. Sắc, thọ, tướng, hành, thức là những tướng để quán. Nếu lại chịu khó quán tướng kia thì dùng hành này và tướng này. Đây chính là tướng kia thành chỗ chấp giữ tốt. Thông suốt việc sanh diệt vậy. Có khởi lên, có diệt đi. Có khởi lên diệt thông suốt. Đối với sắc này sanh liền trong hiện tại. Tướng sanh kia khởi thành biên tướng diệt. Ba câu kia là huệ nhãn kiến. Đó là thông đạt khởi diệt, thọ sanh ngay trong hiện tại và thọ tướng hành thức; tướng sanh kia khởi lên biên thành tướng diệt. Còn 2 câu khác là huệ nhãn kiến thông đạt khởi diệt. Lại nữa dùng 3 hành để thông đạt mà khởi tướng. Lấy 3 hành thông đạt mà diệt tướng. Như vậy dùng nhơn, dùng duyên và dùng tự vị.

Hỏi: Những gì là nhơn thông đạt khởi tướng ?

Đáp: Ái, vô minh, nghiệp chính là nhơn làm cho ám khởi. Dùng huệ nhãn kiến và dùng nhơn thông đạt tướng khởi.

Những gì là duyên thông đạt khởi tướng ? - Đó là nương vào thứ căn tạo ra sắc ám khởi. Xúc duyên vào với 3 ám để khởi. Danh sắc duyên vào thức ám để khởi. Dùng huệ nhãn thấy duyên thông đạt khởi lên tướng.

Hỏi: Những gì là tự vị thông đạt khởi tướng ?

Đáp: Như ánh sáng của cây đèn luôn luôn tương tục chẳng gián đoạn. Đầu, cuối tiếp nối nhau mà khởi. Rồi lấy tướng, lấy huệ nhãn để thấy. Dùng tự vị thông đạt khởi lên tướng. Đây chính là nguyên nhơn, là chỗ khởi lên cái thấy. Dùng tướng của tập để để trở thành sự thấy. Dùng niệm để khởi lên giác. Dùng duyên để khởi lên tự vị. Dùng sự khởi lên để thấy là khổ đế. Dùng tướng thành chỗ thấy, dùng sát na chẳng thể giác được. Như thế dùng 3 hành rốt ráo để khởi tướng.

Hỏi: Thế nào là tam hành thông đạt diệt tướng ?

Đáp: Lấy nhơn diệt, duyên diệt và tự vị diệt. Đối với đây dùng ái diệt rồi vô minh diệt, rồi nghiệp diệt và ám trở thành diệt, lấy huệ nhãn để thấy. Dùng nhơn diệt thông đạt của tướng diệt. Dùng thức ăn diệt thì sắc ám trở thành diệt. Dùng xúc diệt ba ám trở thành diệt, dùng danh sắc diệt thì thức ám trở thành diệt, dùng huệ nhãn để thấy. Dùng duyên diệt thông đạt để diệt tướng. Như ánh sáng ngọn đèn liên tục không gián đoạn. Đầu tiên có diệt hành lấy huệ nhãn để thấy. Dùng tự vị thông đạt làm tướng diệt. Đây chính là nhơn diệt để thấy được diệt đế. Dùng tướng ấy để thành chỗ thấy. Dùng tướng vô sanh để rõ biết duyên diệt. Dùng tự vị để thấy diệt. Dùng khổ đế tướng để trở thành cái thấy đầu tiên. Dùng sát na chẳng thể giác được.

Hỏi: Nếu dùng sự khởi diệt để thấy khổ đế và dùng tướng để được thấy thì tại sao thượng trí lại khởi lên ?

Đáp: Sao lại dùng khởi kiến để diệt. Dùng tướng của khổ đế để được thấy điều chưa thấy và cái khổ kia trở nên đầy đủ. Cho đến các hành hết rồi, như thật mà thấy. Từ hành tướng này làm cho tâm khởi lên. Đối với phi hành, tâm sẽ trôi qua. Như thật thấy những hành này mà lo lắng. Từ hành tướng này làm cho tâm khởi lên. Đối với phi hành làm cho trôi qua. Xứ này thấy khổ thành ra đầy đầy. Nghĩa là qua lại bên cạnh vậy. Giống như con chim bay chung

quanh lửa mà chẳng sợ hãi. Nếu bay trong hư không thì thấy lửa vây chung quanh nên lo, thành ra bay vào hư không. Lúc ấy kẻ kia thấy lửa sợ hãi vây quanh thành ra đầy khắp như thế. Đối với việc này nên rõ biết. Đây chính là do nhơn, do duyên mà khởi lên sự thấy. Rồi trở thành thông đạt nhơn duyên khởi tướng. Đây là hữu đây là khởi. Đây là chỗ khởi lên rồi, đây là chỗ khởi thành rồi. Nhơn diệt rồi cho nên duyên diệt. Do vậy mà sự thấy diệt là nhơn duyên sanh tướng thành thông đạt. Đây là vô hữu, đây chẳng thành. Ở đây diệt rồi thành đây diệt. Dùng tự vị để khởi lên diệt. Thấy rồi khởi thành thông đạt. Biết nhơn duyên pháp và pháp hữu vi khởi lên. Cái kia khởi lên được trí. Cái kia diệt rồi lại cũng rõ. Cái kia ở lại cũng đã rõ biết. Như thế dùng chỗ khởi diệt mà thấy 4 pháp thành chỗ rõ biết. Như vậy một tướng pháp, nhiều pháp, không có pháp nào là không chánh pháp. Với đây là một sự tương tục ở chỗ hành về sự đấm trước mà khởi và sự thấy kia không thành, nhiều loại chấp trước. Đầu tiên sau cùng chuyển đổi thành các hành, rồi lấy diệt kia để thấy chẳng thành một sự chấp. Tự tánh lia, chẳng động nơi các hành. Dùng đầu tiên, sau rốt thấy chẳng thành ngã chấp. Nhơn duyên là chỗ chuyển các hành đầu và cuối. Như thế dùng pháp để thấy chẳng thành vô sự chấp. Kẻ phạm phu kém hiểu biết dùng một bất giác, thường, đoạn để nói. Dùng nhiều loại bất giác để thành việc thường hay nói. Dùng vô sự bất giác để trở thành ngã thuyết. Như thế dùng pháp bất giác, thành vô sự thuyết. Đối với đây là lời nói bình đẳng. Dùng một tướng để hơn những ngôn ngữ kia. Dùng nhiều tướng để nhiếp thành một tướng. Dùng nghĩa phân biệt để thành nhiều loại. Dùng nghĩa phiền não để thành một tánh. Dùng nghĩa phương tiện để thành nhiều tánh. Dùng quả của ái để thành một tánh. Dùng quả của nghiệp để thành nhiều loại tánh. Kẻ tọa thiền kia như thế thấy một tánh, chẳng phải chấp này về sự thấy các loại. Nếu thấy các loại tánh thì cũng chẳng phải chấp này là thường thấy một tánh. Nếu hiện thấy một tánh thì ngoài ra sự tạo tác, sự rõ biết được sự thấy này. Nếu hiện thấy nhiều loại tánh thì việc làm kia, sự biết kia trừ ra sự thấy này. Nếu hiện thấy một tánh, trừ ra sự đoạn kiến này. Hoặc hiện thấy các tánh, trừ ra sự thường kiến này. Kẻ tọa thiền kia như thế mà khởi lên sự diệt. Thấy một tánh và chùng chùng tánh.

Pháp sáng lại khởi lên cái gì ?

Hiện khởi các hành thấy kia vô sự. Vì sao mà tất cả các hành vô sự bất động? Vô dư sở khởi trụ. Tự tánh trụ là nhơn duyên hòa hợp tập trung lại làm nhơn duyên với nhau. Như thế làm cho pháp dừng sanh, lại sanh ra. Đây là nghĩa không có đời sống và nghĩa bất động. Pháp vô sự như thế mà rõ biết. Dùng tự tánh, nghĩa và duyên vào nghĩa. Như thế chỉ pháp nên rõ biết. Làm cho hiện ra không, vô sự. Làm cho hiện ra nghiệp đã tạo. Như thế chỉ pháp làm cho hiện ra vô sự nên gọi là pháp. Như thế làm cho chỉ pháp có tên là hành. Đối với đây dùng pháp một tánh rõ biết khổ tướng, trở thành sự thông đạt. Dùng đủ loại tánh giác và tướng vô thường để trở thành thông đạt. Dùng vô sự pháp rõ biết. Như thế dùng chánh pháp giác về tướng vô ngã để trở thành thông đạt.

Hỏi: Kẻ tọa thiền kia với tất cả các hành có phải dùng vô dư xứ để quán khởi diệt làm một xứ để quán sao ?

Đáp: Đầu tiên đối với các hành xứ, chấp giữ lấy tướng này rồi thông đạt khởi diệt vô dư xứ. Tất cả các hành làm cho đầy đủ. Như người ở một nơi trên biển cả dùng lưới để liếm nước, tức thời rõ biết tất cả vị mặn của nước. Như thế đối với đây có thể rõ biết. Dùng 2 hành của các hành làm cho đầy đủ. Dùng sự và dùng chẳng ngu si. Đối với đây, các hành chấp giữ tướng này. Thông đạt sanh diệt. Các hành kia dùng sự này để thành đầy đủ. Đối với đây đoạn trừ vô trí vậy. Ngoài ra các hành dùng bất ngu si trở thành đầy đủ. Đối với đây khởi lên diệt trí. Đó là các hành phân biệt trí. Tất cả các hành dùng sự khởi lên ban đầu trở thành phân biệt. Dùng diệt hậu biên thành phân biệt. Dùng khởi lên chỗ đầu tiên làm thành tịch tĩnh. Lấy diệt hữu biên làm thành tịch tĩnh. Dùng khởi từ khởi, không có đầu tiên. Dùng diệt từ diệt, không có sau cùng. Cho nên khởi diệt trí thành các hành phân biệt trí.

Kẻ tọa thiền kia như thế chánh kiến sinh ra tướng diệt, lành phân biệt các hành, vui được diệt lạc định. Lúc bấy giờ chẳng tác ý để quán về sự sanh ra. Duy chỉ thấy tâm diệt.

Dùng những sắc dùng tâm sanh diệt. Nương vào việc kia để thấy tâm diệt. Như thế mà thọ trì. Dùng việc tướng mà hành sự. Dùng việc thức để tâm sanh diệt. Nương vào việc kia để thấy tâm sanh diệt. Lại nữa dùng tam hành, thấy diệt như thế tụ họp lại rồi phân biệt làm đôi.

Hỏi: Sao gọi là tụ họp ?

Đáp: Do uy nghi, uy nghi sở khởi và tâm tâm số pháp. Đối với nơi này làm chỗ tụ họp để thấy cái kia diệt. Lại nữa quán sắc vô thường rồi, thọ vô thường, tướng vô thường, hành vô thường và thức cũng vô thường. Lúc ấy dùng việc vô thường là chỗ khởi lên tâm, tâm số pháp. Dùng sự tụ họp để thấy kia diệt đi. Như vậy dùng sự khổ và việc vô ngã. Như thế dùng sự tụ họp sẽ thấy.

Hỏi: Sao gọi là cặp ?

Đáp: Sắc này vô thường và quán vô thường. Tùy theo vô thường mà tâm khởi lên để thấy tâm ấy sanh diệt. Như vậy thọ tướng hành thức đều quán cũng vô thường. Tùy theo việc vô thường mà tâm khởi lên thấy sanh diệt. Như thế lấy việc khổ cùng việc vô ngã; nên phải quán về cặp đôi này.

Hỏi: Vì sao dùng sự phân biệt ?

Đáp: Đã quán sắc này vô thường rồi. Tùy theo sự vô thường mà tâm khởi lên thấy tâm sanh diệt. Như vậy dùng phân biệt quán thấy nhiều tâm diệt. Như vậy quán thọ, tướng, hành, thức đều vô thường. Tùy theo sự vô thường mà khởi tâm lên thấy tâm ấy sanh diệt. Do sự thấy tâm diệt mà lại thấy diệt. Như thế dùng sự phân biệt thấy nhiều tâm sanh diệt. Như vậy quán về khổ và quán về vô ngã. Như vậy phân biệt rồi, duy chỉ có hiện quán về diệt kia. Cái này nếu diệt thì sẽ trở thành chuyên biệt. Thường thì các hành trong sát na trở thành lợi lạc. Kẻ tọa thiền kia dùng huệ này chẳng phải duyên kia. Thấy tất cả thế gian dùng tự tánh như đến trên đầu hạt cải. Chỉ trong một sát na mà tâm biến thành sanh già chết. Lúc ấy kẻ tọa thiền lại như thế mà thấy. Như kệ nói rằng:

Cặp này nương vào sắc
Triển chuyển một lần mắt
Câu diệt nương kia diệt
Cùng kia mà sanh ra
Ấm vô thường diệt pháp
Khổ sanh pháp diệt pháp
Như đánh trống nghe tiếng
Lại chẳng từ mắt sanh
Sắc hương cùng 5 pháp
Lại chẳng từ sắc sanh
Lại chẳng lìa hai cú
Nương duyên sanh hữu vi
Như đánh trống nghe tiếng
Lại chẳng từ tai sanh
Sắc hương và năm pháp
Lại chẳng từ nghe sanh
Lại chẳng lìa hai câu
Lại chẳng từ mũi sanh
Sắc hương cùng năm pháp
Lại chẳng từ hương sanh
Lại chẳng lìa hai câu
Lại chẳng từ lưỡi sanh
Sắc hương cùng năm pháp
Lại chẳng từ vị sanh

Lại chẳng lia hai câu
Lại chẳng từ thânsanh
Sắc hương và năm pháp
Lại chẳng từ xúc sanh
Lại chẳng lia hai câu
Lại chẳng từ xứ sanh
Chẳng từ pháp vào ra
Nương nhờn duyên để sanh
Như đánh trống nghe tiếng
Căn kia quá dư thừa
Nhơn đâu lại cũng thừa
Nhơn kia lại cũng thừa
Khởi kia lại cũng thừa
Cùng đất điều này thừa
Tương ưng lại cũng thừa
Hòa hợp lại cũng thừa
Triển chuyển sự thừa này
Triển chuyển pháp chẳng trụ
Lại vô tánh triển chuyển
Không có thể cho khởi
Làm cho kia không khởi
Như thành Càn Thát Bà
Do ai đầu khởi lên
Chẳng do tự thânsanh
Chẳng do tự lực ở
Do tùy pháp kia sanh
Sanh ra pháp hữu lậu.

Thân thể quá yếu, chẳng tự sanh
Lại chẳng tự nhờn, chẳng tự sự
Chẳng xứ hữu vi, không tự tánh
Chẳng tự tánh, hành tướng các hữu
Vi sanh tự thân, dư không lúc
Không nơi từ đến vô sở hành
Xứ vô sở sanh vì nước khác
Tâm vô ngã sở, mệnh thân tánh
Một tâm khổ vui tướng nhờn vội
Sát na núi biển tám vạn kiếp
Một trụ chẳng lại không hai tâm
Tương ưng quá khứ và sẽ diệt
Hiện tại tất cả các hành ấm
Tất cả qua đi chẳng nghe được
Vị lai sẽ mất nơi cõi kia
Dùng đó khác tướng chẳng khởi lên
Chẳng hề sanh ra hiện tại sanh
Từ đây tâm mất, không thể gian
Đệ nhứt nghĩa ấy không đến đi
Vị lai chẳng dừng chỉ chuyển sanh
Trụ như hạt cải sanh các pháp
Pháp kia diệt rồi đây là đầu
Thế gian dùng pháp đầu chẳng xa
Chẳng thấy đến đi, chẳng thấy sanh

Các pháp chẳng sanh như hư không
Giống như điện lóe chớp lát mắt.

Kẻ tọa thiền kia như thể thấy diệt vô tận nhập định, như giữ lửa khói bay. Bồ Đề phẩm, sát na khởi. Trí quang minh khởi lên. Niềm vui, chấp sự giải thoát, niệm xứ khởi lên. Xả, xuất ly đối với đây chẳng rõ ràng. Kẻ tọa thiền đối với pháp kia hoặc khởi lên loạn; hoặc khởi lên tăng thượng mạn.

Hỏi: Làm thế nào để trừ loạn ?

Đáp: Kẻ tọa thiền đối với pháp khởi vui, sự vui lia lại làm cho được an. Như thế pháp kia lại liền làm cho an, rồi tâm pháp này điều phục để nhiếp. Nếu pháp điều phục ấy được chỗ nhiếp tâm. Từ diệt quán định tâm này lia thường và lia thường thông đạt. Như vậy là lia rồi.

Hỏi: Sao lại khởi lên tăng thượng mạn ?

Đáp: Kẻ tọa thiền kia dùng pháp đầu tiên khởi lên tướng sáng rồi được ra khỏi pháp thế gian. Đối với việc chưa được, sẽ được có tướng. Thường chuyển làm tinh tấn. Như thế tăng thượng mạn lại khởi. Rõ ràng người tọa thiền biết phiền não này là định bị loạn. Rõ biết pháp thế gian mà hành sự. Như thế rõ biết pháp xuất thế gian là Niết Bàn. Như thế rõ biết rồi. Cứ như vậy dùng trí để trừ loạn, trừ tăng thượng mạn. Chỉ thấy diệt, ấy chính là lành tu hành và đa hạnh.

Luận về Con Đường Giải Thoát **Hết quyển thứ 11**

LUẬN VỀ CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT **Quyển thứ 12**

- *A La Hán Ưu Bà Đề Sa (Đời nhà Lương gọi là Đại Quang) tạo luận này bằng chữ Phạn.*
- *Nhà Lương, người nước Phù Nam, Ngài Tam Tạng Tăng Già Ba La dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt, ngày 19 tháng 6 năm 2006.*

Phẩm Phân Biệt Chân Lý thứ 12 **Phần thứ 2**

Người tọa thiền kia như thế và hiện quán về diệt. Vì do quán về diệt nên sợ hãi. Nguyên nhân của ám lại cũng sợ về ám sanh ra. Ba cõi năm đường bảy thức trụ ở 9 loài chúng sanh trở thành chỗ sợ hãi. Điều ấy cũng giống như thấy người ác cầm dao nên sợ vậy. Giống như rắn độc và giống như lửa gom lại. Như thế là do quán về sự diệt mà trở nên sợ hãi nguyên nhân của ám và sợ ám sanh ra. Tam hữu, ngũ thú, thất thức ở nơi 9 loài chúng sanh. Dùng vô thường và hiện lên những tác ý làm cho có tư tưởng lo sợ. Lấy sự an ổn làm cho khởi lên sự vô tướng. Dùng sự khổ hiện ra để tác ý, thành ra lo sợ về sự sanh ra. Lấy sự an ổn làm cho khởi lên sự vô sanh. Dùng vô ngã hiện ra để tác ý thành ra tướng sợ và sanh, thì sự an ổn làm

cho khởi lên vô tướng và vô sanh. Quán sự lo lắng, quán sự xa lìa sự mềm mại tùy theo tướng ấy tương tợ để nhẫn nại. Đây là những lời nói tổng quát.

Kẻ tọa thiền kia dùng sự sợ hãi ấy mà hiện ra sự tu hành và làm cho khởi lên trí tuệ. Vui với trí giải thoát phát sanh. Tướng của âm kia là sự sợ hãi. Trí vui giải thoát khởi lên, âm sanh ra làm chỗ sợ hãi, trí vui giải thoát khởi lên thì tam hữu, ngũ thức, thất thức ở nơi chín loài chúng sanh này đều lo sợ. Khi trí vui giải thoát khởi thì giống như lửa vây chung quanh chìm và từ kia vui được giải thoát. Cũng giống như người bị giặc bao vây mà từ kia được vui giải thoát. Như thế kẻ tọa thiền do nguyên nhân của âm mà âm sanh ra, rồi tam hữu, ngũ thức, thất thức ở cùng với 9 loài chúng sanh. Đây là sự lo sợ. Trí vui giải thoát khởi thì dùng vô thường hiện lên để tác ý về nguyên nhân sự sợ hãi, dùng sự khổ hiện ra tác ý sợ hãi về việc sanh. Dùng vô ngã hiện ra sự tác ý sợ nguyên nhân và sự sanh ra. Trí vui giải thoát khởi. Đối với người phàm phu và kẻ có học thì trí vui giải thoát có 2 loại dẫn dắt tâm này; hoặc quán về sự hoan hỷ. Đó là dùng hiện quán. Đây chính là thành thông đạt hiện quán hoan hỷ. Tâm ấy sẽ thành sự ưu não và sự tu hành ấy trở nên chướng ngại. Trở thành thông đạt kiên tư duy hạnh. Xả bỏ tùy tướng giống như sự nhẫn nhục. Đây là những lời tổng quát.

Kẻ tọa thiền kia như thế hiện sự tu hành vui trí giải thoát, từ tất cả những việc làm. Vui giải thoát Niết Bàn về các hạnh. Duy chỉ làm một tướng muốn làm cho khởi lên. Giải thoát môn tương tợ như trí khởi lên. Dùng 3 việc làm được trí tương tợ. Dùng 3 việc làm vượt qua chánh tụ. Dùng ngũ âm, vô thường hiện thấy được trí tương tợ. Ngũ âm mất tiêu nơi Niết Bàn. Như thế hiện thấy qua khỏi chánh tụ. Đối với ngũ âm lấy sự khổ để hiện thấy được trí huệ tương tợ. Ngũ âm diệt thì vui nơi Niết Bàn. Hiện thấy qua khỏi chánh tụ. Đối với ngũ âm dùng vô ngã hiện thấy được trí tương tợ. Ngũ âm diệt chính là nghĩa thứ nhất của Niết Bàn; hiện thấy vượt khỏi chánh tụ.

Hỏi: Sao lại dùng trí hiện để vượt khỏi chánh tụ? Thế nào là dùng trí này để vượt khỏi chánh tụ?

Đáp: Dùng tánh, trừ trí hiện qua khỏi chánh tụ. Dùng trí đạo để vượt qua khỏi chánh tụ.

Hỏi: Trí tương tợ là nghĩa gì ?

Đáp: Tương tợ có nghĩa là Tứ Nệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát thánh đạo phần. Dùng sự tương tợ kia. Đây nghĩa là trí tương tợ nói tổng quát. Vô oán, thấy sự lợi ích tương tợ của sự nhẫn. Đây là sự tương tợ về trí dùng lời nói tổng quát vậy.

Tương tợ trí không gián đoạn lần lượt từ tất cả các hành tướng mà khởi lên, tạo ra Niết Bàn. Sanh tánh trừ trí.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của danh tánh trừ ?

Đáp: Trừ phàm phu pháp, danh tánh trừ. Phi phàm phu pháp sở trừ cũng là danh tánh trừ. Tánh ở đây chính là Niết Bàn. Lại nữa mầm mống của Niết Bàn nghĩa là danh tánh trừ. Như A Tỳ Đàm có nói: Trừ sanh, danh tánh trừ. Qua khỏi vô sanh lại là danh tánh trừ. Lại trừ nguyên nhân sanh, danh tánh trừ. Qua khỏi vô sanh, vô tướng, danh tánh trừ. Đối với Niết Bàn là con đường hướng dẫn đầu tiên. Từ bên ngoài khởi lên và chuyển thành huệ. Tánh trừ này nói tổng quát các lời nói.

Tánh trí lần lượt không gián đoạn, hiện trí, hiện khổ, hiện đoạn tập, hiện tác chứng diệt, hiện tu đạo; sanh Tu Đà Hoàn đạo trí và tất cả Bồ Đề pháp. Kẻ tọa thiền kia đối với đây là chỗ tịch tĩnh. Hiện thấy hữu biên, vô biên, giới đề hồ. Đối với một sát na dùng trí, không đầu không sau. Phân biệt Tứ Đế, dùng sự biết khổ để phân biệt, dùng đoạn tập để phân biệt, dùng sự tác diệt chứng để phân biệt, dùng tu đạo để phân biệt, trở thành sự phân biệt như kệ nói thí dụ phía sau:

Như người bỏ bờ này
Dùng thuyền qua bờ kia
Nơi bờ kia các vật
Kẻ lên thuyền quên đi.

Như thuyền trên nước, chẳng đầu chẳng cuối. Đối với trong mỗi sát na tạo ra 4 việc. Bờ này, trừ lậu, qua đến bờ kia. Vật qua đó như bỏ bờ này. Như vậy trí phân biệt khổ, giống như trừ hữu lậu. Như vậy sự phân biệt đoạn tập cũng giống qua bờ bên kia. Như vậy sự tác chứng phân biệt lại như dùng thuyền để độ vật. Như thế tu đạo phân biệt, như đèn cùng sáng. Đối mỗi sát na chẳng đầu chẳng cuối tạo ra 4 việc. Như ánh sáng nhỏ trừ sự tối tăm, làm cho dầu tiêu hao và làm cho ánh sáng khởi lên. Như mặt trời sáng, không có đầu, không có cuối. Đối với từng sát na tạo ra 4 việc, làm cho hiện sắc để trừ ám, làm cho hết lạnh, làm cho khởi lên ánh sáng. Như làm cho hiện sắc. Như thế trí phân biệt khổ ấy như trừ sự tối tăm. Như vậy sự phân biệt đoạn tập như làm cho mất đi sự lạnh. Như thế sự tác chứng phân biệt diệt, như làm cho khởi lên ánh sáng. Như vậy sự tu đạo phân biệt giống như mặt trời, như là Thánh trí.

Hỏi: Như thật, hiện thấy khổ, biết khổ đoạn bỏ tập, chứng diệt và tu đạo. Đây là tướng gì? Nếu chẳng thấy khổ do 4 điền đảo sanh thì lúc ấy nói hữu biên, vô biên làm giới đề hồ và dùng sự tịch tịnh để hiện thấy và lấy một để biết, không đầu không sau và phân biệt Tứ Đế. Đây là nghĩa gì ?

Đáp: Đối với trí sanh diệt thì lúc ấy chưa thấy sự khổ. Lậu và cho đến thấy như thật các việc làm là sai trái. Từ các tướng của việc làm, làm cho tâm khởi. Đối với những việc không làm thì không qua khỏi. Cho nên thấy như thật các hành là lo lắng. Từ các hành tướng ấy làm cho tâm khởi lên. Đối với những việc không làm sẽ trôi qua. Đây là chỗ thấy khổ lậu cho đến sau cùng vậy. Lại nói nếu được như thế là tịch tĩnh. Dùng tánh trừ trí, thành phân biệt để tánh trừ trí. Từ hành tướng khởi lên, thành qua khỏi những việc không làm. Nếu tánh trừ trí từ hành tướng khởi, thành qua khỏi, đối với vô hành, trở thành qua khỏi đối với Niết Bàn. Duy chỉ có nguyên nhơn dính mắc là việc này. Dùng sự dính mắc ấy để tâm được định. Nếu chẳng thể định chẳng sanh Xa Ma Tha (chỉ) và Tỳ Bà Xá Na (quán). Lại chẳng được pháp mãn bồ đề. Cho nên dùng tánh trừ trí thành ra phân biệt chân lý. Từ tánh trừ trí kia sẽ sanh ra vô gián đạo trí. Đối với lúc này được ở định Niết Bàn. Tâm được định nên khởi Xa ma Tha, Tỳ Bà Xá Na, trở thành pháp đầy đủ giác ngộ. Cho nên chỉ dùng đạo trí thành phân biệt chân lý. Như người từ thành bị cháy, chạy ra khỏi cửa. Từ thành này ra khỏi một bước. Lúc ấy chưa gọi là ra khỏi. Như tánh trừ trí cũng vậy, từ hành tướng kia khởi để thành qua khỏi những vô hình. Lúc ấy chưa gọi là qua khỏi phiền não. Vì các pháp chưa đầy đủ vậy. Như người mới từ thành bị cháy, 2 chân chạy ra khỏi rồi, lúc ấy mới gọi là ra khỏi thành cháy. Như thế tánh trừ trí không gián đoạn. Rồi từ đó sanh đạo trí khởi lên. Bây giờ mới có tên là ra khỏi từ thành phiền não. Vì các pháp đầy đủ vậy. Do đó dùng tánh trừ trí thành chân lý phân biệt.

Hỏi: Phân biệt chân lý nghĩa là gì ?

Đáp: Đó chính là Tứ Thánh Đế đối với trong sát na nói là hòa hợp. Tên là phân biệt chân lý. Đối với lúc này đạo trí hòa hợp nương vào nghĩa. Các căn thành bình đẳng và có nghĩa chẳng động, nghĩa là sức mạnh, nghĩa là sự chuyên chở, nghĩa là nguyên nhơn của Bồ Đề. Đạo phần làm cho nghĩa trụ lại. Nghĩa là niệm xứ thẳng. Nghĩa là chánh cần tịnh. Nghĩa là như ý túc thật. Nghĩa là chân lý chẳng loạn. Nghĩa là Xa Ma Tha tùy quán. Nghĩa là Tỳ Bà Xá Na. Nghĩa là tướng chẳng lìa, hai nghĩa; nghĩa che khuất; nghĩa là giới thanh tịnh chẳng loạn. Nghĩa là tâm tánh tịnh kiến. Nghĩa là thoát khỏi. Nghĩa là giải thoát thông đạt. Nghĩa là xả bỏ sáng suốt; nghĩa là đoạn bỏ ra khỏi; nghĩa là diệt trí căn; nghĩa là làm cho khởi lên; nghĩa là tác ý bình đẳng; nghĩa là xúc thọ diệt xuất ly; nghĩa là hiện tiền; nghĩa là nương vào định; nghĩa là niệm chơn thật; nghĩa là huệ thâm thẳng. Nghĩa là làm cho nhu nhuyễn tối hậu; nghĩa là Niết Bàn tối hậu bình đẳng. Kẻ tọa thiền như thế mà hiện trí. Như thế hiện thấy đoạn tam kết. Cho nên thân kiến nghi giới thủ và tương ung phiền não.

Hỏi: Thế nào là thân kiến ?

Đáp: Đối với vô văn phạm phu thấy sắc cho là ngã. Ngã có sắc và sắc ấy làm chỗ thuộc về ngã đối với ngã sắc. Như vậy thọ, tưởng, hành, thức cũng là ngã. Ngã có thức, thức làm chỗ thuộc về ngã và đối với ngã thức. Đây gọi là thân kiến. Vì thân này sẽ mất và sự mất kia có 62 sự thấy, lại cũng mất theo. Vì thân kiến là chỗ đầu tiên thấy 62 loại này.

Hỏi: Sao gọi là nghi ?

Đáp: Hoặc đối với khổ; hoặc đối với tập; hoặc đối với diệt; hoặc đối với Đạo; hoặc đối với Phật, Pháp, Tăng; hoặc đối với ban đầu hay ban cuối; hoặc sơ hậu liền nghi hoặc. Đối với nonh duyên chỗ khởi lên pháp và sự nghi hoặc kia. Đây gọi là nghi, cái kia lại cũng đoạn.

Hỏi: Thế nào là trộm giới ?

Đáp: Trộm giới có 2 loại. Đó là khát ái và si. Ta dùng giới này, dùng hành động này, dùng sự khổ hạnh này, dùng phạm hạnh này ta sẽ sanh thiên. Tất cả ta sẽ sanh vào mỗi mỗi thiên xứ. Đây nghĩa là khát ái trộm giới. Từ đây, ngoài Sa Môn, Bà La Môn dùng giới, dùng sự thanh tịnh, dùng sự thanh tịnh của giới hạnh. Thấy được như thế. Đây gọi là si giới trộm cấp. Cái kia lại cũng đoạn mất.

Hỏi: Cái gì là bi nhứt xứ trụ phiền não ?

Đáp: Kia là cho rơi vào chỗ ác thú. Đó là dâm dục, sân nhuế, nghi. Đây chính là bi nhứt xứ trụ. Phiền não lại cũng đoạn. Đối với thời gian này là quả Tu Đà Hoàn, tác chứng thành hướng, chưa chứng Tu Đà Hoàn thì trụ ở Tu Đà Hoàn hướng địa; hoặc đệ bát địa; hoặc thấy địa; hoặc định từ cả hai khởi lên chuyển thành huệ. Đây là dùng ngôn ngữ để nói về Tu Đà Hoàn Đạo Trí này.

Tu Đà Hoàn lần lượt không gián đoạn và tạm kết đoạn nên tác vô vi sự. Cùng với đạo và pháp chẳng sai biệt phương tiện khởi. Tu Đà Hoàn quá rõ biết quả tâm. Hoặc 2 hoặc 3 lần sanh không gián đoạn. Kia lần lượt qua khởi chỗ sau cùng. Tâm từ phần sau khởi, quán đạo, quán quả, quán Niết Bàn, quán rồi đoạn trừ phiền não. Quán ngoài phiền não. Đây nghĩa là Tu Đà Hoàn. Chẳng thoái pháp định hướng. Hướng đến Bồ Đề; quả vị lai muốn phân biệt. Đây chính là do nơi ngực, miệng của Đức Thế Tôn sanh ra pháp ấy và pháp ấy được tạo ra. Được phần của pháp chứ không cùng với phần của vật. Đây gọi là thấy đầy đủ việc lành. Tu hành thông đạt Thánh pháp, đến cửa nhu nhuyến và trụ lại. Thấy đầy đủ rồi để đến diệu Pháp này. Thấy diệu Pháp này rồi thì trí giác thành tựu. Sự giác ngộ rõ ràng rồi thành tựu và vào chỗ Pháp lưu thánh thông đạt huệ. Mở cửa đề hồ để trụ và vì vậy cho nên nói kệ này:

Nơi đất, một nhà vua
Nơi trời, một vị vua
So tất cả thế gian
Tu Đà Hoàn hơn hẳn.

Kẻ tọa thiền đối với địa trụ này, bên trên thì hay tinh tấn và vì để chứng quả Tu Đà Hàm, thấy chỗ sanh diệt; nên đầu tiên là hiện quán như ban đầu đã nói. Thể hiện việc tu hành như đã thấy đạo rồi. Nương vào các căn lực để giác ngộ. Đây chính là phân biệt chân lý. Người kia như thế mà tu hành, hướng đến chỗ đoạn diệt những thô dục sân nhuế và kẻ kia còn ở một nơi phiền não. Từ nơi con đường kia không gián đoạn làm cho chứng quả Tu Đà Hàm.

Kẻ tọa thiền kia dùng địa này để ở. Rồi bên trên luôn siêng năng vì để chứng quả A Na Hàm. Chứng thấy sự sanh diệt đầu tiên và hiện thấy như ban đầu đã nói. Hiện ra sự tu hành như thấy được đạo. Nương vào nơi các căn lực để giác ngộ. Như thế phân biệt chân lý. Kẻ kia

như thế hướng đến sự đoạn diệt vì tế dục sân nhuế và kẻ kia còn trụ nơi một phiền não. Từ kẻ kia con đường ấy không gián đoạn. Làm cho chứng được quả A Na Hàm.

Kẻ tu hành kia từ địa ngục này tinh tấn tu hành hơn nữa để chứng được quả A La Hán. Đầu tiên thấy sự sanh diệt và hiện thấy như ban đầu đã nói. Hiện ra việc tu hành như thấy đạo rồi. Nương vào các căn lực để giác ngộ. Như thế mà phân biệt chân lý. Kẻ kia như vậy hướng đến việc đoạn trừ sắc dục và vô sắc dục cũng như ngã mạn, điều tiết, vô minh, dư phiền não và vô dư phiền não.

Từ kẻ tọa thiền kia chứng được quả A La Hán. Kẻ kia quán thấy đạo, quán thấy quả Niết Bàn. Quán về đoạn trừ phiền não. Vị Tỳ Kheo ấy thành A La Hán. Diệt lậu tận đã gây ra và lập nguyện đến diệu nghĩa và đoạn trừ các kết sử. Chánh trí giải thoát lia 5 phần 6 phần, thành tựu một thủ hộ. Chẳng phải chết vì bị ràng buộc. Ngoại trừ chân lý cùng mất. Lòng tin không nhiễm, sự suy nghĩ nương vào thân, hành thiện giải thoát, tâm thiện giải thoát, trí huệ phạm hạnh đã lập. Trở thành kẻ trượng phu tốt nhất trong trượng phu, được đệ nhất sở đắc. Đây chính là trừ sân nhuế vậy.

Kẻ qua khỏi bờ, kẻ lia phiền não, kẻ vô kết ngại. Kẻ được thánh thiện, kẻ không còn gánh vác, kẻ chẳng tương ưng, là Sa Môn, Bà La Môn, kẻ đã tắm gội xong, kẻ qua khỏi Vĩ Đà, kẻ Bà La Môn tối thượng. Kẻ A La Hán, kẻ thoát khỏi, kẻ giải thoát, kẻ hàng phục, kẻ tịch tĩnh, kẻ làm cho yên tĩnh. Chính là lời nói tổng quát về A La Hán.

Đối với Tu Đà Hoàn từ đây sanh lên, chẳng thể tạo sự siêng năng, dùng 3 loại được thấy 3 loại Tu Đà Hoàn. Một đến 7 lần sanh vào nhà Tu Đà Hoàn. Một lần sanh Tu Đà Hoàn và đối với kẻ thuần căn sanh. Chính là 7 lần lui tới cõi thiên. Đây chính là những Tu Đà Hoàn còn sự khổ của nhà nhà. Hoặc 2 lần sanh hoặc 3 lần sanh vào nhà kia rồi qua lại tạo ra khổ biên. Một lần sanh Tu Đà Hoàn này làm cho sanh ra người, tạo ra chỗ khổ.

Nếu kẻ Tu Đà Hàm mà từ sự sanh này hướng thượng chẳng sanh ra siêng năng thì thời gian đến, trong đời này tạo ra sự khổ. Nếu A Na Hàm từ đời này trở đi, chẳng tạo ra sự siêng năng thì từ đây khi mạng chung, sanh nơi Tịnh Cư. Kẻ kia vì do các căn lanh lợi, dùng 5 loại để thấy, thành 5 A Na Hàm, chính đó là Bát Niết Bàn, sanh vào Bát Niết Bàn, chẳng làm Bát Niết Bàn, hành Bát Niết Bàn, rồi vãng sanh về cõi trời A Già Ni Sát. Đây là gọi tên Niết Bàn trung gian vậy. Chưa đến được chỗ rốt ráo, chỉ là trung gian. Nương vào thọ mạng và lúc ấy trừ các kiết sử thô thiển, làm cho khởi lên Thánh Đạo, sanh Bát Niết Bàn, vượt qua khỏi thọ mệnh trung gian, để trừ những kết sử thô thiển rồi sanh ra, làm cho khởi lên Thánh Đạo. Chẳng hành Bát Niết Bàn, vô dị hành, vì trừ những kiết sử thô thiển rồi làm cho khởi lên Thánh Đạo. Hành Bát Niết Bàn là có làm khác đi, vì để trừ những kiết sử thô thiển, làm cho khởi lên Thánh Đạo. Kế đó sanh vào cõi trời A Già Ni Sát. Từ đây chẳng phiền não, khi mệnh chung không sanh vào chỗ bất nhiệt. Từ cõi bất nhiệt mệnh chung, sẽ qua cõi Thiện Kiến. Từ cõi Thiện Kiến mệnh chung sẽ sanh về cõi Thiện Hiện. Từ cõi Thiện Hiện mệnh chung sẽ sanh về cõi trời A Già Ni Sát. Đối với A Già Ni Sát vì trừ những kiết sử thô thiển mới khởi lên Thánh Đạo. Đó là cõi trời Bất Phiền có thọ mạng 10.000 kiếp. Bất Nhiệt thiên có thọ mệnh 20.000 kiếp. Thiện Kiến thiên có thọ mạng 40.000 kiếp. Thiện Hiện thiên có đời sống 80.000 kiếp. A Già Ni Sát thiên có thọ mạng 160.000 kiếp.

Nơi tứ địa thành thứ 5. Người ở cõi thứ 5 này là A Già Ni Sát 4 cõi còn lại chẳng có kẻ thượng lưu. Như thế nơi kia thành ra 24 loại người khác. A La Hán đã đoạn tất cả phiền não vô dư vậy. Chẳng trở thành nguyên nhân của sự hiện hữu về sau này. Vì không, nên A La Hán miễn thọ hình mệnh này. Đây là làm cho hành diệt và khổ đoạn, chẳng khởi ra khổ nữa. Đây gọi là khổ biên. Cho nên nói kệ như thế này.

Giống như dập sắt nóng

Hỏa tinh rơi vào nước
Lần lượt thành tịch diệt
Cõi kia chẳng thể rõ
Như thế chánh giải thoát
Độ được đục cột ràng
Cho đến vô động lạc
Cõi kia chẳng rõ biết.

Hỏi: Với đây có vị nói rằng: Lần lượt tu đạo và lần lượt đoạn trừ phiền não, lần lượt phân biệt chân lý ?

Đáp: Hoặc là 11, hoặc dùng 8, hay dùng 4, đạo trí ấy tạo ra việc chứng quả.

Hỏi: Sao lại đối với sự thấy này chẳng tương ưng ?

Đáp: Nếu lần lượt tu hành, lần lượt đoạn trừ phiền não thì sẽ lần lượt tác chứng. Đây có nghĩa là lần lượt chứng quả. Có thể vui cùng đạo quả tương ưng vậy. Nếu chưa có thể vui thì một quả Tu Đà Hoàn cũng thành sao ? Nếu như thế thì chẳng thể vui. Lần lượt tu đạo, lần lượt đoạn trừ phiền não lại cũng như vậy. Lại nữa qua lần thứ 2, nếu thấy khổ và thấy chỗ khổ, rồi đoạn trừ phiền não, diệt đoạn xong rồi có thể vui. Do đó thấy khổ rồi, thấy chỗ khổ rồi, đoạn trừ phiền não xong rồi thì mới tác chứng Tứ Phần Tu Đà Hoàn quả. Sự tác chứng ấy nên vui. Vì phương tiện để thành vậy. Như vậy là khả lạc tác chứng. Tứ phần Tu Đà Hoàn, Tứ phần là 7 lần sanh, 4 phần gia gia sanh, 4 phần 1 lần sanh, 4 phần trụ ở nơi quả. Với những điều chẳng tương ưng này như thế chẳng thể vui. Dùng sự thấy khổ, thấy chỗ khổ, đoạn phiền não, đã đoạn chưa ? Đây là điều không tương ưng. Lại lần lượt trải qua lần thứ 3. Nếu thấy khổ, thấy chỗ khổ và chỗ đoạn trừ phiền não, chỗ vui thì đây là hiện thấy khổ. Tứ phần Tu Đà Hoàn đạo trụ, tứ phần tín hạnh, tứ phần pháp hạnh, thành có thể vui, chẳng thấy ngoài 3 chân lý. Nếu chỗ này vui ở nơi Tứ Tu Đà Hoàn Đạo thì thành Tứ tín hạnh, thành tứ pháp hạnh. Đối với điều này chẳng tương ưng. Nếu như thế thì chẳng thể vui. Lấy sự thấy khổ, thấy chỗ khổ và trừ phiền não.

Lại nữa phải trải qua lần thứ 4. Lại cũng chẳng tương ưng. Nếu hiện thấy đạo, thành ra việc hướng đến sự thấy đạo ấy để thành trụ quả. Đây có thể vui là lấy sự hiện tại thấy khổ để làm chỗ hướng về. Dùng sự thấy ấy, nên thành trụ quả. Nên có thể vui. Vì thấy một loại vậy. Nếu như thế thì có thể vui hướng đến và trụ quả thành ra nhiều. Đối với điều này, đây là chỗ chẳng tương ưng. Nếu như thế thì chẳng thể vui. Hiện thấy đạo, trở thành chứng. Lấy sự thấy đạo, thành trụ nơi quả. Đây lại cũng chẳng tương ưng.

Lại nữa qua lần thứ 5, nếu thấy đạo tác chứng quả mà chưa thấy khổ, tập, diệt, khi thành tác chứng quả có thể vui vậy. Dùng sự thấy khổ tập, khổ diệt là vô ngã.

Lại nữa qua lần thứ 6; nếu dùng 12 hay là 8 hay là 4 đạo trí tác chứng Tu Đà Hoàn quả có thể vui. Dùng sự tác chứng này hoặc 12, hoặc 8, hoặc 4 thì Tu Đà Hoàn quả nên trở thành chỗ có thể vui, trở thành Đạo Trí vô quả. Nếu như thế có thể trải qua các địa mà thành vậy. Đối với việc này, đây chẳng tương ưng. Nếu như thế có thể vui. Hoặc dùng 12, hoặc dùng 8, hoặc dùng 4, Đạo Trí tác chứng Tu Đà Hoàn quả sao ? Đây lại cũng chẳng tương ưng.

Lại qua lần thứ 7. Hoặc 12, hoặc 8, hoặc 4 đạo trí làm cho khởi lên 1 quả Tu Đà Hoàn có thể vui thì điều này lại chẳng tương ưng. Nhiều việc khởi lên một quả như nhiều quả Âm Bà làm cho sanh ra một quả.

Hỏi: Nếu lấy một trí một sát na, chẳng trước chẳng sau, thành ra phân biệt Tứ Đế. Một trí sẽ thành 4 loạn kiến thủ. Nếu dùng sự thấy khổ thành thấy Tứ Đế. Tứ Đế thành khổ đế.

Nếu 2 nghĩa này không có điều này, thì chẳng tương ưng. Một sát na dùng 1 trí, chẳng trước chẳng sau, thành ra phân biệt Tứ Đế ?

Đáp: Chẳng phải 1 trí mà thành 4 việc thấy chấp ấy. Lại cũng chẳng phải Tứ Đế thành khổ đế. Kẻ tọa thiền duy từ đầu tiên là Tứ Đế rồi nhiều tướng và một tướng, như phía trước đã phân biệt rồi.

Lúc bây giờ dùng Thánh hạnh khổ đế như tướng này, làm chỗ thông đạt, rồi thành thông đạt tứ đế. Như thế tướng Tứ Đế này dày như nghĩa thành một tướng. Như ngũ âm nhiều tướng. Một tướng là tiền phân biệt làm sắc âm. Dùng vô thường để thấy ngũ âm, vô thường lại là thường. Thấy vô thường chẳng phải sắc âm làm ngũ âm. Như thế nhập giới; như thế đối với việc này có thể rõ. Đối với tán pháp này có thể rõ. Như vậy quán giác, hỷ, thọ địa căn. Giải thoát phiền não, chánh thọ hai định. Đối với quán đây là 2 quán. Đó là thiên quán và táo quán (quán về việc khô ráo).

Hỏi: Thế nào là thiên quán ?

Đáp: Đã được định rồi lấy định lực để hàng phục những trần cái, gọi là so sánh phân biệt sắc quán, thấy thiên phần. Xa Ma Tha là đầu tiên. Rồi tu Tỳ Bà Xá Na. Còn táo quán nghĩa là phân biệt lực để hàng phục những triền cái. Dùng sắc để so sánh phân biệt, gọi là thấy quán các hành. Tỳ Bà Xá Na là đầu tiên. Sau đó tu hành Xa Ma Tha. Sự giác ngộ ấy là táo quán. Sơ thiên và quán, quán đạo và quả, thành hữu giác. Đối với Tam Thiên Tỳ Bà Xá Na cho đến tánh trừ, thành hữu giác. Đạo và quả thành vô giác. Đối với giác địa đạo, thành bát phần đạo. Đối với vô giác địa, thất phần trừ tư duy.

Hỷ là táo quán được khổ hạnh. Đầy đủ Tỳ Bà Xá Na với tương tự trí, thành chẳng khổ khởi tánh trừ đạo và quả cùng khởi lên niềm vui. Táo quán được lạc hạnh đầy đủ. Ở nơi nhị thiên Tỳ Bà Xá Na và đạo quả cùng khởi lên niềm vui. Đối với đệ tam thiên; đối với đệ tứ thiên Tỳ Bà Xá Na đạo và quả chẳng cùng khởi lên niềm vui.

Đối với con đường hỷ địa và quả bảy giác phân khởi. Đối với không, hỷ địa, lục bồ đề giác. Trừ hỷ bồ đề giác. Thọ nghĩa là táo quán được khổ hạnh. Đầy đủ Tỳ Bà Xá Na cho đến trí tương tự. Cùng với xả khởi lên tánh. Trừ đạo và quả cùng khởi lên hỷ. Táo quán được lạc hạnh đầy đủ. Đối với tam thiên Tỳ Bà Xá Na đạo quả cùng hỷ khởi lên. Đối với đệ tứ thiên Tỳ Bà Xá Na đạo quả cùng xả khởi lên. Địa đây chính là nhị địa. Kiến địa và tư duy địa. Đối với con đường Tu Đà Hoàn, đây là kiến địa. Ngoài ra Tam Đạo, Tứ Sa Môn quả là tư duy địa. Chưa thường thấy làm cho thấy nên gọi là kiến địa. Thấy như thế, tu như thế là tư duy địa. Lại nữa nhị địa, giác địa, chẳng giác địa. Đối với đây là Tứ Đạo, Tam Sa Môn quả học địa. A La Hán quả vô học địa. Căn ở đây nghĩa là 3 đời xuất thế gian căn. Những gì chưa biết, ta sẽ biết về căn. Khi rõ căn rồi thì rõ biết căn này. Với đây là Tu Đà Hoàn đạo trí. Đầu tiên chưa biết làm cho biết, thành vị trí trí. Tam đạo trí, tam quả trí rõ biết pháp này liền rõ biết căn A La Hán quả trí vô dư. Rồi rõ pháp này và rõ biết căn này. Giải thoát, nghĩa là Tam Giải Thoát. Đó là vô tướng giải thoát, vô tác giải thoát và không giải thoát. Với đây là đạo tương tự với trí. Chẳng tác tướng tức là vô tướng giải thoát. Chẳng tác nguyện tức là vô tác giải thoát. Chẳng tác chấp tức là không giải thoát. Lại nữa với 3 giải thoát này dùng quán để thấy thành ra các loại đạo. Dùng được thành nơi một con đường.

Hỏi: Thế nào là dùng sự quán để thấy thành ra các đường khác ?

Đáp: Đó là quán thấy sự vô thường thành giải thoát vô tướng. Dùng quán thấy khổ, thành vô tác giải thoát. Dùng quán thấy vô ngã, thành không giải thoát.

Hỏi: Thế nào là dùng quán thấy vô thường thành vô tướng giải thoát ?

Đáp: Dùng vô thường hiện ra để tác ý. Dùng diệt các hạnh mà khởi tâm, thành đa giải thoát. Được tín căn và 4 căn. Chủng loại kia như thật trí tướng. Chủng loại kia là tất cả các hạnh, thành vô thường khởi lên làm cho khởi tướng sợ hãi. Từ tướng hành sanh ra trí, từ

tướng tâm khởi. Đối với vô tướng, tâm vượt khỏi. Dùng vô tướng giải thoát tâm được thoát. Như thế dùng quán vô thường thành vô tướng giải thoát.

Hỏi: Thế nào là quán thấy khổ thành vô tác giải thoát ?

Đáp: Dùng khổ hiện tại để tác ý. Dùng sự sợ hãi về các việc làm để tâm khởi lên, trở thành tâm nhiều tịch tịnh. Được định căn và tứ căn. Những loại ấy do như thật trí sanh. Dùng những loại kia tất cả các hành thành khổ sở kiến. Lấy sự sợ hãi sanh ra, làm cho trí khởi sanh, từ sanh tâm khởi. Đối với vô sanh, tâm vượt qua. Dùng vô tác giải thoát, thân được thoát. Như thế dùng quán thấy khổ, thành vô tác giải thoát.

Hỏi: Thế nào là quán thấy vô ngã, trở thành không, giải thoát ?

Đáp: Dùng vô ngã hiện ra sự tác ý. Lấy không để khởi lên các hành và tâm thành ra nhiều sự yếm ác, được huệ căn và trí căn. Chúng loại kia như thật biết tướng và sanh ra. Dùng chúng loại kia tất cả các pháp, thành vô ngã có thể thấy được. Dùng sự sợ hãi làm cho khởi lên tướng và sanh ra. Nương vào tướng và chỉ có sanh trí khởi. Từ tướng ấy và sanh tâm, thành ra xa lìa. Đối với vô tướng thì vô sanh diệt và tâm Niết Bàn khởi lên. Lấy không giải thoát thân được thoát. Như thế dùng quán thấy vô ngã thành không giải thoát. Như vậy thành Tam Giải Thoát. Dùng quán thành nơi nhiều con đường.

Hỏi: Thế nào là dùng được Tam Giải Thoát để thành nơi một đường ?

Đáp: Đó là được vô tướng giải thoát, thành được Tam Giải Thoát. Tại sao người này dùng vô tướng? - Tâm này được giải thoát mà giải thoát kia đã làm rồi, lấy chấp vào cái này được vô tác giải thoát. Tam Giải Thoát thành chỗ được. Vì sao mà lấy sử tạo tác của tâm này được thoát và dùng giải thoát. Kẻ kia dùng tướng dùng chấp được không giải thoát. Tam Giải Thoát lại cũng được. Vì sao mà điều này dùng tâm chấp để được thoát ? - Dùng giải thoát là dùng tướng và dùng tác. Như thế được Tam Giải Thoát rồi thành nơi một đạo.

Hỏi: Giải Thoát và giải thoát môn có gì sai biệt ?

Đáp: Duy chỉ con đường trí kia. Từ phiền não thoát ra nên gọi là giải thoát. Dùng người với nghĩa của cửa Đề Hồ gọi là giải thoát môn. Lại nữa giải thoát là chỉ có trí đạo. Việc ấy chính là Niết Bàn. Đây nghĩa là giải thoát môn. Còn phiền não có 134 loại phiền não. Như thế 3 bất thiện căn, tam mịch, trí lậu, tứ kết, tứ lưu, tứ ách, tứ thủ, tứ ác thú hạnh, ngũ cái, lục tránh căn, thất sử thể gian, bát pháp, cửu mạn, thập phiền não xứ, 10 bất thiện nghiệp đạo, thập kết, thập tà biên, thập nhị điên đảo, thập nhị bất thiện tâm khởi.

Đối với điều này 3 bất thiện căn đó chính là tham sân si, dùng 2 đường thành chỗ kém, dùng A Na Hàm thì vô dư diệt. Tham sân si chính là 3 đường tội nặng, mà A La Hán đạo phải trừ diệt.

Tam mịch nghĩa là: Dục mịch, hữu mịch và Phạm hạnh mịch. Đối với điều 3 Phạm hạnh mịch này dùng Tu Đà Hoàn đạo vô dư diệt. Dục mịch nghĩa là lấy A Na Hàm đạo diệt. Hữu mịch nghĩa là dùng A La Hán đạo diệt.

Tứ lậu có nghĩa là: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu và vô minh lậu. Đối với kiến lậu này dùng Tu Đà Hoàn đạo diệt. Dục lậu lấy A Na Hàm đạo diệt. Hữu lậu và vô minh lậu dùng A La Hán đạo diệt.

Tứ kết có nghĩa là: Tham dục thân kết; sân nhuế thân kết; giải đạo thân kết; thử để chấp thân kết. Đối với giới đạo thân kết này và Đế chấp thân kết dùng Tu Đà Hoàn đạo diệt. Sân nhuế thân kết dùng A Na Hàm đạo diệt. Tham thân kết dùng A La Hán đạo diệt.

Tứ lưu có nghĩa là: Dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu.

Tứ ách có nghĩa là: Dục ách, hữu ách, kiến ách và vô minh ách như ban đầu đã nói về diệt.

Tứ thủ nghĩa là: Dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã ngữ thủ. Đối với thủ thứ 3 dùng Tu Đà Hoàn đạo để diệt. Dục thủ lấy A La Hán đạo diệt.

Tứ ác thú hạnh gồm có: Dục ác thú hạnh, sân ác thú hạnh, bố úy ác thú hạnh, si ác thú hạnh. Bốn điều này dùng Tu Đà Hoàn đạo diệt.

Tứ khan là: Trụ xứ khan (keo kiệt), lợi dưỡng khan, sắc khan, pháp khan. Đây là 5 loại dùng A Na Hàm đạo diệt.

Ngũ cái là: Dục dục, sân nhuế, giải đãi, thù miên, điều mạn nghi. Đối với sự nghi này là dùng Tu Đà Hoàn đạo diệt. Dục dục sân nhuế mạn lấy A Na Hàm đạo diệt. Giải đãi điều lấy A La Hán đạo diệt. Thù miên thì tùy theo sắc.

Lục tránh căn gồm: Phẫn, phục, tật, siểm ác, lạc kiến, xúc. Dùng Tu Đà Hoàn đạo diệt. Phẫn phúc tật, dùng A Na Hàm đạo để diệt.

Thất sử nghĩa là: Dục nhiễm sử, sân nhuế sử, mạn sử, kiến sử, nghi sử, hữu dục sử, vô minh sử. Đối với kiến sử, nghi sử này dùng Tu Đà Hoàn đạo diệt. Dục nhiễm sử, sân nhuế sử dùng A Na Hàm đạo diệt. Mạn sử, hữu sử, vô minh sử dùng A La Hán đạo diệt.

Thế gian bát thế pháp nghĩa là: Lợi, suy, hủy (chê bai), dự (khen), xưng (ca ngợi), cơ (ché giễu), khổ, lạc. Đối với 4 điều bất ái xứ sân nhuế dùng A Na Hàm đạo để diệt. Đối với 4 ái xứ sử thì dùng A La Hán đạo để diệt.

Cửu mạn có nghĩa là: Từ kia hơn ngã thắng sanh mạn; cùng với hơn ngã đẳng sanh mạn; Từ hơn ngã hạ sanh mạn. Từ đẳng ngã thắng sanh mạn. Từ đẳng sanh mạn. Từ dưới ngã thắng sanh mạn; Từ dưới ngã đẳng sanh mạn. Từ dưới ngã hạ sanh. Cửu mạn ấy dùng A La Hán đạo để diệt.

Thập não xứ gồm: Tham, sân, si, mạn, kiến, nghi, giải đãi, điều, vô tầm, vô quý. Đối với sự thấy nghi này dùng Tu Đà Hoàn đạo diệt. Sân nhuế dùng A Na Hàm đạo diệt. Ngoài ra 7 loại kia dùng A La Hán đạo diệt. Thập não xứ nghĩa là người này đối với những gì ta đã làm, đang làm và sẽ làm không có nghĩa là sanh ra não phiền. Chỗ ta yêu nhớ về người và người kia đã làm, hiện làm và đương (sẽ ?) làm. Chẳng có nghĩa là sanh ra sự phiền não. Chỗ mà ta chẳng yêu người kia thì người kia đã làm, hiện làm và sẽ làm là đối với phi xứ san ra nhớ nghĩ. Thập não xứ lấy A Na Hàm đạo để diệt.

Thập bất thiện đạo là: Sát sanh, trộm cướp, tà hạnh, vọng ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, ý ngữ, tham sân, tà kiến. Đối với sự sát sanh, trộm cướp tà hạnh, vọng ngữ, tà kiến dùng Tu Đà Hoàn đạo để diệt. Ác khẩu, lưỡng thiệt, sân dùng A Na Hàm đạo diệt. Ý ngữ, tham dùng A La Hán đạo diệt.

Thập sử gồm: Dục nhiễm sử, sân nhuế sử, mạn sử, kiến sử, nghi sử, giới thủ sử, hữu nhiễm sử, tật sử, khan sử, vô minh sử. Đối với kiến, nghi, giới thủ sử thì dùng Tu Đà Hoàn đạo diệt. Dục nhiễm, sân nhuế, tật, khan, sử dùng A Na Hàm đạo diệt. Mạn, hữu nhiễm, vô minh sử dùng A La Hán đạo diệt.

Thập tà biên gồm: Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mệnh, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, tà giải thoát. Đối với tà kiến, tà ngữ, vọng ngữ nghiệp, tà mệnh, tà trí, tà giải thoát

thì dùng Tu Đà Hoàn diệt. Tà tư duy, tà ngữ, ác ngữ, lưỡng thiệt dùng A Na Hàm đạo diệt. Tà ngữ, ý ngữ, tà tinh tấn, tà niệm, tà định dùng A La Hán đạo diệt.

Thập nhị điền đảo gồm: Đối với vô thường thì điền đảo tướng là thường, tâm điền đảo thấy điền đảo. Như thế mà khổ vui. Đối với bất tịnh tướng là tịnh. Đối với vô ngã tướng là ngã. Đối với vô thường này điền đảo nghĩa là có 3 thường. Đối với vô ngã tướng là ngã, ba điền đảo. Đối với bất tịnh tướng là tịnh do sự thấy điền đảo. Đối với sự khổ cho là vui. Vì thấy điền đảo. Dùng Tu Đà Hoàn đạo để diệt. Đối với bất tịnh cho là tịnh, là do tâm điền đảo tướng điền đảo, dùng A Na Hàm đạo để diệt. Đối với sự khổ cho là vui là do tâm điền đảo tướng điền đảo, dùng A La Hán đạo diệt.

Thập nhị bất thiện tâm khởi gồm: Cùng vui cùng khởi kiến tương ưng; vô hành tâm khởi, hữu hành tâm khởi, cùng với hỷ khởi thấy chẳng tương ưng; vô hành tâm khởi, hữu hành tâm khởi cùng với xả khởi thấy không tương ưng. Vô hành tâm khởi, hữu hành tâm khởi cùng với ưu khởi lên tương ưng với sân nhuế. Vô hành tâm khởi, hữu hành tâm khởi cùng với điều khởi tâm và cùng với nghi khởi tâm. Đây là 4 sự thấy tương ưng do tâm khởi lên. Cùng với nghi khởi tâm lên lấy Tu Đà Hoàn đạo diệt. Cùng với 2 khởi tâm lên, lấy 2 đạo thành chỗ yếu kém, dùng A Na Hàm đạo vô dư diệt. Bốn sự thấy của tâm không tương ưng khởi lên và điều cùng khởi lên với tâm khởi, dùng 3 đạo thành chỗ yếu kém. Dùng A La Hán đạo vô dư diệt.

Nhị chánh thọ có nghĩa là: Nhị chánh thọ ấy chẳng cùng với phàm phu cùng với quả thành tựu tướng thọ diệt chánh đạo.

Hỏi: Thế nào là quả chánh thọ? Vì sao gọi là quả chánh thọ, ai tu, ai làm cho khởi lên? Vì sao tu? Tu những gì? Vì sao mà tác ý? Cái kia thành tựu từ duyên gì? Bao nhiêu duyên trụ lại, bao nhiêu duyên khởi lên. Đây là chánh thọ thể gian hay là xuất thể gian vậy?

Đáp: Quả chánh thọ chính là Sa Môn quả. Tâm được an trụ nơi Niết Bàn. Đây nghĩa là quả chánh thọ. Vì sao gọi là quả chánh thọ? - Đó là phi thiện, phi bất thiện, phi xuất thể đạo và do quả báo mà thành. Đây chính là quả chánh thọ. A La Hán và A Na Hàm đối với định này tạo ra đầy đủ. Lại còn nói tất cả thánh nhơn được làm cho khởi lên như A Tỳ Đàm đã nói: Vì được Tu Đà Hoàn đạo, trừ sanh gọi là tánh trừ. Như thế tất cả. Lại nói tất cả thánh nhơn thành tựu ở nơi định này và tạo ra đầy đủ. Duy làm cho kia khởi. Như Trưởng Lão Na La Đà nói. Này các Tỳ Kheo! Như Trưởng Lão đây ở nơi núi rừng khi lấy nước thì chẳng dùng dây. Lúc ấy có người đến và trời nóng nên khát nước, người kia thấy giêng, biết là có nước mà kẻ kia chẳng dùng tự thân của mình để biết, như thế ta Trưởng Lão có diệt làm Niết Bàn, như thật chánh trí thiện kiến. Ta chẳng phải A La Hán lậu tận. Vì sao mà làm cho khởi lên được?

Đáp: Vì hiện thấy pháp lạc trú nên khởi, như Đức Thế Tôn đã dạy Ngài A Nan: Lúc ấy Ngài A Nan đối với Đức Như Lai không tác ý về tất cả các tướng, duy chỉ có một thọ diệt, tâm vô tướng định làm cho khởi lên trụ. Lúc ấy Ngài A Nan thành thân Như Lai an ổn và si sao mà làm cho khởi lên?

Đáp: Kẻ tọa thiền kia nhập vào tịch tịnh rồi đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm vui với quả chánh thọ vừa được; tạo ra sự sanh diệt nơi chỗ thấy. Đầu tiên quán về các hành cho đến tánh trừ trí. Tánh trừ trí không gián đoạn. Đối với quả Niết Bàn làm cho an ổn. Nương vào nơi thiền này thành con đường để tu vậy. Thiền này thành chỗ tạo tác. Đây nghĩa là quả chánh thọ. Thế nào là tác ý?

Đáp: Vô vi đề hồ giới lấy sự yên lặng mà tác ý. Cái kia sẽ thành tựu bao nhiêu duyên; bao nhiêu duyên trụ; bao nhiêu duyên để khởi?

Đáp: Chánh thọ kia có 2 duyên. Đó là bất tác ý tất cả các tướng và đối với vô tướng giới tác ý. Ba duyên để trụ gồm bất tác ý tất cả các tướng; đối với vô tướng giới tác ý và sơ hành 2 duyên cùng khởi. Tác ý tất cả tướng và vô tướng giới bất tác ý. Định này có phải là định thế gian hay xuất thế gian ?

Đáp: Đây là xuất thế định thọ. Chẳng phải là phi thế gian chánh thọ.

Hỏi: Người A Na Hàm vì quả định mà hiện quán. Vì sao tánh trừ vô cách. A La Hán tạo chẳng sanh ?

Đáp: Vì là chẳng phải chỗ vui vậy. Chẳng sanh quán thấy. Vì vô lực vậy? Đây là đối với 2 loại thắng quả có thể rõ biết, thành hữu đạo và tánh trừ quả. Hiện tác chứng đạo không gián đoạn quả hiện, thành không đạo và tánh trừ quả. Thành nhập quả định, thành vô đạo và tánh trừ quả. Từ diệt định khởi, thành vô đạo vô tánh trừ quả.

Hỏi: Thế nào là tướng thọ diệt chánh thọ? Ai làm cho khởi, có bao nhiêu lực thành tựu, làm cho khởi bao nhiêu hạnh sở trừ? Làm cho khởi bao nhiêu việc đầu? Khởi nghĩa là gì? Vì sao lại khởi? Sao lại từ kia khởi? Dùng tâm nào để khởi? Dùng khởi tâm gì là chỗ dính mắc? Có bao nhiêu xúc sở xúc? Vì sao lại sơ khởi các hành? Người chết và kẻ nhập diệt tướng thọ định sai biệt nhau như thế nào? Định này là hữu vi hay vô vi ?

Đáp: Chẳng sanh tâm, tâm số pháp. Đây nghĩa là diệt tướng thọ định.

Ai đã làm cho khởi định này ?

Đáp: A La Hán và A Na Hàm. Đối với định này đã đầy đủ.

Ai chẳng khởi lên ?

Đáp: Kẻ phạm phu và Tu Đà Hoàn, Từ Đà Hàm và người sanh ở cõi vô sắc giới. Đối với đây chẳng phải là cảnh giới vậy. Kẻ phạm phu chẳng nên khởi phiền não, chướng ngại định, vì chưa đoạn vậy. Tu Đà Hoàn, Từ Đà Hàm chưa nên khởi thì liền làm cho khởi lên, chẳng phải là chỗ này vậy. Nhập vô sắc giới chẳng nên khởi.

Có bao nhiêu lực thành tựu làm cho khởi ?

Đáp: Lấy 2 lực thành tựu làm cho khởi. Đó là Xa Ma Tha lực và Tỳ Bà Xá Na lực. Đối với Xa Ma Tha lực này do bất định được tự tại. Đối với Tỳ Bà Xá Na lực do nơi tự tại tùy theo 7 quán.

Thế nào là 7 tùy quán ?

Đó là quán về vô thường, quán về vô khổ, quán về vô ngã, quán về yếm hoạn, quán về vô nhiễm, quán về xuất ly. Xa Ma Tha lực là diệt thiên phần và vì chẳng động giải thoát. Tỳ Bà Xá Na lực là thấy sanh quá hoạn (lo lắng) và vì vô sanh giải thoát.

Có bao nhiêu hạnh là chỗ trừ làm cho khởi định ?

Đáp: Dùng trừ tam hạnh làm cho khởi định. Đó là khẩu hạnh, thân hành và ý hành. Đối với đây nhập nhị thiên, giác quán khẩu hạnh, thành sở trừ. Nhập đệ tứ thiên hơi thở vào ra là thân hành, thành sở trừ. Người nhập diệt tướng thọ định thì tướng thọ tâm hành thành sở trừ.

Đầu tiên có bao nhiêu việc ?

Đáp: Đầu tiên có 4 việc. Sự trói buộc chẳng loạn, xa phân biệt, quán sự phi sự. Đây tên là một sự trói buộc. Bát, Cà Sa một xứ, mang theo, chẳng loạn. Đây là phương tiện sở hữu. Thân này nguyện chưa sanh loạn thọ tri. Viễn phần biệt là xung tụng thân lực này. Dùng số ngày để phân biệt thọ tri. Đối với thời kỳ xa xôi sẽ khởi lên. Quán sự phi sự nghĩa là chưa tới thời để phân biệt; hoặc chúng tăng vì sự hòa hợp dùng tiếng kia, ta sẽ khởi thọ tri nơi một sự

trói buộc này. Vì giữ gìn Cà Sa nên chẳng loạn và phân biệt xa xôi. Vì bảo hộ thân. Quán sự phi sự là vì không phùng chúng tăng hòa hợp, trụ vô sở hữu xứ; hoặc sơ tác nhập sơ thiên.

Vì sao lại làm cho khởi ?

Đáp: Vì hiện pháp lạc trú vậy. Đó là Thánh như tối hậu vô động định, lại vì khởi thân thông nhập vào quảng định. Như Trưởng Lão chánh mệnh A La Hán. Vì bảo hộ thân như Trưởng Lão Xá Lợi Phất, như Trưởng Lão Bạch Lộ Tử Đề Sa. Vì sao làm cho khởi nghĩa là kẻ tọa thiền kia nhập vào trụ tịch tịnh; hoặc tọa; hoặc ngoạ. Lạc diệt ý lạc, diệt nhập sơ thiên. Nhập rồi an tường mà xuất. Chẳng gián đoạn, thấy thiền kia vô thường, khổ, vô ngã. Cho đến hành xả trí. Như đệ nhị thiền, đệ tam thiền và đệ tứ thiền; hư không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ. Nhập rồi an tường mà xuất. Chẳng gián đoạn sự thấy chánh định, vô thường, khổ, vô ngã cho đến hành xả trí. Lúc ấy chẳng gián đoạn nhập vào phi tướng phi phi tướng xứ. Từ kia hoặc 2 hoặc 3 làm cho khởi lên phi tướng tâm. Khởi rồi làm cho tâm diệt, tâm diệt rồi chẳng sanh và chẳng hiện nhập. Đây nghĩa là nhập diệt tướng thọ định.

Sao lại từ kia khởi?

Kia chẳng phải như thế mà tác ý, ta sẽ khởi rồi đến lúc đầu tiên, chỗ tạo tác phân biệt thành.

Vì sao tâm lại khởi ?

Nếu người A Na Hàm thì dùng A Na Hàm quả để tâm khởi. Nếu người A La Hán thì dùng tâm A La Hán để khởi.

Khởi rồi tâm kia dính mắc vào cái gì ?

Đáp: Tâm chuyên duyên vào sự tịch tịnh.

Có bao nhiêu xúc sở xúc ?

Đáp: Có 3 loại xúc sở xúc. Dùng không xúc, vô tướng và vô tác xúc.

Vì sao sở khởi các hạnh ?

Từ kia thân làm, từ kia khẩu làm.

Người chết và người nhập diệt tướng định có gì sai biệt ?

Kẻ chết thì 3 việc kia mất không còn gì nữa nơi mạng sống; đoạn hơi ấm, đoạn các căn và đoạn nhập. Người thọ tướng định 3 việc làm ấy đoạn; nhưng thọ mệnh không mất; hơi ấm chẳng mất, các căn không khác. Chính đây là sự sai biệt.

Vì sao định này hữu vi và vô vi ?

Đáp: Khó thể nói đây là định hữu vi hay vô vi.

Hỏi: Tại sao định này không thể nói là hữu vi hay vô vi ?

Đáp: Hữu vi pháp đối với định này không có. Vô vi pháp vào ra khó thể biết. Cho nên chẳng thể nói là định này hữu vi hay vô vi.

Giải thoát phân biệt chân lý Phẩm thứ 12 xong.

Đối với phẩm này có một số nhân duyên cho giới đầu đà, định, cầu bạn lành. Phân biệt hạnh, hành xứ, hành môn, 5 thân thông. Phân biệt huệ 5 phương tiện. Phân biệt chân lý. Đây là 12 phẩm. Đây là giải thoát đạo phẩm lần lượt như thế.

Vô biên, vô xung bất khả tư
Vô lượng thiện tài, thiện ngữ ngôn
Ư thử pháp trong thùy năng tri
Duy tọa thiền nhơn năng thọ trì
Vi diệu thắng đạo vi thiện hạnh
Ư giáo bất hoặc, ly vô minh

Nghĩa:

Không biên, không xung khó thể giữ
Vô lượng tài lành, ngôn ngữ lành
Với đây pháp ấy ai thể biết
Chỉ kẻ tọa thiền hay thọ trì
Vi diệu thắng đạo là hạnh lành
Lời ấy chẳng sai, lìa vô minh.

Luận Về Con Đường Giải Thoát Hết quyển thứ 12

Dịch kinh công đức khó nghĩ lường
Vô biên thắng phước đều hồi hướng
Khấp độ chúng sanh trong pháp giới
Đều được vãng sanh về Cực Lạc.

Dịch xong vào ngày 28 tháng 6 năm 2006 tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, nhân ngày sinh nhật thứ 58 tổ chức tại chùa và khi 10 bông hoa quỳnh đều nở rộ để chào đón một quyển luận đã được dịch xong trong mùa An Cư Kiết Hạ năm Bính Tuất này.